



Vla-di-mia Bra-ghin
Ở xứ Cỏ Rậm

Vla-di-mi-a Bra-ghin



Ở xứ Cỏ Rậm



Nhà xuất bản Cầu vồng
Ma-xcơ-va
1988

In theo bản dịch của Nhà xuất bản Kim Đồng Hà Nội

Người biên tập: *Lê Anh Hiến*

В. Брагин

В СТРАНЕ ДРЕМУЧИХ ТРАВ

На вьетнамском языке

© Bản dịch tiếng Việt, Nhà xuất bản cầu Vồng, 1988

In lại Liên Xô

ISBN 5-05-001790-4

Scan: 4DHN

Đánh máy: lemontree123 và 4DHN

Tạo ebook: 4DHN

Từ “phỏng sinh học” (bionic^[1]) xuất hiện trong thời gian tương đối gần đây, nó đặc trưng cho quá trình tìm tòi của trí tuệ con người. Quá trình ấy được thể hiện quan hệ giữa nhà sinh vật học và người kỹ sư dưới một dạng mới.

Bây giờ, trong khoa học, trong sách và tạp chí khoa học, thường gặp hơn các từ “bằng sáng chế của thiên nhiên”, “bằng sáng chế của loài côn trùng”. Những từ đó nói lên rằng kỹ thuật, qua việc nghiên cứu sinh vật học, với sự đa dạng và tính độc đáo và các cơ chế của nó sẽ được phong phú lên về nhiều mặt.

Ở Liên Xô và cả nước ngoài nữa, có không ít cuốn sách nói về các nhân vật đã sống và đi du lịch ở vương quốc các loài sâu bọ.

Nhưng tôi không hề biết là trước cuốn “Ở xứ Cỏ Rậm” được ấn hành năm 1948 ở Liên Xô đã có khi nào đó một cuốn sách được viết ra không theo thể bút ký mà dưới hình thức một câu chuyện thi vị được nhà văn trình bày. Như thế không tận dụng thế giới của “bằng sáng chế” của loài sâu bọ trong lĩnh vực kỹ thuật.

Trong sách này, tác giả V. Bra-ghin triển khai và chỉ rõ dưới hình dáng độc đáo được lựa chọn, mối quan hệ giữa cơ chế những sinh vật của xứ Cỏ Rậm (loài sâu bọ) và khoa học kỹ thuật.

Và bằng cách đó, V. Bra-ghin, với tư cách là nhà văn lần đầu tiên trong văn học Xô-viết, diễn đạt cái ý niệm cao cả vốn trong “phỏng sinh học”.

Tác giả đã thu nhỏ các nhân vật trong truyện gấp 100-200 lần, và cho chúng ta thấy cuộc sống mà trước đó chúng ta đã lơ đi không thấy - đó là cuộc sống của các loài côn trùng: kiến, ong, ong vẽ, bướm, bọ hung, bọ rệp, cũng như các loài nhện cư trú ở xứ Cỏ Rậm. Ở đó có một con suối nhỏ, dưới con mắt các nhân vật trong tiểu thuyết biến thành một con sông lớn - Đại Tỉnh Giang.

Số phận của nhân vật chính trong tiểu thuyết. Xéc-gây Đum-sép, là Rô-bin-xơn^[2] của xứ Cỏ Rậm, số phận đó rất bi thảm. Song tác giả đã miêu tả một cách có sức thuyết phục và văn vẻ rằng nhân vật đó đã quen dần với xứ Cỏ Rậm, có thể bằng trí tuệ của mình, chiến thắng những bản năng của cư dân xứ này. Và suốt thời gian ở đây, anh ta tuy trong tình trạng hết sức nguy hiểm, song vẫn tiếp tục công việc tìm tòi, phát minh, sáng chế. Tinh thần lạc quan đó quán triệt cả thiên tiểu thuyết.

Cuốn sách của V. Bra-ghin chứa đựng những tài liệu hiểu biết to lớn, trong đó đã đề cập hàng loạt vấn đề sinh vật học nói chung, đồng thời ngẫu nhiên nói về nhiều điều lý thú trong lịch sử kỹ thuật.

Tác giả sắp xếp tài liệu sinh vật học và kỹ thuật một cách thành thạo trong quá trình của cuốn tiểu thuyết, bằng cách đó, đã làm cho người đọc hiểu rõ sự liên hệ hữu cơ giữa các khoa học khác nhau.

Đây là một kinh nghiệm quý báu đối với các tác giả khác muốn sáng tác trang lĩnh vực truyện khoa học.

Những cuốn sách được viết trên tinh thần đó sẽ giúp cho người đọc bồi dưỡng quan điểm duy vật về thiên nhiên.

Mong rằng bạn đọc quý mến, sau khi đọc xong cuốn sách này, sẽ có thái độ thận trọng hơn đối với thiên nhiên và sẽ có con mắt chăm chú hơn để theo dõi đời sống thiên nhiên, vì thiên nhiên, những bài học, những lời nhắc nhở, những “bằng sáng chế” của nó sẽ không bao giờ cạn.

Xứ Cỏ Rậm... Những sinh vật lạ lùng chiếm hữu xứ này.

Có loài, trong khi đi săn, biết bắt mỗi một cách chắc chắn, đến nỗi con mồi không thể cử động, cứ như dở sống dở chết.

Có loài được trang phục như thế nào đó mà kẻ địch, dù ở bên cạnh, cũng không nhìn thấy được. Chúng như biến thành một vật tàng hình.

Một số cư dân trong xứ này, hàng chục năm sống bí mật đến mức ta không thể tưởng tượng được là chúng tồn tại thật. Nhưng sau đó chúng đổi cách sống, xuất hiện trong một thời gian ngắn rồi tiêu vong.

Các cư dân ở xứ này biết định hướng đi tới những đích xa hàng chục ki-lô-mét.

Ở đây cũng có trường hợp những sinh vật muốn thoát một người khách không mời mà đến thành phố của chúng, lao tới nó và như xây bít nó vào trong tường.

Có bao nhiêu vật liệu để xây nhà ở xứ này. Có nhà làm bằng gỗ, có nhà làm bằng giấy và lụa, bằng xi-măng và lá cây. Ở xứ này biết sản xuất các-tông và chỉ, biết làm vông và đồ gốm, làm sáp, bông và rượu cồn...

Những cuộc phiêu lưu của con người đến xứ này đã được miêu tả bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau và trong nhiều thời gian khác nhau.

Cách đây đã lâu, trong cuốn sách “Ở xứ Cỏ Rậm” này, tôi đã kể về số phận của một con người, Xéc-gây Đum-sép, sống ở xứ này gần 40 năm và về chuyện ông ta đã trở về thành phố Chen-xơ của mình như thế nào.

Mấy năm sau, tôi nhận được nhiều thư từ của bạn đọc, trong đó họ góp nhiều ý kiến hay và những nhận xét về một số chỗ chưa chính xác trong câu chuyện của tôi về xứ Cỏ Rậm.

Thế xứ đó là xứ gì? Nó ở đâu? Tôi sẽ kể về nó, dựa vào chứng kiến của những người đã từng ở xứ đó. Song câu chuyện này sẽ hơi bất thường đôi chút...

PHẦN THỨ NHẤT

BỘ HOA CỦA NGƯỜI KHÁC

LÊN ĐƯỜNG THÔI!

“Tất nhiên mặt trời chẳng cần gì đến con người, nhưng người lại luôn luôn có chuyện dính dáng đến mặt trời. Hơn hai nghìn năm trước. Ê-ra-tô-xten^[3] nhờ có bóng mặt trời mà tính ra được đường xích đạo của trái đất dài tới 250000 xtát^[4], tức là khoảng 38000 véc-xta^[5]. Trong khi đó thì những miền trên trái đất mà lúc ấy ông biết được lại hết sức nhỏ hẹp!...

Tôi thử vạch lên bãi cát cái bản đồ thế giới thời Ê-ra-tô-xten: một bản đồ thế giới không có châu Mỹ, cũng chẳng có châu Úc, mà chỉ vền vện có những bờ biển ấm áp của Địa Trung Hải... nước Ba Tư... vùng Hắc Hải... Thế giới ấy nhỏ bé biết bao! Thế mà bỗng nhiên trước mắt Ê-ra-tô-xten lại là con số khổng lồ 250000 xtát. Tuy vậy, con số ấy không làm cho ông kinh sợ, trái lại nó còn kích thích những tìm tòi táo bạo, những ước vọng khám phá cái mới của ông. Thế giới ấy lớn lên dần dần theo từng bài tính của Ê-ra-tô-xten. Còn đối với tôi, thế giới lại lớn lên đột ngột. Chỉ phút chốc mà lớn gấp trăm, gấp hai trăm lần. Ôi, cái phút giây ấy thật là kỳ lạ, thật là khó hiểu!

...Hôm nay, tôi ngồi sắp xếp lại cái túi đi đường. Tôi bỏ vào đó cuốn nhật ký ghi chép những điều tôi đã quan sát và phát hiện được ở xứ này. Đường đi thật vô tận, và những chân trời góc bể mà tôi sẽ phải đi qua cùng với con vật chở đồ của tôi thật là mênh mông. Một nỗi lo lắng và kinh sợ tràn ngập tâm hồn tôi.

Hoàng hôn đã xóa nhòa những nét vẽ trên mặt cát. Phải đi ngủ thôi...”.

“Tôi viết nốt trang cuối cùng ghi số 2876 này vào lúc sáng sớm.

Hôm qua, khi bóng đêm đã trùm lên hình vẽ trên bãi cát, tôi còn ngắm mãi những vì sao. Không biết tại sao tôi lại nghĩ rằng những ngôi sao ấy sống thật cô đơn và buồn tẻ trên bầu trời. Tôi động lòng thương và nói với chúng: “Thôi, đừng buồn nữa!” Những ấu trùng chuồn chuồn di chuyển nhờ tia nước phun và theo nguyên tắc ấy, những chiếc pháo thăng thiên đã bay lên bầu trời vào những đêm hội lớn. Cũng nhờ phương pháp ấy, con người sẽ đưa con tàu vũ trụ của mình lên mặt trăng và tới các bạn, hỡi những vì sao xa xôi. Tiếng cười nói của con người sẽ làm cho các bạn vui hơn, ấm áp hơn. Sao? Các bạn ở xa lắm à? Không sao, con người nhất định sẽ bay tới các bạn! Ấu trùng chuồn chuồn là một động cơ phản lực sống! Tôi đã trông thấy nó hoạt động ở nơi đây. Đây mới chỉ là một trong những điều khám phá tôi đã ghi lại trong cuốn nhật ký mà tôi sẽ chuyển cho con người.

Tôi đẩy tảng đá chặn lối vào nhà và nói với các vì sao: “Chúc các bạn yên giấc!” Các vì sao dường như cũng sáng lên để đáp lời tôi và thậm chí còn nhấp nháy hàng mi dài nữa. Hôm nay, tôi đặt thêm tờ giấy này vào cuốn nhật ký. Tôi thấy lòng thanh thản, không chút lo âu. Con vật tải đồ đã buộc cần thận. Đi-giôn-van... Đi-giôn-van... Tôi đi kiểm tra lại thời tiết theo phong vũ biểu Đi-giôn-van. Đến nơi, tôi lại tránh nghĩ tới Pô-li-va-nốp... Phong vũ biểu báo trước thời tiết sẽ tốt và ấm áp.

Lên đường thôi! Trong nhiều năm nay, chưa lần nào cái phong vũ biểu này đánh lừa tôi cả...”.

Giáo sư Ta-ra-xê-vích, hiệu trưởng Trường đại học sư phạm Chen-xơ, mỉm cười nói:

– Nội dung kỳ quặc của bài viết, chuyện nhắc đến loại phong vũ biểu lạ lùng, cũng như việc một người nào đó đã thu những dòng chữ ấy nhỏ lại đến mấy chục lần không biết để làm gì và không biết bằng cách nào, nhỏ đến nỗi khi đọc cho cô thư ký đánh máy lại nội dung lá thư, người ta đã phải dùng đến kính hiển vi có độ phóng cực lớn, tất cả những chuyện ấy rõ ràng làm cho ai cũng phải ngạc nhiên.

Ông hiệu trưởng vừa nói vừa ngắm nghía chiếc bao diêm đựng những mảnh giấy nhỏ xíu mang những dòng chữ li ti mà tôi đem đến cho ông.

– Vâng. Anh nói rằng anh thấy những tờ giấy tí xíu này nằm trong bó hoa mà người ta đã vô tình ném vào phòng anh ở khách sạn? Có phải như vậy không? Đây chỉ là chuyện đùa thôi! Rồi anh sẽ rõ. Tôi sẽ cho gọi sinh viên Pa-ven Bê-li-an-kin đến và anh ta sẽ giải thích tại sao anh ta lại dùng cái phương pháp kỳ lạ ấy và nội dung kỳ lạ ấy để trao đổi thư từ đùa nghịch với các bạn.

– Thế việc thu nhỏ những dòng chữ kia bằng máy ảnh cũng là chuyện đùa ạ?

– Chứ sao!

– Nhưng anh Pa-ven đã không nhận rằng mình đã viết và chụp ảnh những tờ giấy kia.

– Pa-ven nói như vậy à? Nói với anh? Trước mặt các sinh viên khác à?!

– Vâng, đúng như thế!

– Hừ, anh thử hình dung xem... Anh là người lạ đột nhiên đến đây. - Giáo sư Ta-ra-xê-vích nói một cách chậm rãi, vừa khẽ gõ gõ ngón tay lên mặt bàn, vừa nhìn tôi vẻ hơi châm biếm. Hình như anh là một người hoạt động văn học từ Ma-xơ-va tới? Trong khi nhà trường đang yên tĩnh thì tự nhiên anh đến! Anh đến với bó hoa và chiếc vỏ diêm đựng những trang giấy nhỏ viết toàn chuyện tưởng tượng và những tình cảm kỳ quái của Pa-ven. Cho nên trách gì anh chàng chẳng luống cuống và vội vã chối rằng không viết.

– Nhưng trong lá thư chúng ta vừa đọc chẳng có chỗ nào có ý đùa nghịch, khôi hài, mà lại có một câu chuyện xúc động kể về một cuộc hành trình, về Ê-ra-tô-xten và một con vật chở đồ nào đó nữa...

– Đúng thế, thật là lạ. Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng chính Pa-ven đã viết và dùng máy ảnh thu nhỏ những dòng chữ ấy. Để đùa thôi! Tôi cho gọi anh ta ngay bây giờ. - Ông hiệu trưởng mở cửa gọi: - Chị I-ri-na... Xin lỗi. - Ông quay lại phía tôi: - Chị I-ri-na đi vắng. Tôi sẽ cho sinh viên đi gọi anh ta.

Ông hiệu trưởng nói rồi đi luôn.

Ngoài hành lang vang lên tiếng gọi: “Anh Pa-ven, lên thầy hiệu trưởng gặp!... Anh Pa-ven lên thầy hiệu trưởng gọi!”.

NIỀM VUI RẠO RỰC

Đầu đuôi câu chuyện này ra sao? Ở Chen-xơ này, tôi chỉ là một khách qua đường. Lẽ ra tôi phải mua vé tàu thủy để đi tiếp đường biển tới một thị trấn nghỉ mát, thế mà bây giờ tôi lại ở đây, ngồi trên chiếc ghế bành bọc da trong phòng ông hiệu trưởng trường đại học sư phạm. Lẽ ra lúc này, trước mắt tôi là sóng biển nhấp nhô, thì ở đây chỉ có ánh

lấp lánh của những tấm kính lắp trên cánh cửa tủ sách, lẽ ra là khoảng trời bể mênh mông thì ở đây lại là tấm rèm cửa đã bạc màu. Tôi ngồi chờ anh sinh viên Pa-ven và ông hiệu trưởng Ta-ra-xê-vích để làm gì nhỉ? Ông hiệu trưởng, một người tóc đã bạc, tính tình điềm đạm, từng trải, chắc là rất chan hòa với các sinh viên và luôn luôn hiểu biết cặn kẽ mọi chuyện trong trường.

Không biết ông sắp quay lại chưa?

...Trong mấy ngày đêm vừa qua ở Ma-xcơ-va, những chuyện tất bật lo lắng cho kết quả của vở kịch tương lai đã làm tôi mệt nhừ. Ngồi trên xe lửa ba ngày đêm ròng rã, sau đó tôi đã dừng tại ở Chen-xcơ để chuyển sang đi tàu thủy.

Xe lửa tới đây sáng sớm hôm qua. Tôi đi thẳng từ ga ra bến tàu, hỏi ngày giờ tàu thủy cập bến. Người ta trả lời:

– Ông phải đợi! Tuyến đường ông đi, ngày mai mới có tàu.

Tôi quay vào thăm thành phố, ăn bữa trưa rồi đi khách sạn.

Từ phố chính, tôi đi ngang qua những cửa hàng có kính sáng loáng dưới mái che bằng vải thô, rồi rẽ vào một ngõ hẻm chạy từ trên núi xuống.

Ngõ được rải nhựa. Nhựa đường nóng và bụi bốc lên khét lẹt. Nhưng mùi hoa mộc tê thảo ngọt ngào, mùi hoa thủy đường mai nhẹ nhàng man mác, mùi hoa hồng nồng đượm từ những mảnh vườn nhỏ trong phố cứ theo sát mỗi bước chân tôi.

Ở đâu đó nghe có tiếng cửa ngân vang và những tiếng rìu bỗ xuống chan chát.

Ngôi nhà hai tầng của khách sạn có lẽ đã xây từ lâu lắm, trông có vẻ chắp vá. Tầng dưới bằng đá, tầng trên bằng gỗ. Ở tầng một hẳn là trước đây có hai quán hàng của hai chủ khác nhau, vì có hai cửa ra vào từ hai phía dẫn lên tầng trên. Giờ đây mọi người vào khách sạn bằng một cửa, phía trên có biển đề “Làn sóng”. Còn cái cửa kia chắc hẳn là dẫn vào các căn hộ.

Trong hành lang sáng sủa của khách sạn có một cô gái đang ngồi ở bàn. Tôi nhìn thấy đường ngôi rẽ thẳng và mớ tóc tết quăn hai vòng quanh đầu. Cô ta cúi gằm xuống quyển sách.

– Có thể thuê phòng được không cô?

Mắt không rời cuốn sách, cô ta nói:

– ”Xin chàng tha lỗi, Ét-mông... xin chàng vì em... vì tình yêu của em đối với chàng mà tha lỗi!”.

– Tôi không phải là Ét-mông, không phải là bá tước Mông-tê Cri-xtô,^[6] - tôi nói với cô gái đang đọc sách.

– “Phẩm giá của người phụ nữ có chồng đã ngăn lại được sự bùng nổ của một con tim đã tan nát”, - cô gái đọc lên thành tiếng rồi lấy ngón tay trỏ đặt lên dòng chữ. Cô nhìn tôi: - Xin lỗi, tôi không sao có thể ngừng được.

– Còn phòng cho thuê không cô?

– “Trán nàng cúi xuống gần tới nền nhà”.

– Tôi cần thuê phòng ở một ngày một đêm. Ngày mai tôi đã đi.

– “Bá tước lao về phía nàng...”.

Tôi xách va-li lên, quay ra phía cửa định bỏ đi, mặc cho cô gái đọc cuốn tiểu thuyết “Bá tước Mông-tê Cri-xtô” của Duy-ma, nhưng lại hỏi:

– Còn phòng cho thuê không cô?

Cô gái nhắc lại:

– “Bá tước lao về phía nàng...” - rồi đưa tay ra bức tường có treo một cái tủ nhỏ để có

cánh tủ bằng kính để ngỏ.

Trong tủ có treo những chìa khóa mang số. Cô thường trực vẫn không rời mắt khỏi cuốn sách, nhấc một chiếc chìa khóa xuống đưa cho tôi rồi nói:

– Anh hãy khai theo tờ giấy này - đó là việc thứ nhất. Hãy nộp tiền - đó là việc thứ hai. Còn việc thứ ba... vâng... “Trời ơi, em gọi chàng là Ét-mông, cố sao chàng lại gọi em là Méc-xê-đét?”.

– Nhưng xin lỗi nàng Méc-xê-đét, tôi có phải là bá tước Mông-tê Cri-xtô đâu...

– Vâng, - cô gái chăm chú nhìn tôi rồi thở dài, - sao anh lại là bá tước Mông-tê Cri-xtô được... Nếu anh định ở lại khách sạn quá hai mươi bốn tiếng đồng hồ thì anh nhớ báo trước đấy.

Tôi còn muốn nói thêm, hỏi thêm vài điều nhưng vô ích - cô thường trực khách sạn lại dầm đuối trong cuốn sách.

Tôi cầm chìa khóa đi theo cái hành lang dài.

Trong phòng có tủ để quần áo, một cái bàn có khăn phủ trắng, có chỗ rửa mặt, mấy cái ghế dựa. Sàn nhà sạch bóng.

Tôi mở cửa sổ, tì khuỷu tay nhìn ra ngoài. Bên kia là những ngôi nhà nhỏ, những ô cửa bé, vuông vắn có rèm mỏng. Cánh cửa khoét lỗ hình quả tim.

Mấy cụ già ngồi dưới hàng hiên. Tôi không nghe rõ các cụ nói chuyện gì, nhưng rõ ràng là câu chuyện của các cụ khê khà, kéo dài không dứt. Lời lẽ chắc là giản dị, mộc mạc... Các cụ nói chuyện gì nhỉ?... Chuyện làm món cà tím rán cho cay, phơi nhỏ thế nào là khéo, có những thuốc gì trị được bệnh đau ở vùng thắt lưng, mà biết đâu các cụ chẳng đang phàn nàn thời tiết xấu, trời cứ mưa mãi mà chẳng được mấy ngày nắng ráo.

Tôi làm sao mà đoán trước được rằng tại đây, ở thành phố này, vào năm 19... trong một buổi tối mùa hè yên tĩnh, chỉ ít phút nữa thôi là tôi sẽ trở thành người tham gia vào những sự kiện mà sau này chính tôi cũng khó có thể tin rằng đây là những chuyện có thật.

Một đôi thanh niên nam nữ từ góc phố bước ra. Họ đi thong thả, rất thong thả, dường như để có thể ở bên nhau được lâu hơn. Họ im lặng, chắc là họ sắp nói với nhau những lời thiêng liêng nhất. Họ cứ ngập ngừng mãi rồi dừng lại ngay dưới cửa sổ phòng tôi. Tôi nghe tiếng cô gái nói:

– Cảm ơn anh Pa-ven, đến nhà em rồi. Anh xem, cây đa mẹ anh cho em độ nào bây giờ đã lớn thế kia rồi.

Có lẽ cửa sổ phòng cô gái ở ngay cạnh cửa sổ phòng tôi nên khi cô ta chỉ cây đa, tôi có cảm tưởng như cô ta nhìn thẳng vào tôi.



– Lê-na! Tôi muốn nói với cô...

Lê-па cười:

– Anh có biết em đang nghĩ điều gì không? Em đang nghĩ đến những điều kỳ diệu?

Cây đa trên cửa sổ buồn em kia, một cây đa bình thường mọc trong chiếc chậu sành, thế mà nhìn nó, em bỗng nghe thấy được cả tiếng sột soạt của những con rắn bò dưới gốc nó trong vùng rừng rậm, em nhìn thấy được cả những mảng lưng xám của con voi mẹ đang rẽ đám đa cùng chú voi con... Anh Pa-ven! Anh biết không, những cây đa kia không phải là mọc trong chậu, trên thành cửa sổ buồn em mà là mọc trong những cánh rừng nhiệt đới, dù cho là một lúc nào đó người ta đã đem chúng từ đó về đây. Pa-

ven... Anh Pa-ven, mỗi loài cây là cả một thế giới bí mật, cả một điều kỳ diệu.

– Tôi hiểu rồi... Hiểu rồi... sự thụ phấn,,

– “Sự thụ phấn”! Ôi, chán lắm! Nhụy hoa, phấn hoa... Thế còn màu sắc? Còn hương thơm thì sao? Ở ngoại thành có bao nhiêu là hoa!... Anh sống ở đây, thế mà chẳng bao giờ có được một bó hoa cho em...

– Anh bao giờ cũng vội vã để có được nhiều thì giờ ở bên em... Thành ra chẳng còn lúc nào mà hái nữa... Tôi vẫn muốn, vẫn muốn nói với cô...

Pa-ven xưng hô với Lê-na lúc là “anh”, lúc là “tôi” và gọi Lê-na lúc là “cô”, lúc là “em”.

– Anh còn nhớ không... hồi còn mùa đông... Hôm trời nổi bão tuyết... Anh cũng vẫn nói: “Lê-na, tôi muốn nói với cô...”.

– Hồi ấy tôi chưa nói gì...- Pa-ven trả lời, - vì tay cô lúc ấy lạnh cóng và tôi chỉ muốn mau chóng để cô sưởi ấm đôi tay bên bếp lò...

– Thế bây giờ không có bão tuyết cản trở nữa thì sao anh không nói đi?

– Khi chỉ có một mình, anh đã nói với em rất nhiều.

– Nhưng lúc ấy em không nghe thấy.

– Tôi đã bao lần viết cho cô những lá thư rất dài, rất dài.

– Nhưng em không nhận được những lá thư ấy.

– Tôi đã không gửi. Tôi sợ chúng ta cùng học một trường đại học, hàng ngày nhìn thấy nhau mà lại... viết thư...

– Lê-na, về ăn cơm con ơi! - từ cửa sổ phòng bên có tiếng người gọi.

– Mẹ, con về ngay bây giờ đây!... Thôi tạm biệt... Em đợi thư kỳ lạ và hoa, những bông hoa đồng nội ấy. Một bó thật to!

Một lát sau, tôi đã nghe thấy tiếng người nói và tiếng bát đĩa lanh canh ở bên kia vách gỗ.

Trời tối dần. Tôi vẫn còn đứng mãi bên cửa sổ.

Những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời. Trong bóng đêm, tiếng còi tàu cất lên trầm trầm nghe khác hẳn ban ngày.

Từ xa vẳng đến tiếng hát, tiếng chân bước của người qua đường, tiếng cười từ những ô cửa sổ treo rèm. Tôi nghĩ đến hạnh phúc của người khác, đến niềm vui thường làm tâm hồn ta rạo rực.

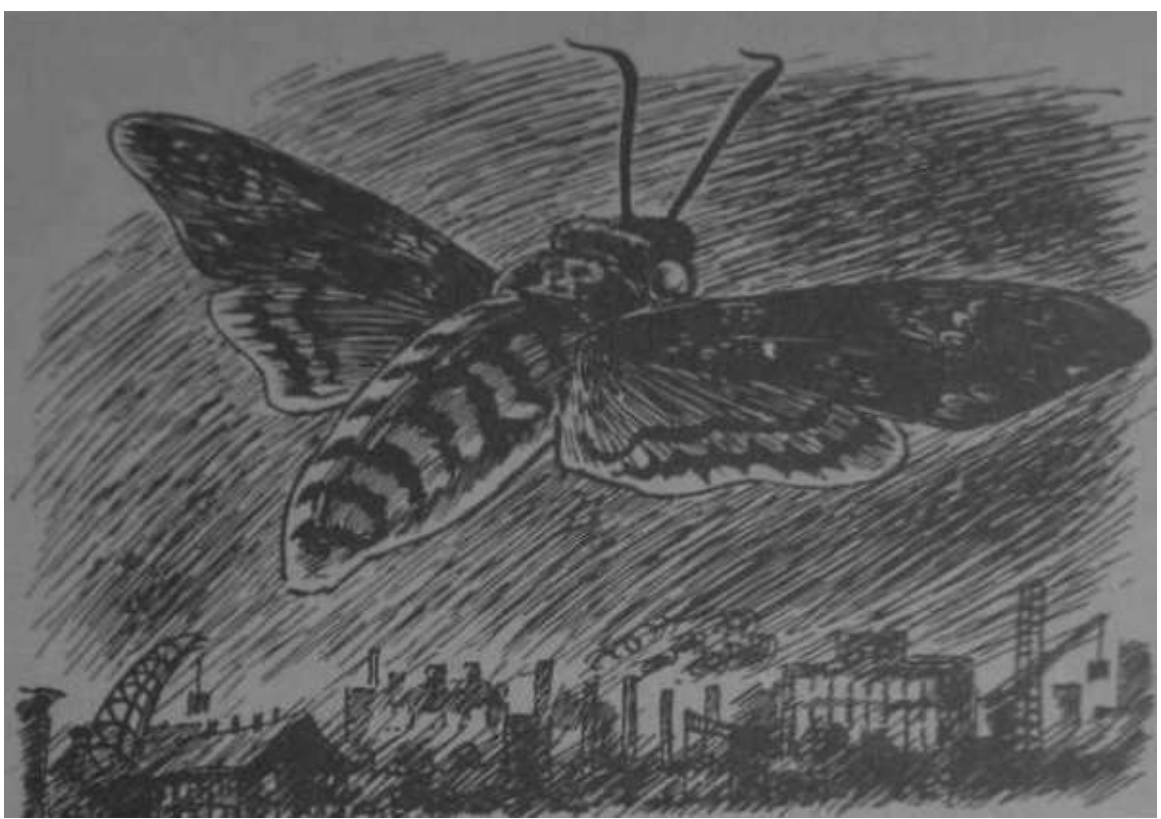
Tôi bỗng cảm thấy hình như mình biết thành phố này từ lâu lắm, cả căn phòng này cũng rất quen thuộc, và vào một lúc nào đó đã được nghe một chuyện rất giống với câu chuyện giữa Pa-ven và Lê-na. Có lẽ vì có lúc tôi cũng đã tiễn chân người thân, như Pa-ven, trong lòng chan chứa niềm vui và xúc động. Muốn nói rất nhiều mà vẫn lặng im. Viết thư rồi, nhưng lại không gửi...

Tôi bật ngọn đèn bàn. Một con bướm to bay vào cửa sổ. Nó bay quanh bàn rồi đậu lên chao đèn. Tôi khẽ tóm lấy con bướm rồi đến bên cửa sổ:

– Bay đi nhé, ông khách khuya của tôi!

Con bướm bay đi rồi lại bay đến ngọn đèn, đậu lên chỗ cũ.

Tôi lại tóm nhẹ lấy nó và nghe thấy tiếng kêu chít chít khe khẽ. Tôi nhìn kỹ con bướm: lưng nó có những đường vân màu vàng, đôi cánh trước có hoa màu đen và nâu. Tôi lại đi ra cửa sổ. Bay đi! Và con bướm bay mất.



Thành phố yên ngủ. Xung quanh lặng lẽ như tờ. Bỗng từ phòng bên, nơi Lê-na ở, vang lên tiếng dương cầm: một bản nhạc du dương quen thuộc. Chưa hết bài, tiếng đàn đã đột nhiên dừng lại. Không biết vì người chơi đàn quá buồn bã, hay vì chợt nhớ đến điều gì đó mà đắm mình vào dòng suy nghĩ. Tôi muốn chờ đợi tiếng đàn lại cất lên nhưng không đợi được. Đẹp thay khi anh còn trẻ và tuổi trẻ chưa qua đi. Hạnh phúc thay cho Lê-na đang chờ đợi những bông hoa... và cho Pa-ven khi hái chúng, lòng đầy xúc động, đem chúng đến và đưa tận tay cho cô. Còn tôi đã đến lúc phải đi ngủ.

Đèn phòng bên vụt tắt: vuông ánh sáng cửa sổ in trên hè phố biến mất. Tôi tắt đèn phòng mình, và gần như ngay lúc ấy có tiếng chân người vội vã trên hè phố. Một người nào đấy đang gần như chạy. Tiếng chân dừng lại và một vật gì đó bay vào cửa sổ phòng tôi, rơi xuống sàn. Tiếng chân mất đi rất nhanh. Tôi bật đèn: một bó hoa! Tôi lập tức đoán ra ngay và vội chạy đến cửa sổ:

– Pa-ven! Pa-ven!...

Đường phố vắng tanh.

Tôi kiếm một chiếc bình, rót đầy nước rồi thận trọng đặt bó hoa của người khác vào đó. Bó hoa của người khác!

BÓ HOA CỦA NGƯỜI KHÁC

Trời sáng. Mặt trời chói chang, những tia nắng vàng nháy nhót trên tường và trên khuôn cửa. Đàn chim ríu rít bay qua trước cửa sổ. Trên bàn có chiếc ấm tròn. Tiếng còi tàu xa xa cất lên lúc này nghe sảng khoái, vui vẻ làm sao.

Bó hoa Pa-ven đã hái và ném nhâm phòng tươi tắn nhìn tôi. Những bông tầm xuân đỏ rực bên những chùm lưu ly màu xanh da trời.

Cần phải sang phòng bên trả lại bó hoa cho đúng chủ nó.

Tôi nhẹ nhàng nhắc bó hoa lên, khẽ rung cho nước rót vào bình. Và bỗng... hai mẫu

giấy nhỏ từ bó hoa bay xuống tấm khăn trải bàn. Cái gì vậy? Tôi thắc mắc tự hỏi và xem kỹ mẫu giấy. Trên mỗi mảnh giấy tí xíu ấy có những dòng chữ li ti. Thư? Tôi chợt nhớ đến câu chuyện nghe được chiều qua dưới cửa sổ: - “Tôi đã bao lần viết cho cô những lá thư rất dài, rất dài”. - “Nhưng em không nhận được những lá thư ấy”. - “Tôi do dự...” - “Em đợi thư kỳ lạ và những bông hoa đồng nội”.

Dùng kính lúp cũng khó có thể đọc được lá thư này. Nhưng dù cho tôi có kính lúp đi nữa tôi cũng chẳng bao giờ đi đọc thư người khác. Tôi nhặt những mảnh giấy bỏ vào một bao diêm. Phải trao tất cả lại cho cô ta...

Sang phòng Lê-na, tôi được biết cô đã đến trường. Để hoa lại chẳng? Nhưng biết nói làm sao, giải thích làm sao về chuyện bó hoa này ai gửi tôi? Lại còn những mẫu giấy này nữa chứ, biết thu xếp sao đây? Thế là tôi đến trường đại học sư phạm.

Thật chẳng ra thế nào cả: lần mò giữa một thành phố lạ, tay ôm bó hoa của người khác, miệng hỏi thăm đường đến trường sư phạm, mắt nhìn tên phố và đầu óc thì suy nghĩ đến... tình yêu của người khác!

Chắc rằng Pa-ven đã thổ lộ mọi ý nghĩ và tình cảm trên những mảnh giấy tí xíu này. Nhưng anh ta làm thế nào nhỉ? Dùng máy ảnh chụp lại? Viết thư, chụp lại, thu nhỏ... bằng ấy việc nào phải ít công phu. Anh ta làm như mỗi chữ được thu nhỏ lại sẽ nói lên được chính xác hơn, êm ái hơn... Có lẽ nên chuyển những thứ này cho Pa-ven thì hơn là cho Lê-na.

Tôi đi xuyên qua một vườn cây rậm và bỗng hoảng hốt dừng lại: tôi có cảm giác là cái vỏ diêm trong đựng những bức thư cực nhỏ đã rơi mất. Nhưng không, nó còn đây!

Hẳn là mỗi lần gặp Lê-na, Pa-ven đều ngượng ngùng, nhút nhát: có một cái ngưỡng mà anh ta không dám bước qua.

Trường đại học đây rồi: những cánh cửa gỗ sồi đen bóng, những tay nắm bằng đồng sáng loáng dưới ánh mặt trời.

Tôi có tả thật tỉ mỉ cho ông lão thường trực về hình dáng Pa-ven, nhưng ông lão vẫn không sao xác định được là anh chàng Pa-ven nào. Trong trường này đâu phải có ít sinh viên mang tên Pa-ven!

Nếu không xác định được rõ ràng thì chỉ một lát nữa thôi là tôi có thể lâm vào một cảnh thật khó xử: năm - mười anh Pa-ven vây quanh, còn tôi thì chẳng biết đưa bó hoa cho ai. Làm sao bây giờ? Tôi bèn kể luôn cho ông lão rằng tôi đã trông thấy anh Pa-ven ấy hôm qua tiễn cô Lê-na về nhà. Ông lão lập tức nhận ra ngay:

- À, à, Pa-ven thì tôi biết, - giọng ông lão kéo dài.

Một phút sau, Pa-ven đã đứng trước mặt tôi. Tôi tự giới thiệu, còn chàng thanh niên cứ chăm chăm nhìn tôi với vẻ thăm dò.

- Bó hoa của anh đây. Tình cờ nó lại rơi vào phòng tôi ở khách sạn. Xin lỗi, hoa có héo mất một chút...

Anh sinh viên lóng ngóng đỡ lấy bó hoa, vẻ chưa hết ngạc nhiên.

- Có gì đâu ạ! Hoa thì phải héo thôi...

Tôi nghĩ thầm: “Lạ thật, không biết tại sao anh ta lại không thắc mắc gì đến chuyện lá thư nhỉ?”.

Tôi đưa chiếc vỏ diêm đựng thư cho Pa-ven:

- Thư của anh đây.

- Gì kia ạ? Thư nào?

Trong bó hoa mà anh ném vào phòng tôi có những lá thư chụp lại.

– Thư chụp lại?... Tôi không biết chụp ảnh.

Nhưng chính là những lá thư này nằm trong bó hoa của anh! Đúng là thư anh...

Nét mặt Pa-ven trở nên giận dữ. Không còn chút nào rụt rè, e thẹn như hôm qua lúc gặp Lê-na nữa. Anh ta nghi ngờ nhìn tôi:

– Xin ông đừng gán cho tôi những lá thư của người khác!

– Nhưng... Nhưng...

– Xin ông để cho tôi yên! Ông nên biết rằng... Thôi, chào ông!

Tôi không biết nói gì nữa. Tình cảnh của tôi lúc ấy thật trở trêu và buồn cười: trong phòng đợi tranh tối tranh sáng, tôi đứng sững sờ tay cầm chiếc vỏ diêm chìa ra, còn ở đằng góc kia, Pa-ven đang nhét vào thùng rác bó hoa mà tôi đã thận trọng đem đến.

Bỗng nhiên cửa phòng mở toang, một đám đông sinh viên ồn ào ùa vào. Rõ ràng là họ vẫn còn sôi nổi sau buổi phụ đạo và bây giờ thì tranh luận âm ỉ.

– Gì đấy Pa-ven?

Tôi nhận ra giọng Lê-na.

Tôi có trình bày lại đầu đuôi câu chuyện. Tất cả im lặng nhìn tôi bằng con mắt ngạc nhiên.

– Xin mời anh vào phòng làm việc, - một người có dáng điệu khoan thai bảo tôi. Các sinh viên giãn ra nhường lối cho ông.

Đó chính là những sự việc lạ lùng đã khiến tôi bây giờ lại ngồi đây trong phòng ông hiệu trưởng trường sư phạm là Ta-ra-xê-vích, chứ không phải là ngồi trên boong tàu lênh đênh ngoài biển. Tôi nhìn những mảnh giấy tí xiu đặt bên những trang giấy bình thường mà cô thư ký đã đánh máy lại nội dung của những lá thư. Người ta đã đọc được chúng nhờ kính hiển vi loại có độ phóng lớn.

Tôi ngồi đợi. Lát nữa, ông hiệu trưởng sẽ quay lại cùng với anh sinh viên Pa-ven, tác giả của những trang thư tí xiu kia. Anh ta sẽ nói rằng tất cả chỉ là chuyện đùa, chuyện riêng tư của anh ta, đúng như ông hiệu trưởng đã quả quyết. Tôi đợi họ đến rồi sau đó sẽ ra bến tàu cũng kịp.

BA CÂU HỎI CỦA GIÁO SƯ TA-RA-XÊ-VÍCH

Ông hiệu trưởng đặt chiếc vỏ diêm đựng thư và tờ giấy đánh máy nội dung lá thư ấy lên bàn trước mặt Pa-ven.

– Pa-ven, anh hãy trả lời ba câu hỏi của tôi. Câu hỏi thứ nhất: tại sao anh lại bày trò thu nhỏ những lá thư bằng máy ảnh như vậy? Câu hỏi thứ hai: tại sao anh cứ khẳng khẳng không chịu nhận những lá thư ấy và lại còn có thái độ bất nhã đối với người tốt bụng đem trả lại cho anh những lá thư kia? Còn đây là câu hỏi thứ ba: qua thư, rõ ràng là anh đang chuẩn bị một cuộc hành trình dài nào đấy. Tôi không phản đối du lịch, nhưng anh hãy nói xem cái phong vũ biểu Đi-giôn-van là cái gì thế?

– Thưa thầy, em không viết những lá thư ấy! Em đã nói ngay điều đó lúc ở phòng gửi quần áo.

– Sao lại thế được? Bó hoa của anh, thế mà những lá thư này lại của người khác?

– Thưa thầy, đúng là em đã hái hoa nhưng thư thì không viết. Hôm qua, em có viết một lá thư và định gửi nhưng không phải là những lá thư này. Đây, lá thư em viết đây a.

Nhưng em không thể đưa thầy xem vì... là chuyện riêng... - Pa-ven ngượng ngịu rồi im lặng.

Câu trả lời của Pa-ven lộ rõ vẻ chân thành của một thanh niên, anh ta chỉ lo người khác đọc lá thư mình viết cho Lê-na. Pa-ven đứng im lặng giữ chặt lá thư. Và ở đây tôi cũng lại thấy qua sắc mặt tái nhợt của anh một vẻ căm tức: tại sao có một gã ở đâu đến mà lại cứ muốn dính vào chuyện riêng người khác.

- Thôi, Pa-ven, anh có thể về được rồi, - ông hiệu trưởng nói.

Khi Pa-ven ra gần cửa thì Ta-ra-xê-vích không kìm được đã thốt lên:

- Làm sao những mảnh giấy lạ này lại có thể tự nhiên nằm trong bó hoa của một sinh viên trường tôi nhỉ?

Pa-ven dừng bước quay lại;

- Thưa thầy, chắc có người đánh rơi xuống hoa.

- Thế anh hái hoa ở đâu?

- Em hái ở gần cái nhà chòi bỏ hoang sau khu rừng nhỏ. Em hái vào lúc tối... Em đi nhờ xe qua đường đến đó và quay về. Ở đây còn có cơ sở thực phẩm của khu.

Khi Pa-ven đã đi ra và khép cửa lại, ông hiệu trưởng nói:

- Thế là rõ: không phải sinh viên trường chúng tôi đã đùa anh.

Giáo sư Ta-ra-xê-vích nhặt chiếc vỏ diêm và những mẫu giấy nhỏ xíu trên bàn, gập đôi bản sao nội dung những mẫu giấy kia rồi đưa cả cho tôi. Ông cười dịu dàng:

- Xin trả nguyên chủ.

Những dòng chữ “Ê-ra-tô-xten... ấu trùng chuồn chuồn... Đi-giôn-van”... lại đập vào mắt tôi. Phải chăng là một bản viết đã qui ước trước?

- Xin anh cho biết là trong mùa diễn này, Nhà hát nghệ thuật Ma-xơ-va sẽ cho ra mắt những vở mới nào?... Sao? vở của anh sẽ không diễn ở đó à? Thật đáng tiếc...

- Xin lỗi giáo sư, anh Pa-ven lúc này có nói là anh ta đã hái hoa ở cạnh một cái nhà chòi đổ nát nào đấy...

- Vâng, tôi hiểu. Tôi sẽ cử Pa-ven và một số sinh viên đến đấy.

- Để tìm những mảnh giấy khác trong đám cỏ?

- Để tìm xem ai đã đánh rơi những mảnh giấy ấy lên đám hoa dại. Các sinh viên thường đến đấy và chắc họ sẽ biết được ai là người đã đùa nghịch lạ lùng như vậy. Tiếc rằng tôi không có thời giờ để đi với họ. Đường đến đấy phong cảnh đẹp lắm, nó dẫn đến xóm nghỉ mát của các cán bộ khoa học gọi là xóm Lô-mô-nô-xốp^[7].

- Thế giáo sư có thấy chìa khóa của vấn đề là ở chữ “Đi-giôn-van” không?

- Đúng đấy, đúng đấy, tôi quên không nói với anh. Tôi đã đến bộ môn vật lý, nhưng họ đều bảo rằng chưa từng nghe ai nói đến phong vũ biểu Đi-giôn-van bao giờ. Có một cái gì đó không bình thường... Mà lẽ nào Nhà hát nghệ thuật lại không dựng loại kịch vui hiện đại hả anh?...

SUY NGHĨ VÀ HOÀI NGHĨ

Những hình vẽ trên tường của cái quán ăn nhỏ bé này trông thật lạ mắt.

Một con gấu trắng uốn mình trên tảng băng, không rõ vì sao mũi chạm vào cánh buồm nhọn hoắt của chiếc thuyền đang rẽ sóng trên mặt biển xanh. Trên những bức

tường khác là hình vẽ mấy chú bé ngồi xổm đang thả những chiếc thuyền giấy nhỏ theo dòng suối chảy xiết.

Trên trần, người ta gắn một cặp sừng sơn dương. Từ đó thông xuống những ngọn đèn có chao bằng giấy màu sắc sỡ.

Tôi ăn một món lạ bằng thịt với cà chua hầm, ngồi uống hết chén trà đặc này đến chén trà đặc khác và trầm ngâm suy nghĩ: “Đã ba ngày rồi mình chuẩn bị đi khỏi thành phố này nhưng không sao đi được”.

Pa-ven và các bạn anh đã tìm kiếm quanh cái nhà chòi xem có dấu vết gì của người đánh rơi những mảnh giấy kia không, đã dò hỏi dân địa phương, đã xem xét kỹ từng ngọn cỏ, từng bông hoa. Nhưng họ chẳng tìm thêm được cái gì, chẳng biết hơn được điều gì.

“Phải đi thôi!” - tôi tự chủ như vậy. Thành phố xinh xắn này thật đáng yêu, nhưng không thể ở đây để giải đáp cái câu đố mà một người nào đấy đã đưa ra. Phải đi thôi! Ngay ngày mai. Tuy nhiên có điều lạ là mặc dù tôi cũng đồng ý với giáo sư Ta-ra-xê-vích rằng những dòng chữ li ti kia chẳng qua chỉ là một trò đùa, nhưng tính chất nghiêm túc và giọng văn chân thành của những dòng chữ ấy vẫn bắt buộc tôi phải suy nghĩ tìm cho ra ý nghĩa đặc biệt của chúng, phải lần mò đến thư viện lục tìm sách báo tra cứu... Thế là mất mấy ngày. Tôi vẫn chưa rời khỏi thành phố này được. Tôi chờ đợi một cái gì đó. Tôi có cảm giác rằng, những trang giấy nhỏ xíu kia ẩn giấu số phận một người nào đó đang trải qua một cuộc hành trình gian khổ.

Kể ra người vào quán ăn tập nập. Mỗi người đều có cuộc đời riêng, số phận riêng của mình. Các nhạc sĩ ngồi trên bục cao chơi đàn. Họ đứng dưng nhìn người qua lại, nhưng điệu nhạc của họ chẳng dừng đọng chút nào. Âm thanh vang lên lúc vui, lúc buồn.

Qua lời lẽ trên những trang giấy nhỏ xíu kia, rõ ràng con người lưu lạc ấy đã trải qua một thời gian dài ở một đất nước xa lạ, đã khám phá được nhiều điều và ghi nhật ký.

Khi nói đến nhà bác học thời cổ Hy Lạp, ông ta đã viết rằng đối với Ê-ra-tô-xten, thế giới cứ dần dần lớn lên theo từng con tính của ông. Ê-ra-tô-xten sống cách đây rất lâu (từ năm 276 đến năm 194 trước công nguyên) đúng là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã xác định chiều dài của đường vòng quanh trái đất. Nhưng làm sao hiểu được: vì đâu mà thế giới và mọi vật bỗng vụt lớn lên một, hai trăm lần trước mắt tác giả những dòng nhật ký kia?... Lại còn Đi-giôn-van, cái phong vũ biểu Đi-giôn-van nữa chứ!

Tôi đã đánh điện cho Tra-ru-sin ở Ma-xcơ-va để hỏi về cái phong vũ biểu Đi-giôn-van ấy, song lạ thay mãi không thấy điện trả lời. Tra-ru-sin, người bạn cũ của tôi, có một hộp phiếu tuyệt diệu về các tên tuổi và thuật ngữ. Anh ta đã bắt đầu thu thập tài liệu để xây dựng hộp phiếu kia ngay từ khi còn học phổ thông, có thể nói rằng: chưa có một câu hỏi nào mà hộp phiếu kia của anh lại không giải đáp được.

Tra-ru-sin có tác phong luôn luôn chính xác và thận trọng. Anh rất mê hộp phiếu của mình. Anh có một qui tắc đáng quý: hễ có ai đặt vấn đề hỏi anh là anh lập tức gọi điện trả lời ngay hoặc viết thư hỏi lại nếu vấn đề chưa rõ ràng. Nhưng lần này, Tra-ru-sin vẫn im lặng. Không biết cái “phong vũ biểu Đi-giôn-van” của tôi có làm cho anh phải bật cười không?

Hôm nay, tôi đã đến thư viện lục tìm cặn kẽ tất cả sách tra cứu một lần nữa, nhưng vẫn không thấy chỗ nào nói đến phong vũ biểu Đi-giôn-van cả. Lạ thật, những dòng chữ kia lại dùng chữ “véc-xta” nhỉ? “38000 véc-xta”. Tại sao lại “véc-xta” chứ không phải ki-lô-mét? Như vậy có nghĩa là người viết phải là người đã nhiều tuổi và quên tính độ dài

bằng véc-xta theo lối cũ...

Hay có thể là những tờ giấy kia đã được viết từ nhiều năm trước?

Nhưng dù sao cũng rõ ràng là chúng được thu nhỏ bằng máy ảnh vào hôm trước ngày người ta thấy chúng trên những bông hoa.

Nếu không thì ngay trận mưa đầu tiên cũng đủ làm cho chúng trôi đi rồi.

Giáo sư Ta-ra-xê-vích nói rằng đấy là chuyện đùa của một người nào đó. Cũng phải đồng ý với ông thôi.

Quán ăn đã hết khách. Đèn đã tắt, các nhạc sĩ chơi đàn đã về từ lâu. Tôi vẫn ngồi bên bàn. Con gấu trắng trên tường nhìn tôi có vẻ như muốn hỏi: vẫn chưa đến lúc phải về hay sao?

Tôi vừa suy nghĩ vừa đi chậm chậm qua những phố xá ban đêm vắng vẻ. Làm sao mà đoán cho ra được nội dung những trang viết kia? Ai là tác giả của chúng?

Thành phố yên ngủ. Bóng đêm êm ả trùm lên phố phường.

Những cây dương hai bên đường đã từng chứng kiến biết bao điều, giờ đây cũng đang ru mình trong giấc ngủ mơ màng. Xung quanh vắng lặng. Không biết vì đâu tôi thấy lòng buồn rười rượi. Trong túi tôi là bao diêm đựng những tờ giấy kỳ lạ.

Tôi dừng lại thử nhẩm mấy câu trong những trang nhật ký ấy. Bỗng nhiên một ý nghĩ lóe lên trong óc tôi: không, nếu chỉ đùa vui thì không ai viết như vậy cả! Nhưng nếu thế thì con người lưu lạc kia là ai? Ông ta ở đâu? Và những trang nhật ký khác nữa ở đâu mới được chứ? Ông ta viết rằng con đường dài đầy trắc trở đang chờ đợi ông: “Đường đi thật vô tận, và những chân trời góc bể mà tôi sẽ phải đi qua với những con vật chở đồ của tôi thật mệnh mông. Một nỗi lo âu khủng khiếp đang xâm chiếm lòng tôi...” Chuyện gì đã xảy ra với ông ta?

Dù sao thì ngày mai tôi cũng sẽ đi khỏi thành phố này và mang theo trong đáy va-li cái hộp diêm đựng những trang nhật ký tí xíu mà tôi chưa hiểu được đến nơi đến chốn và cũng chưa đoán được người ta thu nhỏ chúng lại để làm gì. Trên đường trở về khách sạn giữa đêm khuya, tôi đã nghĩ như vậy và cảm thấy con người lưu lạc vô danh kia đã trở nên thân thiết với tôi, dù cho tôi vẫn chưa biết tí gì về ông ta cả.

Cô gái trực nhật, như mọi khi, mắt vẫn không rời cuốn sách bảo tôi:

– Ông có thư. Tôi để ở phòng ông đấy. Ông định thuê phòng trong mấy ngày?

PHONG VŨ BIỂU ĐI-GIÔN-VAN LÀ CÓ THẬT

“Anh Gri-gô-ri thân mến!

Bức điện của anh hỏi về phong vũ biểu Đi-giôn-van tôi không nhận được ngay, vì lúc đó tôi không có mặt ở Ma-xcơ-va mà ở Nô-vô-gô-rôt. Tôi đang đi tìm dấu vết cuộc đời một nhà thám hiểm nổi tiếng.

Hôm nay, tôi đã trở lại Ma-xcơ-va. Tôi đã đọc bức điện của anh. Anh hỏi tôi có biết gì về phong vũ biểu Đi-giôn-van không. Theo tôi biết, thì trong sản xuất cũng như trên thị trường chưa bao giờ có loại phong vũ biểu nào có tên gọi như thế cả. Tuy vậy, nó lại có thật, đã có, đang có và sẽ còn có. Anh tưởng tôi đùa phải không? Không đâu. Phong vũ biểu Đi-giôn-van là có thật. Chắc anh biết, trong số những tướng tá của Na-pô-lê-ông Bô-na-pác, có một người mà Na-pô-lê-ông, khi đã bị đẩy ra đảo Xanh Ê-len, đã viết rằng, đó

là người cầm quân có tài nhất của ông. Người ấy là Pi-sơ-gơ-ruy. Tiểu sử ông ta, vì một ý nghĩa nào đó mà nói, là một tiểu sử đặc sắc và bi thảm. Nhưng tôi không muốn nói với anh về tiểu sử ông ta, mà đi thẳng ngay vào câu hỏi anh đặt ra.

Tháng Chạp năm 1794, Pi-sơ-gơ-ruy đang tiến quân thẳng lợi vào đất Hà Lan. Nhưng vào một ngày rủi ro, thời tiết đã làm tan vỡ kế hoạch của ông ta. Mưa rơi tầm tã, đường sá lầy lội, các dòng sông đều đầy tràn, quân đội không sao di chuyển được. Cuộc hành quân có nguy cơ thất bại. Pi-sơ-gơ-ruy đã định thôi không tấn công nữa. Nhưng bỗng ông ta nhận được một tin báo từ U-tơ-rếch trên đất Hà Lan nói rõ ngày nào trời sẽ băng giá: đất sẽ cứng lại, các dòng sông sẽ đóng băng và quân đội có thể tiến lên được. Pi-sơ-gơ-ruy tin vào điều đó, mặc dù là nó chỉ dựa vào một cái phong vũ biểu mà xưa nay chẳng có ai chú ý đến. Và đúng ngày báo trước, trời chuyển băng giá lạnh cóng. Bộ binh và kỵ binh của Pi-sơ-gơ-ruy tiến lên một cách thuận lợi. Ngày 29 tháng Chạp, quân đội của ông ta vượt sông Van-lơ trên mặt băng. Nhưng đến ngày mồng bảy tháng Giêng, thời tiết lại thay đổi đột ngột. Mưa lại rơi, đường lại lầy lội, băng tan. Song Pi-sơ-gơ-ruy, sau khi tiến sâu vào lãnh thổ nước này đã bị lâm vào cảnh bị đất hơn, ông lại nhận được tin báo đề ngày 13 tháng Giêng nói rõ ngày nào ông lại có thể tiến quân trên những mặt đường và những dòng sông đóng băng rắn chắc. Tin báo lần này cũng lại đúng. Ngày 14 tháng Giêng, gió bắc bắt đầu thổi, ngày 15 nhiệt độ giảm xuống đột ngột và ngày 16 tháng Giêng. Pi-sơ-gơ-ruy đã tới U-tơ-rếch! Ở đó, ông ta đã mở cửa nhà tù giải thoát cho Đì-giôn-van Ca-tơ-rơ-me, một tướng của nước Cộng hòa Ba-ta-vơ^[8], người đã gửi cho ông những tin dự báo thời tiết kia.

Đì-giôn-van bị bỏ tù năm 1787 ở Hà Lan, ông bị giam tù gần bảy năm trời cho đến ngày được Pi-sơ-gơ-ruy cứu ra. Tất cả những dự đoán thời tiết, Đì-giôn-van đều làm trong phòng giam bằng cách quan sát... con nhện.

Sau này, ở Pa-ri ông ta viết:

“Khi những con nhện không dăng tơ nữa là thời tiết sẽ xấu, trời sẽ mưa, gió. Khi chúng bắt đầu dăng tơ thẳng thì sau đó mười, mười hai giờ, mưa bão sẽ tạnh. Nếu chúng phá bót một phần tư hay một phần ba mạng đã dăng của mình để bảo vệ lấy phần còn lại là trời sắp nổi gió. Nói chung, khi nhện dăng tơ rộng thì thời tiết sẽ tốt; khi chúng dăng mạng hẹp thì thời tiết thay đổi thất thường: còn khi chúng hoàn toàn nằm im thì có thể tin chắc rằng thời tiết sẽ rất xấu”.

Bạn thân mến của tôi, anh không thể biết được tôi đã vui mừng đến thế nào khi nhận được câu hỏi hết sức khác thường của anh.

Người đánh cờ tìm mọi cách chống lại đối thủ đang muốn dồn mình vào chỗ bí, điều đó ai cũng dễ hiểu. Người phụ nữ nội trợ được nghe kể cách làm một thứ bánh mới, về nhà hoan hỉ bắt tay vào làm thử, điều đó cũng dễ hiểu. Còn tôi, một người làm ở phòng tra cứu thư mục trong thư viện, cũng phấn khởi không kém mỗi khi nhận được một câu hỏi độc đáo, mỗi lần như vậy, tôi lại bắt tay ngay vào việc chuẩn bị trả lời: so sánh, đối chiếu các sự kiện thuộc đủ mọi lĩnh vực khoa học, văn học, nghệ thuật, lục tìm trong các cuốn cảm nang chỉ dẫn, các từ điển bách khoa, các ấn phẩm cổ, các hồi kí, các tài liệu lưu trữ.

Bạn thân mến! Chắc anh không đòi hỏi tôi phải kiểm tra một cách khoa học những điều quan sát về nhện của Đì-giôn-van. Bây giờ tôi muốn nói với anh một chuyện nữa: anh biết đấy, hộp phiếu các tên tuổi và thuật ngữ mà tôi đã sưu tầm suốt mấy chục năm nay là niềm tự hào của tôi. Và từ trước đến nay chưa bao giờ nó làm tôi phải lúng túng

khi trả lời. Tôi có thể thành thật mà nói rằng: những câu trả lời, những điều giải đáp của tôi đã nhiều lắm, khó mà đếm xuể. Vì vậy tôi không thể nào bỏ qua mà không tìm hiểu xem vì sao anh lại quan tâm đến Đi-giôn-van như thế. Chắc anh lại muốn viết một kịch bản khoa học - nghệ thuật về những con nhện phải không? Nếu vậy, anh nên nghĩ đến Pô-li-va-nốp ở nước Nga chúng ta thì hơn là nghĩ đến nước Hà Lan và nước Pháp vào cuối thế kỷ mười tám. Là người thuộc phái Dân ý, vào những năm bảy mươi của thế kỷ trước, Pô-li-va-nốp đã bị chính phủ Nga hoàng kết án tù chung thân. Một buổi sáng mùa xuân ẩm đậm ở Pê-téc-bua^[9], người tù cô đơn ngồi sau song sắt bỗng nhìn thấy một con vật nhỏ trong phòng giam của mình. Đó là con nhện, một con nhện bình thường. Thế là người và nhện trở thành đôi bạn. Pô-li-va-nốp chăm sóc con nhện, cho nó ăn và đặt nó trên tay. Con nhện bình tĩnh bò theo ngón tay và Pô-li-va-nốp dụng nhẹ vào chân nó thì con nhện bình thần, nhẹ nhàng rút chân lại. Pô-li-va-nốp sợ con vật phát phì, điều đó có hại cho sức khỏe nó. Ông bèn phá những mạng nhện để bắt buộc con vật phải “lao động” một chút cho gầy bớt. Còn con nhện cũng dường như muốn làm vui lòng người tù, lần nào nó cũng chăng lại tám lưới của mình giữa chân bàn và thanh gỗ ngang. Đôi khi đang làm nó dừng lại, phá một phần tám lưới, dường như chưa hài lòng, rồi bắt đầu làm lại. Vì vậy Pô-li-va-nốp đã viết rằng con nhện có “bản tính quý tộc”...

Nhưng như thế là thế nào nhỉ? Anh đi ra khu nghỉ mát, thế mà làm sao lại chui vào “cái vương quốc nhện” ở cái thành phố Chen-xơ nào đó? Anh đã bỏ phí tài năng vào những chuyện không đâu! Anh cứ nhảy từ khoa học này sang khoa học khác. Bây giờ lại nhện nữa! Nhưng thôi, đây là việc của anh, tôi chẳng tranh luận làm gì. Tôi thích cái tính tản mạn đầy tài năng và tính rắc rối lạ kỳ của anh.

Thôi tạm biệt. Chúc anh nghỉ ngơi thoải mái. Chào anh. Tra-ru-sin của anh”.

NHỮNG SỢI DÂY GIẤY... NHỮNG CON NHỆN...

Sáng sớm, tôi ra ngoại thành đi đến chỗ Pa-ven đã hái bó hoa có dính những mảnh giấy nhỏ khiến tôi phải ngạc nhiên, bối rối và không bỏ Chen-xơ mà đi được. Vừa đi tôi vừa nghĩ đến những con nhện.

Ở khách sạn, tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần lá thư của Tra-ru-sin dưới ánh đèn. Lá thư đã giúp tôi tìm ra được điều gì? Qua lá thư của Tra-ru-sin, tôi tin rằng nhà thám hiểm vô danh kia khi muốn biết tình hình thời tiết đã phải quan sát những con nhện. Ngày nay mà còn phải làm như vậy! Lạ thật! Nhưng thôi, lá thư của Tra-ru-sin đã giải thích được cho tôi ý nghĩa của những chuyện “phong vũ biểu Đi-giôn-van”, “tôi lại nghĩ tới Pô-li-va-nốp”... Nhưng giờ đây, sau khi hiểu được những điều đó, tôi lại càng thấy những mảnh giấy kia là bí hiểm, khó đoán.

Tại sao tôi lại phải lần mò đến chỗ Pa-ven đã hái hoa? Rất đơn giản là vì suốt đêm qua tôi không sao chợp mắt được, có muốn đến trường đại học sư phạm gặp Ta-ra-xê-vích để đưa ông xem lá thư của Tra-ru-sin thì cũng phải đến vào buổi chiều. Hơn nữa, đọc thư của Tra-ru-sin rồi, tôi chỉ muốn xem những con nhện “ngoài thiên nhiên” ra sao và tất nhiên là ở nơi đã có những mảnh giấy kia.

Ở trường, anh sinh viên Pa-ven đã kể khá cụ thể về chỗ anh ta hái bó hoa nên tôi cũng dễ mừng tượng ra lối đi đến đó.

Đường trải nhựa. Hai bên là hai hàng dương mềm mại. Hẳn là người ta đã trồng những hàng cây ấy khi trải nhựa con đường này.

Tôi đi theo con đường mòn dọc đường nhựa.

Biển lúc ẩn lúc hiện sau rặng cây rậm rạp. Đường đi hết xuống dốc lại lên dốc. Xóm nghỉ mát của cán bộ khoa học đã thấp thoáng phía xa với những ngôi nhà màu trắng.

Dưới chân núi, phía bên trái con đường trải nhựa, là một con đường làng uốn quanh rồi mất hút trong cánh rừng nhỏ. Xa hơn nữa có cái gì đấy đồ nát?

Xuống núi, tôi đi theo con đường làng và gặp một người đàn bà đi cùng một cậu bé chừng bảy tám tuổi. Họ dắt một con ngựa khập khiễng. Chúng tôi bắt chuyện với nhau. Người đàn bà kể rằng bà ta làm ở cơ sở kinh tế phụ của các cán bộ khoa học, con ngựa này bị đau chân nên phải dắt đến cho ông thú y chữa hộ. Tôi hỏi:

– Thế ở đằng kia, phía bên phải sau cánh rừng nhỏ là đám đồ nát gì thế?

– Hồi trước cách mạng đây là trang trại của một lão địa chủ. Hẳn ta cũng lạ kỳ: cho xây những đường hầm ngầm dưới đất thẳng từ phòng ngủ ra đến tận bờ biển, rồi thường thường, vào những đêm trăng, hẳn ra đấy kéo theo cả khách khứa, dàn nhạc âm ỉ. Các cụ chúng tôi kể rằng: “Có lần các cụ đã theo tiếng nhạc đi ra phía bờ biển, đến gần thì bỗng nhiên chẳng thấy nhạc mà cũng chẳng thấy người đâu nữa, tiếng nhạc đã mất hút trong lòng đất...”.

Không nghe hết câu chuyện, tôi chia tay với họ rồi đi tiếp.

Vừa đi tôi vừa nghĩ đến những con nhện. Nhưng tôi cũng không thể không nghĩ đến... những sợi dây giày nữa. Đúng, những sợi dây giày. Chúng cứ tuột ra, phải cúi xuống buộc lại, rồi chúng lại tuột ra.

Những sợi dây giày đen và trắng, nâu và vàng, dài và ngắn, mỏng và dày - sợi nào đầu cũng bị đứt. Chúng được treo trong cửa hiệu của người đánh giày ở Chen-xơ. Khi tôi đến chỗ ông ta, thì ông ta đang ra sức đánh đôi ủng đen của mình. Ngắm nghía chán đôi ủng đã bóng lộn, ông ta mới uể oải đưa cho tôi một đôi dây giày.

Số tôi thật đen, vợ ngay được một đôi dây buộc bình, không chịu yên!

Ngay lần đầu tiên, khi tôi vội xỏ vào giày, chúng đã tỏ ra ngang ngạnh, không chịu luôn qua các lỗ. Tôi giật mạnh. Để trả thù, một sợi dây liền làm rơi mất cái đầu bị đứt. Chỉ trong một ngày, nó đã xơ xác và cuối cùng đã đứt hẳn,

Nhưng chuyện dây giày tôi hôm qua mới là tồi tệ nhất. Tôi muốn tháo giày cho nhanh, nhưng lại kéo nhầm đầu dây thành ra bị nút chặt lại không gỡ ra được. Tôi đành lấy dao cạo râu cắt bỏ nút, dây bị ngắn lại. Vì vậy, giờ đây khi tôi đi trên con đường mòn này, dây luôn luôn bị tuột ra. Tôi kể lể dài dòng về đôi dây giày như vậy, có buồn cười không, các bạn? Chẳng lạ lùng hay buồn cười chút nào đâu! Vì tất cả những gì xảy ra sau đó, đều liên quan đến đôi dây giày tệ hại không biết oán thù gì tôi mà cứ tuột ra hoài và bắt tôi cứ phải cúi xuống đất hoài.

Ý nghĩ của tôi lại quay về với lá thư của Tra-ru-sin: “Đi-giôn-van... những con nhện...” Và lúc này, tôi khao khát được thấy một con nhện, một con nhện bình thường nhất. Nhưng có lẽ bây giờ tôi sẽ nhìn nó với con mắt hoàn toàn khác trước. Tôi để ý nhìn xung quanh, đi lại gần các bụi rậm, song chẳng chỗ nào có lấy một sợi tơ nhện.

Rừng cây càng vào sâu càng rậm, càng tối hơn. Con đường làng rẽ sang bên phải.

Tôi đi theo một lối nhỏ rợp mát hoang vắng, hai bên là những cây để có thân thẳng đen sì. Lối đi rộng dần và dẫn đến một ngôi nhà chòi bằng gỗ bỏ hoang, một phần đã hư

hổng. Bên cạnh đó có chiếc cửa vườn đổ nát nằm dưới đất.



Một cây keo bông chắn ngay giữa lối vào, có lẽ nó đã mọc rậm từ khi người ta bỏ không đến nhà chòi này ngồi chơi nữa.

Khó khăn lắm tôi mới len được vào nhà chòi. Trước mắt tôi là chiếc bàn nhỏ và những chiếc ghế dài, tất cả đều gập mục nát.

Tôi ngồi ghé xuống một đầu ghế.

Những lá cỏ xanh nhợt vươn lên từ dưới gầm ghế và giữa các chân bàn. Tôi tìm được mạng nhện chằng từ cột này sang cột khác của nhà chòi. Có lẽ nhện đã bỏ những tấm lưới ấy vì tôi thấy chúng rách thủng nhiều chỗ và những chiếc que nhỏ còn đang rung rinh trên đó.

Bông có tiếng chó sủa. Tôi đi về phía ấy. Những bụi tầm xuân rậm rạp ngăn lối tôi bước. Những bông tầm xuân mới đỏ và đẹp làm sao! Chuyện ấy đã xảy ra ở chỗ này đây! Chính ở đây, anh sinh viên Pa-ven đã bỏ cành tầm xuân có dính theo những mảnh giấy bí hiểm... Trong bó hoa còn có cả những chùm lưu ly nữa Chúng đây rồi! Những bụi hoa lưu ly mọc đầy ven con lạch nhỏ.

Tiếng sủa im bật, rồi lại có tiếng sủa, nhưng lần này nghe không chói tai như lần trước, mà chỉ vẳng từ dưới lòng đất lên. Tôi chú ý nhìn xung quanh và lắng tai nghe ngóng.

Sau bụi rậm, tôi thấy có cái gì tựa như một cái hầm. Nó không cách xa tôi lắm. Miệng hầm có một mái che nhỏ bằng ván mỏng. Trên mặt ván xếp những lát đất có cỏ xanh. Có vẻ người ta làm vội nên những lát đất ấy không che kín hết mái, đôi chỗ còn lộ ra màu trắng của tấm ván bên dưới. Con đường nhỏ dẫn đến miệng hầm gồ ghề những đá. Tiếng chó sủa từ dưới hầm vọng lên.

Tôi lại gần rồi thận trọng tụt xuống. Qua vài bậc đá thì đến một chỗ phẳng. Ở đó, kê một cái bàn và hai chiếc ghế tựa.

Trên bàn đặt một ngọn đèn le lói, một quyển sách và những tờ giấy quyết toán.

Các bậc thang đi sâu mãi xuống. Tiếng chó sủa vẫn từ dưới đó vọng lên. Tôi gọi to trong bóng tối:

– Có ai đây không?

– Ai đấy? - có tiếng người từ dưới hầm hỏi lại.

Tiếng chó sủa càng mạnh hơn.

– Im! Cuốc-sáp-ca! - tiếng người mắng chó.

Con chó thôi không sủa nữa.

– Ai đấy? Đi ra đi!

Im lặng một chút rồi lại có tiếng hỏi:

– Ai thế?

Và cùng ngay lúc ấy tiếng chó sủa lại vang lên. Con chó nhảy lên chỗ tôi đang đứng.

Đó là một con chó toàn thân màu vàng, lưng có những đám lông đen.

Một người vừa bước lên bậc thang vừa càu nhàu vẻ khó chịu. Một cánh tay cầm ngọn đèn chập chờn từ trong bóng tối vươn lên.

Trước mặt tôi hiện ra một người đàn bà khỏe mạnh mặc chiếc áo bông, chân đi ủng cao su.

– Chào anh! - người đàn bà nói giọng trầm trầm. - Anh đã đến theo giấy gọi?

– Vâng, tôi đến, - tôi trả lời, trong lòng thắc thỏm.

– Xe của anh đâu?

– Xe nào?

– Không có xe thì không được đâu.

– Nhưng tôi... tôi đi bộ đến...

– Nhiều người lui tới đây nên mới lắm chuyện.

– Nhiều người à? - tôi hỏi lại.

– Thế anh đến đây hái hoa như những người khác hay đến lấy rau? Hành, cà rốt, củ cải... Nhưng nếu anh đến lấy rau thì sao không thấy có xe tải, không có bao bì gì cả? Anh là ai?

– Tôi là ai ấy à?

– Phải, phải! Làm sao mà anh đến đây, đến trạm rau này được?

Bị hỏi dồn, tôi không biết giải thích thế nào cho người đàn bà đang nổi cáu.

– Thế chị là ai mới được chứ? Chị nói trạm rau nào?

– Thế đây, tôi là ai à? Tôi là chị An-na, phụ trách trạm rau của sở thực phẩm của khu.

– À ra thế! Thôi, chào chị! - tôi vừa nói vừa quay ra.

Đi được độ chục bước, tôi ngoái lại và qua những bụi cây, tôi thấy chị An-na tay giữ chặt dây buộc con chó, vẫn đi theo tôi.

Tôi nhún chân nhảy qua con lạch nhỏ. Cái dây giày tệ hại lại tuột ra. Tôi cúi xuống buộc lại. Có cái gì dính đầu dây giày. Tôi nhặt lên. Thì ra một con nhện chết. Vì suốt dọc đường tôi cứ miên man nghĩ tới lá thư của Tra-ru-sin và nghĩ tới những con nhện, nên khi nhặt được con nhện tôi bèn bỏ ngay vào bao diêm.

CON NHỆN CHẾT

Bước vào phòng hiệu trưởng Ta-ra-xê-vích, tôi đặt lá thư của Tra-ru-sin cùng chiếc

hộp diêm lên bàn và nói:

– Thưa giáo sư, như vậy là có phong vũ biểu Đi-giôn-van! Đây là lá thư của Tra-ru-sin, còn đây là chiếc phong vũ biểu “đã hỏng”!

Giáo sư Ta-ra-xê-vích dè dặt chào tôi, nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên rồi giới thiệu với tôi phó giáo sư Vô-rôn-xô-va:

– Tôi mong rằng sự có mặt của phó giáo sư Vô-rôn-xô-va ở đây không làm phiền cho dòng suy nghĩ sôi nổi của anh về những mảnh giấy đã nhặt được. Hành lang và một số phòng làm việc đang quét vôi nên chị Vô-rôn-xô-va tạm ngồi làm việc ở chỗ tôi với những chiếc kính hiển vi của mình.

Chị chuyên gia trẻ tuổi ngược đôi mắt xanh nhìn tôi qua cặp kính trắng to. Chị nhìn tôi có vẻ giễu cợt. Thế rồi chị lại cúi xuống chiếc kính hiển vi của mình, tay phải lướt nhanh trên giấy ghi lại một điều gì đó.

Giáo sư Ta-ra-xê-vích chăm chú đọc lá thư của Tra-ru-sin. Đọc xong, ông khoát tay:

– Cứ cho là đúng như vậy! Cứ cho phong vũ biểu Đi-giôn-van là nhện đi nữa thì điều ấy có làm thay đổi gì đâu?

– Thay đổi chứ ạ, thay đổi tất cả! Vì nếu như phong vũ biểu Đi-giôn-van là có thật thì...

– ... thì có nhện, có phải thế không? - giáo sư Ta-ra-xê-vích cười to.

– Không, thưa giáo sư, nếu như phong vũ biểu Đi-giôn-van là có thật thì nhà thám hiểm kia cũng phải có thật.

– Chuyện bịa, làm gì có như thế!

– Sao ạ? Thế còn những dòng nhật ký kia? Tôi như trông thấy con vật chở đồ của nhà thám hiểm đã buộc sẵn và ông ta đang viết nốt trang nhật ký...

Vô-rôn-xô-va mắt vẫn không rời kính hiển vi, nói chen vào:

– Tranh đồ là loại câu đố mà mỗi từ hoặc mỗi phần của từ được diễn đạt bằng một hình vẽ hoặc ký hiệu mà khi đọc lên thì chúng có âm thanh giống như những từ người ta muốn đố.

– Chị muốn nói gì vậy? - tôi hỏi.

– Một người kỳ quặc nào đó đưa ra bức tranh đố. Trong đó từ “con nhện” đơn giản lại được diễn đạt bằng “phong vũ biểu Đi-giôn-van” và bên cạnh Ê-ra-tô-xten lại là “ấu trùng chuồn chuồn”... Thế là anh phải đau đầu nhức óc tìm câu giải đáp...

“Tranh đố!”, tôi thầm nghĩ hai tiếng đơn giản và vui tươi ấy vừa làm cho câu chuyện mất hết vẻ bí ẩn, vừa làm cho nó có vẻ là trò cười. Không! Không thể như vậy! Ai là người đã đưa ra cái tranh đố ấy, đưa ra ở đây, lúc nào và để làm gì mới được chứ?

Tôi nói:

– Không phải vì cái “tranh đố” mà tôi phải ở lại Chen-xơ, phải viết thư cho Tra-ru-sin và làm mất thời giờ của giáo sư, giáo sư Ta-ra-xê-vích ạ! Thậm chí sáng nay tôi còn đến tận nơi mà anh Pa-ven đã hái bó hoa nữa.

– Thế anh có mang được gì về không?

– Chẳng được gì cả, ngoài con nhện này, mà lại là con nhện chết rồi...

– Con nhện chết!... - Vô-rôn-xô-va ngẩng lên cười như nắc nẻ. - Ôi, con nhện chết... Anh cho tôi xem nào!

Chị lại gần bao diêm đựng con nhện, bỏ kính lau cẩn thận rồi lại đeo lên mắt, chăm chú nhìn.

– Nào tìm, nào đoán, nào viết thư đi Ma-xơ-va, cuối cùng tìm được một con nhện

chết! Giáo sư có nghĩ rằng tất cả câu chuyện này thật rất đơn giản và rõ ràng không? Một người nghỉ mát kỳ quặc nào đấy đã bày ra câu đố, còn nhà văn Ma-xơ-va của chúng ta thì cố lẩn mò uống công mãi không?

– Người nghỉ mát? Nhưng xin lỗi... ở chỗ tìm thấy những mảnh giấy có nhà nghỉ mát nào đâu! - tôi thốt lên.

– Thế anh không nghĩ đến gió à? - Vô-rôn-xô-va quay lại phía tôi nói: - Gió chẳng lặng phí thì giờ vô ích như một số người đâu. Nó có thể đã thổi những mảnh giấy ấy bay từ một bệ cửa sổ tới.

– Chị ấy nói có lý đấy. Rõ ràng là chúng ta đã suy diễn quá xa.

Biết trả lời làm sao? Biết phản đối như thế nào bây giờ? Trước mặt tôi chỉ có con nhện chết với mấy mảnh giấy kỳ lạ.

– Anh im lặng à? - Vô-rôn-xô-va cười giễu cợt. - Anh chẳng còn gì mà nói nữa phải không? Thế mà anh đã làm náo động cả trường. Phải thế không anh?

– Suy diễn, vâng, tôi đã suy diễn...

Vô-rôn-xô-va lại cúi xuống kính hiển vi và hí hoáy ghi chép.

– Đúng là chúng ta đã lạc đường rồi anh bạn ạ, - giáo sư Ta-ra-xê-vích nhỏ nhẹ nói với tôi. - Chị ấy đã chỉ lối cho chúng ta.

– Vâng, thôi cũng đến lúc tôi phải về rồi, - tôi nói và đứng dậy chào mọi người.

Bỗng Vô-rôn-xô-va cười rất hồn hậu, bảo tôi:

– Anh chờ một tí. Tôi sẽ kỷ niệm cho anh cái nhện có ghi rõ giống và loài của con nhện... Nhưng có cái gì dính ở chân nó thế này nhỉ?

Thế rồi trong khi tôi đứng ở cửa đọc địa chỉ của mình cho giáo sư Ta-ra-xê-vích ghi, thì nghe Vô-rôn-xô-va kêu lên:

– Gì thế này? Sao lại thế được? Lại đây, các anh lại đây mau lên! Mảnh giấy! Có cả chữ nữa!

Chúng tôi chạy bổ đến bên chiếc kính hiển vi.

– Cái gì thế?

– Sao, làm sao?

Vô-rôn-xô-va ngả người vào lưng ghế, cặp kính tuột xuống tận đầu mũi, vẻ mặt chưa hết kinh ngạc.

– Đọc đi! Chị đọc đi xem sao!

Tờ số 1022

...Thế là rõ. Bệnh lao có thể chữa khỏi được. Là một bác sĩ, tôi đã kết luận như vậy sau hàng loạt những điều quan sát mà tôi đã tả tỉ mỉ trong những trang trước của tập nhật ký này.

Mọi người đều biết rằng trực trùng lao có một cái vỏ bọc. Về mặt tính chất hóa học và lý học thì cái vỏ bọc này giống như sáp. Các men phân giải prô-tê-in, thủy phân prô-tit và pô-li-pép-tit không có tác dụng gì đối với cái vỏ sáp ấy của trực trùng lao, vì vậy cơ thể con người chịu không chống lại được chúng. Không có một thứ thuốc nào có thể phá hủy được cái vỏ sáp của trực trùng lao. Điều đó, người bác sĩ nào cũng biết rõ. Nhưng mấy hôm nay tôi đã quan sát thấy có một loài sâu sống bằng sáp và tiêu hóa được nó. Như vậy chẳng rõ ràng là loài sâu ấy có một chất men đủ sức phá hủy cái vỏ sáp của trực trùng lao hay sao! Loài sâu đó là loài nhậy phá tổ ong - *Galleria mellonella*. Tôi đề nghị truyền máu của loài sâu ấy vào cơ thể người bệnh. Tôi tin rằng các men trong máu loài sâu kia sẽ phá hủy cái vỏ sáp trực trùng lao và cơ thể con người sẽ dễ dàng chiến thắng

được những trục trặc không còn vỏ bảo vệ ấy. Bệnh lao, một tai họa của loài người sẽ không còn nữa! Loài *Galleria mellonella* rất dễ gây: chỉ cần nhiệt độ thích hợp và một ít bông sáp tổ ong. Nhưng số phận thật kỳ lạ của tôi mà tôi đã viết trong những trang từ 2 đến 12...”.

Vô-rôn-xô-va nhìn vào kính hiển vi đọc một cách bình tĩnh và rành rọt. Đọc hết câu nói đến số phận kỳ lạ của người bác sĩ đã viết trang nhật ký này, chị ngẩng lên nói:

– Đến chỗ này là hết!

Một sự im lặng nặng nề tràn ngập căn phòng. Và khi Ta-ra-xê-vích bước lại phía tường để bật đèn thì tiếng chân ông, tiếng công-tắc vang lên một cách đáng sợ, ánh sáng bùng lên làm tôi rùng mình.

Cúi xuống kính hiển vi, Ta-ra-xê-vích im lặng đọc lại trang nhật ký. Đọc xong, ông nói:

– Bây giờ phải đem so sánh với mảnh giấy mà Pa-ven đã nhật được cùng với bó hoa... Thế, thế, cảm ơn chị. Chị tăng thêm ánh sáng hộ, hình như chưa đúng tiêu điểm... được rồi, cảm ơn. Đúng rồi, vẫn cùng một nét chữ, vẫn cùng một cách thu nhỏ bằng máy ảnh.

Hết sức xúc động, tôi cúi xuống kính hiển vi định cố nhìn, cố đọc một chút nhưng chẳng thấy gì cả.

Ngồi bên cạnh tôi, giáo sư Ta-ra-xê-vích nói:

– Có điều rõ ràng là ý kiến về cách chữa bệnh lao như vậy thật độc đáo. Người viết không thể là một người không chuyên môn. Đây đúng là một bác sĩ, một chuyên gia... Ngày nay, người ta đã chữa khỏi được bệnh lao bằng xơ-rép-tô-mi-xin và các thứ thuốc khác. Phẫu thuật cũng rất có kết quả... Người bác sĩ nào mà chẳng biết điều đó! Ấy thế mà bỗng nhiên lại có đề nghị chữa bệnh lao bằng men của loài sâu kia. Ý kiến thật quá muộn.

Vô-rôn-xô-va cười:

– Người nghỉ mát trẻ tuổi kia được tặng chiếc máy ảnh thu nhỏ, nhưng người ta quên chưa tặng anh ta chiếc máy phóng, thế là chàng ta liền đùa nghịch, vớ được cái gì là chụp cái ấy và vẽ ra đủ chuyện rắc rối. Nào Ê-ra-tô-xten, nào thư cũ, ghi chép cũ... Có lẽ nếu thấy cái đơn thuốc chữa hời trán thì anh ta cũng chụp luôn mất!

Tôi nghe những lời đối đáp ấy một cách lơ đãng. Tôi xoay xoay cái núm trên kính hiển vi và ghé mắt nhìn nhưng vẫn chẳng thấy gì cả. Thấy vậy, Vô-rôn-xô-va hỏi tôi:

– Sao? Anh không thấy à? - chị vặn lại một hai cái núm trên kính. - Thế nào? Bây giờ rõ rồi chứ?

– Vâng, rõ rồi, cảm ơn chị.

– Đây cái mảnh giấy mà anh mới đem đến cùng với con nhện đấy.

Trước mắt tôi hiện lên những dòng chữ sắc nét viết theo lối cổ, thân chữ ngả về phía trước...

“Nhưng số phận thật kỳ lạ của tôi...” - Tôi đọc và rồi không sao rời mắt được khỏi dòng chữ ấy. Tôi có cảm giác như một người nào đó đang nói câu ấy bên tai tôi với một giọng khàn khàn, già nua. Câu nói ấm hơi thở của con người khiến người nghe phải suy nghĩ và rung động trong lòng.

“Nhưng số phận thật kỳ lạ của tôi...”.

Và bỗng nhiên trong óc tôi hiện lên rất rõ nét câu chuyện mà tôi đã vô tình nghe được trong đêm đi xe lửa đến Chen-xơ. Một hành khách không quen biết đã kể lại về số phận kỳ lạ của một bác sĩ nào đó trước đây lâu lắm đã sống ở Chen-xơ. Câu chuyện có vẻ

rất xác thực, nhưng lại lạ lùng đến nỗi tôi cũng sinh nghi người kể. Giờ đây, tự nhiên tôi thấy những lời kể ấy rõ ràng có dính dáng đến những mảnh giấy trước mắt tôi.

“Nhưng số phận thật kỳ lạ của tôi...”.

Tôi quay lại nói với Ta-ra-xê-vích và Vô-rôn-xô-va.

– Cho phép tôi kể lại chúng ta cùng nghe câu chuyện về một bác sĩ trước đây đã sống ở Chen-xơ. Tôi thấy hình như câu chuyện ấy soi sáng cho những mảnh giấy kia. Tôi được nghe chuyện ấy trong đêm đi tàu.

– Trong lúc nửa mê nửa tỉnh chứ? - Vô-rôn-xô-va hỏi đùa.

– Chị nói không sai mấy đâu. Tôi đang nằm ở giường trên, tỉnh dậy và nghe thấy... Chị biết đấy, tôi đi tàu hỏa đến Chen-xơ để sang tàu thủy đi nghỉ mát.

CÂU CHUYỆN ĐÊM ẤY

Toa tàu xô mạnh. Tôi bừng tỉnh dậy. Đoàn tàu đứng im. Từ ngăn giường trên, qua cửa sổ toa tàu, tôi nhìn rõ mặt trăng cũng đã đứng yên trên bầu trời tím xám.

Đến ga cuối cùng, trăng từ từ và thận trọng ló lên khỏi trạm bơm nước. Nhưng khi tàu chuyển bánh thì trăng lại lập tức lướt qua trạm bơm, trên các hàng cây ở sân ga để tiễn đưa đoàn tàu. Mặt trăng đã tắt tả chạy theo đoàn tàu suốt dọc đường. Giờ đây, khi đoàn tàu dừng lại, nó cũng dừng và dòm vào cửa sổ dường như muốn hỏi: đã sắp chạy chưa? Nó đang chờ đợi. Sương đêm buông xuống thảo nguyên, những đám cỏ ướt lấp lánh như bạc dưới ánh trăng.

Có tiếng người trẻ tuổi hỏi ở tầng giường dưới:

– Sao chúng ta dừng lại?

Tôi lắng nghe. Có lẽ tôi đã ngủ say quá nên không biết những hành khách này vào toa lúc nào. Một ông già vừa ho vừa thủng thẳng trả lời:

– Chúng ta chờ tránh tàu...

Tiếp sau đó là im lặng nặng nề, một cảnh im lặng vẫn thường có, khi đoàn tàu bỗng dừng lại trên đường giữa đêm khuya và chờ đợi một cái gì đó.

– Bác A-lếch-xây, thế bác biết ông ta chứ? - người khách trẻ bỗng lên tiếng phá tan cảnh im lặng.

– Tôi còn nhiều lần nói chuyện với ông ta nữa chứ. Đạo ấy có ai biết đến Chen-xơ. Mà hồi đó cũng chưa xảy ra đánh nhau với Nhật. Đường xe lửa ở cách Chen-xơ đến bảy chục véc-xta. Tóm lại là một thị trấn rất hẻo lánh heo hút, ở đấy ai cũng quen biết nhau cả.

– Ông bác sĩ ấy lúc nào cũng kỳ lạ thế ư bác?

– Cả thành phố coi ông ta là con người kỳ quặc, cũng chỉ vì ông ta rất sợ những lá thư từ Ma-xơ-va gửi tới. Nếu người đưa thư có đem đến thì ông ta cũng không cầm, cứ như trong ấy có con rắn vậy. Ai cũng biết là ông ta không bóc những lá thư ấy mà gửi trả lại Ma-xơ-va tất cả. Giá như tôi không tình cờ được chứng kiến cái giây phút tuyệt vọng kia của đời ông ta, thì tôi cũng đã coi điều đó là kỳ lạ... Sau cái giây phút mà tôi vừa nói ấy, không ai còn thấy ông ta trong thành phố nữa. Ông ta bỗng dưng biến mất như độn thổ vậy! Thế rồi đủ mọi tin đồn đại...

– Xong làm sao nữa hở bác? - trong bóng tối người hành khách trẻ sốt ruột hỏi.

Ông già ho rũ rượi, ông có vẻ định nói cái gì đó và đang chống chọi với cơn ho. Tôi thò đầu xuống để nghe nốt đoạn cuối câu chuyện. Trong những ngày dài đi đường, ngồi trên tàu, trên xe ta thường được nghe biết bao chuyện bí ẩn. Bao giờ cũng có một cụ già đã từng chứng kiến những sự kiện khó tin, và bao giờ cũng có những người sẵn sàng nghe một cách say mê những chuyện ấy.

Ngoài cửa sổ, mặt trăng vẫn đứng yên trên bầu trời. Dưới ánh trăng, dòng sông nhỏ trên thảo nguyên dường như ngừng chảy. Những bụi cây rậm, tối sẫm, soi bóng xuống mặt nước lấp lánh ánh trăng.

Cuối cùng, ông già lên tiếng:

– Anh hỏi ông bác sĩ làm sao nữa à? Tôi sẽ kể nốt, đừng vội. Nhưng anh phải biết thời buổi bây giờ ra sao mới được: hễ ai mà sống khác người là đều bị liệt vào loại kỳ quặc. Ông bác sĩ chính là một người như vậy. Nhưng vì cái gì? Một là, ông ta không la cà cờ bạc với mấy quan chức trong thành phố, hai là, ông lại sáng chế ra cái máy gì ấy định bay lên trời như chim. Ông ta làm nhiều thí nghiệm lắm. Ông ta chữa bệnh không lấy tiền, còn khoản lương thì hoặc là chi cho các thí nghiệm, hoặc là mua thuốc cho bệnh nhân...

Tôi nghe ông già kể chuyện và nghĩ rằng câu chuyện này không thể có kết thúc. Ông lão chắc là bịa chuyện và cũng không biết kết thúc câu chuyện ra sao. Chắc là ông sẽ thả mình theo dòng hồi tưởng xa xưa. Mà đúng thế, câu chuyện của ông lão mỗi lúc một lạc đề. Ông kể lan man về tư cách các quan chức và các nhà buôn trong thành phố, về chuyện xưa kia người ta phải mất bao nhiêu thời giờ để lau cho sáng những chiếc bóng đèn... Ông lão nói mãi, nói mãi...

– Phải rồi, hôm ấy, tôi ngồi ở nhà người bạn tới khuya. Tôi nhớ là trời nổi cơn dông lớn. Cả mưa rào nữa. Đến lúc mưa tạnh thì tôi ra về. Tôi vẫn nhớ là lúc ấy trên núi, chuông nhà thờ điểm mười một giờ.

“Chuông điểm mười một giờ”, tôi lẩm bẩm nhắc lại trong lúc đã thiu thiu ngủ.

Tôi không nghe được ông lão nói gì nữa. Trong trí tôi bỗng hiện lên cảnh cái thành phố nhỏ kia sau trận mưa đêm, bầu trời quang mây, các vì sao đã được cơn mưa rửa sạch, lấp lánh nhìn xuống những mái nhà ướt át của thành phố đang yên ngủ. Tiếng chuông thứ mười một đã điểm, không gian càng trở nên vắng lặng hơn, và người ta nghe rõ cả tiếng những giọt nước rỏ lộp độp trong đám lá trên cây và trong các mảnh vườn nhỏ.

Ngay từ chập tối, các nhà trong thị trấn đã cửa đóng, then cài. Đâu đó có tiếng chó sủa lạc lõng rồi lại yên lặng như tờ. Những giọt nước rỏ tí tách. Lốp ván lát hè sũng nước và tiếng chân bước của khách về khuya, tức là ông lão đang kể chuyện trên toa tàu (khi ấy đang còn là một thanh niên), chỉ còn nghe khẽ lộp cộp trên đường.

Tôi đã tưởng tượng ra cảnh cái thị trấn nhỏ lúc ban đêm như vậy.

Nhưng ông lão lại đang nói gì ở bên dưới. Ông lão nói đến cây vĩ cầm. Cây vĩ cầm nào nhỉ?...

– ...Tôi đang đi thì bỗng nghe vẳng có tiếng vĩ cầm! Tôi lại gần, tiếng đàn nghe khá rõ. Tiếng đàn ai oán dường như sợ làm tỉnh giấc ai đó nhưng cũng không thể kìm lại nổi lòng mình. Tôi dừng lại và qua bụi đình hương, nhìn thấy ông bác sĩ đang chơi đàn. Ngọn nến trên bàn cháy leo lét. Tôi lắng nghe, quên hết mọi chuyện trên đời. Có lẽ tôi sẽ đứng đây đến sáng mất, nếu như không thấy tiếng chuông xe ngựa. Ngoảnh lại, tôi thấy một chiếc xe ngựa bốn bánh đang tiến về phía nhà bác sĩ. Tôi nhận ra ngay những con ngựa kéo. Hồi ấy, ở Chen-xơ có anh chàng I-van chuyên cho thuê ngựa cưỡi, và mỗi

tuần hai lần, gã đánh xe đi bảy mươi véc-xta ra ga xe lửa đón đoàn tàu Ma-xơ-va tới để đưa khách về thị trấn. Một người cao cao từ trong xe bước ra, đầu đội mũ lưỡi trai có đính phù hiệu, ông ta đi thẳng vào hiên nhà. Bác sĩ đang chơi đàn nên không nhìn thấy. Người khách lạ tới đặt tay lên đàn.

“Chào ông!”.

“Xin lỗi, tôi không được biết ông...”.

“Ông đã gửi trả lại những lá thư của chúng tôi gửi cho ông. Đây, những lá thư ấy đây. Ông đọc đi và trả lời! Tôi đợi”.

“Xin ông để cho tôi được yên!”.

“Tôi là người được ủy nhiệm của ngân hàng công thương “Anh em Đu-tốp”. Xin phép cho tôi được nhắc ông rằng; khi còn là sinh viên Trường đại học tổng hợp Ma-xơ-va, ông đã đánh mất bản thảo những đề án. Ông đã tuyên bố rằng: ai trả lại cho ông những bản thảo ấy, ông sẽ tạ ơn bằng bất kỳ giá nào”.

“Vâng, đúng như thế”.

“Sao nữa? Ông nói nốt đi!”.

“Ông chủ quán, nơi tôi đã đánh rơi những bản thảo ấy, đã đem trả lại cho tôi”.

“Ông chủ quán đã nói với ông rằng: “Đây, những đề án của anh đây, tôi đã đưa chúng cho những người biết xem, họ bảo những điều dự kiến trong này có thể đem lại rất nhiều tiền. Chỉ có điều đáng tiếc là chưa có đề án nào hoàn thành cả. Bắt đầu rồi bỏ dở; bắt đầu, lại bỏ dở”. Và bất kỳ đề án nào cũng chỉ có người đã nghĩ ra là có thể đưa nó đến đích”. Ông chủ quán còn bảo ông rằng các đề án ấy đã được kiểm kê và sao ra đúng thủ tục. Như vậy thì được lợi gì? Tất cả cái đó hiện chỉ là một cái vốn chết, không sinh lời. Thế ông ta đã đưa lại cho ông toàn bộ các bản chính của đề án. Có phải như vậy không?”.

“Vâng, đúng!”.

“Thế còn tiền thưởng? Ông vẫn chưa nộp tiền vào ngân hàng theo hồi phiếu?”.

“Tôi không cần phải trình bày công việc của tôi với ai hết”.

“Ông nhớ rằng lúc ấy ông không có tiền. Và bây giờ nữa ông cũng không có. Ông chủ quán thương hại ông nên đồng ý nhận một hồi phiếu một nghìn rúp”.

“Vâng, đúng thế, nhưng ông có quyền gì mà nói với tôi chuyện ấy?”.

“Đây, hồi phiếu đây! Yêu cầu ông thanh toán!”.

“Xin ngài để cho tôi yên! Tôi không trao hồi phiếu cho ngài, mà cho ông chủ quán. Hồi đó, chúng tôi đã thỏa thuận với nhau. Ông ta sẽ đợi tôi”.

“Đã thỏa thuận!... Đây giấy chuyển hồi phiếu của ông ta đây Giờ đây người chủ tờ hồi phiếu này là ngân hàng “Anh em Đu-tốp”. Chúng tôi yêu cầu ông thanh toán”.

“Xin ông cho tôi một thời hạn! Một tháng nữa tôi sẽ trả đủ”.

“Không có hạn nào cả!”.

“Một tuần vậy! Một tuần nữa tôi sẽ trả đủ!”.

“Tôi không tin!”.

“Nếu thế thì một ngày thôi... một ngày thôi có được không?”.

“Ông có biết không? Ngân hàng sẽ trả ông tờ hồi phiếu, nhưng ông phải viết giấy nhượng lại những đề án cho chúng tôi. Tôi không giấu ông, ở nước ngoài người ta đang muốn áp dụng một trong những đề án ấy. Họ đang đợi”.

“Xin ông cho một thời gian... Tôi nghĩ rằng, chỉ một ngày...”.

“Bây giờ là mười hai giờ kém mười lăm. Chín giờ sáng mai tôi sẽ quay lại. Hoặc là ông chịu nhượng lại những đề án, hoặc là ông sẽ phải thanh toán tờ hồi phiếu!”.

Người khách lạ đi ra. Cánh cửa khép lại... Chiếc xe ngựa rung chuông chạy đi, rồi tắt cả lại chìm trong yên lặng. Mưa lại rơi nặng hạt. Tôi vội vã về nhà...

Sáng ra, cả thành phố kinh ngạc: ông bác sĩ đã biến mất như chui xuống đất. Người ta lùng xục, tìm kiếm, hỏi han. Một người chần cừ cho biết lúc sáng sớm anh ta có trông thấy một người đi về phía chòi nuôi ong ngoài thành phố. Người ta hỏi người nuôi ong, anh ta trả lời: “Lúc mờ sáng có một người đi qua... Còn người ấy là ai tôi cũng chẳng nhìn rõ... Thời tiết xấu quá, ong không bay khỏi tổ. Tôi ngủ thiếp đi và chẳng biết gì hết”.

Người ta vội đi tìm dấu vết. Sau cơn mưa, dấu chân nhìn khá rõ. Nhưng đến con suối nhỏ thì mất hút...

Ông lão kể chuyện lại ho. Trong toa tàu vẫn còn tối lắm, nhưng xa xa chân trời đã rạng, những bụi cây ven con sông nhỏ cũng sáng dần lên và nước trong dòng sông cũng thôi không lấp lánh nữa.

Tôi nghĩ rằng sự mất tích ông bác sĩ một cách bí ẩn đã là kết thúc hay nhất cho câu chuyện rồi. Nhưng phía dưới lại có tiếng người hỏi:

– Thế không có giấy tờ gì để lại ư?

Ông lão đáp:

– Mới đầu người ta cứ tưởng ông ấy đắm đầu xuống biển.

Nhưng sau người ta tìm thấy một tờ giấy đã cháy sém. Tờ giấy viết cái gì lạ lắm không ai hiểu được. Thế là đủ mọi tin đồn đại.

Nhưng mọi chuyện rồi cũng quên đi, cả tôi nữa, có lẽ tôi cũng quên như họ nếu như không phải chính người nuôi ong đã nói thâm vào tai tôi rằng: anh ta sợ phiền phức nên đã nói là ngủ và không nhìn thấy gì, chứ kỳ thực anh ta đã thấy tận mắt người kia chạy về phía con suối...

Từ phía trước vẳng lại một hồi còi dài, rền rĩ của đoàn tàu ngược chiều. Đoàn tàu tốc hành rầm rầm lao qua bên cạnh, những bóng sáng lấp loáng chiếu lên thành toa qua ô cửa sổ.

Đoàn tàu của chúng tôi rúc lên một hồi còi đáp lại rồi chuyển bánh. Trên bầu trời, mặt trăng cũng đã bắt đầu chạy theo. Một làn gió mát từ thảo nguyên thổi tới. Tôi ngủ thiếp đi trong tiếng bánh xe nghiêng đều đều.

– Dậy thôi! Dậy đi thôi! Sắp đến Chen-xơ rồi! - một nhân viên trên tàu đánh thức tôi.

Tôi tụt xuống, những ngăn giường dưới chẳng còn ai cả.

CÂU CHUYỆN VẪN CHƯA KẾT THÚC

Mọi người kể chuyện đều biết rằng: có những giây phút nào đấy người nghe bỗng bị câu chuyện lôi cuốn, họ ngồi im phăng phắc và người kể chuyện hiểu rằng người nghe đang sống với nhân vật trong chuyện bằng tất cả khối óc, trái tim và trí tưởng tượng của mình. Mắt họ sáng lên chăm chú theo dõi, nét mặt họ thay đổi... Và nhất là những lúc người kể bỗng yên lặng. Trong giây phút im lặng ấy, người ta cảm thấy được tất cả chiều sâu và tính chân thật của câu chuyện.

Khi tôi kể về người bác sĩ mất tích kia cho Ta-ra-xê-vích và Vô-rôn-xô-va nghe cũng vậy. Tôi đã ngừng lời, nhưng mọi người vẫn ngồi im lặng thả mình theo dòng suy nghĩ,

câu chuyện đang để lại dư âm của nó!

Cuối cùng, Vô-rôn-xô-va cất tiếng nói:

– Câu chuyện của anh kể đã lôi cuốn cả hai chúng tôi! Số phận ông bác sĩ mà anh hư cấu ra làm chúng tôi xúc động quá. Anh sáng tác tài thật đấy! Nhưng cuối cùng ra sao? Anh đã nghĩ được đoạn đầu thì anh cũng phải nghĩ nốt đoạn kết thúc chứ!

– Không, đây có phải là chuyện hư cấu đâu! - tôi kêu lên - Sao? Chị không thấy câu chuyện ấy có liên quan đến trang nhật ký nói về cách chữa bệnh lao à?

Ta-ra-xê-vích lắc đầu:

– Tôi sống ở Chen-xơ đã lâu nhưng chưa bao giờ được nghe nói đến ông bác sĩ mất tích nào cả.

Giáo sư từ từ đứng dậy vẻ mệt mỏi, lại gần chiếc tủ sắt rồi từ từ khóa lại. Vô-rôn-xô-va cẩn thận lau chiếc kính hiển vi rồi bỏ vào hộp. Còn tôi, tôi chẳng biết làm gì cả, cứ ngồi yên lặng. Tôi thấy áy náy và hình như mình đã có lỗi làm mất thời giờ những người đang hết sức bận rộn này. Tôi ôn lại trong đầu mấy ngày vừa qua ở Chen-xơ. Tôi đã đem bó hoa đến cho Pa-ven, một sinh viên đang lo chuyện thi cử, để làm gì nhỉ? Tôi đã làm phiền giáo sư Ta-ra-xê-vích mấy lần rồi về chuyện những mảnh giấy kia làm gì nhỉ? Tại sao chỉ vì tôi mà cô thư ký đã phải gác lại việc đánh máy các chỉ thị, chương trình, để cấp tốc đọc lại những trang nhật ký dưới kính hiển vi kia? Cảm giác thấy mình có lỗi đã làm cho tôi mỗi mệt.

Trong trường đại học sư phạm, người ta đang tiến hành sửa chữa nhà cửa. Chúng tôi đi theo đường hành lang dài và tối, chân đạp phải những thùng, chậu lung củng. Một ngọn đèn điện dính đầy vôi tỏa ánh sáng mờ đục trên trần. Bước chân chúng tôi khua động cảnh tĩnh mịch nhà trường lúc ban đêm vắng vẻ. Nhìn ngọn đèn, tôi tự nghĩ: “Tôi chẳng khác gì ngọn đèn kia chẳng chiếu được sáng như ý muốn. Nhưng nó mờ là vì người thợ quét vôi không cẩn thận và người dọn phòng lười nhác, còn tôi? Có ai cấm, có ai ngăn cản tôi sống cho phải lẽ, chỉ có chính bản thân tôi”.

Ra khỏi nhà trường, chúng tôi chia tay nhau. Đêm mùa hè ngọt ngào, nặng nề.

Khi chia tay, giáo sư Ta-ra-xê-vích an ủi tôi:

– Nếu như câu chuyện về ông bác sĩ bị mất tích mà anh tưởng tượng ra không thể nào gắn vào những mảnh giấy anh tìm thấy thì cũng chẳng sao. Anh đừng buồn! Câu chuyện thú vị đấy. Chỉ phải cái không có đoạn kết thôi.

Tôi dừng lại ở cửa trường. Tôi cố sức bình tâm lại. Trên mặt đường nhựa vang lên tiếng gót giày của Vô-rôn-xô-va và của giáo sư Ta-ra-xê-vích.

Sau đó, từ trong bóng tối vọng đến tai tôi tiếng nói giễu cợt của Vô-rôn-xô-va:

– Anh nghĩ tiếp đi, sáng mai kể nốt cho chúng tôi nghe đoạn cuối về số phận ông bác sĩ kia nhé!

Tiếng chân im bật. Tiếng người nói cũng im bật.

Bỗng ngay bên tôi có tiếng một ông già:

– Không nghĩ được đoạn kết đâu. Ông bác sĩ Xéc-gây Đum-sép biệt tăm hơi, suốt từ dạo ấy có tin tức gì đâu...

– Ai đấy? Ai nói đấy?...

PHẦN THỨ HAI

NGÔI NHÀ CÓ THÁP NHỌN

Ô CỬA KHÔNG NGỦ

Trăng rằm soi sáng cả thành phố. Những tấm rèm trắng lung linh trên các ô cửa sổ. Mái nhà, bờ rào, cây cối in lên mặt đường những hình thù kỳ dị. Bóng tối cũng lúc ẩn lúc hiện, lúc thu lại, lúc vươn dài. Tôi đang đi tìm ngôi nhà có tháp nhọn.

Ngôi nhà có tháp nhọn?

Đúng thế!

Sau khi thấy từ trong bóng tối có tiếng người nói rằng ông bác sĩ mất tích kia tên là Đum-sép, tôi rung mình vì kinh ngạc và bất ngờ. Khi bình tĩnh trở lại, tôi hỏi:

– Ai đấy! Ai nói đấy?

– Tôi đây, tôi là bác gác trường đại học đây. Tôi đến phiên gác đêm và vừa mới xách được chiếc ghế ra ngồi đây. Trời hơi nóng. Lúc này, tôi cứ ngồi nghe mãi tiếng nhạc từ phía công viên thành phố vọng tới. Sau đó, thấy các ông đi ra và tôi nghe được đoạn cuối câu chuyện của các ông. Ông bác sĩ ấy đúng là có ở Chen-xơ đấy. Nhưng ông ấy đã mất tích...

– Thế nào hử bác? Ông ấy mất tích trong trường hợp nào? Có chuyện gì đã xảy ra với ông ấy? - tôi hỏi dồn ông già gác cổng.

– Ông đừng hỏi tôi về chuyện này. Người ta đã đồn đại nhiều chuyện lắm. Những người sống ở đây hồi ấy nay chỉ còn được vài ba người. Như bà Pô-li-na Bu-lai ấy, bà ta tuổi cũng cao rồi nhưng phải kém tôi đến chục tuổi. Ông mà gặp được bà ta thì biết nhiều chuyện lắm. Một con người hết sức đáng mến. Hồi ấy ở đây người ta vẫn gọi bà là “cô suốt đời đợi chờ” vì bà ta dường như cứ chờ đợi mãi người chồng chưa cưới của mình là Đum-sép ở ngôi nhà có tháp nhọn mà ông ta đã từ đấy ra đi rồi không bao giờ trở lại nữa. Bà ta đến nay vẫn còn sống ở ngôi nhà ấy.

– Địa chỉ bà ấy thế nào, bác có biết không?

– Địa chỉ à? Thế này nhé, từ đây, ông rẽ sang trái đến một cái ngõ dẫn tới một quảng trường, từ đó đi theo phố lớn đến cái phố thứ hai thì rẽ sang trái. Từ phố ấy đến ngõ thứ ba thì lại rẽ sang phải. Chính tại cái ngõ ấy, dãy bên phải, nhà thứ tư tính từ góc đường là nhà bà ta. Ngôi nhà có cái tháp nhọn, xung quanh có bao lơn...

– Bác có nhớ ngõ ấy tên là gì không?

– Ngày trước, người ta gọi là ngõ Thượng, còn bây giờ thì không biết. Chẳng cần phải biết tên ngõ. Ông cứ đi theo lời tôi chỉ là tìm thấy ngay thôi mà... Nhưng khuya khoắt thế này ông đến làm gì cho phiền! - ông già nói với theo khi thấy tôi lật đật đi ra và rẽ sang bên trái, về phía cái ngõ.

Tất nhiên tôi chẳng bao giờ muốn đi gõ cửa nhà người khác lúc nửa đêm và quấy rầy giấc ngủ những người chưa quen biết.

Thế thì vì sao tôi lại tìm ngôi nhà có tháp nhọn? Phải chăng là vì nếu tôi nhìn ngó vào một ngôi nhà nào đó dưới ánh trăng, thì ý nghĩa bí ẩn của những trang nhật ký nhỏ bé kia sẽ sáng tỏ ra? Và phải chăng là có thể có một mối liên hệ nào đó giữa con người đã mất hút từ ngôi nhà có tháp nhọn nhiều năm về trước với những mảnh giấy nhỏ xíu

được tìm thấy hai tuần trước đây trên đám hoa ở ngoài thị trấn, những mảnh giấy được giữ gìn khá chu đáo?

Rất cần phải xác minh rằng: ở Chen-xơ, có một ngôi nhà như vậy, và do đó, câu chuyện ban đêm tôi nghe được trên tàu không phải là điều bịa đặt.

Tất nhiên sẽ có thể so chữ viết ở những trang ghi chép kỳ lạ kia với chữ viết ở một đơn thuốc nào đó còn được người phụ nữ trong ngôi nhà có tháp giữ lại. Rất cần xác minh rằng: người viết những trang đó là ông bác sĩ đã mất tích... Như vậy thì tôi cũng sẽ đỡ ngượng vì những phỏng đoán của mình. Nhưng vấn đề đâu phải ở chỗ đó. Đó chỉ là chuyện vặt. Cái chính là một con người mất tích có thể sắp không còn là một điều bí ẩn nữa. Nhưng lấy gì đoán chắc rằng: người ghi những trang nhật ký nhỏ li ti về những phát hiện và về bệnh lao kia lại chính là người đã sống ở Chen-xơ này, ở ngôi nhà nhỏ mà tôi đang đi tới?

Từ phố lớn, tôi rẽ vào đường phố thứ hai ở bên trái. Từ phố nhỏ, tôi lại rẽ vào ngõ thứ ba ở bên phải. Kia rồi, nhà thứ tư tính từ góc đường - ngôi nhà có tháp nhọn.



Gió rì rào lay động đám cây mọc trong khu vườn quanh nhà. Qua những cành rậm rạp, tôi nhìn rõ một ô cửa sổ sáng đèn. Tôi nhẹ nhàng lại gần cổng ngôi nhà. Một tấm biển nhỏ trắng men mang dòng chữ: “Bác sĩ nha khoa Pô-li-na Bu-lai. Ngày nào cũng tiếp khách, trừ chủ nhật”.

Tôi đứng yên và lắng nghe. Trong nhà vắng lặng, hàng dương thì thầm. Ô cửa không ngủ vẫn sáng đèn. Một người vẫn đang sống trong chờ đợi...

LÀM QUEN

Mặt trời vừa mọc, tôi đã có mặt trước cửa ngôi nhà có tháp nhọn. Dưới tấm bảng nhỏ

có một dòng chữ viết bằng mực đen: “Chuông hồng. Đề nghị gõ cửa”.

Tôi gõ cửa, nhưng không ai mở. Tôi lại gõ. Im lặng.

Tôi nhìn đồng hồ: bảy giờ. “Có sớm quá không nhỉ?”.

Để rút thời gian chờ đợi, tôi ra ga. Ở sân ga, trong khi chờ chuyến tàu đường dài tới, không hiểu sao tôi cứ hỏi người trực ban đi ngang qua xem tàu sắp đến chưa.

Tàu đã đến. Nhà ga đang lặng lẽ bỗng trở nên ồn ào, nhộn nhịp. Hành khách chạy ra xúm đông trước các quầy bán hàng. Tàu rúc còi. Xung quanh lại vắng ngắt.

Tôi quay lại ngôi nhà có tháp. Tôi đi đi lại lại trong ngõ, nhưng cứ nhìn hoài vào nhà, hình như sợ ngôi nhà chạy đi đâu, trốn đi đâu mất.

Đồng hồ chỉ chín giờ. Đã đến lúc hành động!

Tôi khẽ gõ cửa, có tiếng người vội vã trả lời:

– Tôi ra đây! Tôi ra ngay đây!

Cánh cửa vừa hé mở. Một người đàn bà nhỏ bé, mũi nhọn, chít chiếc khăn xanh đã bạc màu nhô đầu ra nhìn tôi chăm chú.

– À! Có phải anh là người đã đi trên chuyến tàu mà con Di-na nhà tôi phục vụ không? Nó chờ anh mãi đến khuya, đèn cũng chẳng tắt. Anh vào đi. Tôi đánh thức nó ngay bây giờ!

– Không ạ! Không ạ! Tôi đến gặp bác sĩ chữa răng Pô-li-na Bu-lai.

– Anh đến gặp bà ấy à? Thế thì anh ngồi đợi ở kia, tôi gọi bà ấy cho. - Người đàn bà chỉ cho tôi chiếc ghế tựa độc nhất đặt giữa đám tủ cao và hòm đóng đai sắt xếp chặt hành lang.

Đến gần một cửa buồng, bà ta đứng im nghe ngóng rồi quay trở lại nói với tôi:

– Tôi ở cùng lâu lắm rồi mà chịu không hiểu được sinh hoạt của bà ấy. Chẳng biết lúc nào thức, lúc nào ngủ nữa. Đây, ngay lúc này cũng chẳng hiểu bà ta ngủ hay không ngủ. Bệnh nhân thường đến vào lúc sau bữa ăn trưa.

Tôi đứng dậy:

– Thế thì sau bữa trưa tôi lại đến vậy.

– Trông anh như người từ xa đến thì phải? - người đàn bà hỏi.

– Vâng, tôi ở nơi khác đến.

– Anh ở đâu đến thế? Có ở đây lâu không? Có đến thăm bà ta luôn không?

– Sao bác hỏi nhiều thế?

– À, tôi hỏi không phải vì tôi tò mò đâu mà vì tôi sợ thôi! Tôi sợ lắm! Tôi sợ đủ mọi thứ trong ngôi nhà này.

– Bác sợ cái gì kia chứ?

Người đàn bà hạ thấp giọng, chỉ tay về phía chiếc cửa mà lúc nãy bà ta vừa lại gần, nói:

– Tôi sợ bà ta...

Vừa lúc ấy thì cánh cửa buồng mở ra.

– Đây, bà ấy đây! Rồi tôi sẽ kể cho anh nghe hết mọi chuyện.

Một bà già cao cao, mái tóc bạc chải phẳng, mặc chiếc áo dài đen kiểu cũ, gài khuy đến tận cổ, bước ra. Trông bà cũng đến sáu mươi lăm tuổi.

– Bà là bà Pô-li-na Bu-lai phải không ạ?

– Vâng, mời vào! - bà Pô-li-na mở rộng cánh cửa.

“Một phòng chữa răng kỳ lạ”, - tôi nghĩ vậy khi bước vào buồng.

Căn phòng xếp đầy những chiếc tủ con cũ kỹ, những ngăn, những hòm, những chiếc

ghế thấp và những chiếc bàn cao xếp đầy đồ mỹ nghệ. Trên tường treo la liệt tranh ảnh cổ về cảnh gia đình êm ấm. Những bức tranh ấy treo hỗn độn chẳng theo một trật tự nào. Những cái khung mạ vàng của chúng đã xỉn lại cùng với thời gian. Bên cửa sổ là chiếc ghế chữa răng. Đệm ngồi và chỗ tựa đầu bọc nhung đỏ của chiếc ghế đã mòn nhẵn hết lớp lông tơ mịn.

Tất cả mọi vật trong căn phòng đều mang dấu vết của thời gian xa xưa, cũ kỹ, già nua, nhưng không có chỗ nào có vết bụi.

Bà Pô-li-na vừa đi về phía chiếc chậu rửa tay vừa nói:

– Mời ngồi.

– Bà Pô-li-na, tôi không phải là bệnh nhân.

– Thế anh đến đây làm gì?

– Thưa bà, tôi muốn được nói một chút về ông Đum-sép.

– Đum-sép? - bà Pô-li-na hỏi lại một cách bình thản nhẹ nhàng nhưng không chút ngạc nhiên.

Có tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Bà hàng xóm ban nãy bước vào:

– Bà Pô-li-na, bà có cầm cái chảo tráng men dưới bếp của tôi không thế?

– Không, tôi không lấy đâu, bác Áp-đô-chi-a ạ.

– Bà không lấy ạ? Thế thì chắc con Di-na nhà tôi nó để đâu rồi. Nó còn đang ngủ, lát nữa tôi hỏi nó... À, bà có biết không, hôm qua chuột nó sục cả đêm trong cái hòm bà để ở dưới bếp ấy. Có lẽ bây giờ nó vẫn còn trong ấy. Bà xuống mở ra mà đuổi nó đi...

– Chuột à? Trong cái hòm đựng thư của tôi?...

Bà Pô-li-na vội vã ra khỏi phòng.

Khi chỉ còn hai người trong phòng, bác Áp-đô-chi-a nói với tôi:

– Tôi sợ lắm... Có lẽ vì bà ấy dở tính làm sao ấy. Con Di-na nhà tôi đi suốt tuần phục vụ trên tàu. Chỉ còn có mình tôi và bà ta ở đây. Bà ấy cứ lặng lẽ như cái bóng, chẳng nói một lời. Hồi trước, khi tôi chưa đến ở đây, người ta nói về bà ấy đủ mọi chuyện, hình như bà ta cứ ngóng ra đường cái chờ đợi cái ông chồng chưa cưới nào đấy của bà ta thì phải. Cứ nhìn thấy bà ta, tôi lại nghĩ: “Cô gái chưa chồng này già gần kề miệng lỗ rồi còn gì”... Con Di-na bảo tôi: “Việc gì mà mẹ cứ phải lo, người ta sống yên lặng, việc người ta người ta làm. Bà ấy cũng bình thường như mọi người chứ có gì là lạ”. Nhưng tôi thì tôi vẫn cứ áy náy. Nếu anh đến thăm bà ta luôn thì anh cứ để ý xem rồi nói cho tôi biết ý anh thế nào, bà ta có gì đáng ngại không...

Có tiếng chân bà Pô-li-na quay lại. Bác hàng xóm đi ra.

Tôi nói với bà bác sĩ:

– Bà Pô-li-na ạ, xin bà thứ lỗi cho việc tôi đến đây làm phiền bà. Tôi mong được bà kể cho nghe tất cả những gì bà biết về ông Đum-sép, về chuyện ông ấy đã mất tích như thế nào...

– Không, anh đừng nói thế! Đum-sép chỉ ra đi... ra đi từ ngôi nhà này mà thôi.

– Vâng, ông ấy đã ra đi? Lâu rồi chứ ạ?

Tôi cảm thấy ngay sự thiếu tế nhị của mình và im lặng.

Bà Pô-li-na không trả lời ngay, ngồi yên một chút như để lấy lại bình tĩnh rồi nói với tôi:

– Xin lỗi, anh chưa cho tôi biết tên.

Tôi tự giới thiệu.

– Anh Gri-gô-ri, cái gì đã xui khiến anh tới đây? Anh biết đấy, chẳng còn ai nhớ đến

Đum-sép nữa.

– Tôi đã vô tình được nghe một câu chuyện và chuyện ấy đã đưa tôi đến với số phận ông Đum-sép. Nhưng thôi, lúc này xin bà đừng hỏi gì tôi thêm nữa.

– Vâng, tôi tin anh. Ngày xưa, lâu lắm rồi, người ta đã gọi tôi là vợ chưa cưới của Đum-sép. Ôi! Anh không thể tưởng tượng được hồi ấy ở cái tỉnh lẻ heo hút này, người ta rồi miệng như thế nào! Nhưng vấn đề không phải là ở đây. Tôi đang suy nghĩ không biết nên kể như thế nào cho anh nghe về Đum-sép. Tôi không biết có nên bắt đầu từ chuyện tôi đã gặp Đum-sép lần đầu tiên như thế nào, hay là chỉ kể về những buổi gặp gỡ và trò chuyện với Đum-sép.

– Nếu có thể được, xin bà cứ cho nghe tuần tự từ đầu.

– Nhưng anh hãy bỏ bút của anh xuống đi! Tôi chịu không thể kể và nhớ lại một cách bình tĩnh khi anh cứ chăm chăm ghi lấy từng lời tôi.

Tôi lặng lẽ cất bút và gấp cuốn sổ tay bỏ vào túi, ngồi lại cho ngay ngắn, sẵn sàng theo dõi câu chuyện.

– Chuyện ấy xảy ra từ lâu lắm rồi... - bà Pô-li-na bắt đầu kể.

Có tiếng động ngoài cửa.

– Anh đừng để ý, đấy là bà Gi-bran-ta đang xê dịch bàn ghế và quét lại cái hành lang đã sạch nhẵn ở cửa buồng tôi đấy mà.

– Sao lại gọi là Gi-bran-ta ạ?

– À, tôi vẫn gọi bà Áp-đô-chi-a hàng xóm của tôi như vậy vì chẳng có gì lọt được qua mắt bà ta, chẳng khác gì con tàu khi đi qua pháo đài Gi-bran-ta. Ai bà ta cũng xem xét cặn kẽ. Cái gì bà ấy cũng sợ.

– Vâng, chuyện ấy xảy ra đã lâu... - tôi khẽ nhắc lại.

1-CA-RƠ^[10] TRONG NGÀY HỘI CHỢ

Bà Pô-li-na kể:

– Vâng, đã lâu lắm... Khi ấy, tôi còn là một cô gái mười bảy tuổi. Tôi vẫn còn nhớ rõ ngày, giờ, thậm chí cái phút giây đầu tiên được trông thấy Đum-sép. Đó là thời kỳ sơ khai của ngành hàng không. Nói cho đúng hơn, đấy là ngày “khai thiên lập địa” của ngành hàng không... Ngày mồng chín tháng Sáu. Một ngày chủ nhật. Hội chợ.

Tôi ngồi nghe bà Pô-li-na kể mà quên cả tuổi tác và mái tóc bạc trắng của bà. Tôi có cảm giác hình như câu chuyện bà kể không phải đã xảy ra từ lâu lắm, mà như đang diễn ra trước mắt tôi. Hệt như ngọn lửa của những ước mơ bà không thực hiện được đã thiêu cháy mấy chục năm qua ấy...

Hội chợ. Một buổi hội chợ ở miền nam nước Nga, dưới ánh nắng chói chang. Ôn ào, sặc sỡ, inh ỏi và lộn lầy.

Buổi sáng, khi người ta mở cửa sổ thì thấy ngay cảnh hội chợ nhộn nhịp khắp nơi. Những đám đông ôn ào, chen chúc, nào khăn, nào áo, đủ màu, đủ kiểu. Tiếng còi rúc, tiếng người la, tiếng ngựa hí... đình tai, nhức óc.

Dưới mái các lều, quán dựng tạm bằng ván gỗ còn mới nguyên, người ta chen lấn xô đẩy nhau và đám người chuyển động như một dòng sông lấp lánh những hàng vải sặc sỡ, nhưng chiếc áo hoa, váy hoa và những chuỗi hạt cườm.

Chật không thể nào lách đi được!

Những vòng đu quay chuyển động cót két trong tiếng reo hò, huýt sáo của các thanh niên nam nữ ngồi trên lưng những con ngựa gỗ hay trên những chiếc ghế đu sơn xanh đỏ lòe loẹt.

Chật như nêm cối!

Đám người mù hát rong vẫn kéo dài một bài hát đơn điệu. Không ai biết nó bắt đầu từ lúc nào và bao giờ thì kết thúc. Đi đầu là một chú bé bạch tạng, có cái mũi nhọn và đôi mắt tinh ranh. Chú vừa rẽ đám đông vừa chìa ra chiếc mũ rách. Đám hát rong đi theo sau, tay để lên vai nhau, ngẩng cao những khuôn mặt bình thản.

Đi tiếp sau đám hát rong là một cô gái di-gan vai vắt chiếc khăn sặc sỡ có viền tua, ngực lấp lánh những chuỗi hạt cườm, mấy chiếc vòng và những đồng tiền đeo cổ kêu leng keng. Cô ta len lỏi giữa đám xe cộ chở hàng và các lều quán, hết nắm tay người này lại nắm tay người khác mồm liên thoảng: “Đưa tay đây cho tôi sẽ đoán ngay số mệnh!”.

Mặt trời lên cao dần. Không khí càng nóng bức, ngọt ngào hơn. Hội chợ mỗi lúc một đông thêm và càng ồn ào náo nhiệt.

Bỗng từ xa có tiếng người nói to và kéo dài: “Một người sắp bay! Một người sắp bay lên bầu trời!”.

Tiếng nói chìm ngấm trong muôn vàn tiếng ồn ào của buổi chợ.

Không một ai quay lại, cũng chẳng có tiếng hưởng ứng. Buổi chợ tiếp tục âm ỉ.

Một người khoác chiếc áo choàng dài đến gối, đầu đội mũ cát-két có lưỡi trai bóng nhoáng, nhảy lên một chiếc xe chở hàng, khua tay, hét to:

“Bà con ơi! Trông kìa, hãy trông xem người ta đang làm gì trên kia!”.

“Đâu? Ở đâu?”.

“Kìa kìa, trên cái giàn cao kia kìa! Từ trên cái giàn cao ấy sẽ có một người bay lên!”.

“Một người sẽ bay lên bầu trời!”.

Đám đông tò mò, háo hức xô về phía cái giàn cao dựng trên đồi.

Trên giàn gỗ cao, người ta đặt một cái máy trông giống một con chuồn chuồn khổng lồ. Bên cạnh đó, một người trẻ tuổi đang hý hoáy sửa lại những sợi dây dài trên cái máy ấy.

Anh ta mặc chiếc áo cổ đứng cài khuy bên, ngoài choàng chiếc áo khoác rộng. Da mặt hơi tái, những ngón tay thon dài run run xúc động, môi mím chặt, và khi anh ta đứng thẳng lên thì đôi mắt nhìn thẳng ra phía xa vượt qua đầu đám đông đang chen chúc dưới chân.



Người thanh niên ấy trông thật kỳ lạ, khó hiểu và cô đơn giữa đám người ồn ào, ăn diện của buổi hội chợ miền nam ấy. Anh ta rõ ràng là đang bận rộn với cái máy của mình và không để ý đến mọi chuyện xảy ra xung quanh.

Mỗi người qua cổng rào vào xem đều phải trả năm cô-pếch cho ông chủ thầu đã đứng ra xây dựng cái giàn gỗ. Người ta chen chúc nhau trong vòng hàng rào, xung quanh chân giàn.

Ông bầu trèo lên mấy bậc thang của chiếc giàn, nói to: “Thưa quý ông, quý bà! Một người sắp sửa bay lên bầu trời. Quý ông, quý bà sẽ được tận mắt thấy chuyện đó. Quý ông, quý bà con người sắp bay lên bầu trời rồi lại trở về chỗ chúng ta!”.

Ông chủ thầu rút chiếc khăn đỏ kẻ sọc lau lau cái trán hói bóng. Trong đám đông có tiếng hỏi nhao nhao hướng về phía người thanh niên đang đứng trên giàn cao:

“Tên anh là gì?”.

“Người ở đâu?”.

“Mỗi lần bay lên bầu trời, anh tin vào điều gì?”.

Người thanh niên trả lời ngắn gọn:

“Tôi là Đum-sép! Người Nga!”.

“Thôi, bay đi!” - đám đông lại nhao nhao.

Đum-sép bỏ chiếc áo khoác rồi tiếp tục loay hoay bên cái máy. “Xin quý vị đừng sốt ruột! - ông bầu nói với đám đông. - “Chỉ năm mươi phút nữa thôi là sẽ bay!...”.

- Lúc đó, tôi đứng không xa chân giàn lắm và nhìn thấy cổ tay Đum-sép run run vì cảm động. - Bà Pô-li-na tiếp tục kể. - Tôi vừa lo lắng, vừa sợ hãi. Cái giàn cao lắm! Mọi người không biết rằng chàng thanh niên dũng cảm kia sẽ ngã tan xác hay sao?

Tôi nói với anh trai tôi: “Anh hãy can anh ấy đừng bay nữa!”.

Anh trai tôi là sinh viên trường đại học bách khoa. Anh ấy rất thành thạo những công việc kỹ thuật. Anh luôn luôn đi kèm bên tôi. Hôm ấy, tôi đội một chiếc mũ rơm rộng vành và tóc tết đuôi sam dài.



Anh tôi lại gần chân giàn rồi vừa trèo lên vừa nói to với người thanh niên đã chế tạo ra bộ cánh bay: “Anh bạn! Có cần giúp đỡ gì không?”.

Nhưng người thanh niên từ chối và vẫn chăm chú chuẩn bị bộ cánh bay.

Xung quanh có tiếng người xì xào:

“Không bay được đâu!”.

Một lão lái buôn lên giọng giải thích: “Tại sao con chim bay được? Chẳng qua là nhờ bộ lông cánh, còn bộ cánh của anh ta trơ trụi thế kia làm sao mà bay được!”.

Anh tôi quay lại hỏi lão:

“Thế con giời bay được hay không bay được? Như vậy vấn đề đâu phải ở bộ lông!”.

“Ôi, làm sao mà anh ta không bay được? Cứ gọi là loay hoay đến tối cũng không bay được đâu!”.

“Lâu quá! Nhanh lên! Bắt đầu đi!” - đám đông sốt ruột gào lên.

Đum-sép mở rộng đôi cánh bay rồi đẩy nó ra sát mép giàn.

Đám đông hồi hộp theo dõi.

Anh sở chân vào những vòng dây, thắt chặt bộ đai giữ toàn thân gắn liền với bộ dụng cụ bay, luồn tay vào đôi cánh làm bằng cành liễu căng vải rất nhẹ và rất cơ động, hẳn là có lắp bản lề.

“A, sắp bay rồi, sắp bay rồi!” - đám đông reo lên.

“Rồi đã! Rồi đã! - lão chủ thầu bỗng kêu lên. - Đợi một chút đã!”.

Từ nãy đến giờ ông ta không lúc nào đứng yên, lúc thì leo lên giàn, lúc lại chạy ra cổng để soát xem số tiền thu được là bao nhiêu.

“Đợi một chút đã!” - ông ta vừa kêu vừa giơ tay rẽ đám đông lấy lối đi cho vợ chồng một quan chức.

Đến chân giàn, lão quan gọi Đum-sép:

“Này anh kia! Vợ tôi muốn hỏi anh vài câu, anh chịu khó trả lời nhé!”.

Mụ vợ lão tháo kính, hỏi với lên:

“Đôi cánh bay của anh làm bằng vải gì thế? Ở dưới này nhìn lên có vẻ như bằng lụa, có phải không? Anh mua ở đâu lụa màu đỏ? Có đắt lắm không?”.

Đum-sép trả lời cặn kẽ câu hỏi.

“Thôi, bây giờ thì bay đi!” - lão chủ thầu bảo anh.

Anh tôi khẽ nói: “Pô-li-na! Em hãy nhớ lấy mấy câu này:

Người xem đã chán chương,

Họ ra về thanh thản,

Còn I-ca-rơ tan xương,

Vì đôi tay dững cãm

Muốn với tận vùng dương”.

Bất thần Đum-sép lao ra khoảng không. Anh bay!

Mọi người nín thở nhìn lên rồi chạy ủa theo. Họ chạy, nhảy qua rào, chui qua rào, ngửa đầu ra lạng thỉnh mà chạy.

Bỗng nhiên đôi cánh nghiêng đi. Người xem hoảng sợ xô nhau, dạt về một bên.

Nhưng Đum-sép đã đạp mạnh đôi chân buộc chặt với đuôi hình quạt và lấy lại được thăng bằng.

Con chuồn chuồn khổng lồ lại dướn thẳng.

“Hoan hô! Hoan hô!” - mọi người hét to.

Nhưng chỉ được vài phút thì gió lại thổi mạnh hơn. Gió thổi tung cả khăn áo người xem.

Vẫn chạy bên tôi, anh tôi kêu lên:

“Nguy mất! Gió làm hại anh ấy rồi! I-ca-rơ của nước Nga đang phải đương đầu với gió!”.

Tôi trông thấy rõ đôi cánh của Đum-sép chao đảo, lúc nghiêng về bên này, lúc nghiêng về bên kia như muốn rơi.

Anh tôi reo to:

“Trông kìa! Gió đẩy sang trái, Đum-sép ngoặt chân sang trái, gió đẩy sang phải thì Đum-sép lại ngoặt chân sang phải! Anh vẫn giữ được thăng bằng!”.

Nhưng gió hình như cố tình làm hại anh, nên lần này thổi ập từ trên xuống. Bộ cánh bay của Đum-sép chúi xuống. Anh bèn dùng tay để vẫy đôi cánh, nhờ đó lại lấy được thăng bằng một lúc. Có tiếng người nói bên cạnh tôi:

“Anh ta kiệt sức rồi! Rơi mất thôi!”.

Và anh rơi thật, đôi cánh vẫy vùng một cách tuyệt vọng. Gió đẩy anh ra phía biển.

Đám đông hét lên:

“Anh ta chết đuối mất!”.

Các bà đi xem, người thì òa khóc, người thì làm dấu thánh. Bộ cánh bay cùng với Đum-sép rơi xuống bãi cát sát mép nước.

Đám đông vừa la hét vừa chạy về phía bờ biển.



Tôi chạy trước mọi người. Chiếc mũ rơm chỉ chực bay mất. Tôi chạy đến Đum-sép trước tiên, anh tôi cũng chạy đến ngay sau tôi.

“Anh còn sống chứ?” - tôi kêu lên.

Đum-sép cựa mình. Chúng tôi gỡ anh ra khỏi bộ cánh bay bị vùi trong cát.

Mọi người ủa đến, nhưng tất cả đều lặng lẽ dường như sợ làm phiền Đum-sép. Ngay cả mấy chú bé đầu trần, chân đất chạy đi chạy lại giữa đám đông và bộ cánh bay vỡ nát, cũng chỉ khẽ thì thầm với nhau.

Anh tôi đề nghị mọi người giải tán.

Người ta đem lại một bình nước. Tôi rắc nước lên trán Đum-sép. Anh tôi chạy đi thuê xe chở.

Đum-sép đã tỉnh lại, nhưng anh không nhận được ra ai cả. Mọi người tản dần ra về. Bỗng anh cố nhồm dậy. Tôi đỡ anh. Anh quay lại và nhìn thấy bộ cánh bay vỡ nát.

“Nhất định phải bay nữa!” - anh khẽ nói một mình, giọng búng bình.

Một con hải âu nhẹ nhàng vút qua đầu chúng tôi.

“Bay như con chim kia hử anh?” - tôi chỉ cho anh con hải âu.

“Như chim à?” - anh hỏi lại tôi.

“Vâng, như con chim hải âu kia phải không anh?” tôi nhắc lại.

Đum-sép im lặng một lát dường như suy nghĩ điều gì rồi nói:

“Không, không! Không bay như chim, phải bay giỏi hơn nữa. Như con ruồi! Không những bay mà còn dừng được trên không trung nữa! Đứng trên không trung cũng vững vàng như con người đứng trên mặt đất vậy!”.

Tôi sợ anh bị loạn trí, bèn hỏi lại:

“Con ruồi nào thế anh? Anh nói gì thế? Phải chăng là con ruồi đứng được trên không trung?”.

Anh im lặng rồi khẽ nói:

“Tôi sẽ học tất cả những điều đó không phải ở đây, mà ở đấy... chỉ có ở đấy!”.

“Ở đâu?” - tôi hỏi.

Anh không trả lời.

Tôi thấy sợ. Anh tôi đi thuê xe mãi không thấy quay lại.

Vịn vào tay tôi, Đum-sép đi chậm chậm từng bước về phía thành phố.



Bộ cánh bay nằm lại trên bãi biển. Trời tối dần. Tôi vẫn chờ cho người thanh niên kỳ lạ kia bước đi...

Đi cạnh Đum-sép, tôi bỗng cảm thấy tiếng sóng biển rì rầm khác hẳn mọi ngày và những tia sáng mặt trời đang lặn rực rỡ khác thường.

Đum-sép bước bên tôi, đầu cúi xuống, không nhìn tôi lần nào mà chỉ luôn lăm bắm trong miệng:

“Không có con đường nào khác! Chỉ có ở đây! Chỉ có học tập chúng mà thôi!”.

Tôi không hiểu anh nói gì và cũng không hỏi anh. Mặt trời chìm dần xuống phía biển xa.

LÁ THƯ CỦA AN-ĐRÂY BU-LAI

Nghe xa xa đâu đó tiếng chổi quét ngoài hành lang láng giềng.

Khi bà Pô-li-na bắt đầu kể chuyện, tôi vẫn định ninh trong dạ: “Phải làm sao mau chóng xác minh xem có phải chính là Đum-sép đã viết những trang nhật ký kia hay không. Phải so sánh nét chữ! Đó là điều chủ yếu”.

Nhưng càng nghe kể chuyện, tâm hồn tôi càng tràn đầy những ý khác nhau. Tôi cảm thấy cả hơi thổi của luồng gió giạt làm chao đảo đôi cánh những chiếc máy bay đầu tiên, ôi, ước mơ táo bạo của con người đầu tiên muốn chinh phục không gian mới đẹp đẽ và trong sáng làm sao?

Thật kỳ lạ: ngồi trên chiếc ghế chữa răng, trước mắt là những dụng cụ, dao kéo, kim, kẹp mạ kền sáng loáng, nhưng tôi chẳng nhìn thấy gì hết, tâm hồn tôi bay bổng theo ước mơ trong sáng và nồng nhiệt của Đum-sép khi anh lao lên không trung với chiếc máy tự tạo của mình, bay ở phía trên buổi hội chợ náo nhiệt.

Nhưng những lời mà Đum-sép đã nói sau chuyến bay không thành công của mình

có ý nghĩa gì? “Tôi sẽ học tất cả những điều đó không phải ở đây, mà là ở đấy... chỉ có ở đấy!” Cần phải tìm hiểu, phải khám phá cho ra ý nghĩa câu nói ấy!

Tiếng chổi bà hàng xóm vẫn xoàn xoạt ngoài hành lang. Bà Pô-li-na cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi:

– Tôi đã nói với anh rằng: anh trai tôi, một sinh viên học tại Trường đại học bách khoa Pê-téc-bua, hôm ấy cũng chứng kiến chuyến bay của Đum-sép. Sau lần ấy, anh tôi đến thăm Đum-sép luôn. Một năm sau đó, lần nào về Chen-xơ, anh cũng đến chơi với Đum-sép. Đây là lá thư anh ấy gửi cho tôi khi biết tin Đum-sép bỗng dưng biến mất.

Tôi cầm lấy lá thư và đọc:

“Em Pô-li-na thân mến!

Anh hết sức xúc động khi nhận được thư em báo tin về Đum-sép. Em nói rằng người ta tìm thấy quần áo anh ấy trên bờ biển. Anh ấy đã lao mình xuống biển hay sao? Anh không thể nào nghĩ như vậy được. Giờ đây những nhận xét lẽ tẻ đã tập hợp lại thành hình ảnh toàn vẹn của Đum-sép trước mắt anh. Anh sẽ mãi mãi không bao giờ còn được gặp lại con người ấy nữa. Anh ấy đã làm người ta phải ngạc nhiên hơn cả về điều gì? Đó là sự ham thích nhiều mặt, những tìm tòi và thí nghiệm khoa học của anh ấy! Có lần nhìn anh ta làm thí nghiệm, anh đã nghĩ rằng: “Thật kỳ quặc! Làm sao mà bộ óc một con người lại có thể đồng thời chú ý đến những lĩnh vực khoa học hết sức khác nhau như vậy!” Anh nói ý nghĩ ấy với Đum-sép. Anh ta không giận gì cả và bảo anh: “Đúng thế, tôi biết. Anh đứng ngoài có thể có cảm tưởng như vậy... Nhưng anh có biết tôi noi gương ai, học tập ai không?” Đum-sép đi nhanh về phía giá sách, rút một tập của Pu-skin^[11] rồi đọc: “Là một nhà sử học, một diễn giả, một nhà cơ học, một nhà hóa học, một nhà địa chất học, một họa sĩ và một nhà thơ, ông đã thử nghiệm, đã thâm nhập vào mọi lĩnh vực...”

“Điều đó nói về ai? Về Lô-mô-nô-xốp. Cần phải học tập, phải noi gương ông về cách đi sâu vào những ngành khoa học khác nhau”.



“Nhưng đấy là xưa kia... trong thế kỷ thứ mười tám xa xôi” anh nói với Đum-sép như vậy.

“Xưa kia à? Nhưng tôi sẽ chứng minh cho anh thấy rằng những ngành khoa học tự

nhiên và kỹ thuật không tách rời nhau. Cần phải học tập con ruồi bay đúng một chỗ trên không trung để tìm cách chế tạo máy bay. Các khoa học khác nhau hoàn toàn không khác nhau. Thậm chí cả toán học và thơ ca cũng là một nữa!”.

Nghe nói thế, anh không giữ được nữa, buột miệng hỏi lại:

“Như vậy là anh cứ nhất định rằng nhà toán học thì làm thơ, và nhà thơ...”.

“Lô-ba-sép-xki^[12] cũng làm thơ như Chút-sép^[13] vậy, cả hai đều là những nhà thơ! Họ giống nhau cả về tâm hồn lẫn phong cách”.

“Thế anh thử đọc cho tôi nghe một bài thơ của Lô-ba-sép-xki xem nào”.

“Được, tôi đọc Chút-sép rồi tôi sẽ đọc Lô-ba-sép-xki cho anh nghe:

Đối với họ, mặt trời không chiếu rọi,

Sóng biển khơi không một chút tình đời.

Tâm hồn họ ánh hồng không soi tới,

Và trong tim không hương sắc mùa xuân.

Khi thấy họ, cây rừng im tiếng nói,

Những đêm sao cũng lạnh nhạt lặng câm!

Đây là Chút-sép, còn bây giờ anh nghe Lô-ba-sép-xki nhé:

“Nhưng các anh, những kẻ mà cuộc sống đã trở thành gánh nặng cho người khác một cách bất công, các anh, những kẻ mà đầu óc đã trở nên dần dần, tình cảm đã tê liệt, các anh không thể biết được niềm vui cuộc sống! Đối với các anh, thiên nhiên là không hồn, vẻ đẹp của thơ ca là xa lạ, các anh không thấy được vẻ long lanh huy hoàng của kiến trúc, đối với các anh lịch sử cũng chán ngắt...”

Đum-sép đọc những câu ấy một cách trịnh trọng. Nhưng anh vẫn không hiểu trong đó có cái gì chung giữa Chút-sép và Lô-ba-sép-xki.

Giờ đây, khi Đum-sép không còn nữa, anh cầm trong tay tập thơ của Chút-sép và tác phẩm của Lô-ba-sép-xki, anh đọc lại một lần nữa những câu ấy và nghĩ rằng: “Đúng, Đum-sép đã nói đúng. Hồi đó mình đã không hiểu anh ấy, vì vậy bây giờ mình phải tự trừng phạt mình”.

Không biết vì sao lúc này anh lại nhớ đến một chuyện giữa anh và Đum-sép. Sáng hôm rời Chen-xơ, anh đã đến từ biệt Đum-sép. Anh nói:

“Đum-sép, anh tìm tòi nghiên cứu những lĩnh vực khoa học khác nhau. Nhưng mục đích của anh là gì? Nhiệm vụ chủ yếu của anh là gì?”.

“Để trở thành một chiếc kính hiển vi, một chiếc kính hiển vi sống!”.

“Anh đùa đấy à? Đum-sép!”.

“Không đùa một chút nào hết, - Đum-sép nói một cách nghiêm chỉnh và đơn giản.

“Tại sao anh lại không muốn thừa nhận việc con người đang tiến hành những thí nghiệm khác nhau và đi đến chỗ tìm ra những chất men kỳ diệu nhất?”.

“Tôi thừa nhận”, - anh nói.

“Thế anh có thừa nhận rằng những chất men ấy ở dạng bột lúc này đang nằm ngay trên bàn trước mắt anh không? Con người uống chất bột ấy, và thế là...”.

Đum-sép suy nghĩ đắm chìm.

“...thế là con người nhìn thế giới dường như qua ống kính hiển vi”, - anh nhắc Đum-sép.

“Sao lại dường như? Thế giới trước mắt người đó thực sự bắt đầu lớn lên gấp nhiều lần. Vì con người bắt đầu... - Đum-sép nói không hết câu, dừng lại, rồi lại nói với giọng vui đùa: - Thế nào, tôi đùa anh khá đấy chứ? Nào là “con người - hiển vi”, nào là những

chất men kỳ diệu... Thật là những chuyện hoang đường, vô lý đến nỗi cười phải không anh? - Đum-sép càng cười vui vẻ hơn. - Ấy thế mà anh có vẻ cứ muốn tin tôi”.

Đum-sép vớ lấy cây đàn và kéo một bài nhạc nhảy ma-duốc-ca...

Em Pô-li-na, anh biết rằng có bao nhiêu tiền Đum-sép đã chi tiêu cả cho việc thí nghiệm, hoặc để mua thuốc cho bệnh nhân. Anh được chứng kiến cảnh chủ nhà đến đòi tiền Đum-sép.

“Ông bác sĩ ạ, ông chỉ còn cách đâm đầu xuống biển thôi. Tiền thuê nhà cả năm ngoài ông chưa trả một xu nào!”.

Nhận được thư anh, em hãy trả tiền cho chủ nhà của Đum-sép. Em hãy cùng mẹ đến đấy mà ở. Phòng thí nghiệm của Đum-sép thì em khóa lại. Anh sẽ đến sắp xếp các giấy tờ tài liệu và dụng cụ thí nghiệm của anh ấy.

Thôi, đã gần năm giờ sáng rồi, anh phải dừng bút thôi. Có một cái gì đó lạ lùng, khó hiểu trong câu chuyện này... Chuyện Đum-sép tự tử, anh thấy khó mà tin được. Bao nhiêu tìm kiếm mới được bắt đầu! Nhiệm vụ khoa học trước mắt anh ấy to lớn biết bao! Vả lại tự tử là hèn nhát, Đum-sép không phải là một người như vậy. Anh vẫn nhớ Đum-sép với tất cả vẻ bình tĩnh và can đảm khi đứng trên giàn cao chuẩn bị bay trong ngày hội chợ... Viết thư cho anh thật chi tiết và rõ ràng nhé. Rất mong gặp mẹ và em.

Anh trai của em. An-đrây Bu-lai”.

- Nhưng tôi đã không thể trả lời anh tôi được, - bà Pô-li-na nói khe khẽ, giọng đau khổ. - Anh ấy bị bọn khiêu khích Nga hoàng bắt vì đã tham gia hoạt động cách mạng. Sau đó, anh mất khi bị đưa đi đày. Tôi đã làm theo lời anh ấy dặn, chuyển đến ở ngôi nhà này. Tôi đã khóa phòng thí nghiệm của Đum-sép. Mọi vật trong ấy vẫn để y nguyên như khi Đum-sép thấy nó lần cuối cùng... Anh chắc muốn xem phòng thí nghiệm ấy? - Bà Pô-li-na lấy trong ngăn kéo một chiếc chìa khóa lớn đã han gỉ.

TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM CỦA ĐUM-SÉP

Tôi mở rộng cánh cửa, bước theo bà Pô-li-na để lên phòng thí nghiệm. Bà Pô-li-na cầm theo một cây nến cắm trên đế đồng và một bao diêm.

Vừa ra cửa, tôi đã thấy bác Áp-đô-chi-a đứng đấy. Bác nhìn tôi có vẻ như muốn nói điều gì nhưng lại thôi.

Chúng tôi đi theo chiếc cầu thang hẹp dẫn lên tầng trên, những bậc gỗ kêu cọt két dưới chân. Dừng lại ở khoảng trống trước cửa phòng thí nghiệm, bà Pô-li-na tra chìa vào chiếc khóa gỉ đeo trên cánh cửa.

Ánh nến rung rinh chập chờn soi sáng những đồ vật, dụng cụ trong phòng: những chai, sách, lọ, bình cầu thủy tinh, những giấy tờ ghi chép, chiếc hộp đựng đàn, những giá gỗ đựng ống nghiệm, những bức chân dung, chiếc kính hiển vi, chiếc khay trà bằng đồng trên đựng đĩa, tách, cái kính lúp.

Tôi đỡ lấy cây nến trong tay bà Pô-li-na và thận trọng đi quanh một lượt toàn bộ căn phòng. Tôi xem xét tường và trần. Đây là một phòng nhỏ hơi tròn, từ ngoài phố nhìn lên trông nó tựa tựa như cái tháp. Cửa sổ đóng kín. Có lẽ đứng trong phòng này, bà Pô-li-na cảm thấy nặng nề và buồn thương nên đã nhẹ nhàng đi ra để tôi ở lại một mình. Tôi còn nhớ bà đi ra một cách thông thả, nhẹ nhàng và thận trọng.

Trên chiếc bàn nhỏ, tôi thấy một vật kỳ lạ, có lẽ là mô hình một con bọ có cánh đang bay. Ngay bên cạnh là một tờ ghi chép. Phủi bụi trên trang giấy, tôi nhận ra ngay nét chữ sắc sảo, hơi cổ, nét chữ quen thuộc mà tôi đã thấy dưới ống kính hiển vi ở trường đại học sư phạm.

Cầm cây nến trong tay, tôi yên lặng suy nghĩ: “Chính là Đum-sép đã viết về cuộc hành trình nào đó mà ông đã làm để chuyển cuốn nhật ký ghi những phát hiện của mình. Cuộc hành trình ấy như thế nào? Đum-sép đã thu nhỏ những dòng chữ lại để làm gì? Vì sao mà những trang ghi chép từ lâu kia giờ đây lại có thể vương trên những bông hoa gần cái nhà chòi? Hay không phải Đum-sép mà là một người nào đó khác đã dùng máy ảnh thu nhỏ những trang nhật ký ấy rồi đánh rơi chúng ở đây?”.

Không khí im lặng trong gian phòng như đang lắng nghe những câu hỏi ấy, đang lắng nghe tiếng xe ngựa ngoài đường phố, tiếng còi xa xa của một chiếc ô-tô trong ngõ. Sự im lặng ấy đã bao năm giữ gìn tiếng động lách cách của những bình, lọ thí nghiệm va vào nhau, tiếng sột soạt của những trang sách, tiếng ngòi bút chạy sào sạo trên giấy, tiếng chân bước nặng nề của con người trong giây phút cuối cùng đắm mình vào suy nghĩ và đứng lại trước ngưỡng cửa này. Sự im lặng vẫn lắng nghe: tiếng chân bước xa dần, tiếng bậc gỗ cọt két lùi mãi xuống phía dưới. Rồi bỗng nhiên có tiếng cánh của sập lại. Chiếc chuông con khẽ leng keng và đây là tiếng động cuối cùng. Con người đã biến đi! Biến đi mãi mãi!

Từ đó, sự im lặng của phòng thí nghiệm rất gần gũi với bác sĩ Đum-sép gìn giữ mãi những âm thanh kia và chờ đợi, chờ đợi đến một ngày nào đó tiếng bước chân quen thuộc lại vang lên, tiếng trang giấy lại sột soạt và cây đàn nằm im trong chiếc hộp phủ đầy bụi ở góc bàn kia lại cất lên điệu nhạc ma-duốc-ca.

Nhưng tại sao tôi lại bỗng nhớ đến điệu ma-duốc-ca kia? Chính vì Đum-sép đã vừa chơi điệu nhạc ấy, vừa nói đến các thứ men, đến chất bột và về “con người - hiển vi”.

Chất bột ấy đó ở đâu?

Cần xem xét kỹ càng căn phòng thí nghiệm này. Trong trang giấy ghi chép đặt cạnh cái mô hình côn trùng đang bay. Đum-sép đã giải thích “đề tài” của chiếc mô hình.

Tôi xin dẫn ra đây nguyên văn bản ghi chép đó.

“Lập lại một cách nhân tạo cách bay của côn trùng.

Mô hình này được dựng nhằm cho thấy cụ thể hơn động tác vẫy cánh của côn trùng và ảnh hưởng của lực cản không khí đến động tác ấy.

Mô hình gồm hai cánh có gân cứng trên cũng một màng mỏng được dính bằng chỉ mảnh và chắc. Mặt cánh nằm ngang, một hệ thống tay đòn có tác dụng nâng và hạ cánh lên xuống theo phương thẳng đứng. Cánh chuyển động được nhờ một cái trống nhỏ, mặt căng màng cao su nối với cánh tay đòn nâng, hạ cánh. Không khí trong lòng trống được bơm vào và rút ra nhờ một máy bơm. Không khí lúc nén lại, lúc giãn ra làm mặt trống rung động. Rung động ấy được truyền đồng thời đến cả hai cánh. Một ống dài nằm ngang được cân bằng nhờ một quả tạ cho phép máy xoay quanh một trục, đồng thời cũng để dẫn không khí vào trống. Trục là một khí kế thủy ngân cho phép đóng kín các ống dẫn không khí, đồng thời khiến mô hình có thể chuyển động dễ dàng trên mặt phẳng nằm ngang.

Mô hình này giúp ta nghiên cứu cơ cấu tạo nên chuyển động lao về phía trước của con bọ do động tác đập cánh kết hợp với lực cản của không khí.

Thật vậy, nếu nhờ bơm không khí mà cánh côn trùng nhân tạo hoạt động được, thì

có thể thấy mô hình bắt đầu quay nhanh quanh trục của mình.

Như vậy là mô hình này giải thích cơ cấu tạo nên chuyển động bay của côn trùng”.

Ngay cạnh đấy, tôi nhìn thấy những hình vẽ, sơ đồ kèm chữ viết bằng nhện, dường như Đum-sép đã tranh luận với người khác về mô hình thí nghiệm, không đồng ý với dự kiến của người ấy, và đang chuẩn bị làm mô hình theo một sơ đồ khác của mình.

Tôi không thạo lắm về những sơ đồ, - những bản thiết kế máy móc, nhưng chẳng bao giờ thờ ơ với chúng. Ở đấy, trái tim và khối óc con người tập trung vào việc tìm tòi sáng tạo. Tìm tòi, thất bại, lại tìm tòi và cuối cùng, con người giành được thắng lợi. Ở đây nhà sáng chế cũng đau khổ, cũng vui mừng chẳng khác gì nhà văn trong quá trình xây dựng tác phẩm, chẳng khác gì họa sĩ khi vẽ tranh.

Những ghi chép của Đum-sép cho thấy đây là những tìm tòi của một trí tuệ độc đáo và mạnh mẽ. Chúng ta mấy ai đã nghĩ đến chuyện đếm số lần đập cánh của các loài côn trùng trong mỗi giây đồng hồ? Thế mà tôi đã thấy trên bàn Đum-sép một tờ giấy ghi:

con ruồi 330 lần đập cánh trong một giây

con ong đất 240 lần đập cánh trong một giây

con ong mật 190 lần đập cánh trong một giây

con ong vẽ 110 lần đập cánh trong một giây

con bọ vôi 72 lần đập cánh trong một giây

con chuồn chuồn 28 lần đập cánh trong một giây

con bướm (cải bắp) 9 lần đập cánh trong một giây.

Ngay dưới đó có ghi chú rằng cả hai cánh đập đồng thời với nhau và có cùng một số lần đập như nhau.

Trong những trang ghi chép của Đum-sép, tôi nhiều lần đọc thấy câu: “Tôi sẽ tìm thấy, nhất định sẽ tìm thấy nguyên nhân của sức bay ở loài côn trùng!”.

Tôi lại thấy trên một trang riêng những tính toán thú vị như sau: “Trọng lượng các cơ ngực của loài chim chiếm một phần sáu trọng lượng toàn thân, trong khi tỉ lệ ấy ở con người là một phần trăm. Còn ở loài côn trùng thì sao?”.

“Điều chủ yếu là phải nghiên cứu sức mạnh của các cơ ở côn trùng khi bay. Phải xác định sức tải đôi cánh của chúng”.

Lại một trang khác ghi:

“Tôi đã tìm thấy nguyên nhân của sức bay ở loài côn trùng!... Đó là những cơ thẳng đứng và cơ dọc của chúng. Năng lượng của các cơ thẳng đứng nâng cánh lên và của các cơ dọc hạ cánh xuống. Con bọ đập cánh, luồng không khí giảm đi. Con bọ có thể đẩy luồng không khí ấy về phía nào cũng được. Phải chăng đấy là lý do khiến nó có thể bay lên dưới bất kỳ góc độ nào?”.

Cạnh đây là một ghi chép mới:

“Bây giờ còn phải tìm ra một điều cuối cùng nữa là nó (có lẽ là con bọ) đã bay đứng được một chỗ trên không như thế nào và vì sao?”.

Những nét bút viết nhanh, vội vã nhưng đồng thời đó là những ghi chép, những sơ đồ, hình vẽ chính xác, thành thạo khiến tôi nghĩ rằng: Đum-sép khi tiến hành những thí nghiệm của mình đã áp dụng đồng thời cả phương pháp đồ thị, quang học, và thậm chí cả phương pháp âm nhạc nữa.

Trên một trang ghi chép, tôi đã thấy những hình vẽ so sánh rung động của... chiếc âm thoa và của đôi cánh ong.

Hai nét trên hình vẽ ấy là hai đường gấp khúc diễn đạt tần số nhịp đập của cánh ong, <https://thuvienlach.vn>

nét thứ ba hình lượn sóng có đỉnh nhọn được tạo bởi sự rung động của chiếc âm thoa có gắn mũi nhọn. Còn đây lại là một trang giấy đã ố vàng có kẻ những khuôn nhạc ghi lại “giai điệu” kỳ lạ của các ca sĩ muỗi, ong, ruồi.

Trên giá la liệt những sách và tạp chí. Những ngăn nhỏ đựng các phiếu tên sách sắp xếp cẩn thận theo thư tự vần chữ cái. Tôi để ý đến một ngăn khác chỉ đựng có vài tấm phiếu xếp đặt lộn xộn không theo vần: “Guy-li-ve du ký” (bản tiếng Anh) của Xuýp. “Chuyện viễn tưởng” của A-pha-na-xi-ép, “Ông lão Thời gian” của Ru-ba-kin, “Bác sĩ Mu-không-láp-xki” (bản tiếng Ba Lan) của Mai-ép-xki. “Người kiến” (bản tiếng Pháp) của Ri-ne. “Trên cái bong bóng xà phòng” (bản tiếng Đức) của Lát-vít.

Trên mỗi tấm phiếu đều có ghi tóm tắt nội dung cuốn sách. Tôi đọc qua và thấy rằng những cuốn sách ấy tuy được viết bằng các thứ tiếng khác nhau, trong những thời gian khác nhau, nhưng tất cả giống nhau ở chỗ các tác giả đều thu nhỏ hoặc phóng to nhân vật của mình so với môi trường xung quanh.

Ở một ngăn khác, tôi thấy tấm phiếu ghi tên “Ki-ban-sích”. Dưới những dòng ghi các thí nghiệm cơ học vật lý của người Nga nổi tiếng, nhà cách mạng nhiệt thành kiêm sáng chế thiên tài ấy, Đum-sép viết: “Anh đã bị Nga hoàng giết hại! Anh đã vạch để án động cơ phản lực! Tên tuổi anh sẽ được nhớ đến khi con người bay lên vũ trụ và tìm hiểu các thế giới xa xôi”. Bên cạnh là mấy chữ viết bằng bút chì đỏ: “Ấu trùng chuồn chuồn” được gạch dưới cũng bằng bút chì đỏ.

Đum-sép nói gì lạ vậy? Phải chăng có cái gì chung giữa đề án của Ki-ban-sích và con ấu trùng chuồn chuồn?

Trên tấm phiếu ghi tên Xi-ôn-cốp-xki^[14], Đum-sép viết: “Người cùng thời thân mến của tôi! Bằng động cơ phản lực, loài người sẽ chinh phục được khoảng không vũ trụ”.

Bên cạnh cũng lại là mấy chữ: “Ấu trùng chuồn chuồn” gạch dưới bằng bút chì đỏ.

“Kỳ lạ thay những chữ chưa thêm ấy!” - tôi nghĩ. Lạ thay căn phòng thí nghiệm này, ở đây người ta đã đếm nhịp đập của đôi cánh ong, đã ghi “điệu nhạc” của loài muỗi, và trên những phiếu ghi các tác phẩm của Ki-ban-sích, Xi-ôn-cốp-xki lại là... ấu trùng chuồn chuồn, con ấu trùng chuồn chuồn đã được nhắc đến trong lá thư nhỏ xiu...

Ồi, có biết bao nhiêu điều kỳ lạ, vô lý trong căn nhà nhỏ của cái thành phố yên tĩnh này! Bí ẩn thay những trang ghi chép tí xiu mà trong đó, Đum-sép đã cho con người những lời khuyên muộn mằn không cần thiết về cách chữa bệnh lao, cũng như đã viết về một điều thật khó hiểu: mọi vật lớn lên “gấp trăm, gấp hai trăm lần” trước mắt ông ta...

Cây nến vẫn cháy. Những cánh cửa sổ phòng thí nghiệm vẫn đóng chặt. Các sách, các dụng cụ thí nghiệm vẫn đứng im lìm và chiếc kính hiển vi vẫn cúi xuống soi một cách không mệt mỏi lên tám kính tiêu bản phủ đầy bụi.

Đum-sép giờ này đang ở đâu? Chuyện gì đã xảy ra với ông ta?

Tôi nhìn lại phòng thí nghiệm một lần cuối. Chiếc hộp đàn lại nhắc tôi nhớ đến điệu nhạc ma-duốc-ca mà Đum-sép đã chơi khi nói đến chất men, đến thứ bột và “con người - hiển vi”... Thế là tôi đã không tìm thấy chất bột ấy trong phòng thí nghiệm này! Trong lớp bụi, giữa căn phòng đóng kín, dưới ánh sáng ngọn nến chập chờn làm sao có thể tìm được cái gì ở đây!

Chúng tôi lại đi xuống theo chiếc cầu thang gỗ ọp ẹp, cây nến cầm trong tay, chỉ sợ trượt chân trong bóng tối. Bác hàng xóm Áp-đô-chi-a nhìn tôi, vẻ dò hỏi: “Anh lần mò như vậy không biết được ích lợi gì?”.

Tôi hỏi bà Pô-li-na chất bột được nhắc đến trong thư An-đrây Bu-lai để ở đâu. Dem phân chất nó chắc hẳn ta sẽ biết được nhiều điều bổ ích.

– Tôi cũng không biết nữa, - bà Pô-li-na nói giọng rầu rầu, - tôi không biết chất bột ấy ở đâu. Người ta đã xem xét, lục tìm khắp cả phòng mà chẳng thấy chất bột nào cả.

Bà Pô-li-na thờ thẩn vâng vâng chiếc khăn trải bàn có viền lụa, buồn bã nhìn ra cửa sổ: ngoài kia, một ngày hè đã bùng lên rạng rỡ. Bỗng nhiên bà như chợt nhớ ra:

– À, tôi còn giữ một mảnh giấy của Đum-sép viết cho tôi, tôi chưa đưa cho ai xem cả. Lần cuối cùng, tôi được gặp Đum-sép là vào tối thứ bảy.

Tôi chăm chú nghe, không ngắt lời bà, và khi bà dừng lời, tôi mới thấy rằng: trong câu chuyện ấy có nhiều điều liên quan đến mảnh giấy kia.

– ...Hôm ấy tôi cùng Du-nhi-a, người hầu gái của tôi, đến nhà Đum-sép để trả những cuốn sách mà anh tôi đã mượn, nhưng chưa kịp trả trước khi anh ấy ra đi. Khi tôi sắp ra về, Đum-sép trầm lặng xuống, cầm lấy cây đàn và kéo bài “Bảo tố phủ kín bầu trời”^[15]. Đum-sép hay đắm chiêu suy nghĩ, anh ấy có một trái tim lớn đầy buồn thương. Nhưng tối hôm ấy, nụ cười và ánh mắt anh lại rất vui. Tôi cất tiếng hát theo. Tiếng nhạc mỗi lúc một lời cuốn anh. Tiếng sấm âm ỳ ở phía xa. Mây đen kéo đầy trời. Tôi phải vội về. Nhưng Đum-sép vẫn mãi mê kéo, và tôi không dám làm đứt ngang tiếng đàn của anh. Một tiếng sấm nổ rất gần.

“Cô ơi, cô ơi! - Du-nhi-a ở ngoài chạy vào. - Cháu đã về lấy dù, giày cao su và khăn cho cô đây!”.

Đum-sép buông đàn xuống. Tôi vội vã cáo biệt và đề nghị Đum-sép đừng tiễn tôi nữa. Anh ấy nói rằng đêm nay anh ấy sẽ kéo đàn đến sáng. Tôi và Du-nhi-a vội vã chạy về nhà. Ôi, dông bão đầy trời, mưa rơi xối xả...

Nghe bà Pô-li-na nói đến đây, tôi chợt nhớ lại câu ông lão vừa ho vừa nói ở trên tàu đêm nào... “Tôi nhớ là trời nổi cơn dông lớn. Cả mưa nữa... Tôi đang đi thì nghe vẳng có tiếng đàn. Tôi lại gần tiếng đàn nghe khá rõ...”.

– Đêm hôm ấy trời lúc mưa, lúc tạnh. Gió thổi ào ào trong đám cành lá trước cửa sổ. Trong nhà, mọi người đều đã đi ngủ từ sớm. Tôi đang mơ mơ màng màng thì chợt nghe có tiếng gõ khẽ ngoài cửa sổ. Tôi lắng nghe. Lại có tiếng gõ trên mặt kính. Ngoài sân có tiếng chó sủa nhưng lại im ngay, dường như con chó đã nhận ra người quen. Nó rít lên mừng rỡ ngay dưới cửa sổ. Tôi vội vã chạy về phía ấy. Qua lần kính ướt, một đôi mắt quen thuộc nhìn tôi: Đum-sép! Tôi khẽ kêu lên. Ngay lúc ấy, Du-nhi-a tay cầm nến chạy xộc vào:

“Gì thế cô? Gì thế cô?”.

“Có gì đâu! Cứ đi ngủ đi!” Đu-nhi-a đi ra. Tôi mở cửa sổ. Khu vườn cây ướt đầm vẫn réo lên ào ào. Mưa ngày càng nặng hạt. Tiếng chân xa dần. Chắc Đum-sép đến để chuyển cho tôi một cái gì đó, nhưng thấy Du-nhi-a, anh ấy đã bỏ đi.

Sáng ra, một buổi sáng ảm đạm, tôi mở cửa sổ và nhìn thấy những vết chân trên đất ướt. Những vết chân ấy đọng đầy nước mưa. Tôi vội bảo Du-nhi-a chạy đến tìm Đum-sép. Trong đám lá, lạ thay, những con chim ướt sũng vẫn cất tiếng hót líu lo vui vẻ.

Một lát sau, Du-nhi-a quay về nói với tôi:

“Ông bác sĩ biến mất rồi cô ạ!”.

Trong thành phố, người ta kháo nhau rằng Đum-sép đã tự tử, và thậm chí còn nói rằng đã tìm thấy quần áo anh ấy trên bờ biển.

Một lần, khi qua nhà bếp, tôi thấy Đu-nhi-a đang nhóm lửa chiếc ấm xa-mô-va^[16] bằng một mảnh giấy, tôi chợt nhận ra trên mảnh giấy ấy những nét chữ quen thuộc... Tôi vội vàng giật lấy, dập lửa rồi vuốt lại cho phẳng mảnh giấy cháy sém. Đúng là chữ của Đum-sép. Đu-nhi-a thật vô tâm đã không còn nhớ nhặt được mảnh giấy ở đâu, lúc nào nữa.

Bà Pô-li-na đến bên chiếc tủ gỗ sồi cổ lỗ, lục tìm trong đó.

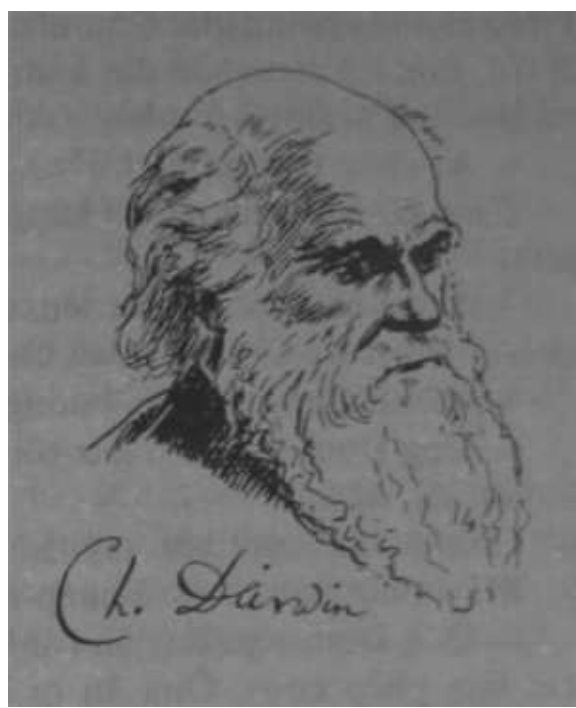
– Tôi tìm một chút, - bà nói, - lâu quá không còn nhớ ở chỗ nào nữa!... A, đây rồi!

Bà cẩn thận và nhẹ nhàng đặt lên bàn một chiếc cặp giấy bọc nhung, mở ra và lấy cho tôi xem một mảnh giấy đã bị cháy mất nhiều chỗ.

Trên mảnh giấy ấy tôi thấy những dòng chữ đứt quãng khó hiểu:

“Cô Pô-li-na kính mến! Tôi phải đi vắng một thời gian. Nhờ cô tối tối thắp hộ tôi chiếc đèn có mặt phản quang trong phòng thí nghiệm... cô hãy đọc... của Đác-uyn^[17] và Pha-brơ^[18]...”.





Nét chữ trên những trang ghi chép trong phòng thí nghiệm, trên những trang nhật ký đọc được dưới ống kính hiển vi và trên mảnh giấy cháy nham nhở này vẫn chỉ là một. Càng nhìn những dòng chữ đứt quãng, tôi càng thấy xúc động và thương cảm. Những chữ rời rạc ấy may mắn lắm mới không bị lửa thiêu hết, những dòng chữ cũng bị hắt hủi và cô đơn ấy gắn bó tôi với số phận một con người không quen biết đã gửi gắm vào đó biết bao hy vọng.

Chuyện gì đã xảy ra với ông ta? “Tôi phải đi vắng một thời gian”... Có thể là ông ta không tự tử?

– Tôi đã làm đúng như lời anh tôi dặn trong thư: chuyển đến ở nhà này... - bà Pô-li-na tiếp tục nói, giọng đượm vẻ đau buồn. - hồi ấy, ngay sau khi Đum-sép ra đi, người ta đã đến đây xem xét và tỏ vẻ kinh ngạc. Tôi đã thấy biết bao nụ cười ngờ vực và biết bao cái nhìn mỉa mai! Nhưng tôi mặc họ. Tôi không để cho ai đụng đến bất kỳ một thứ gì ở đây. Nhưng hình như trong đám người tò mò ấy có một người ác ý.

Anh ta cho đăng một bài có kèm theo cả tranh vẽ trên tờ tạp chí châm biếm của địa phương. Anh ta ký một cái tên nghe thật nhẹ nhàng “Phi Điệp”, ấy thế mà anh ta đã làm cho tôi bị xúc phạm biết bao. Đây, anh thử đọc xem, ở trang mười bảy...

Tôi cầm lấy tờ tạp chí nhỏ đã vàng ố và đọc:

“Nhân những chuyện đồn đại dai dẳng về bác sĩ Đum-sép ở Chen-xơ đã mất tích một cách bí ẩn, tòa báo chúng tôi không ngại tốn phí, cử một phóng viên là ông Pê-tơ-ru-sin đến tận nơi xem xét. Ông đã gửi cho tòa soạn chúng tôi một chuyện kể xác thực về sự kiện đó dưới dạng một vở kịch ngắn gồm bốn cảnh,

Cảnh I. Trên đường phố Chen-xơ. Ngày chủ nhật. Buổi trưa.

Tiếng chuông gióng giả. Cửa nhà thờ mở rộng. Xe cộ đủ loại đang đi tới. Bọn trẻ con chân đất bám đầy sau xe, khi người lái xe vung roi lên dọa. Chúng vội nhảy xuống, chạy bên thành xe và reo hò:

– A. “bác sĩ - chuẩn chuẩn” hôm nay cưới vợ chúng mày ơi!

Cảnh II. Nhà chú rể. Bà hàng xóm chạy vào nói với người hầu gái:

– Ác-xê-nhép-na! Mau lên, mau lên! Ban hát đã bắt đầu đi ra nhà thờ rồi! Chú rể xong chưa?

Ác-xê-nhép-na gõ cửa buồng bác sĩ:

– Ông Đum-sép, đến giờ rồi! Sắp sửa làm lễ rồi! Ông cầm lấy áo lót này.

Cửa hé mở, một bàn tay thò ra cầm lấy áo, cửa đóng sập lại. Một phút sau, Ác-xê-nhép-na lại gõ cửa:

– Ông Đum-sép, ông ăn cái bánh với tách nước chè này trước khi làm phép cưới. Ông ăn đi kẻo rồi cả ngày không được hột nào vào bụng đâu.

– Có lẽ thế thật! - bác sĩ vừa nói vừa đi về phía cửa.

– Cửa hé mở, một bàn tay lại thò ra đỡ lấy chiếc khay đựng chén trà và chiếc bánh.

– Ông Đum-sép, người ta đến đón ông rồi đây này.

– Xin lỗi, chờ tôi một chút để tôi mặc quần áo đã. Tôi ra ngay bây giờ đây!

– Mau lên!

– Tôi ra đây! - có tiếng nói từ sau cánh cửa vọng ra.

Cảnh III. Nhà cô dâu. Cô dâu lộng lẫy trong bộ áo cưới. Cô ngồi đợi. Không thấy ai đến đón cô cả. Cô kêu lên:

– Tôi chịu không hiểu ra làm sao nữa!

Cảnh IV. Nhà chú rể. Người ta gõ cửa buồng. Không có tiếng trả lời. Mở cửa. Phòng trống không! Trên bàn và trên sàn ngổn ngang áo cưới của chú rể, cổ còng, cà vạt, quần, giày...

– Bác sĩ ơi! Bác sĩ ơi!... Ông ở đâu đấy?

Người ta xục tìm dưới gầm bàn, mở cửa tủ, nhòm ra cửa sổ. Lũ trẻ từ lâu vẫn đợi ở dưới cửa sổ, kêu to:

– Không có ai nhảy qua cửa sổ đâu! Nhìn ra đây làm gì!

– Bác sĩ ơi! Ông ở đâu đấy? Ông ở đâu đấy?

Im lặng.

Ôi, ông ta biến mất như túi tiền đã tiêu hết ấy! Ác-xê-nhép-na huơ cả hai bàn tay lên trời thất vọng, ông ta suốt ngày suốt đêm làm việc, làm việc liên miên, hao mòn dần, hao mòn mãi và thế là hết!

Các bà hàng xóm và các mục chuyên đơm đặt chuyện phụ họa theo:

– Ôi, thế là hết đời một con người!”.

Tôi đã đọc xong bài văn châm biếm lối bạch của nhà báo vô công rồi nghề và độc ác kia. Bà Pô-li-na đỡ lấy tờ tạp chí trên tay tôi, sắc mặt nhợt nhạt tưởng như thế giới đang sụp đổ quanh bà. Những vết thương trong tâm hồn nhiều khi làm người ta nhức nhối mãi.

Tôi khẽ an ủi bà:

– Liệu cái trò đùa vô nghĩa và độc ác kia có đáng để cho những tư tưởng và tình cảm đẹp đã phải ngưng đọng lại như trường hợp một nữ nhân vật của Đích-ken^[19] trong lúc thất vọng đã vịn đứng mãi mãi cái đồng hồ trong phòng ăn, “chiếc đồng hồ của đời mình” hay không?...

Tôi không biết có phải vì những lời nói ấy của tôi hay vì dòng tâm tư vốn có của con người luôn luôn biến đổi và hướng tới những hy vọng mà đôi mắt bà Pô-li-na đã sáng lên. Nhìn mảnh giấy cháy sém, bà nói với tôi:

– Ôi, giá mà anh đoán được ý nghĩa những dòng chữ này!

– Đã bao nhiêu năm qua rồi chẳng có ai làm được việc ấy, anh Gri-gô-ri ạ. Đây anh xem: “cô hãy đọc... của Đác-uy-n và Pha-bơ...”.

Tôi đã đọc cả Đác-uy-n lẫn Pha-bơ. Nhưng hàng nghìn trang sách mà tôi đã đọc đi đọc lại ấy không làm sao giúp tôi đoán ra được những chữ đã bị cháy mất kia. Lại đây

nữa: “Nhờ cô tối tối thắp hộ tôi chiếc đèn có mặt phản quang”... Anh thấy đấy, trong phòng thí nghiệm ngay cạnh chiếc cửa sổ quay về hướng tây có một tấm gương đặt trên giá gỗ. Tấm gương được phủ một mảnh vải trắng.

Ngay cạnh đấy là cây đèn có mặt phản quang hướng về phía tấm gương. Tôi tối tối vẫn mở cửa sổ và thắp đèn... Hè qua, thu tới, tiết trời lạnh lẽo, u ám chóng tối. Cánh cửa đập ầm ầm. Tôi phải đóng chặt tất cả cửa kính, cửa chớp trong phòng thí nghiệm trên tháp lại.

– Nhưng dưới ánh nến chập chờn, tôi chẳng nhìn thấy cây đèn mà cũng chẳng thấy tấm gương phủ vải trắng ở chỗ nào cả. Mở cửa chớp ra cho sáng có được không, bà Pô-li-na?

Cánh cửa buồng chúng tôi đang ngồi bỗng hé mở, bác Áp-đô-chi-a từ ngoài nói vào:

– Tôi đã bắc thang ra ngoài rồi. Tôi mở cửa chớp ra ngay đây. Gỡm cái bao lớn cũ quá, bước lên mà khiếp.

Ánh sáng ban ngày ủa vào phòng thí nghiệm. Trên cửa sổ, tôi nhìn thấy ngay cây đèn dầu có mặt phản quang đã mờ đục và tấm gương trước đây phủ vải trắng. Nhưng điều làm tôi hết sức ngạc nhiên là khắp nơi, trên bàn, trên những cuốn sách, trên vĩ cầm, sàn nhà, chỗ nào cũng đầy xác côn trùng.

Một nghĩa địa kỳ lạ! Những con bướm, những con muỗi, những con bọ cánh cứng nằm la liệt đủ kiểu trong lớp bụi dày. Xung quanh chỉ có bụi và bụi!...

NHỮNG CỐ GẮNG VÔ ÍCH

Óc quan sát, óc quan sát!... Hơn hai nghìn năm trước, A-ri-xtốt do vô ý đã phạm sai lầm khi viết rằng con ruồi có bốn đôi chân. Thật là một lỗi lầm buồn cười. Ấy thế mà nhiều thế kỷ sau, các nhà bác học chẳng hề nghĩ đến chuyện kiểm tra lại A-ri-xtốt^[20] và cứ lặp lại mãi cái điều sơ ý ấy: con ruồi có bốn đôi chân.

Tôi thông thả đi theo bờ biển. Sóng xô từng đợt, từng đợt vào bờ và nhắc đi nhắc lại vào tai tôi: “Óc quan sát. Óc quan sát...”.

Tôi đã xem xét kỹ phòng thí nghiệm. Đum-sép đã viết về cây đèn có mặt phản quang và tôi đã thấy cây đèn ấy. Nhưng điều đó dẫn đến đâu? Chẳng đi đến đâu cả, chỉ có vết bụi bám trên những ngón tay. Tôi cũng đã quan sát kỹ càn nơi anh sinh viên Pa-ven hái hoa, nhưng chẳng thấy gì đặc biệt ngoài đám cỏ dầm sương đêm. Chỉ có chiếc dây giày vô tình bị tuột đã giúp tôi nhặt được một con nhện chết và kèm theo nó là một trang nhật ký nữa.

Để giải được bài tính khó khăn về trường hợp mất tích của bác sĩ Đum-sép, có lẽ cần phải tìm tòi nghiên cứu một cái gì đó, một chi tiết vụn vặt nào đó trong phòng thí nghiệm của ông ta. Một chi tiết như vậy biết đâu chẳng có thể soi sáng tiếp con đường tìm kiếm Đum-sép.

Chỉ người nào có đầu óc quan sát tinh tế mới có thể nhìn thấy ở những hiện tượng đơn giản bình thường trong đời sống một ý nghĩa hoàn toàn mới và bất ngờ.

Tôi nhớ lại câu chuyện về cậu bé mười tuổi và chiếc máy bơm hút nước dưới hầm mỏ. Chuyện ấy xảy ra đã lâu lắm rồi...

Cậu bé kia được giao mỗi một việc: suốt ngày đứng bên chiếc máy bơm, lúc thì mở

chiếc vòi dẫn hơi nước nóng vào để đẩy pit-tông lên, lúc thì mở chiếc vòi nước lạnh làm nguội hơi nước cho pit-tông tụt xuống. Làm việc ấy chẳng có gì khó khăn, nhưng làm mãi cũng chán! Trong khi ấy, ngoài bãi cỏ, bọn trẻ đang đá bóng reo hò âm ỉ vui vẻ. Ôi, giá được ra chơi với chúng một lúc mà máy vẫn tự làm việc nhỉ!

Cậu bé bèn lấy dây buộc chặt hai cái cần của hai chiếc vòi với nhau. Thế là cái vòi cứ tự động đóng mở không cần em phải đụng tay vào. Cậu bé sung sướng định chạy ra bãi đá bóng. Bỗng nhiên dây buộc đứt tung và chiếc máy bơm dừng lại. Người kỹ sư sáng chế chiếc máy bơm được gọi đến. Trông thấy những sợi dây buộc bị đứt còn dính ở máy, ông ta hiểu ngay đầu đuôi sự việc và không hề trách gì cậu bé đang đứng đó với quả bóng trong tay.

Người kỹ sư hết sức vui mừng: óc quan sát của cậu bé đã gợi ý cho ông ta thay thế những sợi dây buộc kia bằng những cánh tay đòn chắc chắn tự động đóng mở vòi. Óc quan sát là như vậy đấy!

Sóng biển vẫn nổi nhau xô vào bờ hết đợt này đến đợt khác...

Tôi đã vô tình bỏ qua mất điều gì quan trọng trong những suy nghĩ, tìm tòi của mình chẳng? Thật ra, tôi đã đoán rằng chính Đum-sép, chứ không phải ai khác, đã viết những trang nhật ký tí hon có đánh số kia. Phó giáo sư Vô-rôn-xô-va đã giấu cọt tôi một cách uổng công. Không phải thái độ hoài nghi của Vô-rôn-xô-va, hay thái độ điềm tĩnh thận trọng của giáo sư Ta-ra-xê-vích đã dẫn tôi đến phòng thí nghiệm của Đum-sép. Vậy câu chuyện vô tình nghe được trên tàu đã giúp tôi chẳng? Không, tôi không tin vào câu chuyện ấy. Hay những trang nhật ký tí hon kia đã giúp tôi? Nhưng tôi vẫn chưa đọc và hiểu hết được chúng cơ mà. Dù sao đi nữa, giữa câu chuyện ở trên tàu về số phận một bác sĩ với những trang nhật ký kia có điều liên quan với nhau như thế nào đấy. Nhưng giữa hai cái đó có gì chung nhau? Rất nhiều: câu chuyện lạ lùng thì kể về trường hợp bác sĩ mất tích, còn trang nhật ký thì ghi: "Số phận thật kỳ lạ của tôi...".

Tôi không phủ nhận việc ông già gác cổng trường đại học sư phạm vô tình nghe được câu chuyện trao đổi giữa tôi và giáo sư Ta-ra-xê-vích, rồi sau đó đã nói cho tôi biết rằng, đúng là có một ông bác sĩ như vậy ở Chen-xơ và chỉ đường cho tôi tìm đến phòng thí nghiệm của Đum-sép. Nhưng phải chăng đó chỉ là chuyện tình cờ? Mới nhìn qua thì đúng như vậy.

Ngày xưa, các nhà bác học đã tìm mọi cách để điều chế ra chất thuốc nhuộm màu chàm. Hồi ấy, thuốc nhuộm chàm rất quý đối với công nghiệp. Từ thời cổ, người ta vẫn biết nhuộm màu ấy bằng một chất lấy từ cây chàm, một loài cây sống trong rừng nhiệt đới, nhưng thứ thuốc nhuộm ấy quá đắt vì phải đem từ rất xa tới. Việc tìm tòi chất thay thế không đưa đến kết quả nào. Người ta kể lại rằng một sự việc rất tình cờ đã giúp nhà bác học: chiếc nhiệt kế trong phòng thí nghiệm bị vỡ, thủy ngân trong đó rơi vào một hỗn hợp hóa chất bỏ đi gây ra một phản ứng hóa học với thủy ngân. Màu chàm xuất hiện! Phải chăng chính sự tình cờ đã giúp nhà bác học tìm ra chất thuốc nhuộm quý giá kia?

Một trường hợp khác: Cô-lông^[21] có ý định tìm đường sang Ấn Độ, nhưng lại đã tìm ra châu Mỹ. Tình cờ chẳng? Ở đây, tôi chợt nhớ lại lời nhận xét của Mác Tu-ên^[22]: "Anh nói rằng sự tình cờ giúp Cô-lông tìm ra châu Mỹ? Không, nếu như ông ta không "tìm ra" châu Mỹ thì điều đó mới là kỳ lạ: châu Mỹ xưa nay vẫn đứng đó chứ có chạy đi đâu!" Tất nhiên đây là câu nói đùa của Mác Tu-ên.

Còn trường hợp tìm ra chất nhuộm chàm thì sao? Phải chăng chất nhuộm ấy đã

không được tìm thấy bằng phương pháp hóa học sau hàng loạt thí nghiệm không thành công? Tính chất hợp lý của những thí nghiệm đi trước đã dẫn các nhà bác học đến ngưỡng cửa của phát minh, đến ngưỡng cửa của “sự tình cờ” kia. Cứ làm thêm một vài thí nghiệm nữa thì cũng sẽ tìm được chất nhuộm ấy mà “không cần” đến chiếc nhiệt kế vỡ kia.

Phải chăng cũng chỉ vì tình cờ mà tôi đã đến được phòng thí nghiệm của Đum-sép? Hoàn toàn không phải như vậy. Dòng suy xét của tôi đã dẫn đến kết luận: chính bác sĩ mất tích kia là tác giả những trang nhật ký nhỏ xíu. Giả thử ông lão gác trường không nói cho tôi nghe về bác sĩ ấy thì trước sau nhất định thế nào tôi cũng có cách biết được tên và địa chỉ ông ta bằng cách nào đấy. Không phải sự tình cờ chờ đợi con người, mà chính con người bằng trí tuệ và sức lao động của mình làm cho “sự tình cờ” phải xảy ra.

Nhưng câu chuyện về Đum-sép sẽ được tiếp tục gỡ rối như thế nào?

Biển vẫn rì rầm, dù cho có hỏi đến trăm lần, nghìn lần, nó cũng chẳng bao giờ trả lời. Biển sống cuộc sống vĩ đại của nó chẳng khác gì con bướm sống cuộc sống nhỏ nhoi của mình. Những con bướm, và những côn trùng khác nằm la liệt khắp nơi dưới lớp bụi trong phòng thí nghiệm của Đum-sép. Đúng là một “nghĩa địa” khổng lồ chứ không phải là phòng thí nghiệm nữa. Phải xem xét đám xác côn trùng ấy, đám bụi ấy chẳng?

Đum-sép đã yêu cầu Pô-li-na đọc Đác-uyn và Pha-brơ. Cần thực hiện lời yêu cầu ấy. Phải đến thư viện tìm đọc các tác phẩm của hai tác giả kia, dù chỉ là đọc lướt.

Nhiều khi những sự vật bình thường vụn vặt hàng ngày lại gợi cho con người những suy nghĩ, so sánh kỳ dị. Và ở đây, - lúc này tôi cũng cố tập trung suy nghĩ, xem xét mọi chi tiết của sự việc để thử tìm một cách giải quyết bất ngờ nào đấy. Nhưng vô ích, chẳng tìm được điều gì mới mẻ cả. Tôi mệt nhừ và tự nhủ: “Thôi được, để đấy đã!”.

THẤY RỒI!

Tôi vẫn nhớ rõ sáng hôm ấy ở khách sạn. Khi tỉnh dậy, tôi nghĩ ngay rằng hôm nay, phải đem trả thư viện những cuốn sách của Đác-uyn và Pha-brơ mà suốt mấy ngày nay tôi vui đầu vào đọc, nhưng chẳng tìm được điều gì bổ ích cho việc gỡ rối vấn đề. Lại còn phải ra ga mua vé về Ma-xơ-va (thế là tôi cũng chẳng đi nghỉ mát nữa), rồi lại phải ghé qua trường đại học sư phạm một chút để từ biệt mọi người nữa.

Tôi đi đến thư viện. Sáng nay trời đẹp quá! Bầu trời xanh thẳm, hoa nở rục rở trong những mảnh vườn nhỏ. Vòm lá trên đầu cũng một màu xanh thắm. Trước khi bay đến thành phố, ngọn gió nhẹ đã trộn lẫn sắc hương của cỏ thảo nguyên với màu xanh và hơi biển nồng nồng.

Giữa một buổi sáng tươi mát như vậy mà tôi vẫn bị ám ảnh bởi sự bất lực của mình: tôi đã không đọc nổi mảnh giấy cháy dở dang, đã không hiểu nổi những trang nhật ký tí xíu kia, và bây giờ đành phải quay về Ma-xơ-va với bao điều thắc mắc.

Thư viện đây rồi. Rất nhiều cột gỗ to, phía trên là mái có đỉnh nhọn hoắt và con quay gió. Tựa hồ như nhà kiến trúc đã bắt tay xây dựng tòa nhà nhưng đột nhiên thay đổi bản thiết kế ban đầu.

Chúng ta ai mà chẳng biết cái cảm giác lưu luyến, ngập ngừng khi phải trả lại một cuốn sách mà mình yêu thích. Không biết có phải vì cái cảm giác ấy không, mà trước

khi trả sách tôi đã ghé ngồi xuống một chiếc ghế và lật giở lại cả hai tập “Bản năng và tính tình các loài sâu bọ” của Pha-brơ cũng như tác phẩm gồm nhiều tập của Đác-uyn (không biết lần thứ mấy!).

Xung quanh tôi, tiếng lật giở sách báo sột soạt. Hai cô gái đứng bên ngăn cho mượn sách khẽ thầm thì với nhau: “Cần đọc những bài báo phê bình của... Bê-lin-xki... Đô-brô-lu-bốp... Tréc-nư-sép-xki...”^[23] Nên đọc cái gì trước nhỉ?

Đã đến lúc phải trả sách, lấy lại thẻ đọc và từ biệt người thủ thư, nhưng tôi vẫn cứ ngồi mãi trước trang sách mở, hết mung lung suy nghĩ về những chuyện ngẫu nhiên trong đời người, lại ngắm nhìn các độc giả xung quanh. Họ cắm cúi đọc, vẻ mặt người thì vui, kẻ thì buồn. Chỗ này họ xếp sách lại, chỗ kia bắt đầu giở sách ra, người này mượn sách, người kia trả sách, kẻ đi, người lại, nhẹ nhàng, im lặng. Một thanh niên ngồi đối diện đã làm tôi chú ý. Đó là một thanh niên đeo kính trắng có khuôn mặt thanh tú và linh lợi. Trên bàn trước mặt anh ta ngổn ngang những sách. Anh ta lấy quyển này đọc một lát rồi lại vớ lấy quyển khác... Tôi cố đoán xem anh ta đọc sách gì qua nét mặt thay đổi của anh. Anh ta đang đọc, vẻ mặt mơ màng. Tôi nghĩ: “Chắc là tác phẩm của A-lêch-xăng B্লock”^[24]. Chàng thanh niên gấp cuốn sách lại tôi nhìn tên sách trên bìa: “Nhập môn về lịch sử phân bố địa lý của các loài thực vật”. Tôi lại để ý đến vẻ mặt chăm chú của một thanh niên khác ngồi ở góc bàn vừa đọc vừa ghi chép lia lịa, chốc chốc anh ta lại lật trang cuối xem một chút rồi lại tiếp tục đọc. Tôi nghĩ: “Có lẽ anh ta đang đọc một cuốn sách lý học hay hóa học gì đó”. Nhưng khi đi qua sau lưng anh ta, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng anh ta đang đọc “Ép-ghe-ni Ô-nê-ghin” của Pu-skin.

Hai người muốn nói chuyện với nhau nhưng sợ làm mất trật tự phòng đọc, nên chỉ trao đổi ý kiến bằng những mảnh giấy nhỏ đưa qua, đẩy lại.

Tôi đã đứng bên quầy thủ thư, nhận lại thẻ đọc. Liếc nhìn những mảnh giấy trao đổi ý kiến giữa hai chàng thanh niên, tôi chợt có một ý định mới và hỏi người thủ thư:

– Trong thư viện có tài liệu gì đây về việc trao đổi ý kiến giữa Đác-uyn và Pha-brơ không hả chị?

– Tài liệu ấy thì không có đâu, nhưng có một cuốn khác “Cuộc đời của nhà vạn vật học Pha-brơ” của Lê-gre.

Đứng ngay bên quầy thủ thư, tôi lật giở cuốn sách ấy và thấy: những thư từ trao đổi của Đác-uyn và Pha-brơ. Như vậy là Đác-uyn và Pha-brơ đã trao đổi thư từ với nhau!

Tôi nhớ lại dòng chữ trên mảnh giấy cháy dở: “...cô hãy đọc... của Đác-uyn và Pha-brơ...” Chữ gì đã bị cháy mất ở đây, phải chăng là những chữ “thư từ trao đổi”? Chỉ có thể như vậy! Thế là rõ: “...cô hãy đọc thư từ trao đổi của Đác-uyn và Pha-brơ”. Đúng là trong tủ sách của Đum-sép tôi đã trông thấy cuốn sách này đặt ở một chỗ dễ thấy!

Nhưng lá thư trao đổi giữa hai nhà bác học thế kỷ thứ mười chín kia liệu có giúp ích được gì cho tôi?

Lá thư của Đác-uyn gửi cho Pha-brơ đề tháng Giêng năm 1880, tức là ba năm trước khi Đác-uyn qua đời. Tôi đọc lá thư.

Trong thư Đác-uyn nói về việc kiểm nghiệm trên thực tế vấn đề: côn trùng có cảm giác định hướng hay không? Đác-uyn đã nêu một vấn đề độc đáo: làm thế nào để đánh lạc hướng được con ong bay về tổ theo bản năng?

Ông viết:

“Bạn thân mến,

Cho phép tôi trình bày với bạn một ý kiến về câu chuyện tuyệt diệu mà bạn đã kể về

cách loài côn trùng tìm về tổ của chúng. Bạn hãy nhốt chúng vào những ống giấy bịt kín rồi đem đi cách xa chừng trăm bước ngược với hướng bạn định đem chúng đến. Nhưng trước khi quay trở lại, bạn phải bỏ những con ong kia vào một chiếc hộp tròn có thể xoay quanh một trục với tốc độ nhanh, lúc đầu cho hộp quay theo chiều này, sau đó đổi chiều ngược lại để làm mất cảm giác định hướng của chúng. Tôi bỗng nghĩ ra cách thí nghiệm ấy khi đọc cuốn “Hành trình của Vran-ghen trên đất Xi-bia”, trong đó có đoạn nói đến khả năng tuyệt vời của những người thuộc dân tộc Nê-nét có thể giữ đúng hướng đi trong sương mù theo những đường quanh co giữa các tảng băng.

S. Đác-uyn”.

Như vậy là nhà bác học vĩ đại đã vạch nhiệm vụ “chiến lược”: phá rối, đánh lừa, làm sao cho con ong bị lạc hướng không tìm về tổ được.

Pha-bơ là người thực hiện kế hoạch ấy.

Cả hai nhà bác học nhằm cùng một mục đích, có chung một nhiệm vụ: đánh lạc hướng con ong. Đác-uyn và Pha-bơ “câu kết” chống lại con ong.

Pha-bơ ra sức chuẩn bị.

Ông tổ chức một đàn ong đất độc đáo. Để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất, ông làm một thiết bị đặc biệt.

Ông lấy sơn đánh dấu từng con rồi bỏ chúng vào một cái ống đóng kín. Ông đem cái ống ấy ra xa tổ ong.

Đến những chỗ bất ngờ nhất, ông quay lộn lung tung chiếc ống đóng kín ấy, rồi cuối cùng mở ra.

Đàn ong đã tìm được đường, và hầu hết về được đến tổ an toàn chỉ trừ một số ít.

Thấy vậy, Pha-bơ lại tìm cách khác, ông không thả chúng ở chỗ quang đãng nữa mà đi sâu vào rừng rồi thả chúng ở nơi cây cối rậm rạp nhất.

Kết quả cũng vẫn thế! Những con ong một lần nữa lại thắng các mưu mẹo của Pha-bơ và Đác-uyn: chúng đã tìm được đường về tổ.

Qua đó, Pha-bơ tin rằng loài ong có cảm giác định hướng. Trong đời Pha-bơ, có một buổi tối được ông gọi là “buổi tối đáng ghi nhớ”.

Hôm ấy là mùng sáu tháng Năm, trong phòng làm việc của Pha-bơ có một con bướm cải thuộc loài bướm đêm vừa ra khỏi kén.

Ông kể rằng phòng làm việc của ông đã biến thành “cái hang của mù phù thủy”: bất chấp đêm tối, gió mưa, những con bướm đục liên tiếp vượt đám cây rậm bay tới phòng ông. Chúng lao vào kính cửa sổ, lao qua cửa ra vào và bay đầy cả phòng.

Pha-bơ đã làm thí nghiệm với loài ngài tầm sồi và thấy rằng chúng có cơ quan khứu giác nhạy bén đến mức không bao giờ đưa chúng đến sai đích trong phạm vi hàng mười ki-lô-mét!

Pha-bơ lại nghĩ cách khác: ông giấu con bướm cải đi. Nhưng những con bướm đục vẫn bay đến chỗ con bướm cải đã đậu và để lại mùi.

Tôi trả sách, nhưng vẫn ngồi nán lại trong phòng đọc mát mẻ, yên tĩnh của thư viện, khiến người thủ thư hơi thắc mắc. Những tia nắng buổi trưa hè xuyên qua đám lá rậm, nhảy nhót trên những tấm rèm cửa, một vài tia lọt được vào phòng, chiếu lên những bông hoa cắm trong bình, lên sách và vai áo người đọc. Còn tôi thì đang theo đuổi một dòng suy nghĩ riêng.

Theo lời gợi ý của Đác-uyn, Pha-bơ đã phát hiện ra cảm giác định hướng hết sức chính xác của một số loài côn trùng. Trong vấn đề này, con ong dường như đã thắng cả

Đắc-uyn và Pha-brơ và thể hiện một bản năng độc đáo. Pha-brơ còn nêu lên rằng có một mùi gì đó mà mũi ta không ngửi thấy, nhưng đã lôi cuốn được những con bướm đục tìm đến bướm cái bất kể đêm tối, mưa gió, thời tiết không thuận lợi.

Không phải chỉ lôi cuốn chúng đến với bướm cái, mà còn đến bất kỳ một vật gì có cái mùi của bướm cái mà mũi ta không ngửi thấy.

Tôi nghĩ: “Tại sao lại không thể bằng những cách tổng hợp phức tạp nào đó mà tạo nên một hợp chất có tác dụng lôi cuốn bướm đục trong vòng mười ki-lô-mét? Tại sao tôi lại không thể cho rằng những con bướm đêm và những con ngài tầm sồi kia có thể trở thành những người đưa thư còn đáng tin cậy hơn cả những con chim bồ câu đưa thư?”.

Không ai phủ nhận được rằng những con bướm, con ngài luôn luôn tìm đến chỗ sáng. Tôi chợt nhớ đến câu của Đum-sép viết trên trang giấy cháy dở: “Nhờ cô tối tối thấp hỏ tôi chiếc đèn có mặt phản quang”.

Trong phòng thí nghiệm, ngay cạnh cửa sổ nhìn về hướng tây, có một cây đèn đặt trên đế gỗ. Khi tắt nó, những con bướm đã bay đến.

Liệu có thể dính một trong những trang nhật ký nhỏ xíu đã tình cờ lọt vào tay tôi, lên lưng chúng hay không? Tất nhiên là được! Như vậy, rõ ràng là Đum-sép đã gửi rất nhiều trang giấy tí xíu như vậy bằng con đường tôi vừa nghĩ. Những côn trùng mang thư kia bay đến ngọn đèn, nhưng bà Pô-li-na đã không đoán biết được điều đó, và giờ đây những lá thư vẫn nằm yên dưới lớp bụi dày.

Những con bướm mang thư kia đập cánh bay mãi trong phòng thí nghiệm, bây giờ đã chết cả! Những dòng chữ ấm hơi người không được ai đọc, vẫn chờ đợi và mong muốn được báo tin về số phận người đã gửi chúng đi.

Tôi chạy như bay qua các đường phố về phòng thí nghiệm. Trời nắng chói chang, ồn ào ngột ngạt. Nhưng trong trí nhớ tôi lại hiện lên cảnh chuyến tàu đêm, mặt trăng nhòm qua cửa sổ và tôi dường như lại nghe thấy tiếng ông già vừa ho vừa kể về trường hợp mất tích của người bác sĩ kỳ lạ. Tôi tưởng như con người đang bị truy lùng kia đang ở trước mặt tôi. Ông ta vội đã đi trốn, bỏ lại căn nhà ẩm cúng và không kịp hoặc là sợ mà không dám dặn lại rõ ràng cách cứu ông ta, cách đón tin ông ta từ nơi xa. Ông đã viết lại một mảnh giấy, nhưng mảnh giấy ấy vô tình bị đốt cháy nhiều chỗ và những yêu cầu của ông đã không thể thực hiện được đầy đủ.

Nhanh lên, nhanh nữa lên!... Chỉ ít phút nữa thôi là câu chuyện mất tích của bác sĩ kỳ lạ sẽ sáng tỏ trước mắt tôi dưới ống kính hiển vi cũ kỹ của phòng thí nghiệm. Tôi sẽ lần theo những dấu vết đã bị lớp bụi thời gian phủ kín. Tôi sẽ còn được đọc tất cả những phát kiến khoa học của Đum-sép, trong đó có những đoạn ngắn ngủi mà tôi đã tình cờ nhặt được. Nhanh lên, nhanh nữa lên!...

“NÀY ANH BẠN, CẦN THẬN ĐẤY!”

Tôi chạy vội đến phòng thí nghiệm và tiếc rằng không đủ thời giờ để tạt qua trường đại học sư phạm kể cho giáo sư Ta-ra-xê-vích nghe những điều vừa mới xảy ra. Sau lần đầu đến phòng thí nghiệm, tôi có rẽ vào trường đại học vài lần, nhưng không gặp được giáo sư. Người ta bảo tôi rằng: “Giáo sư bận xem xét việc sửa chữa trường sở nên lúc ở chỗ này, lúc ở chỗ khác, khó gặp lắm!” Nhưng may sao, lúc rẽ vào phố lớn, tôi gặp ngay

giáo sư trên hè phố, Giáo sư lơ đãng nhìn tôi và gật đầu chào lấy lệ khi thấy tôi ngả mũ.

Tôi vội giữ giáo sư lại:

– Đum-sép! Bác sĩ Đum-sép đã sống ở Chen-xơ này, giáo sư ạ!

– Đum-sép? Đum-sép nào? Anh nói về ai vậy?

– Về Đum-sép, người đã viết những trang nhật ký tí xiu mà chúng ta cho là chuyện bông đùa của một người nào đấy ấy mà!

Lập tức vẻ thần nhiên của giáo sư Ta-ra-xê-vích biến mất. Tôi vội vã và hồi hộp kể cho ông ta nghe tất cả những điều tôi đã suy nghĩ và tìm hiểu trong mấy ngày qua. Cuối cùng, tôi nói:

– Bây giờ thì phải đến phòng thí nghiệm ngay để đọc toàn bộ cuộc đời của Đum-sép qua những lá thư gửi theo cánh bướm.

– Đúng vậy! - giáo sư Ta-ra-xê-vích nhận xét. - Những mảnh giấy tí xiu mà chúng ta đã đọc dưới kính hiển vi hoàn toàn có thể dính rất dễ dàng vào thân côn trùng để đưa đến địa chỉ đã định. Người ta dùng phương pháp chụp ảnh tế vi. Điều đó cũng không có gì mới. Vào những năm thứ bảy mươi của thế kỷ trước, thành phố Pa-ri bị bao vây, nhà nhiếp ảnh Pháp Đa-gơ-rông đã đề nghị liên lạc với thành phố bị bao vây ấy bằng ảnh tế vi. Các thư từ, giấy tờ liên lạc được chụp nhỏ đến mức có thể cuộn lại như chiếc tăm và cài vào cánh những con bọ câu đưa thư được thả cho bay vào Pa-ri. Ở đó, người ta lại phóng to chúng lên màn ảnh để đọc. Anh nói rằng trong mảnh giấy cháy sém, Đum-sép đã đề nghị thắp chiếc đèn có mặt phản quang phải không? Đúng đấy, mặt phản quang ấy sẽ thu hút các loài côn trùng bay vào phòng thí nghiệm. Nhưng tiếc quá nhỉ, mảnh giấy lại bị cháy mất nhiều chỗ. Biết đâu Đum-sép đã chẳng đề nghị nhiều biện pháp khác để lôi cuốn chúng bay đến những địa chỉ khác nữa. Thí dụ như loài bướm đô đốc (Vanessa atalanta) rất thích nhựa bạch dương lên men. Nó có thể đánh hơi thấy mùi nhựa ấy ở khoảng cách rất xa. Hồi còn là sinh viên, tôi đã thử thí nghiệm xem chúng “thính mũi” đến mức nào. Trông thấy chú bướm ấy vừa đậu xuống một cành cây, tôi liền lấy nhựa bạch dương xoa lên thân một cây dương, chú bướm lập tức bay đến ngay. Có lần tôi lấy giẻ tẩm nhựa bạch dương rồi cầm đi. Các chú bướm ấy bay theo rào rào!...

– Vâng, vâng. Tôi đã đọc thư từ trao đổi giữa Đác-uyn gửi Pha-brơ, trong đó có nói về cảm giác định hướng của một số loài côn trùng... Nhưng tôi vội phải đi ngay đến phòng thí nghiệm.

– Ấy, nhưng anh phải rất thận trọng đấy! Rất có thể những lá thư kia lẫn trong đám bụi vì những sợi tơ buộc chúng lâu ngày chắc bị mục nát rồi. Anh nên dùng kính lúp mà xem xét kỹ mọi vật. À, còn địa chỉ thế nào nhỉ?... Anh nói: ngày trước, ngõ ấy là ngõ Thượng à? Ngõ nhà có tháp nhọn? Nhất định tôi sẽ đến, hai ba giờ nữa là tôi sẽ có mặt ở đấy!

Tôi chia tay với giáo sư, nhưng mới đi được vài bước đã nghe tiếng giáo sư nói sau lưng:

– Tôi đuổi theo anh để dặn anh đừng có phủi lớp bụi trên lưng những con bọ cánh cứng và những con ong đất, chờ tôi đến hãy hay, rất có thể trên lưng chúng có những ký hiệu đấy.

– Ký hiệu ạ?

– Tiếc rằng tôi vội. Nhưng có một chuyện thế này: trước đây, bản thân tôi đã tham gia vào một cuộc thí nghiệm mà chúng tôi đã rút được những kết luận cần thiết qua các ký hiệu đánh dấu trên lưng côn trùng, hồi ấy, tôi là trợ giáo ở Ma-xơ-va. Một hôm, vào

buổi sáng, ông giáo sư gọi điện bảo tôi đến trường ngay. Các sinh viên đã đem ong từ tổ đến. Chúng tôi ghi dấu lên lưng chúng rồi bỏ vào những hộp kín. Giáo sư cùng chúng tôi đem theo những chiếc hộp ấy đi quanh các phố phường, ngõ ngách của thành phố. Hôm ấy, nắng hè quang đãng. Cuối cùng, chúng tôi vào một căn phòng ở gần quảng trường Pu-skin, mở cửa sổ rồi thả ong. Các sinh viên trở về ngay tổ ong, còn giáo sư ở lại trong phòng. Một lát sau, các sinh viên gọi điện báo cho giáo sư biết đàn ong đã tìm về được đến tổ, nhưng thiếu mất ba con. Có lẽ chúng đã lạc đường và bị chết. Giáo sư vẫn kiên trì chờ đợi.

Đến đêm, bỗng nhiên ông thấy một con ong có đánh dấu bay vào cửa sổ, rồi con thứ hai, con thứ ba. Ba con ong này không tìm được đường về tổ và quay trở lại nơi chúng đã được thả ra.

– Sao lại thế được? - tôi hỏi giáo sư Ta-ra-xê-vích. Những con ong không tìm được đường về tổ mình lại có thể tìm được đường quay lại căn phòng xa lạ, nơi chúng được thả ra.

– Có gì đâu, điều này người ta đã giải đáp rồi. Khi bay, con ong để lại trong không khí một chất có mùi riêng của nó. Chất có mùi ấy do một tuyến ở bụng ong thợ tiết ra trong khi bay. Ong bay hết con này đến con khác, thế là hình thành một con đường, con đường “thơm”. Suốt hôm ấy trời lặng gió, và con đường thơm không bị phá hủy... Chúng tôi đã đánh dấu bằng màu lên lưng ong, nhưng cũng còn những cách khác nữa...

– Những cách khác? - tôi nôn nóng hỏi lại. - Những cách nào vậy? Xin giáo sư nói cho biết tất cả, điều đó quan trọng lắm! Tôi sẵn sàng quên đi là mình đang vội tìm đọc những tờ ghi chép nhỏ xíu đã được những người đưa thư có cánh kia mang đến.

– Đúng, tôi phải nói ngay cho anh nghe thôi. Vì nếu anh đã đi vào chuyện này thì phải biết vài ba cách cụ thể của cái “ngành bưu điện” đặc biệt ấy, hồi trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, một số gia đình người Đức đã di cư sang Pháp, họ ở cách biên giới Pháp-Đức chừng vài ba véc-xta và làm một nghề thật lương thiện và có ích: nuôi ong. Những ngày gió thổi từ Đức qua Pháp, trên đất Đức người ta đốt những lò than rồi bỏ đường vào. Những con ong từ tổ đặt trên đất Pháp bay theo mùi đường sang nước Đức. Cứ như vậy năm này qua năm khác, các thế hệ ong đã có thói quen bay sang Đức kiếm ăn rồi lại quay về đất Pháp. Chiến tranh bùng nổ. Trong những ngày lửa đạn ấy, người ta mới phát hiện ra ở những con ong kia có những sợi tơ nhỏ. Thì ra trước khi thả cho ong bay sang nước khác, những điệp viên Đức làm nghề nuôi ong kia đã đánh dấu chúng theo quy ước: sợi tơ xanh chỉ bộ binh, sợi tơ vàng chỉ pháo binh v.v... Đồng thời số lượng ong mang những sợi tơ mỗi màu chính là số lượng các đơn vị bộ binh hay pháo binh v.v. kéo đến biên giới...

Tôi cố kìm lại sự nôn nóng của mình và định từ biệt để đi, nhưng giáo sư giữ tôi lại:

– Tôi đã nói để anh nghe về cái lưng... những sợi tơ...; bây giờ tôi sẽ nói anh nghe về đôi cánh.

– Đôi cánh nào kia ạ? Giáo sư Ta-ra-xê-vích, chúng ta phải đến phòng thí nghiệm của Đum-sép mau mau một chút!

– Đi thôi, anh bạn, ta đi thôi!

Nhưng chúng tôi vừa mới đi được mười bước thì giáo sư Ta-ra-xê-vích đã dừng lại nói:

– Tôi phải quay lại thôi, ở phòng xây dựng, người ta đang đợi tôi. Vài tiếng nữa tôi sẽ đến. Còn bây giờ nghe tôi nói một chút về đôi cánh...

– Gần đến phòng thí nghiệm rồi giáo sư à...

– Không, không, đã đến đây thì tôi lại mê mải không dứt ra được. Mà việc sửa chữa còn dở dang, người ta đang chờ tôi ở phòng xây dựng. Về đôi cánh ấy mà, anh nhớ là phải hết sức cẩn thận... Đừng có phỉ bươi đi! Anh còn nhớ những dòng chữ thu nhỏ bằng máy ảnh chứ?

– Vâng, nhớ. Nhưng tại sao lại dính dáng đến đôi cánh?

– Tại sao à? Không phải chỉ những ký hiệu mà cả những bức thư thường báo cho những bản tin hân hoan cũng có thể in trên cánh các loài côn trùng. Anh ngạc nhiên à? Tôi sẽ nói anh nghe chiếc máy ảnh giúp con người sử dụng “đường thư ong” như thế nào: người ta làm cho ong mê đi. Đó là một việc không khó. Chỉ cần hun khói cho đầy tổ chúng. Sau đó đem chúng vào phòng tối, có thắp một ngọn đèn đỏ. Người ta dùng kim thật nhỏ cạy cánh ong ra rồi tráng lên đó một lớp thuốc, biến nó thành một tấm giấy ảnh tí xíu, rồi chụp thu nhỏ bức thư và in lên đấy như in ảnh vậy. Làm xong, người ta để cho ong tỉnh, rồi thả chúng ra. Người nhận sẽ đọc bằng cách phóng to những lá thư trên cánh ấy.

Việc tôi trở lại một cách bất ngờ và vội vã làm cho những người trong ngôi nhà có thái độ nhón nhón hồi hộp xúc động biết bao! Vừa đẩy cửa bước vào, tôi đã hấp tấp chạy ngay lên phòng thí nghiệm. Đến cửa phòng, tôi sửng sốt: tất cả đã được dọn dẹp gọn gàng. Bàn ghế, sách vở, đồ đạc đều sạch bụi, cửa sổ treo rèm trắng tinh. Tất cả những lá thư nói về số phận một con người, được côn trùng đưa đến đã bị quét sạch!

Tôi đứng lặng hồi lâu, mãi không định thần được. Bác Áp-đô-chi-a bảo tôi:

– Đây anh xem, chỉ vì anh và bà Pô-li-na mà tôi đã lau sạch bóng! Hôm nay tôi rồi, lại thấy cửa phòng để mở, thế là tôi đem khăn, đem chổi, đem nước lên... Dù sao cũng là chỗ hàng xóm láng giềng với nhau - bà ta hài lòng ngắm nhìn căn phòng thí nghiệm đã được “cải tạo”. - Anh xem, chỉ còn sàn nhà là chưa thật khô. Khiếp, rác đâu mà lắm thế! Chỉ riêng những con bướm, con ngài mà tôi đem đốt cũng phải đến một xô đầy!

Tôi ngồi xuống mép chiếc ghế đặt ở góc phòng. Mùi sàn gỗ mới rửa, mùi chổi ướt bốc lên. Căn phòng sạch sẽ, gọn gàng, sáng sủa. Không còn lại vết tích gì của con người đã từng sống và sáng tạo ở đây. Tất cả đã được lau, được quét cẩn thận, lại còn treo rèm trắng nữa chứ. Chúng cứ đứng đưa trước gió như trêu tức tôi!

Nào cánh, nào lưng, nào sợi tơ, nào ký hiệu, nào vi ảnh...

Tôi đứng lên, bước lại gần cửa sổ và nghe thấy tiếng bác Áp-đô-chi-a thì thầm với bà Pô-li-na sau lưng tôi: “Anh ta đúng là một người bất bình thường, ầm ầm chạy đến, rồi lại lỉ lỉ ra!”.

Bà Pô-li-na im lặng không trả lời.

Tôi cũng tự thấy thái độ mình là lạ lùng. Tôi rời khỏi căn phòng và từ từ đi xuống theo chiếc cầu thang gỗ. Xuống hết thang, tôi ngoái nhìn lên: bà Pô-li-na, mái tóc bạc trắng vẫn đứng trước khung cửa phòng thí nghiệm lặng lẽ nhìn theo tôi.

Bác Áp-đô-chi-a khép cửa sau lưng tôi và nói:

– Này, anh bạn, cẩn thận đấy!

Lòng tôi buồn rười rượi. Tất cả mọi sự trên đời tiêu tan trong nháy mắt. Chỉ còn lại cái sàn gỗ mới lau, những tấm rèm trắng trên cửa sổ và cái chổi tủa mùi hăng hắc.

Trời nắng, nóng, đầy ánh sáng và sắc màu, thế mà lòng tôi lại cay đắng biết bao! Tôi đã chậm trễ. Tôi đã không kịp thời làm những điều có thể làm được.

Giờ đây, tôi không hiểu được vì sao chỉ một tiếng đồng hồ trước đó, lòng tôi còn dào dạt biết bao tình cảm sinh động, phong phú. Tôi ra ga mua vé tàu, mười giờ tối mai tôi sẽ rời Chen-xơ. Có lẽ sẽ là chuyến tàu tốc hành mà tôi đã gặp trên đường đến Chen-xơ trong cái đêm lần đầu tiên tôi được nghe về người bác sĩ ấy.

Khách sạn đây rồi. Những ô cửa kính ánh lên trong nắng chiều. Chiếc chìa khóa phòng tôi vẫn treo trong cái hộp kính trên chỗ ngồi của cô trực nhật. Còn cô ta, như mọi khi, vẫn cầm cúi đọc sách. Nghe thấy tiếng tôi lấy chìa khóa, cô ta, theo thói quen, vẫn không ngẩng lên:

– Anh ở phòng số bảy đây phải không ạ?... “A, được lắm!... - giọng hằn ghen lại vì tức giận. - Lại đây! Nhanh lên nào! Rút gươm ra! Hãy để cho mặt đường này thấm đỏ máu của một người trong chúng ta...” Vâng! Anh ở phòng số bảy đây ạ? Anh vẫn chưa đi ạ? Xin lỗi anh, tôi đang đọc Huy-gô^[25]... Anh ở mấy ngày nữa ạ?

– Mai tôi đi thôi.

– Thế ạ! - cô ta như bừng tỉnh, đặt cuốn sách xuống bàn.

– Suýt nữa tôi quên mất: có một ông già kì dị đến tìm anh. Ông ta mặc áo nhung, chân đi dép không bít tất. Ông ấy cứ đứng hát thầm một mình và đợi anh mãi. Ông ấy đi, sau đó quay lại, rồi lại đi. Hỏi tên. ông ấy không nói mà chỉ trả lời rằng ông không biết anh, anh cũng không biết ông, nhưng hai người lại cùng có một công việc chung rất quan trọng. Thế nào hôm nay ông ấy cũng còn quay lại.

– Lại chuyện bí mật! Chẳng khác gì trong những cuốn tiểu thuyết ngày xưa! - tôi nói.

– Sao? Có chuyện bí mật? Trong thành phố của chúng tôi! Ôi giá như ngày nay còn có những chuyện bí mật ghê gớm ấy! Đúng là chỉ còn trong tiểu thuyết thôi... - Cô gái mơ màng nhìn ra cửa sổ. Bỗng cô ta reo lên: - Ông ấy kia rồi!

– Ai?

– Cái ông ban sáng ấy. Anh nhìn xem! Ông ta đi ở mé đường bên kia và đang nhìn lên đây.

– Cô gọi đi!

– Ông ấy đi khuất rồi! Anh đừng lo! Ông ấy hẹn là sẽ quay lại mà.

Tôi trở về phòng, mệt mỏi buông mình xuống ghế và suy nghĩ: “Hôm nay thật là một ngày dài dằng dặc. Buổi sáng thì chứa chan hy vọng. Buổi chiều thì thất vọng đắng cay. Và bây giờ, buổi tối, lại sống trong chờ đợi. Không, không phải là chờ đợi nữa, mà là nóng lòng sốt ruột muốn biết xem ông già chưa quen biết kia là ai. Hôm nay, toàn những việc chẳng ra gì”.

Có tiếng chân ngoài hành lang. Tiếng chân lại gần, rồi có tiếng gõ cửa.

– Mời vào!

Thì ra cô phục vụ đem nước chè và bánh đến. Cô ta đặt khay lên bàn, mỉm cười rồi đi ra. Tất cả lại im lặng. Ông già kia ở đâu? Đã muộn lắm rồi. Ông ta tìm tôi có việc gì? Tôi nhìn ra cửa sổ: một bóng người từ ngôi nhà bên kia đường đang hướng thẳng tới cửa khách sạn. Đúng ông ta, người tôi đang đợi đây rồi!

Tiếng gõ cửa vang lên rành rọt... Trước mắt tôi là một người cao lớn có mái tóc bạc, cầm cạo nhẵn nhụi. Ông ta khoác chiếc áo nhung đen. Cà vạt thắt hình con bướm, áo sơ-

mi trắng tinh. Chân đi dép không bít tất.

– Bác là ai? tôi hỏi và không nhận ra giọng nói mình nữa, dường như tôi đang nói trong cơn mê, tính nhắc lại một lần nữa.

– Tôi sẽ nói, sẽ nói. - ông già trả lời. - Tôi xúc động quá nên chưa biết bắt đầu từ đâu...

Tôi mời ông già ngồi xuống chiếc ghế đối diện. Một phút im lặng nặng nề trôi qua. Ông già bắt đầu nói:

– Vâng... Đum-sép, bác sĩ Đum-sép... sự mất tích một cách bí ẩn của ông ta... Phải chăng đó là điều lúc này anh đang quan tâm? Tôi cũng tình cờ mà được biết anh đang tìm kiếm... Tôi đã có thời gian được gần gũi Đum-sép, ông ấy đã cứu sống tôi.

– Xin lỗi, nhưng xin bác cho biết tên đã.

– Tôi ấy à? Tên tôi chẳng có ý nghĩa gì đối với anh đâu, nhưng thôi, nói cũng được. Cách đây lâu lắm rồi, tên tuổi của nghệ sĩ Ốc-lốp đã được nhiều người biết đến. Vâng, tôi từng là một nghệ sĩ. Ngày nay, thanh niên ta chẳng biết được ngày xưa, dưới thời Nga hoàng, những ông bầu thuê mướn các nghệ sĩ rẻ mạt như thế nào, tùy tiện cắt đặt họ vào gánh hát này hay gánh hát nọ như thế nào, làm mai một tài năng họ ra sao. Cuộc đời người nghệ sĩ lặn lội theo chiếc xe ngựa rong ruổi trên những ngã đường cát bụi, theo các toa tàu chật chội chạy băng qua những nhà ga tình cờ bên đường và mất hút trong những khoảng sân lầy lội mà họ ghé qua, trong những phòng ở rẻ tiền, rồi tối nào, đêm nào cũng vậy: những ngọn đèn dầu bên sân khấu lại nhen lên nỗi đau trong tim. Người nghệ sĩ không thể hiện cái chính mình đang sống, cái chính mình đang khổ đau, cái mà người xem đang day dứt, băn khoăn, mà người xem lại đem những đồng xu ướm mồ hôi của mình ra mua vé cốt để được nghe ở người nghệ sĩ một sự thật.

Nước mắt bỗng long lanh trong đôi mắt người nghệ sĩ già.

– Xin lỗi anh, chuyện tôi muốn nói không phải là chuyện đó. Nhưng chính là trong những năm tháng ấy, tôi đã có dịp nằm ở nhà thương mà Đum-sép làm bác sĩ.

Ông già nhồm lên, trịnh trọng đưa cho tôi một cuộn giấy buộc sợi vải xanh:

– Đây là những đoạn nhật ký mà tôi đã ghi trong thời gian ấy. Anh hãy đọc đi, rồi sẽ hiểu tất cả. Bây giờ khuya rồi, tôi phải về. Chúc anh ngủ ngon.

Tôi tiễn ông già ra tận cổng. Trước khi chia tay, ông già bảo:

– Tìm tôi cũng dễ thôi, tôi từ lâu vẫn phụ trách nhóm nghệ thuật câu lạc bộ “Người xây dựng”. Nghiệp dư thôi, nhưng đã có nhiều tài năng từ đó mà lên...

Tôi nhìn theo mãi bóng dáng người nghệ sĩ già. Ông vẫn bước những bước đi nhanh nhẹn như thời trai trẻ. Vầng trăng trải ra trước mặt ông một con đường dài long lanh ánh bạc.

CĂN NHÀ GỖ NHỎ

(HỒI KÝ CỦA NGƯỜI NGHỆ SĨ)

Thứ năm, 14 tháng Năm

Ngày lại ngày trôi qua mà mãi tôi vẫn chưa khỏi hẳn. Hôm nay, nằm trong nhà thương, tôi hồi tưởng lại những chuyện đã qua và bắt đầu ghi chép. “Biến... thái, biến thái”, mấy tiếng ấy lọt vào tai tôi khi tôi tỉnh lại và không biết mình đang nằm ở đâu. “Biến thái” là cái gì nhỉ? Căn phòng tối mờ mờ. Một người đang ngồi bên giường tôi, cúi

đầu ghi chép cái gì đó dưới ánh sáng ngọn nến chập chờn, miệng lầm bầm: “Biến thái”.
Bóng người ấy rung rinh và in dài trên tường. Tiếng ngòi bút chạy trên giấy lạo xạo. Ông ta lại nhắc lại hai tiếng khó hiểu “Biến thái”. Tôi đang ở đâu thế này? Chợt có tiếng người thở dài trong bóng tối: “Bác sĩ ơi!” Người đang viết đứng dậy, cầm nến đi ra. Tôi nằm mơ hay sao? Đầu óc tôi quay cuồng, tim như thắt lại. Một khuôn mặt cúi xuống phía tôi: “Biến... thái, biến thái...”.

Thứ bảy, 16 tháng Năm

Không biết ánh nắng lọt vào phòng hay tiếng chú ngựa non hí vang dưới ô cửa sổ mở đã làm tôi tỉnh dậy. Tôi cảm thấy trong người khoan khoái và nhớ ra rằng: gánh hát chúng tôi đi qua Chen-xơ, dừng lại ở một trạm chữa cháy và trình diễn vở kịch vui “Chuyện rắc rối” của Ca-ra-tư-ghin^[26]. Rạp hát là một cái nhà kho rộng. Tôi đóng vai Vơ-lô-sin. Bỗng nhiên đang diễn, tôi thấy trời đất chao đảo, những cái rầm gỗ lớn lao xuống đầu tôi, còn nền kho quay ngược lên trời, và tôi gục xuống. Lúc đầu, tôi còn nghe thấy tiếng ông bầu: “Hạ màn, hạ màn nhanh lên, và chở anh ta đi nhà thương”. Sau đó, trời đất tối đen, tôi không biết gì nữa.

Bác sĩ nhà thương này là ông Đum-sép.

Thứ ba, 19 tháng Năm

Mấy tiếng “biến thái” mà tôi nghe thấy đêm nào cứ luẩn quẩn mãi trong đầu tôi. “Biến thái” là cái gì nhỉ?

Thứ tư, 20 tháng Năm

Đêm qua mưa dông. Tôi nằm mãi không ngủ được. Chớp loang loáng trên bầu trời đen kịt. Cây cối rít ào ào ngoài cửa sổ. Ông bác sĩ lại ngồi viết ở chiếc bàn con dưới ánh nến. Ông ta vẫn có thói quen vừa viết vừa đọc lầm bầm. Tôi lắng tai nghe:

– Khám phá ra bí mật năng lượng của cơ thể sống phải chăng chính là khám phá ra bí mật để khắc phục mọi bệnh tật? Nhưng tìm ở đâu? Năng lượng của sự biến thái!... A, anh không ngủ à? – ông bác sĩ quay lại khi thấy tôi cựa mình. – Anh cứ ngủ yên giấc! Anh sẽ khỏe và lại khỏe như xưa. Khỏe hơn xưa nữa là khác!

Thứ bảy, 23 tháng Năm

Trời mưa tầm tã suốt ngày. Tôi thấy đau ngực và tim đập mạnh. Tôi không cử động được, viết cũng khó khăn. Trái tim của ta ơi, người kém cỏi quá! Rồi đây rời khỏi nhà thương, tôi biết sống bằng cách nào? Thiếu nhà hát, thiếu sân khấu, tôi làm sao sống được. Ôi, thật là một câu hỏi ác nghiệt. Tim tôi như thắt lại trước câu hỏi ấy, nó đập lúc nhanh, lúc chậm, có lúc lại như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực... Tôi kể bệnh cho bác sĩ nghe, ông ta an ủi tôi. Tôi hỏi: “Thưa bác sĩ, “biến thái” là gì ạ?” – “Thôi, anh cứ nghỉ cho khỏe đi đã, rồi tôi sẽ giải thích cho anh hiểu. Bây giờ thì anh uống thuốc đi”.

Bác sĩ đặt miệng cốc vào môi tôi rồi sửa lại chăn cho tôi. Tiếng mưa rơi khẽ dần...

Chủ nhật, 24 tháng Năm

Hôm nay, tôi mới rõ vì sao tôi lại ở đây. Khi tôi bị ngất trên sân khấu, ông bầu cho đưa tôi về buồng ở khách sạn, rồi sau đó một ngày, ông ta đã đánh lừa cả các diễn viên lẫn chủ khách sạn. Ông ta bảo rằng những người thân thuộc của tôi sẽ đến đón và trả tiền thuê phòng cho tôi. Gánh hát rời đi nơi khác. Bệnh tình tôi ngày càng nghiêm trọng. Chủ khách sạn đi mời bác sĩ Đum-sép. Bác sĩ đã cho thuốc, thanh toán tiền nong với chủ khách sạn rồi đưa tôi về nhà thương của ông.

Thứ hai, 26 tháng Năm

Một ngày thật trong sáng và đẹp đẽ. Mọi vật quanh tôi đều trở nên đáng yêu.

Bác sĩ bước vào phòng bệnh, bảo tôi:

– Anh cười tươi tỉnh thể kia là khỏe rồi đấy. Bây giờ anh hãy cố gắng nhớ lại một đoạn độc thoại của Bô-rít Gô-đu-nốp^[27] đi!

Tôi cố đọc thử nhưng bị vấp, lẫn lộn nhiều chỗ.

– Nếu anh cần thì tôi có tập Pu-skin đây. Anh cứ chuẩn bị cho cẩn thận. Anh phải làm việc đi! Như vậy bệnh tật sẽ chóng qua khỏi.

Thứ hai, 1 tháng Sáu

Hôm qua, chủ nhật, tôi lại thấy khó chịu, mệt mỏi. Tim lại đau. Bác sĩ đưa tôi đi dạo. Chúng tôi đi thong thả, vừa đi vừa trò chuyện. Tôi quên mất cơn đau lúc nào không biết nữa.

Chủ nhật, 7 tháng Sáu

Bây giờ là buổi tối. Ngày hôm nay, tôi đã đi nhiều. Bác sĩ dẫn tôi đến xưởng của ông ở ngoại thành. Ông nói: - “Ở đây, anh sẽ tìm thấy câu trả lời cho những câu mà anh đã hỏi tôi”.

Từ trên đỉnh một quả đồi, tôi nhìn thấy biển lấp lánh xa xa. Chúng tôi xuống dốc và đi vào một khu vườn hoang. Lối đi rợp bóng cây. Bờ rào sắt nhiều chỗ đã đổ nằm trên cỏ. Chúng tôi đi qua bên cạnh một cái nhà chòi và ra khỏi khu vườn. Những bụi tầm xuân nở đỏ.

Đi qua đám cỏ rậm và cao, chúng tôi men theo bờ giậu đến một căn nhà gỗ nhỏ. Bên kia hàng rào, những đàn ong bay vo vo trong đám lá. Tôi bước theo Đum-sép vào trong nhà và đứng sững lại vì kinh ngạc: khắp phòng mạng nhện chằng dầy. Cửa sổ không có mặt kính mà chỉ toàn mạng nhện. Trong góc nhà, mạng nhện chằng như những cái võng nhỏ. Nhện bò và chằng tơ trong cả các bình thủy tinh. Ngay cả trong chiếc bình đựng nước cũng có một con nhện màu bạc. Mạng nhện từ trên trần buông xuống lòng thòng. Ở một chỗ, sát mặt đất, một con chuột nhắt đã chết treo trong đám mạng nhện dày đặc. Những chỗ khác lủng lờ nào que, nào mảnh gỗ vụn, nào mảnh đất đá.

– Anh cứ bước vào đây xem nào! - Đum-sép bảo tôi. - Anh sợ cái gì kia chứ? Con nhện nhả tơ quấn lấy con chuột đấy mà.

Đum-sép mở chiếc hộp con, đàn ruồi bay tứ tung. Thế là khắp nơi náo động, các đám mạng nhện rung rinh. Lũ nhện xông ra bắt mồi. Tôi chưa bao giờ được thấy đủ loại nhện khác nhau như thế. Chúng chạy khắp nơi: trên những mạng nhện, trên cửa sổ, trên tường. Chúng tụt theo các sợi tơ nhện, chúng đung đưa trên những cái võng mạng nhện. Chúng bò cả trên trần, trên nền nhà. Chúng chạy ra chạy vào qua chiếc cửa mở rộng, ngay dưới chân tôi.

Thứ tư, 10 tháng Sáu

Đum-sép sống trong thành phố. Người ta nói ở đây ông có một phòng thí nghiệm để làm những thí nghiệm hóa học, nhưng tôi chưa đến đây bao giờ. Đum-sép khuyên tôi nên hít thở không khí biển và tôi thường cùng ông đi ra căn nhà gỗ nhỏ, đến đây chúng tôi chia tay nhau. Ông vào làm việc, còn tôi đi ra bờ biển.

Tôi đã khỏe. Thật ra đôi lúc cũng còn đau, nhưng cơn đau lại qua ngay. Lúc đó, tôi cảm thấy nó giống như một diễn viên xuất hiện trên sân khấu sau buổi diễn để xin lỗi khán giả về một sơ xuất nào đó.

Tôi rất phấn khởi. Bệnh tật đã qua rồi. Giờ đây tôi thấy trong người thoải mái, vui vẻ và sẵn sàng đóng vai Rô-mê-ô^[28] hay Sát-xki^[29] trên sân khấu nhà hát nổi tiếng. Tôi không có cảm tưởng gì là mình vừa mới ốm khỏi. Không biết bác sĩ đã chữa cho tôi bằng

thứ thuốc gì mà tốt như vậy?

Thứ hai, 15 tháng Sáu

“Biến thái”!

Hôm qua, tôi lại đến căn nhà gỗ. Bác Đum-sép đã giải thích cặn kẽ cho tôi “biến thái” là gì. Trên bàn, giữa đám bình, lọ thủy tinh, có hai cái bình to, đáy phẳng, trông tựa như cái bể cá. Một cái đựng đầy nước, một cái trong có cát, sỏi con và một búi cỏ xanh. Trong hai bình ấy có những con vật kỳ lạ, ở bình này chúng bơi lội tung tăng dưới nước, ở bình kia chúng bò trên mặt cát.

– Anh xem những con bọ ở hai cái bình kia có giống nhau không?

– Chẳng giống nhau chút nào hết.

– Đúng thế. Những con ở bình này có mang thở, đuôi dẹt và vụng về. Chúng chỉ sống dưới nước. Đó là những con ác-xô-lốt. Những con ở bình kia thở bằng phổi, thân hình cân đối hình trụ dài và cũng có đuôi. Đó là những con am-blít-tô-ma. Có một thời, người ta đã coi chúng là hai loài khác nhau, nhưng bây giờ người ta đã xác định được rằng con ác-xô-lốt sống dưới nước kia sẽ biến thành con am-blít-tô-ma. Như vậy, ác-xô-lốt là ấu trùng của am-blít-tô-ma.

– Thế thì có gì là lạ đâu! - tôi nói. - Con nòng nọc sống và bơi dưới nước, sau biến thành con ếch sống được cả trên cạn lẫn dưới nước. Và con nòng nọc cũng chẳng giống con ếch tí nào. Thí nghiệm này của bác sĩ có mục đích gì?

Đum-sép cười:

– Thí dụ so sánh của anh không thích hợp! Tôi hỏi anh có ngạc nhiên hay không, nếu thấy những con nòng nọc này đẻ ra trứng rồi trứng ấy lại nở ra nòng nọc, còn những con nòng nọc khác lại biến thành ếch?!

– Làm gì có chuyện lạ đời như vậy! - tôi cười.

– Nòng nọc thì không thế, nhưng những con ác-xô-lốt thì lại khác. Thường thường ác-xô-lốt là ấu trùng của am-blít-tô-ma. Nhưng chúng cũng có thể không biến thành am-blít-tô-ma mà sinh sôi nảy nở rồi đến khi chết vẫn là ác-xô-lốt.

– Thế còn am-blít-tô-ma thì sao?

– Nó đẻ trứng, trứng nở ra ấu trùng ác-xô-lốt.

– Tôi hiểu rồi! Nhưng bác sĩ còn chờ đợi điều gì kỳ diệu nữa ở chúng mới được chứ?

– Kỳ diệu mà cũng không kỳ diệu! Tôi dùng phương pháp nhân tạo để gây nên những hiện tượng biến thái, buộc ác-xô-lốt phải biến thành am-blít-tô-ma. Tôi đang thực hiện và theo dõi hiện tượng biến thái ấy.

– Nhưng trong cái xướng nhỏ này, bác sĩ làm thế nào mà can thiệp được vào công việc của giới tự nhiên như vậy?

– Đơn giản lắm! Tôi nuôi ác-xô-lốt bằng tuyến giáp hoặc chất do tuyến đó tiết ra và làm cho dạng sống dưới nước của ác-xô-lốt phải biến thành dạng sống trên cạn khác hẳn dạng cũ. Một nhà sinh lý học như tôi buộc phải biết làm điều đó. Tôi tạo điều kiện cần thiết cho việc biến một sinh vật này thành một sinh vật khác.

Thứ tư, 17 tháng Sáu

Tôi khỏe rồi, khỏe hẳn rồi!

Những người bệnh đồn rằng bác sĩ Đum-sép tự tay chế ra các loại thuốc rất thần diệu. Tôi hỏi ông:

– Bác sĩ đã cho tôi uống thứ nước phép gì vậy?

Ông đáp:

– Nếu anh giúp tôi trong việc thí nghiệm thì anh sẽ biết.

Tôi mà lại có thể trở thành một người giúp việc cho nhà bác học ư?

Lúc chập tối, theo lời Đum-sép, tôi đã chuyển chỗ ở đến nhà y sĩ A-cu-li-nu-skin.

Tôi đã trở thành một con người khác hẳn, khỏe mạnh, trẻ trung. Tất cả là nhờ bác sĩ Đum-sép. Tôi biết làm gì để trả ơn ông bây giờ?

Thứ hai, 22 tháng Sáu

Hôm qua, nhà A-cu-li-nu-skin chuẩn bị đón khách: nào cọ rửa sàn nhà, làm bánh trái, nào rũ chăn, rũ đệm. Mọi vật trong nhà đều sạch sẽ, bóng loáng, cả chú chim khuyên trong lồng cũng dường như mượt mà hơn.

Tôi ra ngoại thành. Những ngày chủ nhật, bác sĩ Đum-sép bao giờ cũng có mặt trong căn nhà gỗ nhỏ. Tôi không muốn làm phiền ông, nên chỉ đi qua, ra thẳng bờ biển mà không tạt vào. Bất chợt trời đổ mưa, tôi đành phải chạy vào căn nhà gỗ của Đum-sép.

Tôi gõ cửa. Không có tiếng trả lời. Tôi lại gõ và lên tiếng hỏi:

– Vào được không, bác sĩ?

Vẫn chẳng có ai trả lời. Tôi hé cửa nhìn: trong nhà không có ai. Tôi bước vào và hết sức ngạc nhiên thấy trong nhà chẳng còn bình lọ gì cả, chẳng còn mạng nhện, và cả những con nhện cũng không thấy nữa. Trên bàn chỉ có mấy quyển sách. Một cuốn để mở. Đó là cuốn “Giới động vật”. Trên trang sách, tôi nhìn thấy một hình vẽ, dưới có dòng chữ: “Nhện... chiều dài tối đa: khoảng 2,5 cen-ti-mét”.

Mưa đã tạnh. Tôi bỗng thấy có tiếng sột soạt đâu đây. Nhìn khắp mọi nơi chẳng thấy ai cả. Lại có tiếng sột soạt. Tôi đi quanh khắp phòng tìm kiếm rồi ngồi xuống ghế đầu định giở quyển sách ra xem thì bỗng thấy cái gì động đậy ngay dưới chân. Nhìn xuống, tôi giật mình: một cái chân nhện to tướng đầy lông lá thò ra dưới gầm chiếc ghế tôi ngồi. Hoảng sợ, tôi chạy ra phía cửa. Chiếc ghế chao đảo. Tôi nhận ra một con nhện khổng lồ bị buộc vào chân ghế. Mắt nó ánh lên dữ tợn, tám chân dài đầy lông lá vươn ra. Đúng là loài nhện mà tôi vừa nhìn thấy trong hình vẽ. Nhưng nó không phải chỉ lớn có 2,5 cen-ti-mét mà to bằng nửa cái ghế đầu. Một con nhện khổng lồ!

Cửa mở ra, Đum-sép đứng ngay trên ngưỡng cửa. Tôi sợ hãi nhìn ông. Đum-sép điềm tĩnh bảo tôi:

– Đây là một thí nghiệm, một thí nghiệm thành công!

Thứ tư, 1 tháng Bảy

Đum-sép đã biến mất! Làm sao bây giờ? Chuyện này xảy ra cách đây đúng ba hôm. Hôm ấy là ngày chủ nhật, 28 tháng Sáu. Mãi đến lúc này, tôi mới có thể bình tĩnh ôn lại đầu đuôi sự việc và ghi chép.

Tôi trông thấy Đum-sép lần cuối cùng cũng vào một ngày chủ nhật, nhưng là chủ nhật 21 tháng Sáu, khi tôi chết khiếp vì con nhện khổng lồ. Lần này, chủ nhật 28 tháng Sáu, tôi dậy sớm và đi chuẩn bị đến chỗ Đum-sép như thường lệ. Nhưng đêm qua trời đông bão, và sáng nay A-cu-li-nu-skin nhờ tôi giúp một tay dọn lại vườn rau. Bỗng bà hàng xóm chạy đến bờ rào gọi:

– Bác sĩ mất tích rồi! Các anh biết chưa?

Tôi và A-cu-li-nu-skin chạy vội đến nhà thương ở đó, mọi người cũng đang nhốn nháo vì những tin đồn khác nhau. Người thì nói bác sĩ đi tắm biển bị chết đuối. Người thì nói bác sĩ đã tự tử. Lại có người nói hình như bác sĩ đã cải trang, khoác túi lên vai ra đi, bắt đầu cuộc hành trình chu du thế giới.

Thứ năm, 2 tháng Bảy

Người bác sĩ đã cứu sống tôi và chấp cánh cho tâm hồn tôi không còn nữa! Lòng tôi băng khuông đau xót không nguôi.

Thứ sáu, 3 tháng Bảy

Tối nay, trên đường về nhà tôi nghe thấy ngoài phố hai người qua đường bàn tán quy tội cho những người lái buôn Ma-xơ-va nào đấy đã gây nên cái chết của bác sĩ Đum-sép.

Thứ bảy, 4 tháng Bảy

Hôm qua, những người trong gia đình A-cu-li-nu-skin kể với tôi rằng: hình như ở gần chỗ nuôi ong ngoài thành phố, người ta thấy có nhiều loài kiến và nhện kỳ lạ bò khắp nơi trong đám cỏ, và người ta định đốt căn nhà gỗ nhỏ của Đum-sép rồi thuê người cắt sạch cỏ. Nhưng thợ cắt cỏ không nhận làm.

Chủ nhật, 5 tháng Bảy

Hôm qua, người ta lại định tưới dầu đốt cả nhà lẫn cỏ ở chỗ ấy. Nhưng người quản lý khu đất ấy nói rằng: có điện của ông chủ từ Pê-téc-bua đánh về cấm không cho thiêu đốt gì ở đây. Ngày mai, người ta sẽ cho người phá ngôi nhà. Tôi phải đến đó một lần cuối mới được.

Thứ hai, 6 tháng Bảy

Căn nhà sẽ bị phá đi. Chẳng bao lâu nữa, những bụi cây rậm rạp sẽ trùm lấp nơi mà Đum-sép đã tiến hành những thí nghiệm kỳ lạ. Hôm qua, tôi đã qua đây lần cuối cùng... Lúc ấy, mặt trời đã xế bóng. Tôi ngồi bên cửa sổ tưởng chừng như đang ngồi đợi lát nữa Đum-sép sẽ tới. Từ cửa sổ nhìn ra, tôi thấy rõ những bông ong. Như mọi khi, ông già nuôi ong vẫn quanh quẩn bên kia bờ rào. Ông ta liếc nhìn tôi và tôi có cảm giác rằng ông chẳng coi tôi ra gì. Hừ, chẳng qua là một kếp hát!

Tôi định đứng lên ra về thì ông già bảo:

– Anh vẫn chờ ông ấy à? Chờ làm gì! Ông ấy không quay trở lại nữa đâu!

Ông lão đã trông thấy Đum-sép sáng sớm ngày chủ nhật 28 tháng Sáu. Lúc mờ sáng, có ba người đuổi theo bác sĩ trên lối đi trong vườn. Ông lão đã toan nhảy qua rào chạy đến bênh vực Đum-sép. Nhưng khi thấy một người trong bọn họ đội mũ lưỡi trai có dính phù hiệu thì ông lại sợ và ngồi thụp xuống sau hàng rào, quan sát. Đum-sép chạy được vào căn nhà gỗ, đóng chặt cửa lại. Ba người kia đập cửa, rồi một người chạy lại chặn lối cửa sổ, còn hai người kia giật tung cánh cửa ra vào. Ông lão nhìn rõ cả ba người lập tức chạy lùi trở ra, há miệng vì ngạc nhiên rồi thầm thì với nhau những gì không biết. Người đội mũ lưỡi trai lại đi vào nhà rồi cầm ra bộ quần áo của bác sĩ. Sau đó cả ba bỏ đi theo phía lối ra vườn. “Bác sĩ, thế là xong!” - ông già nghĩ vậy. Đợi một chút rồi ông lão lén sang ghé mắt nhìn vào cửa sổ định tìm cách cứu giúp bác sĩ. Nhưng lạ thay, trong nhà không một bóng người!... Bác sĩ đã biến mất như người độn thổ. Người đội mũ lưỡi trai đã tung tin rằng bác sĩ tự tử. Để chứng minh điều đó, anh ta đưa cho mọi người xem bộ quần áo của Đum-sép mà anh ta nói là đã tìm thấy ở bờ biển.

Ông lão sợ bị liên lụy, bảo tôi:

– Anh đừng bắt tôi có dính dáng gì vào chuyện ấy. Chỗ nuôi ong của tôi ở kể bên đây, nhưng tôi có việc của tôi, tôi chỉ biết có đàn ong... Tôi không trông thấy ai, không nghe thấy gì và cũng chúng nói gì với anh đâu đấy nhé!

Khi ông lão đi rồi, tôi nhìn lại căn phòng một lần cuối cùng. Trời đã bắt đầu tối. Trên bàn còn để một cốc nước uống dở, một cái đĩa nhỏ đựng chất bột trắng và mấy viên thuốc nhỏ. Trên đĩa đặt một chiếc thìa con bằng bạc, chuôi có khắc hai chữ “X. Đ.” (Xéc-

gây Đum-sép). Tim tôi thất lại: đó là tất cả những gì còn lại của con người mà tôi rất yêu quý.

Ngày mai, căn nhà này sẽ không còn nữa. Người ta sẽ không còn nhớ gì về bác sĩ Đum-sép nữa. Tôi nhặt lấy chiếc thìa con làm kỷ niệm. Còn thứ bột trắng và mấy viên thuốc này? Tôi nghĩ “Chắc là để Đum-sép làm một thí nghiệm gì đấy!” Tôi không đang tâm vứt bỏ lại. Nhặt mảnh giấy trên bàn, tôi dóc cả vào, gói lại.

Thứ bảy, 18 tháng Bảy

Đum-sép mất tích thắm thoát đã được hai mươi ngày, rồi lại gia nhập một gánh hát và rời Chen-xơ. Cuộc đời nghệ sĩ nay đây mai đó của tôi lại tiếp tục.

Chuyện mất tích của bác sĩ Đum-sép vẫn mù mịt chưa được giải quyết ra sao cả. Nhưng những hồi ức của tôi về ông lại luôn luôn trong sáng. Tôi ra đi. Dưới đáy va-li là những ghi chép của tôi về những ngày sống ở Chen-xơ, những gì đã nhặt được hôm đến thăm căn nhà gỗ lần cuối cùng...

Nhưng vì sao giờ đây, khi tay buộc va-li và lòng vẫn vương về chuyện Đum-sép mất tích, tôi vẫn nhớ lại tác phẩm “Cái xác còn sống” của Lép Tôn-xtôi^[30] và vẫn đọc thầm đoạn độc thoại của Phê-đi-a Prô-ta-xốp?

NHỮNG TÍNH TOÁN VÀ NHỮNG CON SỐ KỲ LẠ

Tập nhật ký thời trai trẻ của người nghệ sĩ già Oóc-lốp đến đây là hết.

Dưới ánh sáng ngọn đèn điện, tôi mãi mê đọc và không biết rằng ngoài kia, sau tấm rèm cửa sổ, trời đã sáng. Xếp tập nhật ký sang một bên, tôi xem xét những thứ Oóc-lốp đã nhặt được trong căn nhà gỗ. Chiếc thìa bạc có khắc chữ “X.Đ.” đã xỉn màu, còn hai mảnh giấy ó vàng được gấp thành hai gói nhỏ, trong một gói là thuốc bột, trong gói kia là mấy viên thuốc. Người nghệ sĩ già này thật lãng mạn kỳ cục! Mấy chục năm qua rồi mà vẫn giữ những thứ này làm kỷ niệm...

Khi đọc tập nhật ký, tôi cảm thấy chuyện bác sĩ Đum-sép hình như sẽ sáng tỏ dần. Nhưng khi đọc hết tập nhật ký, tôi lại thấy câu chuyện ấy vẫn mờ mịt như xưa, thậm chí còn hơn xưa nữa.

Qua một đêm không ngủ, đầu óc cứ quẩn quanh với một vấn đề không sao giải quyết được, tôi thấy người mệt như. Đầu nhức như búa bổ. Tôi mở va-li tìm gói thuốc bột pi-ra-mi-đông và ca-phê-in chữa bệnh nhức đầu. Hôm còn ở Ma-xơ-va, tôi cũng mệt mỏi và nhức đầu như hôm nay. Bác sĩ cho tôi thứ thuốc này và dặn uống hai lần trước bữa ăn trưa, mỗi lần một gói. Tôi dóc gói thuốc vào miệng, uống nước rồi đi nằm. Tôi định bụng sẽ ngủ một lát, nhưng tôi không sao chợp mắt được, vì những tia nắng xuyên qua tấm rèm cửa lọt vào buồng.

Vì sao tôi lại nhớ những điều vụn vặt, những chi tiết mọi việc làm và tất cả dòng suy nghĩ của tôi buổi sáng hôm đó như vậy? Chỉ vì một trong những chi tiết đó đã ẩn dấu một sự việc sau đó đã đột nhiên phát triển và đẩy tôi ra xa cuộc sống bình thường.

...Tôi đang bị đau đầu. Ánh nắng rực rỡ xuyên qua rèm khiến tôi không ngủ được. Muôn vàn hạt bụi nhỏ li ti nháy múa quay cuồng trong ánh nắng. Một tia nắng rơi lên mấy gói giấy đựng thuốc mà Oóc-lốp đã đem đến. Khi tôi cầm gói thuốc lên thì một ít thuốc bột vãi ra tay. Tôi mở mảnh giấy nhàu nát gói thứ thuốc bột ấy... Nhưng cái gì thế

này? Trên mảnh giấy gói thuốc bột là những nét chữ quen thuộc của Đum-sép! Tôi mừng rỡ vội đổ chỗ thuốc bột trong gói sang mảnh giấy gói pi-ra-mi-đông của tôi ban nãy rồi chăm chú đọc:

“Ảnh hưởng của các chất men đến tốc độ phát triển, đến tầm vóc của cơ thể sống, các cách kết hợp biến đổi của nhiệt độ và độ ẩm - tôi đã nghiên cứu, kiểm nghiệm tất cả những điều đó qua các thí nghiệm của mình và tin rằng: tôi có thể gây ảnh hưởng đến tầm vóc cơ thể sống, thay đổi cơ cấu của nó, làm cho nó to lên hoặc nhỏ đi... ..công thức biến đổi tốc độ phát triển của loài nhậy phá tổ ong như sau:

$$lgW = bt + clgt$$

trong đó:

w là trọng lượng;

t là thời gian;

b và c là hằng số.

...gấp 70000 lần! Con sâu bướm hại dương liễu tăng trọng lượng của cơ thể nó lên tới 70000 lần. Khi nó mới nở, trọng lượng nó chỉ bằng vài phần nghìn gam... Chỉ sau một thời gian tương đối ngắn, trọng lượng nó đã có thể tính bằng gam.

Con sâu bướm nắc nẻ tím nhạt tăng trọng lượng cơ thể nó lên tới 10000 lần, còn con tằm dâu tăng trọng lượng cơ thể nó lên tới 15000 lần.

Thật là một sức mạnh khổng lồ! Và tôi đã gần như nắm được sức mạnh ấy, điều khiển nó theo ý định của mình...

...Các chất men! Phải chăng chính là chúng đã thúc đẩy các phản ứng hóa học trong cơ thể sinh vật diễn ra nhanh hơn hàng triệu lần?...”

Mảnh giấy chỉ viết có mấy dòng như vậy. Toàn nhưng con số, công thức và những suy nghĩ khó hiểu về các chất men nào đấy. Nó chẳng soi sáng thêm cho tôi chút nào trong việc tìm hiểu số phận kỳ lạ của con người đã sống, đã đau khổ, đã sáng tạo và đột nhiên biến mất.

Giờ đây, khi tôi viết những dòng này, thì đã xảy ra những chuyện đáng lẽ có thể hoàn toàn không xảy ra hôm đó. Giờ đây, khi mọi chuyện đối với tôi chỉ còn là hồi ức, tôi ngạc nhiên tự hỏi: không biết vì sao hồi ấy, khi đọc những công thức và những dòng ghi chép trên mảnh giấy kia, tôi đã không đối chiếu chúng với những điều viết trong những trang nhật ký tí hon, với những điều bà Pô-li-na kể và những hồi ức của người nghệ sĩ già! Đã có biết bao nhiêu sự kiện, chỉ cần biết khéo so sánh, sắp xếp những lời nói, những hiện tượng lẻ tẻ cho hợp lý là tôi có thể đi đến kết luận và đoán ra được số phận bí ẩn của Đum-sép! Thế mà tôi đã không làm như vậy.

Nhưng thôi, tôi xin thuật lại cho có đầu đuôi.

Sáng hôm ấy, phòng khách sạn thật nóng bức. Sau một đêm mất ngủ, đầu tôi đau nhức và không sao chớp mắt được. Tôi quyết định đi ra bờ biển qua thăm chỗ trước kia có căn nhà gỗ của Đum-sép. Bây giờ mới chín giờ sáng, tàu đi Ma-xơ-va mãi đến mười giờ đêm mới chạy, vả lại, vé tôi đã mua sẵn đây rồi. Sau khi ra đấy về, tôi vẫn còn có đủ thời giờ để tạt qua trường đại học sư phạm từ biệt giáo sư, rồi sau đó, tôi sẽ đi tìm câu lạc bộ “Người xây dựng” để trao trả Oóc-lốp tập hồi ức và những thứ ông ta đem đến.

Buộc xong tập hồi ức, tôi loay hoay gói lại chiếc thìa... Bỗng có tiếng gõ cửa. Tôi nhận ra giọng nói quen thuộc của cô sinh viên Lê-na:

– Chào ông, có thư của giáo sư Ta-ra-xê-vích gửi ông. Hôm qua, tôi bận quá vẫn chưa giao thư được... Tôi chờ lâu quá không thấy ông về nhà... Thôi, chào ông ạ... <https://thuviensach.vn>

Tôi đọc thư. Và không ngẩng lên, tôi đưa tay quơ tất cả những thứ định đem theo, bỏ vào túi quần: cuốn nhật ký của Oóc-lốp, mấy gói thuốc, cái thìa...

“Kính gửi anh Gri-gô-ri!

Hôm qua, vừa xong việc là tôi vội đến ngay ngôi nhà có tháp nhọn theo địa chỉ mà anh đã dặn, nhưng anh đã không còn ở đấy. Một bà già bé nhỏ ra mở cửa, nhưng không muốn cho tôi vào và cũng chẳng nói là tại sao. Thế nào, anh đã tìm được những gì ở đấy?

Tôi có thể báo cho anh biết một chi tiết thú vị về những trang nhật ký tí xíu. Chị Vô-rôn-xô-va đã phát hiện và chứng minh rằng những dòng chữ li ti đó không phải là được thu nhỏ bằng máy ảnh mà là những dòng chữ viết tay. Chúng tôi còn bí hơn nữa khi xác định được rằng giấy và mực cũng không phải là những thứ giấy, mực thông thường do các nhà máy sản xuất! Làm thế nào mà Đum-sép hay cái người ẩn dưới cái tên ấy có thể viết được những dòng chữ chỉ đọc được dưới kính hiển vi? Chị Vô-rôn-xô-va nói đùa rằng có lẽ người viết những dòng chữ ấy cũng bé đến mức phải nhìn bằng... kính hiển vi mới thấy! Chị ấy chỉ là nói vui. Tôi mong rằng trước khi trở về Ma-xcơ-va, anh rẽ qua chỗ tôi. Chúng ta sẽ nói chuyện với nhau.

Ta-ra-xê-vích”.

“THÀNH PHỐ BẰNG GIẤY” CỦA NHỮNG CON ONG VÊ

Những tình cảm và ý nghĩ trong sáng của tôi dường như đã bị phủ một lớp bụi mờ, chẳng khác gì những chiếc lá dương rụng thành lớp bên đường, những chiếc lá xưa kia tươi xanh, căng nhựa.

Giờ thì tôi đã biết căn nhà gỗ của Đum-sép trước kia ở gần cái nhà chòi cũ kỹ và bỏ hoang. Tất nhiên tôi rất muốn qua thăm nơi đó trước khi rời Chen-xcơ.

Chỗ ấy chính là nơi đã vương vãi những trang nhật ký tí xíu!

Con đường thoai thoải từ trên đồi đi xuống. Ngã ba nơi con đường làng và con đường nhựa gặp nhau, đây rồi. Tôi dừng lại. Đây chính là con đường đi qua khu rừng nhỏ dẫn đến lối đi có hàng cây rợp bóng trong vườn.

Tôi đi theo con đường quanh co, và dòng suy nghĩ của tôi cũng chẳng khác gì con đường, cứ quanh quẩn mãi với số phận Đum-sép. Tôi đã bế tắc không giải quyết được vấn đề, điều đó cũng chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tôi sẵn sàng tha thứ cho mình về chuyện ấy. Trước đây, tôi được đọc một tờ báo cũ, trong đó tòa soạn nêu lên rằng có một tài liệu không đọc được chỉ vì trong đó có một từ gồm bốn chữ cái nhưng bị mất hai chữ. Từ ấy là “b...g”.

Tòa soạn đề nghị độc giả đoán xem đây là từ gì và cũng không cho biết phần còn lại của tài liệu kia. Thế rồi một độc giả là vận động viên thể thao đoán là “bóng”, một độc giả bác sĩ đoán là “bông”, “băng”, một độc giả giáo viên đoán là “bảng”, v.v... Còn rất nhiều câu giải đáp khác, nhưng nói chung chúng đều phản ánh nghề nghiệp độc giả. Một chuyện tưởng như đơn giản như thế mà còn có bao nhiêu cách giải quyết mâu thuẫn với nhau nữa là!

Tôi đi ngang qua cái nhà chòi gần đổ nát và bắt đầu để ý tìm dấu vết căn nhà gỗ và khu nuôi ong mà Oóc-lốp đã nói đến trong tập hồi ức. Nhưng than ôi! Khắp nơi chỉ là những cây cỏ rậm rạp. Một lạch nước nhỏ uốn mình giữa đám cỏ xanh. Một bụi tầm

xuân dựng đứng trước mặt.

Tâm xuân rực đỏ nơi đây,

Lối xưa, vườn cũ phủ đầy bóng râm...

Cách tổ ong vài bước chân là một tấm ván mục, hai cái đinh chĩa mũi nhọn đã gỉ nát lên trời. Đó là tất cả những gì còn lại của căn nhà gỗ xưa kia.

Xung quanh yên lặng, chỉ còn nghe tiếng vo ve những con ong vẽ.

Tay cầm mảnh tổ ong, tôi muốn thử xem có thể viết lên đó được không. Tôi rút cái bút chì nhưng vô tình đánh rơi luôn xuống cỏ. Tôi cúi xuống tìm nhưng không thấy. Ngay lúc ấy, con chó vàng lưng đen quen thuộc bất chợt hiện ra, ve vẩy đuôi và chúi mũi vào đám cỏ rậm dường như muốn “giúp” tôi tìm cái bút chì. Tôi bước lại gốc cây cụt gần đó, ngồi xuống và tò mò nhìn con chó đang bị lũ ong vẽ tấn công. Nó rú lên rồi bỏ chạy.

– Này anh, anh cần gì đây? - có tiếng phụ nữ hỏi.

Người đàn bà đứng trước mặt tôi chính là An-na, người phụ trách cơ sở thực phẩm của khu.

Thật buồn cười và ngớ ngẩn, nhưng có lẽ cũng thật tự nhiên, tôi bỗng dưng muốn kể lại cho An-na, một người xa lạ mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa, tất cả những gì đã xảy ra ở nơi này cách đây mấy chục năm. Bắt đầu từ chuyện gì nhỉ? Tôi bèn kể cho người đàn bà nghe vì sao tôi đến đây:

– Có gì đâu, sáng nay tôi nhức đầu quá... - tôi bắt đầu nói.

– Khổ! - An-na nói giọng thương cảm. - Giá như tôi có thể đưa anh đến bệnh viện thì tốt biết mấy, nhưng tôi không vắng mặt ở đây được.

– Tôi nhức đầu vì suốt đêm không ngủ...

– Thôi, anh không nên nói chuyện nữa. Anh đi đến bác sĩ đi.

– Tôi không ngủ được và suốt đêm đã đọc một tập nhật ký của người khác...

– Bệnh viện gần đây thôi. Sau chỗ đường quanh kia kia. Chưa đến xóm nhà của cán bộ khoa học đâu! Bác sĩ trực hôm nay là bà Ma-ri-a, bà ấy tốt lắm.

– Và cuốn nhật ký ấy nói về một câu chuyện bí ẩn đã xảy ra tại đây, chỗ này, nơi chúng ta đang đứng...

Người đàn bà lộ vẻ sợ hãi:

– Chuyện gì? Bao giờ? Tôi ở đây từ lâu mà... Anh đi đến bác sĩ đi, người ta sẽ cho anh uống thuốc...

Tôi chợt nhớ:

– À, phải, uống thuốc! Đã mười một giờ rồi. Phải uống nốt gói thuốc nữa. Chị cho tôi xin cốc nước được không? Hay là... thôi, tự tôi...

PHẦN THỨ BA
DƯỚI BÓNG GỐC CÂY CỤT

GÓI THUỐC BỘT VÀ NHỮNG VIÊN THUỐC

Tôi bỗng thấy choáng váng. Tim như ngừng đập. Đầu óc quay cuồng. Tay chân bủn rủn. Mắt hoa lên, dường như một trận bão lớn những chấm đen, chấm trắng... đang cuộn cuộn bốc lên trước mắt tôi. Ngực đau nhói. Tình trạng ấy cứ tăng lên mãi... rồi bỗng nhiên lặng đi. Tôi muốn kêu lên, nhưng không đủ sức. Một sức nặng kỳ lạ đè mãi tôi xuống đất...

Tôi cố sức cựa quậy. Sao thế này? Cái bụi cây cứ vùn vụt lớn lên, vươn thẳng lên trời. Lại còn những tiếng động ghê gớm như xé tai?! Có tiếng người nói to như tiếng sấm:

– Này anh! Này anh! Làm sao thế?

Tiếng chó sủa làm tôi ù tai.

Những mùi lạ xộc vào mũi tôi, trong những mùi ấy, tôi nhận ra ngay mùi hoa tầm xuân. Mùi hoa mỗi lúc một sục nức, và tôi có cảm giác như đang trôi bổng bênh trong mùa hoa tầm xuân. Nhưng bỗng nhiên mùi hoa biến mất. Tôi nhớ rõ lúc ấy tôi thoáng nghĩ: đúng là gió thổi từ phía bụi tầm xuân lại, bây giờ gió đã đổi chiều.

Tôi lại thấy ngợp mình trong mùi hoa bồ đề, mùi đất mùn, rồi mùi lúa mì quen thuộc từ thuở ấu thơ. Hồi nhỏ, tôi vẫn được ăn cái thứ bánh làm bằng bột mì ấy, nướng trên bếp lò, gói trong những cái lá to... Lá gì nhỉ? Tôi không nhớ ra nữa! À, tôi nhớ rồi: lá bắp cải.

Người đàn bà vừa gọi tôi: “Này anh! Làm sao thế?” ở đâu nhỉ? Bà ta đang lớn lên vùn vụt. Con chó đứng bên cạnh cũng vậy. Nó đã trở thành một con vật khổng lồ, lông lá đáng sợ. Thế rồi tôi không nghe thấy gì nữa. Trời đất tối đen... Im lặng. Nhưng sao tôi ngọt ngào thế này? Bộ quần áo đã chôn sống tôi. Tôi giãy giụa... Trời lại bừng sáng. Tôi đã thoát ra và đứng dậy nhìn quanh...

Thế là sau khi uống gói thuốc bột, người tôi tự nhiên bé lại. Tôi đang ở trên gốc cây cụt, còn ở dưới kia là rừng cỏ rậm đang rì rào...

Nhưng tất cả sự việc đó đâu có xảy ra ngay một lúc: cả việc người tôi nhỏ xíu lại, cả việc ngửi thấy những mùi mới, nhìn thấy những sắc màu mới, nghe thấy những âm thanh mới. Và tôi đâu nhận thức được ngay về tất cả những gì vừa xảy ra. Không, tất nhiên là không! Nhưng tôi không thể nói được là mất bao nhiêu thời gian: một phút, một giờ, một ngày? Tôi chỉ nhớ được rằng sau khi thân thể tôi đã nhỏ lại gấp trăm, gấp hai trăm lần, tôi chui ra khỏi đồng quần áo trên gốc cây cụt và chợt nhớ ra rằng: mười giờ đêm nay tôi sẽ đáp tàu trở về Ma-xơ-va. Tôi vội thọc tay vào túi tìm vé... nhưng rồi phải bật cười vì tôi không còn là tôi như mọi khi nữa.

Mọi chuyện chẳng qua cũng chỉ tại cơn nhức đầu... Ban sáng, khi chuẩn bị đi, tôi đã vô ý vỡ gói thuốc của Đum-sép mà tôi định trả lại người nghệ sĩ lẫn với gói thuốc nhức đầu. Đến lúc ngồi trên gốc cây, tôi định uống thuốc nhức đầu thì lại uống nhầm phải gói thuốc của Đum-sép...

Trong trang nhật ký vô tình rơi vào tay tôi cùng với bó hoa, khi nhắc đến Ê-ra-tô-xten, Đum-sép đã nói rằng, thế giới bỗng nhiên lớn lên gấp trăm, gấp hai trăm lần trước

mắt ông ta. Khí An-đây Bu-lai hỏi mục đích chính của những thí nghiệm mà Đum-sép thực hiện là gì, ông ta đã trả lời: “Trở thành con người hiển vi”. Và những trang ghi chép mà tôi đã mang đến trường đại học, những trang nhật ký lạ lùng mà chúng tôi đã dùng kính hiển vi để đọc, không phải được thu nhỏ lại bằng máy ảnh, mà được viết bằng chính tay Đum-sép. Nhưng viết bao giờ? Ở đâu?

Đây là chuyện bí mật của Đum-sép!

Ngoài tập hồi ức của người nghệ sĩ già, trong túi tôi còn có gói thuốc bột và những thuốc viên của Đum-sép. Gói thuốc bột tôi đã uống rồi. Còn gói thuốc viên nhỏ tí kia? Biết đâu chúng chẳng có tác dụng trả lại cho con người tầm vóc cũ.

Hai viên thuốc ấy vẫn nằm đây. Nếu chúng đã mất tác dụng hồi phục tầm vóc thì tôi sẽ mãi mãi phải ở lại đây? Nghĩ vậy, tôi rùng mình sợ hãi. Không, nếu chất bột kia có tác dụng kỳ diệu, thì nhất định hai viên thuốc còn lại cũng phải có tác dụng kỳ diệu như vậy. Tôi sẽ trở về với thế giới con người, ôi, hạnh phúc biết bao khi được sống giữa những con người, những người thân yêu, họ hàng, thân thích... Ở đó, ngay cả những phút buồn giận, đau khổ cũng vẫn hạnh phúc biết bao! Nuốt ngay một viên bây giờ chẳng? Nhanh lên! Muốn vậy, phải chui vào túi áo của chính mình. Trong ấy có thuốc.

Nhưng giờ đây mỗi cái túi đối với tôi là cả một cái hang sâu, tối om. Thoạt tiên, chui vào một túi, tôi bị ngạt thở, tôi loay hoay, quờ quạng thấy một vật to như cây sắt thông lò có răng cưa. Dừng lại, tôi nghĩ: đúng là chiếc chìa khóa va-li. Tôi lần sang góc khác, thì trượt chân trên một mặt phẳng nhẵn thín: chiếc bao kính. Đúng là mấy viên thuốc để ở túi bên kia cùng với tập hồi ức của Oóc-lốp. Đúng vậy, khi tôi chui vào túi bên kia, lách mình qua những tấm vách lớn (những trang giấy của tập hồi ức) thì tìm được cả hai viên thuốc. Tôi lần lượt lăn từng viên một ra ngoài. Những viên thuốc nhỏ? Không, giờ đây chúng to như quả bóng đá. Muốn uống, phải đập ra bằng một vật rắn. Tôi định bụng sẽ dùng chiếc chìa khóa va-li để làm việc ấy. Thế là lại phải quay sang túi bên kia. Một cơn gió mạnh suýt nữa hất tôi ngã nhào, tôi vừa quay lưng lại hướng gió thì cũng vừa kịp nhìn thấy hai viên thuốc đang lăn ra mép gốc cây cụt. Tôi nhảy bổ lại nhưng không kịp nữa rồi: cả hai viên thuốc đã lăn khỏi gốc cây. Nhìn xuống, tôi thấy một viên rơi vào biển cỏ xanh rì và biến mất, còn viên thứ hai rung rinh trên ngọn cỏ.

Tôi tụt xuống gốc cây, tay và chân cố bám lấy những chỗ gồ ghề cho khỏi ngã. Tôi ngày càng tới gần viên thuốc đang treo trên những ngọn cỏ...

NHỮNG SỢI DÂY CHẢO...

Tôi bỗng thấy người bị lắc rất mạnh. Vì sao vậy? Nhưng tay tôi vẫn bám chặt vào một sợi dây to như dây chảo. Chân tôi cũng đặt trên một sợi chảo khác. Cái gì thế nhỉ? Chiếc thang dây? Những sợi dây ấy đung đưa trên vực thẳm, tôi cũng bị lắc theo. Cả viên thuốc mà tôi không một phút giây nào rời mắt cũng đang rung rinh. Cần phải tìm một chỗ tựa vững chắc. Tôi cố thận trọng tụt xuống, nhưng không biết vì sao tay chân tôi cứ dính mấy sợi dây. Khó khăn lắm mới dứt ra được. Chiếc thang dây thật kỳ lạ, cứ bám chặt lấy người ta! Trên sợi chảo, đầy những nốt dính. Chúng dính cả vào chiếc áo khoác và cái thắt lưng to bản của tôi.

Lúc này, khi còn ở trên mặt gốc cây bị cưa cụt, tôi đã dùng răng và tay xé được một

mảnh chiếc khăn tay trong túi áo trên. Tôi khoác nó lên vai giống như người cổ La Mã mặc áo choàng. Sau đó, tôi lại xé được một mảnh nữa quần quanh bụng làm chiếc quần cụt. Trông tôi lúc ấy, thật chẳng khác gì một tên cướp vẽ trong các cuốn sách cổ.

Cứ đu đưa trên miệng vực thẳm như vậy, tôi lần từ sợi chèo này sang sợi chèo khác, lại gần viên thuốc. Khi dừng lại lấy hơi, tôi mới nhìn quanh và nhận ra chiếc thang dây tôi đang leo chính là cả một mạng lưới khổng lồ.

Tôi thấy người bị lắc mỗi lúc một mạnh hơn. Một tiếng rít xé tai không biết từ đâu vang đến.

Ngay gần tôi, trên mạng lưới, một con gù đang vùng vẫy, giẫy giụa nhưng ngày càng bị dính chặt hơn vào các sợi dây chèo.

Làm sao mà thoát khỏi được cái tình cảnh đáng sợ này bây giờ? Phải mau mau tụt xuống chỗ có viên thuốc. Tôi quờ quạng đôi chân tìm sợi chèo phía dưới rồi buông tay tụt xuống. Cứ thế tôi tụt xuống dần dần.

Chỉ vài lần tụt như thế nữa là tới gần viên thuốc. Nhưng bỗng một con quái vật đầy lông lá xuất hiện. Tôi đứng im không nhúc nhích.

...Từ trong đám lông lá ấy, tám con mắt xếp đối xứng nhau nhìn ra bốn phía.

Con quái vật đứng đây, và tôi nhìn thấy trên lưng nó một chữ thập màu trắng to tướng: con nhện! Thì ra cái mạng lưới khổng lồ chính là một mạng nhện và con vật đang vùng vẫy kia là con ruồi.

Đứng trước con nhện, tôi rõ ràng là yếu đuối, bất lực, nhưng tôi không cảm thấy sợ hãi.

Có lẽ tôi vẫn chưa quen với ý nghĩ rằng tôi nhỏ hơn con nhện và nó nhất định sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng tôi. Lúc ấy, tôi chỉ muốn nhìn nó cho kỹ hơn. Chính sự tò mò ấy đã cứu thoát tôi. Tôi đứng im không nhúc nhích quan sát con nhện. Trước mắt tôi là một tay thợ dệt lành nghề và tôi chợt nhớ đến câu chuyện thần thoại cổ Hy Lạp về nàng A-rác-na.

A-rác-na là cô thợ dệt giỏi nhất xứ Li-đi-a^[31]. Cô ta biết cách trang trí những tấm vải mỏng và trong suốt như không khí bằng những hoa văn khéo léo. Nàng tự hào với tài năng riêng và cho rằng mình có thể thắng cả tài nghệ của nữ thần A-ten, vị nữ thần trông coi các nghề thủ công và các công việc của phụ nữ. Chuyện đó đến tai nữ thần A-ten. Nữ thần liền hóa thành một bà cụ già đến khuyên A-rác-na không nên cậy tài của mình, thách thức với A-ten, mà nên đến xin nữ thần tha tội cho, về những lời ăn nói mạo muội.

Nàng A-rác-na kiêu hãnh tin ở tài năng mình, vẫn khẳng khái đòi thi tài với A-ten. Nữ thần bèn hiện nguyên hình rồi cùng A-rác-na đo tài. Nàng A-rác-na dệt một tấm khăn mỏng tuyệt đẹp, trên có cảnh đời sống các thiên thần. Nữ thần A-ten cố tìm sơ xuất của A-rác-na nhưng không tìm được.

Nữ thần đành phải nhận rằng mình thua cuộc. Nhưng vì căm tức, A-ten đã trả thù bằng cách đập con thoi vào người A-rác-na, biến nàng thành con nhện suốt đời cặm cũi dệt tơ.

Câu chuyện huyền thoại ấy chợt đến trong trí nhớ, khiến tôi im lặng thả mình theo dòng suy nghĩ. Điều đó đã cứu sống tôi: loài nhện không tấn công những mục tiêu bất động!

Trong khi ấy, con vật ỏ sát cạnh tôi vẫn cố sức vẫy vùng hòng thoát khỏi mạng nhện. Con nhện xông đến con mồi đang giẫy giụa. Bốn đôi mắt nó long lanh, hàm răng

nó mở ra như những lưỡi dao nhíp nhọn hoắt. Tôi vẫn đứng im. Con nhện chộp lấy mỗi rồi quán chặt lại bằng những sợi tơ trắng.

Trong lúc con nhện đang bận rộn với con ruồi, cần phải tranh thủ thời gian để lấy viên thuốc rồi cao chạy xa bay! Tôi vội tụt xuống, vừa tụt vừa ngoái lại nhìn. Chỗ con ruồi mắc nạn ban nãy bây giờ chỉ còn cái vỏ ngoài màu đen của con ruồi được bọc ngoài bằng những sợi chỉ trắng. Tôi để ý thấy trên những tấm mạng khổng lồ còn rải rác mấy cái xác như vậy nữa. Mặc cho con nhện say mồi, tôi chỉ cốt sao lấy cho được viên thuốc để khôi phục lại tâm vóc cũ.

Tôi nhảy lại chỗ viên thuốc. Tệ hại thay, do chân tôi đập mạnh, sợi dây chảo rung lên! Tôi vội nhảy sang sợi khác, cả cái lưới nhện du đưa. Lập tức con nhện xông đến chỗ rung động mạnh nhất. Nó xông về phía tôi!

CÁI MÁU TRÊN GỐC CÂY CỤT

Tôi giật vội cái áo khoác trên mình, vung lên, quay tròn để ném vào con nhện. Động tác của tôi lúc ấy chẳng khác gì động tác người đấu bò tót. Nhưng lúc ấy tôi chẳng nghĩ gì cả. Chỉ biết rằng nếu không nhanh tay ném cái áo khoác vào đầu con nhện thì tôi sẽ phải chịu chung số phận với con ruồi ban nãy. Tôi ném... nhưng không tới. Cái áo khoác rơi trùm lên viên thuốc. Những sợi dây chảo rung lên. “Cuộc đấu bò tót” thất bại! Nhưng may sao, cái áo đã cứu tôi. Con nhện lao theo nó rồi cuộn luôn cả chiếc áo lẫn viên thuốc vào lớp tơ nhện!

Nó cuộn lần này cũng kỹ càng, chu đáo như khi cuộn con ruồi. Còn thí dụ nào sáng tỏ hơn thế về sự khác nhau giữa bản năng và trí tuệ!

Nhện dệt được những tấm lưới cầu kỳ, phức tạp. Nhưng chúng làm như thế nào? Hoàn toàn theo bản năng, máy móc đáp lại những tín hiệu kích thích bên ngoài trước mắt tôi là một thí dụ điển hình.

Viên thuốc thế là chịu không lấy được nữa rồi... Phải mau mau thoát ra khỏi nơi này thôi, chưa đến nỗi tuyệt vọng đâu. Một hy vọng thoáng qua: viên thuốc thứ hai vẫn còn nằm dưới kia, trong đám cỏ rậm. Tôi sẽ tìm thấy... Sợi chảo ngoài cùng của tấm lưới khổng lồ đây rồi. Tôi nắm lấy rồi thả chân mò tìm chỗ đứng... Chân chạm vào một vật rắn, vững chãi. Tôi buông tay. Thế là thoát cái lưới nhện!

Tôi đang đứng trên cái mấu nhô ra của gốc cây cụt.

Từ từ và thận trọng, tôi búi lấy cái mấu tụt xuống qua những khe nứt nẻ trên thân cây. Dưới chân tôi, rừng cỏ rì rào. Viên thuốc đang nằm ở đây đấy...

Nhưng những cử động của tôi một lần nữa lại làm cho con nhện chú ý. Nó đã cuộn xong cái áo và viên thuốc nhanh hơn tôi tưởng. Con nhện dượt theo tôi. Nhưng tôi không còn vướng trên cái mạng của nó nữa. Trên cái lưới ấy thì nó là chủ. Còn ở đây, nó làm sao mà bắt được tôi!



Con nhện đã bò đến mép ngoài cùng tấm lưới. Nó nhả tơ, tụt xuống theo sợi tơ ấy rồi lơ lửng trên đầu tôi. Tám con mắt nó hau háu nhìn. Tôi đứng im không nhúc nhích. Sợi tơ dài thêm, con nhện mỗi lúc một gần tôi hơn. Tôi nhẩy sang một bên, chui vào một cái hốc. Tha hồ cho nó tìm! Vị trí quan sát của tôi rất tốt!

Con nhện đã bám được vào cái mẩu tôi đứng ban nãy. Từ đó, nó tụt xuống phía tôi.

Bỗng có tiếng rít xé không khí. Từ trong hốc nhìn ra, tôi thấy một con gù đó bay vụt qua rồi chạm vào sợi dây mà con nhện vừa mới chăng tiếp đến cái mẩu. Con nhện lập tức leo vút lên. Tiếng rít lại vang lên. Tôi lùi lại và thụt chân xuống một cái giếng, ngã

nhào vào một đám nhầy nhụa.

CHIẾC COM-PA SỐNG

Một mùi là lạ làm tôi ngây ngất.

Tôi không biết mình ngã xuống đã lâu chưa. Nhưng rõ ràng là tôi đã mê man bất tỉnh.

Tỉnh lại dưới đáy giếng, tôi ngược mắt nhìn lên. Ánh sáng từ miệng giếng dội xuống. Cần phải ra khỏi nơi này. Tôi rút chân ra khỏi đám nhầy nhụa, vúi tay vào một chỗ nhô ra ở thành giếng leo lên.

Bỗng nhiên cái giếng tối om như bị đẩy lại. Đầu tôi đụng phải một vật rắn. Sao lại có cái nắp gì thế nhỉ? Nó úp vừa khít cái lỗ mà tôi ngã vào ban nãy. Cái nắp có màu trong trong. Tôi đâm mạnh làm thủng một lỗ, đâm một cái nữa lỗ thủng rộng ra. Tôi bám lấy thành giếng đu mình ra ngoài.

Ra được bên ngoài, tôi thấy tỉnh táo hẳn và nhận ra cái mùi làm cho tôi say ban nãy chính là mùi mật ong! Tôi đã rơi vào một thùng mật khổng lồ! Thật buồn cười, bụng đói thế mà rơi vào thùng mật tôi lại bỏ chạy! Uổng thật! Hay là quay lại? Còn cái nắp kia, tại sao tự nhiên nó lại úp xuống đầu tôi nhỉ? Tôi sẽ tụt xuống giếng, làm một bữa no nê, nhưng lỡ cái nắp kia lại rập xuống không ra được thì sao? Cần phải xem xem ở đâu ra cái giếng mật này và ai là kẻ đã đẩy nắp lại.

Một con vật màu xám xuất hiện trên chiếc lá to như cái chiếu ngay bên cạnh tôi. Tôi nắp vào chỗ khuất nhìn ra. Con vật khá kỳ lạ, nó xoay mình như múa. Không, nó không múa. Nó đang cắt một vòng tròn trên mặt lá, một vòng tròn chính xác như vẽ bằng com- pa. Con vật lấy thân làm điểm tựa, còn đầu và hàm xoay thành vòng tròn. Sau đó, nó bay vù lên, nhắc theo cả miếng lá tròn rồi đậu xuống cạnh cái miệng giếng tôi vừa chui ra, đập miếng lá vào đáy.

Trên chiếc lá khác, một con nữa cũng đang “múa”, đang “cắt”. Nó bay lên, để lại trên mặt lá một lỗ hổng không tròn mà là hình bầu dục. Khi cắt, con vật đã hai lần xê dịch điểm tựa và tạo nên hình e-líp.

Miếng lá tròn chính là cái nắp đáy giếng. Còn miếng hình bầu dục kia có lẽ là để lót thành giếng đựng mật.

Tôi đã nhớ ra, chính là những con ong cắt lá mê-ga-khin. Công việc của chúng là một bài học cụ thể về hình học họa hình.

Tôi nghĩ thầm: “Phải tranh thủ ăn một chút mới được, kéo đến khi chúng đã xếp những cái nắp kia thành lớp dày trên miệng giếng thì đêm cũng không thủng và đến nhin đói mất!”.

Con ong đã đặt xong cái nắp và bay đi, tôi liền chạy đến phá ra. Nhưng tôi không muốn mạo hiểm chui vào ngay, sợ nhỡ chui ra không kịp thì khốn!

Con ong lại bay đến đẩy cái nắp mới. Tôi lại phá. Con ong cứ làm mãi cái việc vô ích đó theo bản năng máy móc. Đến cái nắp thứ mười ba, nó cũng đẩy diêm cẩn thận như mười hai cái trước rồi bay đi.

Tôi đợi mãi, nhưng không thấy nó quay lại nữa. Thì ra nó cho rằng công việc đã hoàn thành!

“Đến lúc rồi!”.

Tôi tụt xuống giếng, tay bám vào mép những miếng lá đệm quanh thành giếng. Con ong đã để lại cho tôi một bữa ăn khá: mật làm bằng phấn hoa và mật hoa. Nó đã đẻ trứng vào đó.

Ăn xong, tôi trèo ra ngoài rồi tìm cách tụt xuống gốc cây.

Cái gì lấp lánh dưới đám cỏ kia? Phải chăng đó chính là viên thuốc bạc trắng đã lăn từ gốc cây xuống?

Đúng, đúng là viên thuốc báu ấy kia rồi! Chẳng cần nghĩ đến viên thuốc bị con nhện lấy mất làm gì nữa!

Tôi nhảy xuống đất, va phải cạnh đá sắc đau điếng. Giá như trước kia thì tôi chỉ coi đây là những hạt sỏi, nhưng bây giờ thì đó là cả một dải đá hẹp, xung quanh là một rừng cây rì rào...

Tôi chạy lại phía viên thuốc, nhưng một quả cầu cao như ngôi nhà ba tầng ở cách đó không xa bỗng chuyển động và chặn mất đường.

TRÁI NÚI BIẾT ĐI

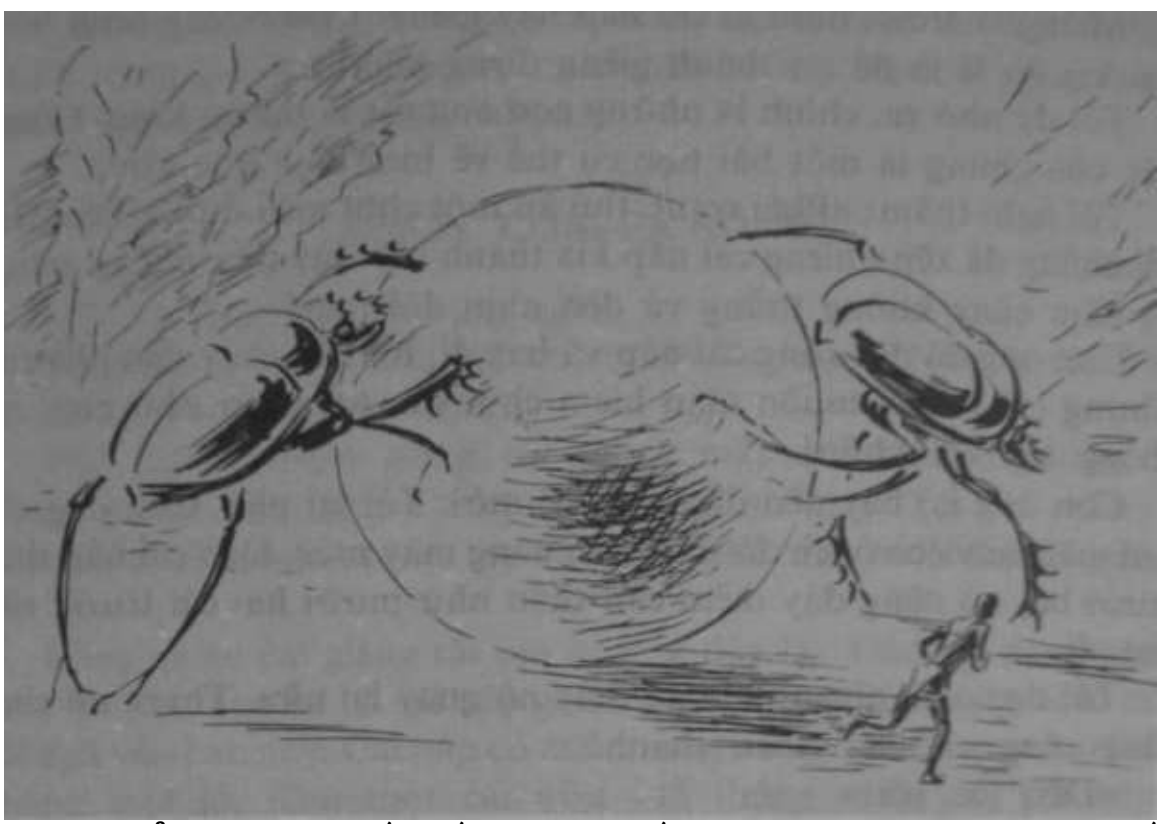
Chỉ cần một nháy mắt thôi là tôi vô được viên thuốc trắng. Nhưng trái núi tròn như một quả cầu khổng lồ đã lừng lững lăn tới và tỏa ra một mùi hôi hám kinh khủng, khiến tôi phải bỏ chạy. Trái núi bỗng dừng lại. Tôi vội vã tìm đường chạy về phía viên thuốc. Nhưng một con quái vật có giáp đen đã từ sau trái núi nhô đầu ra. Trông nó như một hiệp sĩ thời trung cổ, nhưng to lớn lạ thường. “Hiệp sĩ” quái gở đó đang kê lưng vào trái núi.

Đầu nó giống như một cái gấu mức khổng lồ có những hàm răng to tướng. Đôi chân trước vươn dài như những cái xẻng lớn có răng cưa.

Phải tránh đi cho mau! Bằng bất kỳ giá nào cũng phải tránh quả núi biết đi này để lấy cho được viên thuốc cứu mạng!

Tôi lao ngang qua chỗ con vật, chạy vòng phía bên phải trái núi. Nhưng trái núi đã chuyển động lùi lại và ngăn mất lối.

Từ sau trái núi, một “hiệp sĩ” có giáp đen khác xuất hiện. “Hiệp sĩ” này nhỏ hơn một chút, song cũng nhanh nhẹn, khéo léo, thậm chí còn có vẻ tinh ranh nữa là khác. Chính “hiệp sĩ” thứ hai đẩy trái núi lùi lại, nhưng “hiệp sĩ” thứ nhất không chịu, gắng sức đẩy trái núi lăn về phía trước.



Hai con quái vật đẩy trái núi hết tiến lại lùi, hết mở lại chặn con đường sống của tôi. Cứ liều mạng chạy qua chẳng? Nguy hiểm lắm, nếu không bị trái núi đè, cũng bị mấy con quái vật kia đâm bẹp.

Chạy vòng trái núi chẳng? Không được, cả bên phải lẫn bên trái đều là cây cỏ rậm rạp không thể lách qua. Vả lại, nếu rời mắt khỏi viên thuốc thì có nguy cơ không biết đâu mà tìm lại sau này nữa.

Bất ngờ trái núi lăn thẳng về phía viên thuốc: thôi hỏng rồi! Viên thuốc của tôi bỗng lấp lánh trên đỉnh trái núi. Trái núi vẫn lăn tiếp trên dải cát và chỗ viên thuốc nằm ban nãy bây giờ chỉ còn là đất trống.

Tôi đuổi theo trái núi, nhưng các “hiệp sĩ” đẩy nó lăn mỗi lúc một nhanh. Tôi mệt đứt hơi, nhưng vẫn không dám dừng lại. Đường thật khó đi: tôi phải vừa chạy vừa vòng tránh những tảng đá, nhảy qua những rãnh sâu và leo lên những gò dốc. Không xong rồi! Tôi đã mệt quá, mà trái núi dính theo viên thuốc kia lại sắp biến mất sau những đồi cát khổng lồ.

Những con quái vật kia, những “hiệp sĩ” mặc giáp trụ đen kia là loài gì?

Trái núi tròn kia là cái gì?

Tất cả những điều đó sau này tôi mới biết.

RỪNG CỎ RẬM

Chạy đến chân một đồi cát, tôi gắng sức trèo lên, chỉ mong sao đuổi kịp!

Mới cách đây vài tiếng đồng hồ, những quả đồi này đối với tôi chỉ là những đồng đất do lũ chuột đồng đùn lên, và tôi bước qua không một chút bận tâm.

Thế mà lúc này, đất cứ trượt dưới chân tôi. Những tảng đá lớn ngăn đường. Sườn đồi dốc tuột chỉ chực xô tôi xuống.

Tôi lại leo thêm một bước lên đỉnh đồi, rồi một bước nữa. Nhưng tôi trượt chân, thế

là lại tụt xuống chân dốc. Sức tôi đã kiệt. Một nỗi thất vọng đau đớn xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi không sao hiểu được hai “hiệp sĩ” to, đen kia đã làm thế nào đẩy được trái núi tròn qua dãy đồi này.

Bất lực, tôi thần thờ hồi lâu không biết phải làm gì nữa. Quay trở lại gốc cây cụt chẳng? Nhưng con đường đá rất khó khăn và đôi chân đầy thương tích không cho phép tôi làm việc ấy. Tôi rẽ sang bên phải, đi vào một cánh rừng. Tôi biết rằng: tôi đang đi trong đám cỏ mà mới đây tôi vừa dẫm chân lên... Đám cỏ ư? Không, một cánh rừng thật sự. Quanh tôi những thân cây to màu xanh vươn thẳng lên trời. Chúng không ngớt rít lên trong gió. Thân cây hoảng sợ nghiêng ngả đến tận gốc. Trong không trung có tiếng âm âm.

Tôi len lỏi trong rừng rậm đầy âm thanh kỳ lạ: tiếng ào ào điếc tai, tiếng rít ghê rợn, tiếng gầm rú liên hồi.

Không khí nóng, ẩm và ngột ngạt bao quanh tôi như giữa rừng nhiệt đới.

Tôi lách mình qua đám cây, lấy tay gạt các phiến lá khổng lồ kỳ lạ. Thế giới thực vật thật muôn hình muôn vẻ! Xung quanh tràn ngập mùi hương hoa lá, nhưng tôi không nhận ra, không phân biệt được đó là những mùi hoa gì. Đầu tôi choáng váng.

Đâu là những mùi hương cổ hoa thân thiết với tôi từ thời thơ ấu: mùi cỏ mật ngọt ngào, mùi ngải cứu đắng đắng, mùi mẫu thảo hăng hắc như mùi thuốc, mùi bạc hà thơm ngát? Và cũng làm sao phân biệt được trong đám cây rừng này đâu là cỏ mã đề, cỏ ba lá, cỏ đuôi mèo, cỏ hoa chuông? Nhìn lên, tôi chỉ thấy những tấm lá lớn như những cánh bướm màu xanh ngả nghiêng trước gió, tấm thì tròn, tấm thuôn dài, tấm thì nhọn, tấm có răng cưa.

Có những tấm lá dính liền vào thân, có những tấm đu đưa ở đầu cuống dài, lại có những tấm xò ra ngay từ gốc như nan quạt. Đám dây leo chằng chịt đan đi đan lại từ thân cây này sang thân cây khác. Có lẽ đó là dây bìm bìm và đậu tằm mà ai cũng biết...

Tất cả những cảm giác và khái niệm của tôi bị xáo trộn hết. Tôi đã trông thấy những kích thước, màu sắc khác thường, đã nghe thấy những âm thanh lạ tai, đã ngửi thấy những mùi không quen biết. Mọi thứ xung quanh khiến tôi đau buồn xiết bao!

Những con chim kỳ dị chuyển từ cây này sang cây khác... Phải chăng là những con chim?

Trên mặt đất, đủ các loài vật lạ kỳ: con lớn, con nhỏ, con nhảy, con bò. Có con màu xanh biếc lẫn trong đám lá, có con màu xám đen lẫn trong đám rễ cây, lại có những con màu nâu, màu vàng bò dưới đất. Bọn chúng lảng vảng không lúc nào ngừng. Mọi vật xung quanh đều bay lên, bay xuống. Tất nhiên đây không phải là những loài chim hay loài thú, mà chỉ là đủ mọi loại côn trùng.

Xứ sở này thật lồi cuồn mà cũng thật đáng sợ. Xứ sở này mới mẻ biết bao mà cũng nguy hiểm biết bao!

SẢN PHẨM CỦA BÀN TAY CON NGƯỜI

Tôi trầm nghĩ: “Thật chán ngán!” Không khí ngày càng khó thở hơn. Ở đây, bước đi một bước cũng đáng ngại. Tôi không còn hiểu và cũng chẳng bao giờ hiểu được những gì ở quanh tôi nữa. Tất cả những gì trước đây hết sức rõ ràng, thì lúc này lại trở nên mơ

hồ, bí hiểm. Tôi ngẩng mặt nhìn lên: bầu trời mênh mông xanh ngắt, sâu thăm thẳm, những đám mây bông bênh trôi... Khoảng không xanh thẳm ấy đối với tôi gần gũi và thân thiết biết bao! Chỉ còn nó là vẫn như xưa, không một chút thay đổi...

Cần phải tìm cho được viên thuốc, phục hồi lại tâm vóc và trở về với loài người! Có hai viên thuốc. Một viên đã bị những con quái vật tha đi cùng với trái núi tròn của chúng. Tôi đã gọi chúng là những “hiệp sĩ” mặc áo giáp đen. Nhưng thật ra chúng là loài gì? Tôi tưởng tượng lại cảnh sống bình thường trước kia: phải chăng đó chính là những con bọ hung! Phải đuổi theo chúng, lấy lại viên thuốc mới được! Nhưng vừa mới nghĩ đến chúng, tôi đã thấy ngay cái mùi khó ngửi từ “trái núi” bằng phân ép lại tỏa ra đâu đây làm tôi ngạt thở!

Chỉ còn một cách: chiến đấu với con nhện. Nó vẫn giữ một viên thuốc khác của tôi trên tấm lưới của nó. Nhưng tôi lại nhớ đến tám con mắt và hàm răng khủng khiếp của con nhện đang đưa trong không khí... Làm sao được bây giờ? Tôi dựa lưng vào gốc cây và bỗng giật mình kêu lên vì bị một vật nhọn đâm vào người. Một cái gai! Tôi đã cố rút được chiếc gai ra rồi mà vết thương vẫn đau rát như phải bỏng. Lùi khỏi gốc cây, tôi nằm vật ra đất, toàn thân như bốc lửa.

Trước mặt tôi là cả một bức tường những thân cây mọc chi chít thứ gai đáng sợ ấy. Lá của chúng hình răng cưa rung rinh trước gió, và mỗi răng cưa ấy lại là một chiếc gai nhọn hoắt. Cây tầm ma!

Xát đất ẩm vào vết thương sẽ đỡ đau hơn. Nghĩ vậy, tôi thò tay vốc một nắm đất. Thật kỳ lạ, trong nắm đất vừa bốc lên tôi tìm thấy... một chiếc thìa gỗ. Chiếc thìa gỗ?! Càng nhìn, tôi càng kinh ngạc: nó thật vừa tay tôi, bàn tay con người đã bị thu nhỏ lại rất nhiều lần! Có phải đây chỉ là một mảnh gỗ tình cờ có hình dáng giống chiếc thìa? Nhưng rõ ràng nó có phủ một lớp sơn. Lớp sơn ấy đôi chỗ đã bị bong. Chiếc thìa được gọt dẻo thật khéo! Sản phẩm của bàn tay con người?! Đum-sép? Phải chăng đây là dấu hiệu của sự sống con người trong rừng cổ rậm rạp này?

Tôi không hiểu và cũng không đoán được làm thế nào có thể gọt nên chiếc thìa này mà không có dao. Nhưng tôi cảm thấy rõ rằng mẫu gỗ cọn con này truyền cho tôi hơi ấm của bàn tay một người khác.

NHỮNG NGƯỜI MẶC BỘ QUẦN ÁO NGUY TRẠNG VÀ CÁC NHÀ ẢO THUẬT

Tôi sẽ quay trở lại tấm lưới nhện lấy viên thuốc. Sau đó, tôi sẽ đi khắp xứ sở này để tìm cho bằng được con người đã làm ra chiếc thìa gỗ kia, tìm cho bằng được Đum-sép. Tôi tự nhủ như vậy và lúc đó không nghĩ rằng rất có thể con người tôi định tìm từ lâu đã không ở đây nữa, còn chiếc thìa gỗ kia Đum-sép có thể đã đánh rơi cách đây ba, bốn chục năm rồi.

Nghĩ vậy, tôi lại do dự: đi lối nào bây giờ? Làm sao mà tìm ra đường đi đến tấm lưới nhện?

Khi tôi đuổi theo mấy con bọ hung, bóng tôi ngã về phía trước. Như vậy, bây giờ là phải chạy ngược lại, sao cho bóng ở phía sau.

Một con gì đó có đôi cánh trong suốt, dài và hẹp vút bay lên rồi bò trên thân cây gần chỗ tôi đứng. Tôi nhảy sang một bên. Con vật bò xuống đất và tiến thẳng về phía tôi.

Tôi vội chạy đến nấp sau một gốc cây khác. Đúng là con ong vẽ! Nó mà đốt thì nhất định là chết! May sao tôi đã nhận ra nó và kịp thời chạy trốn.

Nhưng khi đứng sau gốc cây nhìn kỹ con vật, tôi mới nhận thấy nó không có ngòi châm. Tôi bật cười, con vật chẳng có gì đáng sợ cả. Lại thêm một thí dụ cụ thể chứng minh cho học thuyết Đác-uyn. Con vật này đã nguy trang bằng cách bắt chước hình dáng và màu sắc đôi cánh của ong vẽ. Đó là bướm cánh trong. Cánh nó trong suốt như cánh ong vẽ, không có lớp phấn bao phủ. Nếu không mượn cái vẻ ngoài của loài ong vẽ dữ tợn ấy, thì chúng đã bị chim tiêu diệt từ lâu rồi!

Dưới gốc cây, nơi tôi đang len lỏi, ánh sáng mờ mờ, không khí nóng và ẩm ướt, mùi cỏ mục bốc lên. Tôi có cảm giác đang đứng trong nhà hầm tranh tối tranh sáng và ẩm thấp chứa đầy rau bốc mùi thối. Hết chuyện bất ngờ này đến chuyện bất ngờ khác. Làm sao có thể phân biệt được giả với thật trong cái ngày hội hóa trang của rừng xanh này! Nhiều phen tôi đã phải nấp sau gốc cây, ẩn vào đám lá hay nằm im không động đậy trên mặt đất. Nhưng cũng biết bao lần hành động ấy của tôi chỉ là vô ích, vì đó không phải là những con vật nguy hiểm!

Tôi định bước qua hai khúc gỗ chắn ngang đường. Nhưng một khúc bỗng chuyển động, làm tôi sợ hết hồn, ngã lăn ra. Nhìn lại, tôi mới biết đấy là con sâu. Chính chỉ nhờ màu sắc và hình dáng giống như khúc gỗ ấy, mà một số sâu thoát được sự tiêu diệt của kẻ thù.

Có tiếng vù vù nổi lên ở phía một bụi cây to. Trên ngọn cây có những quả cầu tròn màu đỏ hồng khế lắc lư. Tôi nhận ra là bụi cỏ ba lá. Còn con vật đang bay vù vù là ong đất. Nguy rồi! Tôi trốn vào bụi cây. Nhưng tôi lại thấy ngay một con nữa. Trốn đâu bây giờ?

Nhưng sao con vật chỉ có hai cánh như loài ruồi? Lại một trò ảo thuật! Thì ra đó không phải ong đất mà chỉ là một loài ruồi. Khắp nơi, chỗ nào cũng là những bộ quần áo nguy trang! Ruồi đội lốt ong đất để dọa kẻ thù!

Nhưng không phải chỉ có những kẻ nguy trang mà còn có cả những nhà ảo thuật đang đầy rẫy trong cái thế giới mà tôi rơi vào. Một con gù đó rơi huých xuống đất, nó cong mình lại, bật tách một cái, tung mình lên cao. Trông nó cứ như trêu tức tôi.

Nhà ảo thuật ấy chính là con bồ củi.

Tôi tiếp tục đi, và những “trò” như vậy diễn ra suốt dọc đường. Các loài vật nguy trang bằng đủ mọi cách.

Tôi chạy hết chỗ này đến chỗ khác, đầu óc mỗi mệ vì “cái trò hóa trang” ấy. Đi mãi vẫn không thấy đường đi đến chiếc lưới nhện, nơi có viên thuốc cứu mệnh của tôi.

Một làn gió nhẹ thổi rạt những ngọn cỏ. Một vật gì đấy bỗng ầm ầm rơi xuống, lăn đến trước mặt tôi, chặn mất lối đi. Đó là một cái vò lớn gấp đôi người tôi. Tôi thận trọng lại gần quan sát. Cái vò được nặn rất khéo bằng đất sét nhào với cát nhưng không nung.

Tôi sung sướng hồi hộp khi nhận ra cái vò này rõ ràng cũng do chính bàn tay người đã gọt chiếc thìa gỗ nặn ra. Tôi nhìn quanh và có cảm giác như một người nào đó trong bụi cây rậm sắp sửa bước ra. Đum-sép chẳng?!

Gió vẫn ào ào trên ngọn cỏ, một chiếc vò khác lại ầm ầm rơi xuống. Tôi vội nấp vào sau gốc cây. Những cái vò từ trên ngọn cây rơi xuống ngày càng nhiều. Gió đã lặng, tôi chạy ra xem kỹ từng chiếc và giật bản người khi thấy ở đáy một chiếc vò có dính... một cái chân nhện!

Không, không phải con người đã nặn ra những cái chum này bỏ vào đây những con

nhện đã bị giết chết rồi treo lên cây! Nhưng “người thợ gốm” đã làm ra các sản phẩm ấy là ai?

Những ngày tình cờ được làm quen với đời sống các loài côn trùng qua sách báo, tranh ảnh ở thư viện Chen-xơ cũng như những nhận xét thời thơ ấu của tôi đã cho phép tôi hiểu được “nghề thủ công” của các loài côn trùng phong phú và đa dạng như thế nào. Mới ban sáng tôi đã được thấy con ong cắt lá làm những chiếc nắp đầy giếng mật rất khéo léo. Biết đâu những cái vò này, cũng như chiếc thìa gỗ trong tay tôi, lại chẳng do một loài côn trùng nào đó làm ra!

Còn Đum-sép? Tôi chẳng nên tự dối mình: rõ ràng ở xứ sở đầy cây cỏ rậm rạp này chỉ một thân một mình tôi đơn độc giữa đám động vật lằng xằng, rầm rĩ. Cuộc sống của chúng đối với tôi thật bí hiểm và đáng sợ.

Tôi vẫn đi tiếp, đi mãi...

AI THẮNG AI?

Từ xa, tôi đã nhìn thấy những đường nét quen thuộc của một trái núi khổng lồ có đỉnh bằng phẳng: đó là cái gốc cây cụt mà từ đó tôi đã bắt đầu cuộc hành trình. Tám lưới nhện có dính viên thuốc của tôi ở dưới gốc cây ấy.

Trái núi có vẻ gần, thế mà tôi đi mãi vẫn chưa tới. Bỗng nhiên giữa đám cỏ, hiện lên bốn cây cột cao sừng sững lông lá bù xù. Trên đỉnh cột là một “tòa nhà” kỳ dị đang đu đưa nhẹ nhàng. Bất chợt bốn cây cột lần lượt khụy xuống. “Tòa nhà” biến mất. Thì ra là con chó!

Tôi ngẩng đầu nhìn lên tám lưới nhện nhưng không thấy. Tôi đi quanh gốc cây cụt. Một đồng lớn màu xám nằm xếp lớp trên mặt đất: bộ quần áo của tôi! Tôi định lại gần, trèo qua đó lên gốc cây quan sát xem tám lưới nhện ở đâu. Nhưng những cây cột bù xù lại xuất hiện. Chúng sừng sững ngay cạnh đấy. Có lẽ chị An-na phụ trách cơ sở thực phẩm của khu đã vội vã ra tỉnh báo tin về tôi và để con chó ở lại giữ đồng quần áo. Nghĩ vậy, tôi vội lánh xa nơi nguy hiểm ấy.

Tôi quanh quẩn mãi dưới gốc cây cụt mà không sao lên được tám lưới nhện. Cuối cùng, tôi thấy một vật xanh xanh treo lơ lửng trên cao ở đầu mấy sợi dây. Đúng là cái “áo choàng” của tôi xé từ chiếc khăn tay! Con nhện đã quấn nó vào với viên thuốc. Bây giờ nó đang lơ lửng trên đầu tôi, nhưng tám lưới nhện đâu rồi?

Nó đã vướng vào chân chị An-na khi chị vội vã đi qua chăng? Hay con chó ghê gớm kia đã làm nó rách nát khi lunge sục, đánh hơi quanh gốc cây? Mà biết đâu trận gió mạnh làm rơi những “cái vò” ban nãy ở trong rừng lại chẳng đã làm nó đứt tung ra? Dù sao đi nữa, chuyện ấy đối với tôi chẳng có gì đáng quan tâm vì viên thuốc của tôi đang dính trên đoạn mạng nhện cao tí kia.

Tôi nghĩ cách leo lên. Bám vào những chỗ mấp mô trên vỏ cây chăng? Không được, gốc cây vừa cao vừa dốc đứng đến chóng mặt.

Gần gốc cây cụt có một cái cây khổng lồ. Mấy sợi “chảo” của tám lưới cũ còn vương lại chăng từ thân cây ấy sang gốc cây cụt. Hay là tôi sẽ leo lên cây, rồi lần theo những sợi chảo ấy sang bên kia? Nhưng tôi vừa mới trèo lên thì có tiếng ào ào ở phía trên. Tôi nhảy xuống đất tìm chỗ nấp.

Tôi biết rằng lũ nhện thường chẳng lại những tấm lưới bị rách của chúng. Phải chăng con nhện ghê gớm kia đã bắt đầu công việc ấy của nó?

Lại có tiếng ào ào... Phía trên đầu tôi, một sợi chấu từ trên thân cây thông xuống, đu đưa. Sợi dây cứ vươn dài mãi ra như một con rắn. Nhìn lên, tôi thấy đầu kia sợi dây dính chặt vào cành cây, và kẻ thả dây đang bám vào để tụt xuống. Con nhện!

Dưới gốc cây ngổ ngang những khúc gỗ lớn, những cái sào dài, tất nhiên đó chỉ là những cành cây nhỏ đã bị khô. Con nhện có vẻ định buông dây tụt xuống đồng gỗ ấy.

Vẫn như xưa, tám con mắt dữ tợn của nó long lanh, hàm răng nhọn như dao mổ rộng. Dưới bụng quái vật, tôi nhìn rõ nhiều khối u lớn có hàng trăm lỗ nhỏ. Con nhện đã tụt đến một đồng gỗ, ép bụng vào một khúc gỗ và sợi dây liền dính chặt vào đấy. Lập tức nó lại leo ngược lên, từ bụng nó thả ra một sợi dây thứ hai. Nó leo lên mãi, hai chân sau khéo léo tách xa hai sợi dây, không để chúng dính vào nhau. Thế là con nhện đã kéo được sợi dây thứ hai lên tới một cành nhỏ rồi dính chặt sợi dây vào đó.

Nó vừa nhả tơ vừa bò dọc theo cành cây, dính sợi tơ vào đầu cành, rồi lại tụt xuống đồng gỗ. Cứ thế, con nhện hết leo lên lại tụt xuống nhiều lần. Khúc gỗ bị kéo lê đi, nhấc bổng lên và đu đưa trên mặt đất. Thế là tôi không hy vọng phá được tấm lưới để lấy viên thuốc nữa. Chẳng có thứ gây gộc nào có thể làm đứt được những sợi dây ấy. Chúng vừa co giãn, vừa rất dai. Hơn nữa, con nhện là một xưởng thợ sống, sợi nào đứt nó sẽ chẳng lại ngay. Làm sao bây giờ? Làm thế nào mà đến được chỗ chiếc “áo choàng”? Tấm lưới rất nguy hiểm: con nhện đã để lại trên đó hàng ngàn nốt dính. Mắc vào đó thì chỉ làm mỗi cho con quái vật hung dữ kia chẳng khác gì con ruồi.

Tôi hết nhìn con nhện đang chúc đầu xuống rình mò lại nhìn chiếc “áo choàng” màu xanh da trời. Thật ra thì có thể leo lên đấy theo những sợi dọc tỏa ra từ tấm lưới. Những sợi này khô ráo, không có nốt dính như những sợi chẳng vòng quanh. Nhưng trước hết phải đuổi được con quái vật kia đi đã, sau đó mới có thể tính đến chuyện leo dây lấy viên thuốc.

Nói đuổi con nhện thì dễ, nhưng làm thế nào để đuổi được nó? Hay là tôi sẽ đứng ở cạnh tấm lưới, lấy gây rung và kêu lên vù vù giả làm “con ruồi” mắc nạn? Tôi sẽ đánh lạc hướng con nhện rồi leo lên lấy thuốc.

Nhưng tiếng vù vù cao hay thấp, mạnh hay yếu là do rung động của đôi cánh ruồi tạo ra. Liệu tôi có thể bắt chước được như thật không? Liệu tôi có đánh lừa nổi con nhện không?

Khó lắm, tôi đã từng đọc về “thính giác” kỳ lạ của giống nhện. Tại một cuộc hòa nhạc, khi nghe tiếng vĩ cầm thánh thót, con nhện đã tụt xuống treo mình lơ lửng để nghe nhạc. Nhưng khi cả dàn nhạc cùng chơi, nó lập tức leo lên nấp vào cái giá nệm. Vấn đề là ở chỗ dao động của không khí do tiếng vĩ cầm tạo nên đã làm cho sợi tơ nhện rung rinh đúng như khi có con ruồi mắc lưới và con vật lập tức hành động theo bản năng. Còn khi cả dàn nhạc cùng chơi thì những làn sóng âm thanh dữ dội đã khiến nó phải chạy trốn. Không, tôi sẽ không thể đánh lừa “thính giác âm nhạc” của nhện được.

Nhưng làm sao đuổi được nó đi? Một ý nghĩ được lóe lên trong óc tôi: tại sao lại không dùng ngay bản năng của con vật để chống lại chính bản thân nó nhỉ? Chẳng phải là tôi đã thoát chết nhờ ném chiếc áo choàng vào con nhện đó hay sao? Tôi đã lừa được con vật xông vào tấn công con mồi giả. Cần phải nhân cái mẹo ấy lên năm, mười lần, và khi ấy...

Tôi bắt đầu thu nhặt những mẫu gỗ, cành khô xếp đồng lại gần cái lưới nhện.

Gió nhẹ thổi. Dưới ánh mặt trời, gió thổi tấm lưới lung linh in bóng lên mặt đất, nó đã kín lắm rồi. Dưới tấm lưới, con nhện đang nằm im rình mồi.

Tôi trèo lên khúc gỗ đang lắc lư ở đầu những “dây chảo” và ra sức nhún mạnh như đánh đu. Con nhện xông ngay lại. Tôi buông tay nhảy xuống đất.

Trong khi con nhện còn đang ngẩn ngơ ở đó thì tôi đã gậy cầm tay lẩn sang chỗ khác. Tôi cứ chạy hết góc này đến góc kia, khi thì rung lưới, khi thì ném vào đó một cành cây hay mảnh gỗ. Nhện ta lúc thì yên chí chẳng có con mồi nào và leo trở lại nằm im ở giữa tấm lưới, lúc lại xông ra nhả tơ quấn lấy mẫu gỗ mà tôi vừa ném lên. Nó có vẻ đói nên cố “hút máu” mấy... mẫu gỗ. Cuối cùng, tôi mệt nhoài đành ngồi nghĩ cách khác đánh lừa con nhện và phá tấm lưới của nó. Bỗng nhìn lên: con nhện đã biến mất. Thì ra nó cũng đã mệt lử!

Tôi đợi mãi, nhưng tấm lưới vẫn vắng lặng. Chỉ có làn gió nhẹ khẽ làm rung những sợi tơ. Con nhện không quay lại nữa.

Thế là viên thuốc đã lọt vào tay tôi!

NHỮNG KẺ SĂN ĐÊM

Giờ đây, khi viên thuốc đã ở trong tay, tôi mới cảm thấy toàn thân rã rời. Ngồi phệt xuống đất, tôi ngắm nghía vật báu đó không rời mắt, tưởng chừng như nó sắp tuột khỏi tay tôi. Đầu óc tôi cứ quanh quẩn với ý nghĩ: cần phải đi tìm Đum-sép và đưa cho ông ta viên thuốc này. Nhưng biết Đum-sép ở đâu mà tìm?

Trời tối dần. Thế giới cỏ cây quanh tôi càng trở nên đáng sợ hơn, nguy hiểm hơn. Liệu có thể tìm được Đum-sép hay không. Lúc này, tôi đã tận mắt thấy được biết bao tai họa đang đe dọa con người từng giây từng phút ở nơi đây. Một bước chân, một hành động sơ suất đều có thể dẫn đến cái chết. Làm sao có thể tin được rằng Đum-sép đã sống ở xứ Cỏ Rậm này mấy chục năm?

Cần đập nhỏ viên thuốc, uống để lấy lại tấm vóc cũ. Lấy bộ quần áo để ở gốc cây mặc vào rồi đi về thành phố. Tất nhiên là không kịp tàu nữa rồi. Nhưng còn con chó đang canh giữ đồng quần áo thì sao? Nghĩ đến bốn cái cột bù xù mà tôi rùng mình. Sợ? Không, chẳng có gì đáng sợ: tôi đã đuổi được con nhện thì cũng sẽ đuổi được con chó kia thôi! Nhưng tôi bỗng bật cười: đầu óc mệt mỏi đã làm tôi lẩn lộn tấm vóc mọi vật.

Trong bóng đêm, mọi vật quanh tôi trở nên huyền ảo một cách kỳ lạ.

Bỗng tôi thấy có tiếng gì phun phì phì như đầu máy xe lửa. Tiếng động mỗi lúc một gần. Tôi căng mắt nhìn và nhận ra một con rắn khổng lồ đang trườn đi rồi vươn thẳng đầu lên cao. Nó nghiêng ngó hết bên này đến bên kia, miệng vẫn phun phì phì, cổ bạnh ra. Một con rắn lục!

Trước mặt nó là một cái ụ lớn hình cầu tua tủa những mũi chông nhọn. Con nhím!

Bọn khổng lồ này đi săn đêm.

Con rắn cuộn khúc, vươn mình. Những đường vân trên lưng nó óng ánh. Nó lao vào con nhím. Gió giật ào ào, cây cỏ ngã nghiêng.

Tôi gắng hết sức trèo lên một ngọn cây và từ trên cao theo dõi trận đấu của hai tên khổng lồ. Nhờ ánh trăng, tôi nhìn khá rõ.

Con nhím vươn mình dớp rất nhanh vào đuôi kẻ thù. Con rắn lồm lổm tìm cách cắn

lại, nhưng lần nào cũng vấp phải những mũi chông nhọn hoắt.

Mọi vật trước mắt tôi to lớn một cách kinh khủng, khiến tôi khó tin được rằng dưới kia chỉ là một con rắn và một con nhím bình thường.

Trận chiến đấu vẫn tiếp diễn. Tôi cảm thấy rằng hai con vật đó lúc thì có hình thù bình thường mà tôi quen thuộc, lúc lại lớn vụt lên và thay hình đổi dạng một cách ghê gớm. Làm gì bây giờ? Đầu óc tôi quay cuồng. Không nên nhìn hai quái vật đánh nhau nữa, không nên nghe tiếng phun phì phì, tiếng khịt khịt của chúng nữa. Tôi trèo lên cao hơn.

Bên dưới, con nhím vẫn ghì chặt đuôi kẻ thù xuống đất. Con rắn cố sức vùng vẫy, nhưng con nhím nhất định không nhả ra.

Đột nhiên con nhím nhảy lên, con rắn vụt bỏ chạy. Cuộc chiến đấu kết thúc.

Tôi định tụt xuống đất, nhưng lại thấy con nhím vẫn bám theo con rắn. Nó xông đến đớp vào cổ kẻ thù. Con rắn phun phì phì hết bỏ vào bên này lại bỏ vào bên kia, nhưng con nhím vẫn nằm im thu bốn chân, rúc đầu, quắp đuôi dẫu kín dưới bụng.

Bỏ mãi không ăn thua, con rắn mệt, bỏ đi. Nó trườn một cách nặng nhọc.

Con nhím lập tức lại quay ra tấn công. Lần này nó đớp trúng lưng kẻ thù. Con rắn vùng vẫy nhưng hàm răng nhím đã cắm sâu vào mình nó.

Mê mải theo dõi trận đấu, tôi quên cả tầm vóc khổng lồ của hai con vật, buột miệng reo to:

– Cẩn đi! Cẩn đi! Nhím! Cẩn vào cổ ấy!

Con rắn đã chết hẳn. Con nhím buông mồi, hạ những mũi chông nhọn hoắt xuống nghỉ. Sau đó, nó thông thả lại gần con rắn, cắn lấy, xé ra từng mảnh rồi ngoạm một miếng và chạy đi đâu đó.

Một lát sau, hai chú nhím con xuất hiện. Chúng hăm hở xô vào con mồi. Nhím mẹ nhìn chúng im lặng và tôi tưởng như nó đang mỉm cười hài lòng.

Cảnh tượng vừa xảy ra làm tôi càng thêm mệt mồi! Tôi đã buồn ngủ lắm, song những tiếng rì rầm, xào xạc, sột soạt vẫn không một phút nào ngừng trong bóng đêm.

BUỔI SÁNG ĐẦY SƯƠNG

Ẩn vào đâu, ngủ ở đâu bây giờ? Tôi định ngồi tạm trên mặt chiếc lá, nơi tôi đã ngồi theo dõi trận đấu, thì một cơn gió bất ngờ làm tôi suýt lộn nhào xuống đất. Đành xuống thôi.

Có lẽ phải tìm một bụi cây nào đấy, chui vào đánh một giấc chẳng? Tôi bắt đầu thu nhặt những vụn vỏ khô để làm ổ. Bỗng tay tôi sờ thấy một cái hốc lớn. Mặt trong hốc quần đầy những sợi tơ. Tơ nhện? Có lẽ đây là tổ một con nhện đất. Tôi lục tìm quanh miệng hốc và thấy một miếng tròn. Cái nắp đầy tổ nhện? Giống nhện đất vẫn lấy đất cát làm nắp đầy tổ chúng. “Chủ nhân” chắc đi vắng, nếu không, chiếc nắp đã đầy kín vào miệng hốc rồi.

Tôi lấy cành khô khua khua khắp trong hốc, nhưng chẳng thấy động tĩnh gì. Bây giờ tôi mới nhảy vào xem xét kỹ cái ổ nhện. Trong ổ rất khô ráo. Mấy cục đất vương vãi ở đáy hốc; nhện đã bỏ cái ổ này.

Tôi thu dọn ổ cho thoải mái rồi ngả lưng xuống ngủ thiếp đi...

Tiếng động bên ngoài làm tôi tỉnh giấc. Một tiếng chuông vang lên... Im lặng... Lại một tiếng chuông nữa. Tôi lắng tai nghe: tiếng động vang như chuông ấy lại nổi lên khi ở chỗ này, khi ở chỗ khác, khi xa, khi gần, lúc mau, lúc khoan.

Tôi nhòe dậy định chui ra ngoài. Nhìn lên, tôi kinh ngạc thấy một quả cầu thủy tinh treo lơ lửng trên đầu. Dưới ánh sáng ban mai, nó lung linh đủ bảy sắc cầu vồng. Giọt sương sớm? Tiếng chuông kia phải chăng chính là tiếng sương rơi?

Quả cầu cứ phình to, rồi dài ra như quả lê. Nó sắp rơi xuống đầu tôi. Nhảy ra không kịp nữa, tôi với tay kéo một cái nắp đầy miệng hồ lại. Một tiếng động chói tai vang lên: quả cầu thủy tinh đã rơi trúng cái nắp vỡ tan. Con nhện đất đã làm những bản lễ và then móc cho cái nắp thật khéo léo! Khi trốn kẻ thù, nó có thể dùng chân giữ chặt cái nắp ấy trên miệng tổ.

Cái nắp đầy khít miệng tổ chẳng khác gì ô cửa tròn trên tàu thủy.

Phải ra thôi. Tôi mở nắp nhảy ra ngoài và hân hoan reo lên: khắp nơi lung linh những quả cầu thủy tinh, chúng lơ lửng trên không, rung rinh rồi rơi xuống vỡ tan.

Không gian tràn ngập tiếng vang động. Những tia nước bắn tung tóe và ánh mặt trời lại tỏa sắc cầu vồng!

Xin chào một buổi sáng đầy sương!

BÓNG GỐC CÂY CỤT

Từ lúc tôi uống gói thuốc và đám cỏ tua tủa như lông nhím quanh gốc cây cắt bồng cao vụt lên vây kín lấy tôi, đi đến đâu tôi cũng nhìn thấy bóng gốc cây khổng lồ ấy.

Dù đi xa đến đâu, tôi cũng vẫn cảm thấy bóng mát của nó tỏa quanh mình. Lần lúc đang lang thang trong rừng cỏ rậm, len lỏi giữa những thân cây to lớn, tôi đột nhiên dừng lại ôm đầu suy nghĩ: làm sao mà tin được rằng đám cây cối đang rì rào, ngả nghiêng trước gió, cánh rừng đáng sợ này, mới hôm qua chỉ là đám cỏ xanh dưới chân tôi!

Bóng gốc cây cắt tỏa rộng menh mông trên rừng cỏ rậm. Tất nhiên tôi có thể đi xa khỏi cái bóng đó. Song tôi biết chị An-na và những người khác sẽ đến gốc cây này tìm tôi, bộ quần áo của tôi còn nằm ở đây, tôi sẽ mặc bộ quần áo ấy và đi về thành phố.

Hôm nay, trong một buổi sáng đầy sương, bóng gốc cây cắt ẩm mục thân thiết lại an ủi trái tim đầy lo sợ của tôi.

Kéo lê viên thuốc trong cái áo choàng, chiếc thìa gỗ cầm tay, tôi thận trọng vượt qua các gò đồng, khe, lạch giữa những đoạn rễ của gốc cây cắt. Tôi đi về phía bộ quần áo, nó còn đây không, hay người ta đã mang đi mất? Con chó có còn đứng đó canh giữ nữa hay không?

Một con gì đó xô vào tôi. Tôi ngã xuống, nhưng lập tức lại đứng lên ngay. Một con trăn lớn màu nâu! Nhưng lạ thay, con vật lại có rất nhiều chân. Đầu nó to, màu nâu xám có đường viền đỏ. Nó cuộn khúc bên cạnh tôi. Tôi hoảng hồn: cái đầu to tướng với đôi mắt trợn tròn lù lù trước mặt tôi.

Tôi bỏ chạy và cố tránh vào những chỗ nhô lên của gốc cây để nó khỏi trông thấy. Bỗng tôi nhận ra một cửa hang có tảng đá đầy phía ngoài. Đẩy tảng đá sang bên cạnh, tôi chui luôn vào đấy, ngồi thở.

Không bao giờ nên hoang mang, bối rối, mất lòng tin vào sức mình! “Con trần có chân” kia chẳng qua chỉ là con sâu nhỏ. Lại một trò ảo thuật! Đôi mắt tròn tròn chỉ là hai chấm đen trên thân nó. Với vẻ ngoài như vậy, đôi khi nó làm cho các chú chim nhỏ cũng phải hoảng sợ.

Tôi ngồi trong hang một lát đợi cho con sâu bò đi xa. Ánh sáng bên ngoài mờ mờ soi vào lòng hang. Tôi dựa vào tường đưa tay sờ và ngạc nhiên thấy nó nhẵn bóng như sơn. Lại thật, đây là một gốc cây mục nát, bất kỳ lúc nào những mảnh gỗ cũng có thể lao xuống đầu tôi. Vậy mà ai đã sửa sang, sơn trát lại cẩn thận như thế này?

Tôi biết rằng loài ong có thể làm ra sáp và một vài loài côn trùng khác còn có thể làm ra chất sơn keo nữa. Chính vì vậy tôi tin rằng tôi đang ở trong hốc trú của một loài côn trùng nào đấy: loài côn trùng này đã dùng sáp hoặc sơn của nó để trát vách hang.

Chân tôi bỗng trượt như trên mặt sàn đánh bóng trơn tuột. Cúi xuống nhìn, thì ra nền hang lát toàn bằng những mặt cánh đủ màu của các loài bọ cánh cứng. Hình như người chủ hang muốn tránh ẩm cho chỗ ở của mình.

Đưa tay lần tìm trên vách, tôi thấy một mép vải mềm. Chắc hẳn tôi sẽ ngạc nhiên lắm nếu không biết rằng một số loài côn trùng cũng biết nhả tơ, “dệt vải”.

Tôi hơi ngại ngùng kéo “tấm rèm” bước lên và thấy mình đang đứng trước một ngách hang khác.

Mấy chấm sáng mờ nhạt tạo thành nửa vòng tròn mờ soi trần, nền và vách hang. Chắc là những ánh lân linh của gỗ mục. Tuy vậy, chúng cũng đủ sáng để tôi có thể nhìn thấy những thứ thật khó tin.

Cây cỏ lại uốn mình trong gió, lại cất tiếng rì rào quanh tôi. Mặt trời tỏa sáng chói lọi.

Làm sao có thể tin được cái hang mà tôi vừa ở đó chui ra lại có vách và trần sơn trát nhẵn nhụi, cửa ngăn có treo “rèm” và trên mặt đất là những bình đựng phấn hoa, mật ong, nước sạch? Làm sao mà tin được trong một ngách hang lại có chỗ ngủ ấm cúng với chăn nệm, gối bông đàn hồi, và trong một ngách khác lại xếp ngay ngắn đủ mọi thứ: những cuộn thừng, những chiếc thang dây, các dụng cụ bằng gỗ, các mảnh vỏ ốc nhọn hoắt và mảnh đá mài dẻo cẩn thận có tác dụng chẳng kém gì lưỡi dao, mũi đục trong những bàn tay khéo léo, có kinh nghiệm.

Loài côn trùng nào đã nặn ra những chiếc bình đựng thực phẩm kia? Loài côn trùng nào đã làm ra những sợi bông trong chiếc gối, cái chăn kia? Loài sâu nào đã dệt nên tấm “rèm”, đã sản xuất ra những cuộn thừng, sợi chấu kia? Loài vật nào đã cung cấp vật liệu để sơn trát căn nhà? Ai là người đã thu thập mọi thứ ấy của cư dân xứ Cỏ Rậm đem tập trung, xếp đặt tại nơi đây?

Những câu hỏi ấy đã dồn dập đến với tôi khi tôi đi từ ngách hang này sang ngách hang khác. Song, điều làm tôi hết sức kinh ngạc là tôi đã tìm được trong đó một tập giấy nhỏ viết đầy thứ chữ con người!

Lúc này, dưới ánh nắng ban ngày, tôi nhìn chúng mà không tin vào mắt mình nữa... Nhìn kỹ, tôi nhận ra nét chữ quen thuộc với những đuôi chữ nhẹ hất lên.

Vẫn là nét chữ ấy! Tôi đã thấy nó dưới ống kính hiển vi ở trường đại học, trong phòng thí nghiệm của Đum-sép, trên trang thư cháy dở của bà Pô-li-na và trên tờ giấy gói thuốc. Đúng là cùng một nét chữ!

Tôi không tin mình nữa. Tôi lật giở từng trang, khi đọc lên thành tiếng. Ngừng lại một chút, nhìn quanh. Tôi cảm thấy hình như muôn vật đang lắng nghe lời tôi đọc.

PHẦN THỨ TƯ
CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC HÀNH TRÌNH CUỐI CÙNG CỦA ĐUM-SÉP
TỰ VIẾT RA

THAY LỜI TỰA CUỐN NHẬT KÝ

Thế là tôi: Xéc-gây Đum-sép, sống ở xứ Cỏ Rậm này đã bao năm rồi. Khi kiếm được những thứ làm giấy và mực, tôi đã bắt tay vào viết một tập nhật ký ghi lại những điều phát hiện được, cũng như các thí nghiệm mà tôi đã thực hiện ở xứ này. Mỗi tờ nhật ký đều được đánh số thứ tự. Tờ cuối cùng là tờ số 2876.

Một hôm, tôi đã lên đường để chuyển tập nhật ký ấy cho con người. Làm thế nào mà chuyển được, tôi không rõ, nhưng vẫn quyết định trước hết phải đi đến chỗ người ta hay qua lại, nơi trước đây có cái nhà chòi.

Cuộc hành trình thật gian nan, vất vả. Một trận bão lốc đã cuốn đi mất tập nhật ký của tôi. Rất có thể một vài tờ nào đấy đã lọt vào tay con người. Song, có lẽ họ sẽ bật cười vì chẳng hiểu gì cả. Được thôi! Tôi chỉ còn có cách viết lại tập nhật ký từ đầu và tìm một cách chắc chắn để mọi người có thể đọc được nó. Nhưng trước khi bắt đầu viết lại tập nhật ký, thay cho lời tựa của nó, tôi cần phải kể lại cuộc hành trình gần đây nhất của tôi.

Tờ số 1

Tôi nhớ lúc đó hoàng hôn đã buông xuống. Tôi đang viết nốt tờ nhật ký. Nhìn vầng mặt trời đỏ lựng đang lặn dần, tôi nghĩ: đã hàng nghìn, hàng nghìn lần hoàng hôn đến với tôi ở xứ Cỏ Rậm này. Và bao giờ cũng vậy, đến lúc ấy là tôi ngừng ghi chép.

Tôi đã gửi gắm vào đấy tất cả tâm tư suy nghĩ cũng như mọi tìm tòi, phát hiện, quan sát của tôi ở xứ Cỏ Rậm. Đáng ra phải chuyển tập nhật ký này cho con người từ lâu rồi, song tôi chưa biết làm cách nào. Trước mặt tôi là rừng rậm, là sa mạc, là dòng Đại Tỉnh Giang mênh mông. Làm thế nào vượt qua được tất cả những trở ngại ấy với những chồng nhật ký nặng nề?

Cứ mỗi lần viết hết một trang nhật ký thì câu hỏi ấy lại hiện ra trong óc tôi. Nhưng tôi cứ gác mãi nó sang một bên: rồi sẽ nghĩ ra được cách giải quyết. Nhưng bây giờ không thể gác lại được nữa. Đã đến lúc rồi!

Đêm ấy, nằm trong túi chăn làm bằng kén tầm, tôi lắng nghe như chờ đợi một người nào đó có thể mách giúp tôi lời giải đáp cho câu hỏi đang giày vò tôi. Nhưng xung quanh, không một tiếng động. Chỉ còn tiếng đập nhẹ của trái tim - trái tim bé bỏng một con người tí hon.

Mặt trời bắt đầu mọc. Có lẽ nó đang rọi những tia nắng ấm xuống thành phố Chen-xơ thân thuộc của tôi ở nơi xa xôi. Không thể nghĩ đến chuyện đi tới thành phố được. Tốt hơn hết là tìm đến cái nhà chòi ở bên trái con đường dẫn ra bờ biển. Mọi người, khi đi chơi ra ngoại thành hay ra biển, thường ghé vào nhà chòi này. Chắc rằng ngày nay nó vẫn còn. Tôi nhớ, gần cái nhà chòi có một lạch nước nhỏ. Lạch nước ấy đối với tôi bây giờ là dòng Đại Tỉnh Giang mênh mông. Tôi chưa biết sẽ vượt sông bằng cách nào, nhưng dù sao cũng phải lên đường thôi!

Tờ số 2

Tôi đã thất bại trong ý định dùng bè xuôi theo con sông nhỏ trước nhà đến dòng Đại

Tĩnh Giang.

Ở phía nam, nước sông cạn sệt. Đúng là vào mùa xuân và sau những trận mưa lớn, con sông trước nhà tôi đầy nước và đổ vào dòng Đại Tĩnh Giang. Nhưng vào lúc này, nước cạn không thể đi được. Thời tiết khô ráo, gió thổi suốt ngày.

Mặc dù con sông nhỏ ấy chảy qua ngay gần nhà, nhưng chẳng hiểu vì sao tôi không đặt tên cho nó trong một thời gian dài. Nhưng một đêm đầu xuân, tôi chợt thức giấc và nghe tiếng nó chảy rì rầm. Tôi có cảm giác như dòng sông nhỏ đang trách móc tôi là từ lâu lắm, tôi đã bước trên nó, nước chỉ hơi ướt gót giày và chẳng để ý gì đến nó. Từ đây, tôi gọi nó là dòng “sông Trách móc muộn màng”.

Như vậy là chỉ còn một con đường theo hướng đông bắc sượt qua rừng và hoang mạc để đi đến bờ dòng Đại Tĩnh Giang.

Để đề phòng trường hợp bất trắc, tôi bỏ những tờ nhật ký thành một tập dày, lấy sáp ong phơi nắng cho chảy ra, rồi phết xung quanh. Bây giờ thì không sợ gì mưa và sương ướt nữa.

Tôi lại bỏ tập nhật ký ấy vào một cái bao bằng vật liệu không thấm nước rồi lấy dây chằng kỹ lại. Bao là một cái kén sâu, và đây là những sợi tơ.

Nhưng làm sao mà chở được cái bao nặng nề ấy đi? Kiếm đâu cho được con lạc đà tải đồ bây giờ?

Huấn luyện loài vật là một việc đòi hỏi biết bao kiên trì, tài năng, sáng tạo! Lịch sử vẫn ghi nhớ cuộc hành trình của An-ni-ban^[32] vào La Mã, song lại quên tên tuổi người đã huấn luyện đàn voi chở đồ phục vụ trong đoàn quân ấy.

Ngày nay, hỏi ai còn nhớ tên người đã huấn luyện được đàn sư tử kéo những cỗ xe khải hoàn của Ang-toan^[33] tiến vào thành cổ La Mã.

Tính kiên trì, óc quan sát và trí tưởng tượng - đó là những đức tính không thể thiếu được của người huấn luyện loài vật. Nhưng lại còn phải có thời gian nữa. Tôi biết có một ông lão kỳ quặc đã huấn luyện được con mèo đen của mình nhặt những đồng tiền đánh rơi đặt lên mặt bàn. Tôi cũng biết có nhà vạn vật học đã xây dựng một tổ kiến trên bàn mình và úp lại bằng một cái chụp thủy tinh. Hằng ngày, cứ đến giờ nhất định, ông ta lại cho một con kiến đã đánh dấu ăn mật ở một góc nhất định. Cuối cùng, cứ đến giờ là chú kiến đó lại tự động đến ăn mật.

Nhưng việc làm ấy đòi hỏi không ít thời gian.

Liệu ở xứ Cỏ Rậm này, tôi có thể kiếm được một con vật chở đồ mà chỉ cần một thời gian huấn luyện ngắn hay không? Liệu có thể bắt bọ hung chở bao nhật ký cho tôi không? Không được, ý định ấy không thể thực hiện được.

Ngày lại ngày trôi qua. Đã bao lần tôi phải dỡ bao nhật ký để bỏ thêm vào đó những tờ mới. Sau đó, tôi lại phết sáp và buộc lại cẩn thận như cũ. Bao nhật ký vẫn chờ ngày được đem đi. Còn tôi, tôi vẫn chưa biết phải làm thế nào.

Có lúc, tôi đã nghĩ đến những con chuồn chuồn và những con bướm khổng lồ. Tôi có thể dùng những sợi tơ (mà tôi sẵn có đủ loại dài, ngắn, to, nhỏ) để buộc bao nhật ký lên lưng chúng, rồi cầm một đầu dây mà rong chúng đi, nhưng khó lắm. Chúng rất có thể sẽ không bay về nhà chồi theo ý muốn của tôi. Còn tôi chắc gì đã đủ sức để giữ chúng. Và lại, dọc đường con người cần nghỉ ngơi, chứ loài chuồn chuồn và bướm có thể bay một mạch hàng chục, thậm chí hàng trăm véc-xta không nghỉ.

Hay là tôi dỡ bao ra từng tờ một rồi cho lũ ong đem về tổ chúng như đem phấn hoa. Nhưng muốn làm thế thì phải cuộn nhỏ từng tờ lại rồi đặt vào chân ong. Nhưng con ong

sẽ quay về tổ đem theo các tờ nhật ký. Chúng sẽ đặt lẫn lộn các tờ nhật ký kia vào với phần hoa trong tổ. Rồi sau đó sẽ ra sao? Trong khi tôi đi chưa đến đấy, mặc dù đã không phải đeo cái gánh nặng kia, thì lũ ong đã biến các tờ nhật ký thành... thức ăn, và chẳng còn ai có thể đọc được nữa,

Không, làm như vậy không ổn. Mỗi tờ nhật ký đều mang ý tưởng có liên quan chặt chẽ với ý của tờ trước đó. Mất một tờ là tập nhật ký mất hết ý nghĩa. Đối với tôi, mỗi tờ đều hết sức quý giá.

Ngày lại ngày trôi qua. Đôi khi người ta có thể chờ hàng năm, hàng chục năm dài, nhưng lại khó lòng mà chờ được một ngày, một giờ, một phút!

Tờ số 4

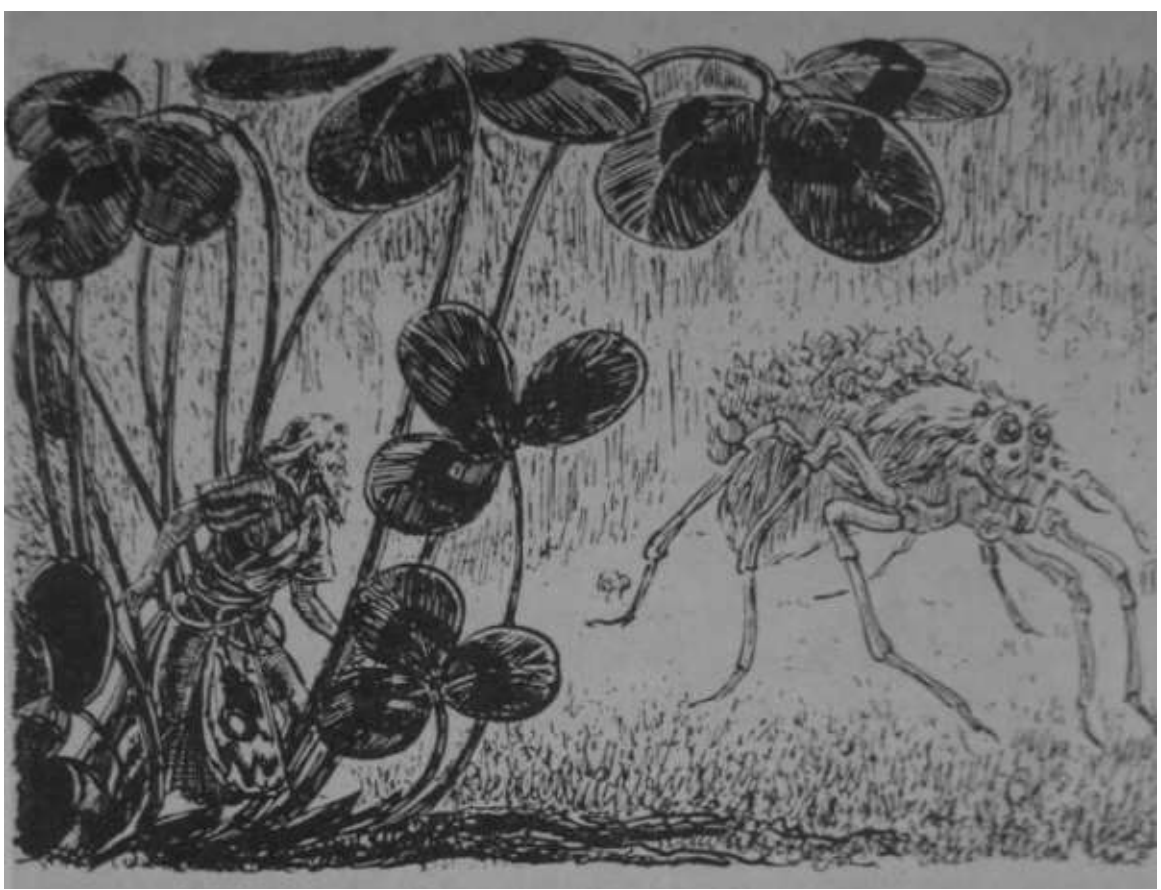
Chuyện ấy xảy ra vào lúc chạng vạng tối. Các ngọn cỏ đứng im phăng phắc. Tôi ngồi dưới một vòm cây. Bóng đêm trùm lên mọi vật xung quanh. Bỗng nhiên cây cỏ rung động, rồi trước mặt tôi hiện ra một vật giống như chiếc bàn tròn, cạnh dốc thoải có tám chân cong gấp khúc. Cái bàn chuyển động và trên đó lại có nhiều chiếc bàn khác nhỏ tí đang ngo ngoe...

Tôi căng mắt nhìn vào bóng tối nhập nhoạng. Chiếc bàn dừng lại. Từ trên đó, những chiếc bàn con thận trọng tụt xuống chạy loăng quăng trên mặt đất. Tôi lại gần và thấy chúng đều nối với chiếc bàn lớn bằng những sợi dây. Đến lúc ấy, tôi mới nhận ra là con nhện mẹ đang dẫn lũ nhện con đi chơi. Lũ nhện con này vẫn giữ liên lạc với mẹ bằng những sợi tơ. Tôi nhặt một hòn đá ném về phía đó. Lập tức lũ nhện con vội trèo lên lưng mẹ, bám vào nhau thành một cục. Những cái chân gấp khúc bắt đầu chuyển động, chiếc bàn lắc lư - con nhện mẹ biến mất vào bóng tối. Cỏ cây lại im phăng phắc.

Trời đã tối từ lâu. Những thân cỏ nhòa dần và hòa vào nhau, không còn nhìn thấy gì nữa. Chắc rằng mấy mẹ con con nhện đã về đến tổ từ lâu và đang say sưa trong giấc ngủ.

Tôi vẫn ngồi nhìn mãi vào bóng đêm sâu thẳm. Hình ảnh con nhện với lũ con trên lưng như vẫn chờn vờn trước mắt. Một ý nghĩ chợt đến với tôi: tôi sẽ bắt loài nhện sói này chở đồ cho tôi, tôi phải lợi dụng bản năng làm mẹ của chúng.

Lúc này, con nhện mang con, song cũng có lúc nó mang bao trứng. Tôi sẽ thay trứng của nó bằng những tập nhật ký. Tất nhiên, như vậy cái bao sẽ nặng hơn. Nhưng không sao: tôi đã có lần được đọc một đoạn sách kể rằng người ta bỏ những viên bi chì nặng vào bao trứng của loài nhện này, nhưng chúng vẫn cứ “chịu khó” mang những bao đó hết số ngày đủ cho trứng nở.



Tuy vậy, tôi vẫn lo không biết mình có dắt nổi con nhện đi theo hay không. Bắt nhện, thuần hóa nó, bắt nó phải tải đồ - việc ấy thật nguy hiểm và không phải là nhẹ nhàng. Khó thật, nhưng có thể làm được.

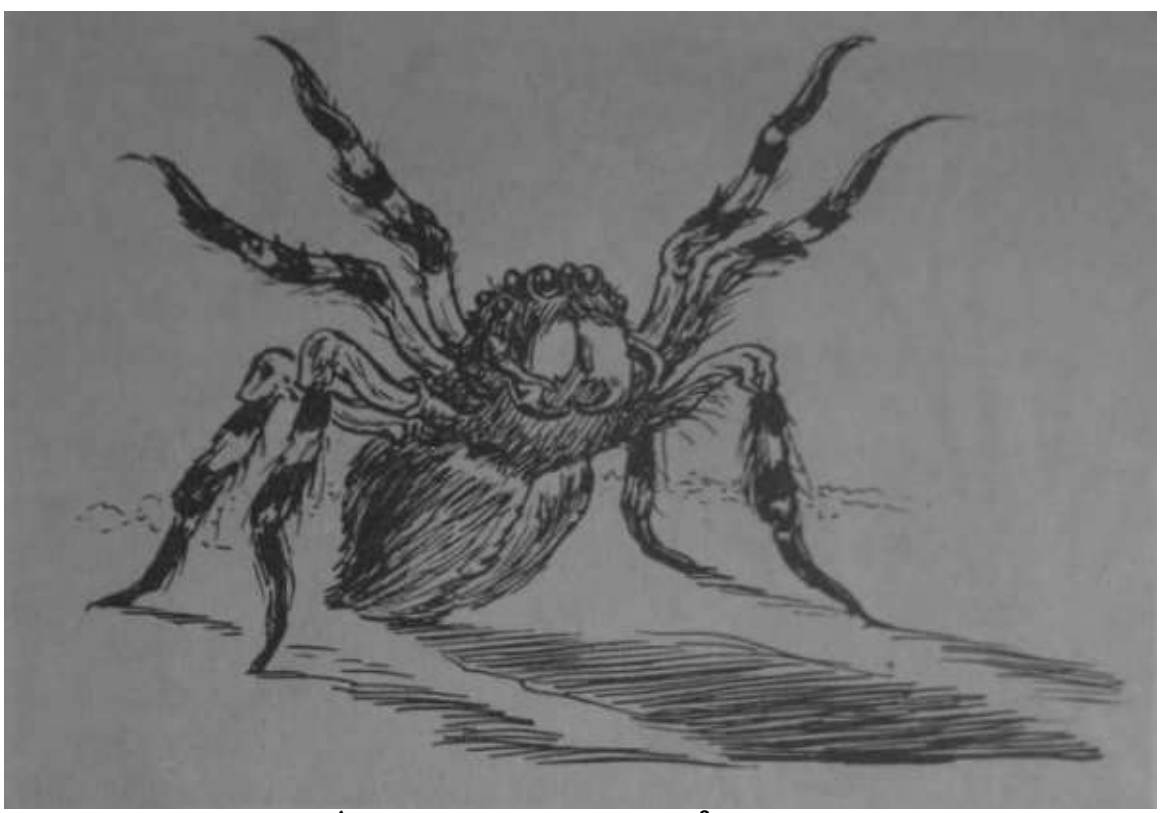
Lòng tôi vui mừng phấn khởi với ý nghĩ: chẳng bao lâu nữa tôi đã có thể lên đường. Tôi sẽ đi đến nơi mà mọi người có thể nhận được tập nhật ký ghi những phát kiến của tôi.

Tờ số 5

Tôi bắt đầu để ý theo dõi những thói quen của lũ nhện. Trong những ngày đầu tiên tôi sống ở xứ Cỏ Rậm này, những con nhện có hàm răng nhọn đầy nọc độc mới đáng sợ làm sao! Mỗi lần đi qua một miệng hang tối, nhìn thấy những con mắt lấp lánh ánh lân tinh dữ tợn của chúng là tôi lại sồn gai ốc, bỏ chạy, nấp vào gốc cây.

Còn nhớ dạo ấy, có một lần tôi trông thấy một con quái vật đầy lông lá từ trong hang bò ra. Tám chân nó màu hồng, có khoanh đen. Khi nhìn thấy một con bọ cánh cứng, nó liền nhảy bổ vào, giơ cao các chi trước, phơi ra cái bụng đen sì, trông thật đáng sợ. Nó túm chặt lấy con bọ, cắn ngập hàm răng nhọn vào mình con vật rồi lôi tuột vào hang. Tôi rùng mình trước cảnh tượng ấy. Chạy đi đâu bây giờ? Nhìn vào cái hốc nào tôi cũng tưởng như trong đó có những con mắt dữ tợn đang rình mình. Đây là chuyện đã lâu rồi, trong những ngày tôi mới bước chân đến xứ sở này kia.

Còn bây giờ tôi lại đi tìm chúng, cố tìm hiểu xem chúng sống ra sao và sợ những gì.



Một lần, theo dõi con nhện hầm, đợi nó ra khỏi tổ, tôi chui vào xem xét chỗ ở của nó. Trước mắt tôi là những ụ chiến đấu, những lỗ châu mai, những lô cốt xây dựng hết sức khéo léo. Để xây thành trì của mình, loài nhện này không cắn đứt mà lại lợi dụng ngay những thân cỏ sống. Chúng nhả tơ đan những ngọn cỏ lại với nhau. Nấp sau tường thành, chúng vẫn có thể nhận ra kẻ thù qua sự rung động nhẹ của lưới nhện. Vách tổ được quấn kỹ bằng tơ. Những vụn đất đã rơi xuống sẽ mắc lại ở đó và không làm hại lũ nhện con. Từ tấm lưới của mình, loài nhện này có thể bật ra như từ trên cầu nhảy, vồ lấy kẻ thù.

Một lần khác, lúc gần tối, khi trở về nhà, tôi thấy một con vật to lớn đi ngang qua. Bụng nó màu đen vằn nâu, chân có những vòng màu thẫm. Đó là một con nhện đất. Thoạt tiên, tôi tưởng lưng nó có những cái bướu lô nhô, nhưng nhìn kỹ lại tôi mới thấy đó là những con nhện con, chẳng khác gì lũ nhện mà tôi gặp hôm nào.

Tối hôm ấy là một buổi tối êm đềm. Con nhện dẫn đàn con đi chơi. Bây giờ, nó trở về với lũ con trên lưng. Con nhện biến mất giữa một khe đá. Một lát sau, tôi đã thấy bốn con mắt của nó lấp lánh trong bóng tối. Bốn con mắt còn lại nhỏ hơn nên nhìn không rõ. Con nhện dùng đôi chân trước làm vệ sinh những cái râu và hàm răng nhọn.

Ngày ngày tôi theo dõi con nhện đất đó, đồng thời cũng để ý quan sát những con nhện khác. Chẳng bao lâu, tôi đã nắm vững được sinh hoạt của chúng. Khi vào tổ này, khi sang tổ khác, tôi chăm chú xem xét những thói quen bản năng của loài nhện và suy nghĩ cách làm thế nào có thể bắt những con nhện độc kia phải sợ và vâng theo ý muốn của tôi, phải chở đồ cho tôi như mang bao trứng của chúng vậy.

Tôi chỉ mong sao được biết loài nhện sợ con gì. Và khi đó tôi sẽ khuất phục được chúng.

Thời gian trôi qua, và sự chờ đợi của tôi đã có kết quả.

Tờ số 6

Sáng hôm ấy, tiết trời ẩm áp, sáng sủa. Một con ong xuất hiện gần miệng tổ con nhện đất. Con ong thân màu vàng sáng, cánh màu hổ phách khẽ rung rinh, dáng điệu kiêu hãnh, động tác nhanh nhẹn, dứt khoát. Một con tò vò!

Nó múa may, bay lượn, rồi bất thần đậu xuống trước mặt con nhện đang ngồi ở miệng tổ.

Liều mạng, tôi chạy lại gần một cái hốc, theo dõi trận chiến đấu giữa đôi bên. Con nhện nhổm lên gần như thẳng đứng. Lũ con vẫn ở nguyên trong tổ. Con tò vò hết thò ngòi ra lại thụt ngòi vào. Còn con nhện vươn cao bốn chi trước, bốn chi sau đứng vững trên mặt đất, lớp nhung đen dưới bụng nó lóng lánh, đôi hàm nhọn hoắt đầy nọc độc mở rộng hoác. Con tò vò không xông vào. Nó chỉ khiêu khích con nhện. Một lát, con nhện có vẻ đã mỏi, hạ cả bốn chi trước xuống.

Con tò vò lượn một vòng rồi lao xuống.

Tò vò khi lùi khi tiến. Nhện tức giận lao lên phía trước. Tò vò vụt bay lên. Nó đã nhử được con nhện ra khỏi tổ, và bây giờ thì nó đã chặn mất lối về hang của nhện. Bất thần con nhện tung mình lên định cắn ngập vào mình đối thủ. Nhưng tò vò đã nhanh nhẹn quay lại và lập tức tiêm ngay ngòi của nó vào con mồi. Đôi hàm nhọn dờ ra, nhưng con nhện vẫn sống. Có lẽ tò vò đã đánh trúng trung khu thần kinh điều khiển đôi hàm có chất độc của nhện.

Con tò vò vẫn thò ngòi, nhảy nhót quanh con nhện, chọn một điểm tấn công mới. Nó lao vào, và lần này thì cả tám chân nhện bị tê liệt.

Con tò vò vẫn không buông mồi. Nó kiểm tra lại xem những đòn tấn công của mình đã thật sự có kết quả hay chưa, xem đôi hàm con nhện đã thật tê liệt hay chưa.

Cuối cùng, nó lôi con mồi đi. Tôi tiến theo sát phía sau. Con tò vò để con nhện một chỗ, bò quanh mô đá tìm một cái gì đấy rồi quay lại. Nó lại tiếp tục kéo con mồi, leo lên mô đá, vượt qua các vật cản đường. Đến một khe đá, nó để con mồi lại rồi chui vào trước. Tôi vẫn đợi xem sao. Một lát sau, con tò vò trở ra lôi con nhện vào, còn nó thì chui ra rồi lấy đất trát kín miệng hang lại. Khi đã yên trí rằng không kẻ nào có thể phát hiện được chỗ dấu mồi nữa, con tò vò bay đi.

Tôi lại gần, phá chỗ mới đắp, nhìn vào, ở bụng con nhện có dính một cái trứng màu trắng, dài dài. Từ cái trứng ấy sẽ nở ra tò vò con. Nó lớn lên nhờ hút các chất dinh dưỡng trong mình con nhện. Đến khi chất dinh dưỡng đã cạn, tò vò con sẽ bỏ con nhện bay đi.

Như vậy là tôi phải nguy trang làm tò vò và bắt lũ nhện phải sợ.

Giờ đây tôi chẳng những theo dõi những con nhện, mà còn theo dõi cả những con tò vò nữa.

Đã bao lần tôi thấy những con mắt dữ tợn của lũ nhện lấp lánh trong hang rồi. Thế rồi có tiếng đập cánh vù vù, những cái cánh màu vàng trong suốt: tò vò xuất hiện. Nó nghiêng ngó, dừng lại trước các cửa hang. Những con mắt độc ác đỏ như lửa biến mất tưởng chừng như bị dập tắt bởi tiếng đập cánh kia. Lũ nhện cứ lùi tít mãi vào đáy hang để trốn kẻ thù đáng sợ.

Con tò vò vỗ cánh rồi bằng những động tác rất nhanh, lao xuống, kèm theo một tiếng động rất nhỏ. Thế là nó đã kéo được chân con nhện bị châm nọc độc đi ra.

Từ hôm ấy, sau khi kiếm được bộ cánh tò vò, tôi gài nó lên lưng, rồi vừa rung rung đôi cánh vừa đi qua các cửa hang: những con mắt dữ tợn vụt tắt, lũ nhện độc đã sợ tôi, sợ con người bé nhỏ.

Tờ số 7

Tiến lên, “lạc đà” của ta ơi! Hãy đi về hướng đông bắc, đến nơi có cái nhà chòi mà người ta thường qua lại.

Tôi cứ nhắm hướng đông bắc mà đi, tay nắm chắc dây cương. Những tập nhật ký của

tôi đã nằm trong bao trứng con nhện tải đồ.



Trên lưng tôi là một cái túi làm bằng kén không thấm nước đựng những sợi dây dài ngắn đủ kiểu. Ngoài ra còn có đủ mọi thứ vật dụng hàng ngày của tôi nữa.

Ngày xưa, các nghệ sĩ những gánh hát rong trước khi vào một thành phố nào đấy, thường dừng lại thay đổi trang phục và hóa trang làm sao cho mọi người phải chú ý, làm sao gây được ấn tượng mạnh mẽ cho dân chúng để quảng cáo cho những buổi biểu diễn sắp tới của họ. Ở chỗ dừng chân, họ thường lôi ra những vật kỳ lạ nhất, bất ngờ

nhất. Nhưng các nghệ sĩ rất từng trải ấy có lẽ cũng phải há hốc miệng kinh ngạc trước những vật dụng mà tôi đem theo.

Trong cái túi đeo sau lưng, tôi cất cẩn thận hai đôi cánh tò vò. Còn một đôi khác, màu cũng vàng sáng, tôi gài lên vai.

Quàng được dây cương vào con nhện để lôi nó đến chỗ cái bó nhật ký không phải chuyện dễ. Tôi đã phải ngồi rình khi nó đang ăn con mồi. Lấy dây làm một cái thông lọng, tôi lén đến gần rồi quăng vào cổ nó. Tôi lựa tay kéo cho thông lọng thắt lại, ngồi đợi. Con vật ăn xong. Tôi nắm đầu dây kéo mạnh, nó vẫn ì ra. Tôi bèn vừa lại gần, vừa rung cánh. Con nhện nhồm người, nhe răng. Tôi bám chặt lấy mặt đất, giữ chắc dây cương và rung cánh mạnh hơn. Con nhện bỏ chạy, nhưng trước mặt nó chỗ nào cũng là cánh tò vò. Nó đành đứng im. Tôi tiến sát lại. Con nhện đã chịu khuất phục.

Tôi dắt nó đến chỗ để túi nhật ký. Chờ cho con nhện mệt và thiếp đi tôi mới nhanh chóng lấy trứng trong bao của nó ra, rồi thay tập nhật ký đã phết sáp cẩn thận vào đây. Khi nó tỉnh dậy, tôi nắm dây cương, thận trọng dắt nó đi về hướng đông bắc. Nhưng con nhện hình như cảm thấy có gì khác lạ ở bao trứng. Nó đứng lại, quẩn thêm một lớp tơ ra ngoài bao, thít chặt nó vào người.

Nhắm hướng đông bắc mà đi, “lạc đà” của ta ơi!

Tờ số 8

Cuộc hành trình qua xứ Cỏ Rậm mới bắt đầu mà tôi đã thấy lo lắng về chặng đường rừng xa xôi. Con nhện chở bao nhật ký với vẻ thoải mái, không hề cảm thấy rằng có người nào đó đang dắt nó ở đầu sợi dây dài và hướng nó đi theo một con đường nhất định.

Đôi chỗ, rừng thưa thớt hơn. Tôi thấy con nhện khi thì vò một con bọ rầy, khi thì chop một con gù đầy và nhai ngấu nghiến ngay tại chỗ. Gặp những trường hợp như vậy, tôi thả lỏng dây để khỏi cản trở con vật. Dọc đường có những gò đất cao. Con nhện thường leo lên những gò đất ấy chằng tơ, rồi nằm chúc đầu xuống ngủ. Sau khi quẩn đầu dây vào ngang bụng, tôi cũng ngả lưng một cách khoan khoái ở gần đó. Vũ khí của tôi, một con dao nhỏ làm bằng mảnh vỏ ốc, đặt ngay cạnh người.

Tôi đi mãi và dần dần quen với cái cảnh tranh tối tranh sáng của rừng cỏ. Tôi cũng đã phân biệt được những vòm hoa xanh, vàng, trắng... làm đổi màu ánh sáng mờ mờ ấy như thế nào. Vòm hoa trên đầu quay theo hướng mặt trời làm tôi nhớ đến câu chuyện thần thoại cổ Hy Lạp vì nữ thần Cơ-li-ti. Nàng yêu say đắm thần mặt trời Hê-li-ốt và cứ đứng trên mặt đất mà nhìn theo chiếc xe chói sáng của thần chạy ngang qua bầu trời. Nữ thần đau khổ ấy biến thành một bông hoa. Bông hoa ấy luôn luôn hướng theo ánh mặt trời.

Các tia nắng vương lại đầu đó trên ngọn cây không lọt đến mặt đất, và ngay trong ngày đầu tiên, tôi đã nhiều lúc dừng lại, phân vân tự hỏi: không biết mình đã đi được bao lâu và bây giờ là mấy giờ rồi.

Bỗng tôi mừng rỡ ngẩng đầu lên, hình như có tiếng ai nói: “Sắp mười giờ sáng rồi, ngủ thôi!”. Tất nhiên đó chỉ là do tôi tưởng tượng ra. Nhưng tôi lại nhìn rất rõ chùm hoa xanh lơ của cây diếp xoăn đang khép cánh, rũ xuống. Chùm hoa ấy đã thức giấc từ năm giờ sáng. Bây giờ thì nó rũ xuống mệt mỏi, dường như nhắc tôi: “Đã mười giờ sáng rồi, ngủ thôi...”.

Vừa đi trong rừng, tôi vừa nhìn những chiếc đồng hồ bằng hoa, nhắm tính xem mỗi giờ đi được bao nhiêu bước và mấy ngày nữa thì ra khỏi cánh rừng. Cũng theo “đồng hồ”

ấy, tôi biết rõ lúc nào con nhện cần ngủ và bao giờ nó sẽ thức dậy. Để chóng tới đích, tôi bắt đầu lắc lắc dây cương đánh thức con vật tải đồ dậy sớm hơn một chút.

Dọc đường, tôi thấy có những loài đổi ngày làm đêm: ban ngày, chúng ngủ, đến tối, chúng lại nở ra. Có những loài hoa thích ngủ nhiều, lại có những loài rất ít ngủ.

Riêng tôi và con “lạc đà” của tôi bao giờ cũng ngủ khi màn đêm buông xuống.

Từ số 9

Rừng cỏ đã ở phía sau. Lúc này, tôi đang vượt qua sa mạc. Gió thổi làm cát bụi bay mù mịt. Ở bên phải, tôi nhìn thấy những dốc núi có nhiều khe sâu và mô đá lô nhô. Màu sắc và hình dáng kỳ lạ của những mô đá ấy làm tôi ngạc nhiên, sửng sốt. Sau khi đi vòng quanh một mòm đá, tôi tụt xuống một cái khe khi bắt đầu trèo lên, tôi nghe thấy những tiếng người nói hợp lại thành tiếng ù ù. Tôi ra khỏi khe núi, buộc con vật tải đồ vào một chỗ rồi tiến đến gần trái núi đang phát ra âm thanh đều đều ấy. Gió thốc vào hang núi rít lên từng hồi dài khi thì nghe như tiếng một chiếc phong cầm khổng lồ, khi lại nghe như cả một dàn đồng ca hàng nghìn người đang cất tiếng. Thừa lúc gió hơi lặng, tôi bò vào hang. Lập tức quanh tôi âm âm những tiếng rú, tiếng gầm gào. Trong bóng tối mờ mờ, tôi sờ tay thấy một đường gờ và phẳng, lại một đường, hai đường, ba đường gờ nữa. Tiếng rú rít hình như phát ra ở đâu đó giữa những đường gờ ấy. Tôi dừng lại định thần, lắng tai nghe.

Có tiếng người kêu thét lên trong tiếng gió. Không, tôi không mơ ngủ chút nào hết. Bất giác tôi kêu lên: “Tôi đây! Tôi đến cứu đây!”.

Từ số 10

Đi thôi, “lạc đà” của ta!

Tôi vừa từ cái... vỏ ốc chui ra, một cái vỏ ốc bình thường mà người ta vẫn đặt trên bàn để trang trí. Thật ngớ ngẩn! Một người nào đấy đã vớt cái vỏ ốc kia ra bãi cỏ, thế mà tôi lại tưởng là một trái núi có hang sâu.

Hồi còn bé, tôi thường vào phòng làm việc cha tôi, lấy cái vỏ ốc để trên bàn úp vào tai. Lúc ấy, tôi đâu có hiểu được rằng cái vỏ ốc kia chỉ là một cái hộp cộng hưởng phóng đại được những âm thanh yếu ớt mà bình thường không ai nghe thấy. Trí tưởng tượng tuổi thơ đã khiến tôi nghe được trong tiếng ù ù của cái vỏ ốc kia, cả tiếng sóng biển rạt rào, cả tiếng gió rít trên những cánh buồm của con tàu cổ xưa đang lạc đường giữa đại dương, và cả tiếng thở dài của Cri-xtốp Cô-lông nữa: trước đây ở Tây Ban Nha, vua Phéc-đi-năng đã không tin ông đến được miền đất mới, giờ đây các thủy thủ của ông cũng vậy.

Chào người nhé, chiếc vỏ ốc, kẻ lang thang chốn biển xanh sóng vỗ kia: ta đang đi về phía đông bắc đây.

Ít lâu sau, tôi đã biết đó là ngôi nhà nhỏ xinh xẻo của chú ốc biển thuộc loài nhuyễn thể. Biết vậy, tôi chẳng buồn tí nào, vì cũng ngay hôm ấy, tôi được biết rằng: chính nhờ cái vỏ ốc tìm được dưới đất sâu, xa bờ biển, mà nhà bác học cổ Hy Lạp Pi-ta-go đã phát hiện ra một điều thật đơn giản mà cũng thật vĩ đại: nơi hiện nay đang là đất liền, xưa kia là biển cả, vì có ai đem vỏ ốc chôn sâu xuống đất làm gì. Giữa xứ Cỏ Rậm, tôi bỗng thấy mình có một cảm giác kỳ lạ từ sau lúc thấy cái vỏ ốc bình thường và tưởng rằng đó là một trái núi có hang sâu và biết nói.

Đi thôi! Nhằm hướng đông bắc đi tới, vượt qua mọi núi cao, vực sâu, vượt qua mọi mô đá gập ghềnh. Những mô đá ấy chẳng qua chỉ là những viên sỏi mà bọn trẻ có thể tung lên rồi hứng lấy một cách dễ dàng...

Giữa trưa. Trời nắng như đổ lửa. Cát nóng bỏng. Đá tai mèo cửa đứt da chân. Im lặng. Cái im lặng của ban trưa cho phép người ta nghe thấy được những tiếng động nhỏ ở xa. Bóng những mô đá tròn lại, thẫm hơn. Trên bãi cát mênh mông, bỗng có tiếng gì ken két. Tôi dừng lại, lắng nghe. Không gian im lặng trong giây lát rồi lại vang lên tiếng ken két đều đều. Tiếng ken két càng to hơn khi tôi tiến lại gần. Trước mặt tôi là một cái hố hình phễu. Tôi đang đứng ngay trên miệng hố, chỉ khẽ trượt chân là lăn xuống đáy hố. Kẽ nào đã tình quái dằng cái bẫy này giữa sa mạc? Bất kỳ con vật nào đi qua cũng dễ dàng lăn xuống đây.

Tiếng ken két từ đáy hố vọng lên, rất rõ. Tay nắm chắc dây cương, tôi nằm xuống bên miệng hố quan sát. Một con vật có đôi hàm cong như lưỡi liềm đang lấy thân dũi cát. Tiếng ken két từ đó phát ra. Kiến sư tử^[34].

Chính là con kiến sư tử đã đào cái hố này. Thoạt tiên nó dũi một vòng tròn rộng, trong vòng tròn ấy, nó dũi một vòng thứ hai hẹp hơn, rồi vòng thứ ba, thứ tư... Bây giờ thì nó đã hoàn thành công việc: cái hố hình phễu.

Con kiến sư tử giấu mình trong cát chỉ để hở hai hàm răng to tướng. Tôi chậm rãi nhìn lại một lần nữa rồi định bỏ đi. Nhưng bỗng có một cái gì đó quất vào mặt tôi, tung đầy vào mắt tôi. Tôi lấy tay che mắt và đánh tuột dây cương. Có tiếng ầm ầm...

Con nhện thổ của tôi đã sa xuống đáy hố cùng với tập nhật ký đựng trong cái kén. Con kiến sư tử tung cát như mưa vào mắt tôi và đánh quỵ con nhện. Chạy quanh miệng hố, tôi không biết phải làm gì nữa. Con nhện từ từ tuột xuống phía đôi hàm rộng hoác của con kiến sư tử. Tôi rút trong túi ra một sợi dây dài, buộc thành thông lọng, quăng vào con nhện, rồi ra sức kéo. Con nhện cũng cố bò lên. Nó đã đứng ngay cạnh tôi, nhưng cái bao lại tuột ra, trôi xuống hố. Nhanh như chớp, con nhện lao theo cái bao về phía đôi hàm kiến đang mở rộng. Con nhện đã đuối kịp, vồ lấy cái bao và cố leo lên, chân nó trượt trên cát. Tôi hết sức giúp nó.

Lên đến bờ, con vật đáng thương quỵ xuống. Nó đã chết. Tám chân đều bị gãy nát. Mắt dờ ra. Những sợi tơ bấy lâu vẫn giữ chặt cái bao, giờ đây sổ tung, đứt đoạn. Nhưng hàm con vật vẫn cắn chặt lấy cái bọc trứng mà tôi đã thay bằng tập nhật ký.

Con nhện đã nâng niu, gìn giữ bọc trứng đựng tập nhật ký suốt dọc đường, đã cứu tập nhật ký ấy thoát khỏi cái bẫy hiểm nghèo. Ai giết nó? Chính bản năng làm mẹ của nó...

Các nhà bác học đã làm thí nghiệm: họ giấu bọc trứng của nhện đất đi. Con nhện lo âu lục lọi khắp tổ, sau đó, nó bắt đầu đào đất để tìm. Nó đào, đào mãi cho đến khi kiệt sức gục xuống chết.

Con nhện mẹ cùng lũ nhện con bị bỏ đói trong một bình thủy tinh. Nhện mẹ sẵn sàng để lũ con ăn thịt mình chứ không hề đụng đến chúng.

Tất cả những điều ấy tôi đã biết từ lâu.

Con vật mà nhiều người coi thường giờ đây chết gục trước mắt tôi. Lòng tôi biết bao thương xót!

Tôi lấy tập nhật ký trong bọc trứng ra đặt sang một bên rồi dùng con dao làm bằng mảnh vỏ ốc đào cát chôn con vật.

Sớm hôm sau, vác bao nhật ký nặng trĩu lên vai, tôi lại nhằm hướng đông bắc lên đường.

Một mình đơn độc trên sa mạc mênh mông, giữa rừng rậm, lũng sâu, tôi cứ đi mãi.

Đôi lúc, tôi phải dừng lại nghỉ vì cái túi nhật ký nặng quá sức. Hết cồng nó trên vai, tôi lại ôm nó trước ngực hay kéo lê trên mặt đất. Tôi đi về phía dòng Đại Tĩnh Giang. Tôi sẽ vượt dòng sông mênh mông ấy, đi đến chỗ có cái nhà chòi và chuyển tập nhật ký các phát kiến của tôi cho con người. Tập nhật ký ấy vẫn được giữ gìn cẩn thận trong cái bao không thấm nước.

Tờ số 12

Dòng Đại Tĩnh Giang hiện ra như một khoảng nước mênh mông không bờ bến, xám như chì.

Trong những năm sống cách xa bờ con sông này, tôi không ngờ cái lạch nhỏ tí đó mà xưa tôi thường dễ dàng lội qua, lại có thể trở thành một trở ngại tưởng chừng như không thể vượt qua. Tôi cũng không tưởng tượng được nó lại rộng đến thế! Làm sao mà vượt được dòng sông này bây giờ? Làm bè chăng? Tôi đi dọc những bụi cây ven sông nhưng không tìm được thân cây nào có thể làm bè. Vả lại, lấy gì mà buộc? Số đây tôi đem theo chưa chắc đã đủ.

Tôi sẽ còn phải ở lại đây bao lâu nữa?

Tôi cứ lang thang trên bãi cát ven sông, buồn rầu nhìn làn nước bạc, sóng gợn lăn tăn và cảm thấy mình không bao giờ có thể vượt qua được con sông này!

Tờ số 13

Một buổi sáng đẹp trời, tôi ngồi trên bờ sông. Không gian trong vắt và tôi có thể thấy rõ đường nét bờ bên kia. Cứ nghĩ đến chuyện không qua được sông, lòng tôi lại xót xa, đau đớn!

Bỗng có một cái bóng vụt thoáng qua đám bụi rậm ở gần tôi. Lại một con nhện, nhưng nó đẹp làm sao! Những vạch rộng màu da cam tô điểm thân hình con vật màu nâu thẫm. Hai hàng đốm trắng chạy dọc theo bụng. Những cái chân màu hồng nhanh nhẹn rẽ đám cỏ xanh. Con nhện đang lôi một chiếc lá khô to tướng. Nó lôi đi đâu nhỉ?

Tôi vạch bụi, rón rén theo sau con vật. Nó kéo chiếc lá đến sát mép nước rồi quay lại bụi rậm. Tôi ngồi chờ. Một lát sau, nó lại xuất hiện, kéo theo một chiếc lá khác đặt bên cạnh chiếc lá trước, rồi lại biến vào bụi rậm. Lần này, tôi chạy theo nó. Con vật sục sạo hết bên này đến bên kia như tìm kiếm vật gì. Bỗng nó mất hút. Tôi đành quay lại bờ sông. Ở đó, đã có ba chiếc lá đặt sát mép nước. Con nhện thu những cái lá khô kia ra đây làm gì nhỉ?

Có lẽ đây chính là con nhện nước. Giống nhện này săn bắt mồi trên mặt nước mà không bị chìm. Nhiều khi nó còn kết bè để xuôi dòng. Khi săn mồi, nó vẫn giữ liên lạc với cái bè bằng một sợi tơ. Bắt được mồi, nó trở về bè theo đường dây, ăn uống nghỉ ngơi trên đó, rồi lại tiếp tục săn bắt.

Tôi chạy như bay về lấy cái túi nhật ký. Vác được nó qua các bụi cây thật vất vả. Tôi phải làm thật nhanh kéo con nhện kết xong bè lại bơi đi mất. May sao, ra tới bờ sông, tôi vẫn thấy những chiếc lá khô nằm nguyên chỗ cũ. Rõ ràng là chú nhện chưa xuất hiện. Tôi quá vội vàng là vô ích. Giấu cái túi vào bụi rậm, tôi đi kiếm một ít phấn hoa, hạt và mật hoa làm thức ăn dự trữ đi đường. Tuy vậy, tôi vẫn luôn luôn để ý nhìn xem con nhện đã trở lại chưa và có “đóng” bè không.

Đến tối, con nhện vẫn không thấy trở lại. Có thể là nó bị chết vì một nguyên nhân nào đó, mà cũng có thể nó sợ tôi mà đi “đóng” bè ở một chỗ khác. Tôi cứ ngồi trên cái bao của mình mà chờ đợi, mà suy nghĩ mơ ước.

Ước gì có được những sợi dây bền chắc không bị trương lên trong nước để buộc bè!

Ở các bờ biển thuộc đảo Xi-xin, đảo Coóc-xơ và miền nam I-ta-li-a, có loài nhuyễn thể mà vỏ chúng dài tới nửa mét. Những cái vỏ ấy được chằng vào đá bằng những sợi tơ. Những sợi tơ ấy hẳn là phải chắc! Kể cũng lạ, người ta nuôi đủ loại tằm để lấy tơ mà sao không ai khai thác loại tơ kia nhỉ. Hình như loài nhuyễn thể ấy có tên là *Pinna nobilis* thì phải.

Màn đêm buông xuống. Không khí trở nên ẩm ướt và lạnh lẽo. Tôi ngồi trên cái túi đựng tập nhật ký và những cuộn dây đủ loại, mơ màng nghĩ tới những sợi tơ bền chắc lúc này đang giữ chặt những chiếc vỏ ốc vào bờ đá Địa Trung Hải, nhớ tới những bài hát trên bè, trên những chuyến phà ngang, nhớ tới những con tàu rúc còi chạy ngang dọc trên các dòng sông.

Sáng hôm sau, con nhện vẫn không trở lại. Hay là nó quên chỗ? Không, con tò vò sau khi giấu mối, để trứng vào đấy, đã bay đi rất xa tha đất đá về bịt miệng hốc, nó có quên đường đâu! Con nhện này cũng vậy thôi...

Có lẽ phải lấy những cuộn dây trong bọc ra mà buộc tạm bằng những cây sậy nhỏ hoặc bằng những lá khô vậy. Nhưng làm sao mà xuyên qua được những tấm lá kia. Tôi chạy đi tìm cây ở cách bờ mấy bước và suýt nữa thì xô vào con nhện. Nó đang chạy ra bờ sông, nơi nó để những lá khô.

Tôi trông rõ nó nhả tơ chằng vào những tấm lá. Tôi đẩy cái túi lại gần. Con nhện không nhìn thấy tôi, nó đang mê mải với công việc. Những sợi tơ kéo các mép lá cong lên như mạn thuyền. Con vật lúi cái bè ra phía sông.

Tôi ráng hết sức kéo tập nhật ký theo cho kịp nó. Nó đẩy cái bè xuống nước. Tôi vội ôm cái túi nhảy theo luôn. Cái bè chòng chành.

Chúng tôi rời bờ.

Tờ số 14

Chúng tôi rời bờ và tôi vẫn còn nhớ rõ tim tôi đập thình thịch khi chiếc bè chòng chành trên mặt sóng. Từ dưới nước vươn lên những thân cây thon thả, mềm mại. Ngọn nó dường như mất hút trên vòm trời xanh. Tôi cầm sào cố lái cái bè tránh những thân cây ấy. Gió hây hẩy thổi. Mặt nước gợn sóng. Những bóng cây gấp khúc trên mặt sông. Mọi vật xung quanh bỗng tối sầm: đó là cái bè đang đi vào một bóng râm rung rinh. Tôi cảm thấy phía dưới tôi là một vực thẳm. Một lát sau, cái bè lại vượt ra vùng ánh sáng lấp lánh như gương. Tôi vui vẻ nhìn người bạn đường mới.

Bờ sông xa dần, lòng tôi tràn ngập niềm hy vọng là chiếc bè có thể vượt được sông sang tới bờ bên kia. Tôi đưa tay nắn cái bao không thấm nước đựng tập nhật ký.

Bỗng có tiếng kêu ồm ộp lướt trên mặt sông. Dòng nước đưa chúng tôi đi mỗi lúc một nhanh. Tiếng ồm ộp nghe càng rõ hơn. Ở khúc sông ngoặt, một con gù đó nấp sau hàng cây rậm nhìn tôi bằng những con mắt lồi, to tướng. Cái mồm rộng há ra thở. Làn da dưới cổ phập phồng... Con khủng long? Loài bò sát lưỡng thê thời kỳ Péc-mơ^[35]?

Thời kỳ Péc-mơ cách đây đã hàng triệu năm. Khi ấy, ở những vùng hồ nước và đầm lầy có những con bò sát lưỡng thê khổng lồ, chậm chạp, vụng về sinh sống. Đến khi khí hậu và thực vật trên trái đất thay đổi, biển cả cùng thay hình đổi dạng thì loài bò sát lưỡng thê khổng lồ kia đã chết hết vì khô hạn và giá lạnh. Ấy thế mà vẫn còn một con sống sót và đang trừng trừng nhìn tôi kia! Tiếng ồm ộp chói tai chốc chốc lại vang lên.

Chúng tôi vừa mới bơi qua trước mặt một... con ếch!

Các cuốn sách cổ sinh vật học nói rằng con ếch cùng một họ với con khủng long, và ngay cả về hình dáng bên ngoài chúng cũng giống nhau nữa. Chắc rằng tiếng kêu của

con ếch kia cũng giống tiếng kêu khùng long, chỉ có điều là nhỏ hơn gấp một, hai trăm lần.

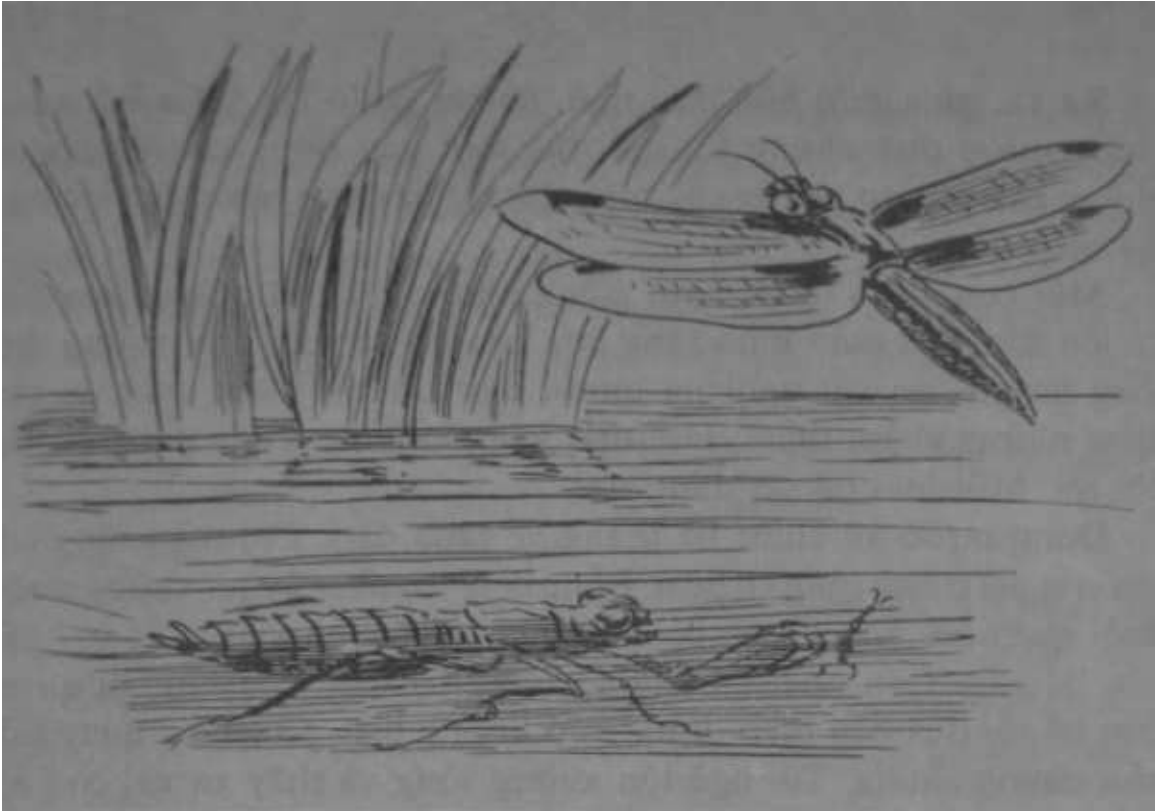
Đột nhiên cái bè chồm lên và trôi nhanh hơn. Con nhện, người bạn đồng hành của tôi lao ra khỏi bè và nhẹ nhàng lướt trên mặt nước để bắt mồi nhờ bốn đôi chân cao lêu nghêu.

Nó kéo theo sau lưng một sợi tơ dài một đầu dính vào bè. Sợi tơ ấy giúp nó quay lại bè một cách dễ dàng.

Tờ số 15

Cái bè vẫn trôi. Trên những cành cây ven bờ, ánh nắng lấp lánh như bạc trên cánh những con gù. Chim ư? Không phải, mỗi con đều có hai đôi cánh dài và hẹp. Mắt chúng long lanh đủ màu làm tôi phát sợ. Râu chúng rung rung không lúc nào ngừng giống như ăng-ten đang dò tìm sự chuyển động của không khí. Những “con chim” thân dài và mảnh khảnh ấy bất chợt bay vút lên, lướt nhanh như gió sát mặt nước. Chúng nhào lộn rồi đứng im một chỗ trên không trung. Thoắt một cái, chúng lại lao vút ra xa. Rồi mấy mảnh mồi lá tả rơi xuống.

Những con chuồn chuồn!



Lại có những con gù lướt trên mặt nước như những nghệ sĩ trượt băng. Chúng đang rộng những cái càng dài khế chạm trên mặt nước, nhẩy vút qua cạnh bè, rồi biến mất.

Nếu xoa mỡ vào chiếc kim khâu rồi thả xuống nước, nó sẽ không chìm. Chân những con vật kia cũng vậy. Chúng được phủ một lớp chất nhờn và trượt trên mặt nước. Những con gọng vó!

Gió thổi nhẹ nhẹ. Chiếc bè êm dịu xuôi theo dòng. Tôi sốt ruột chờ gió đổi hướng đẩy chiếc bè sang bờ bên kia. Nhưng vô ích! Gió vẫn không thổi về phía nhà chòi. Làm sao bây giờ? Có lẽ phải dùng đôi cánh tò vò dọa con nhện để nó bơi sang bờ bên kia. Nhưng tôi đã làm thử mấy lần mà không có kết quả.

Chiếc bè trôi qua những vùng sông nước chảy lờ đờ. Trên đám cây mọc dưới nước có

những con gù đó thân dài, mắt lồi và mồm thì bịt... mặt nạ đủ kiểu: cái hình khum hình lưỡi xẻng... Những con vật ấy nằm im phăng phắc, mắt đăm đăm nhìn vào một điểm. Nhưng rồi, khi thì con này, khi thì con khác, đột nhiên vươn cái mặt nạ ra, những móng sắc của cái mặt nạ ấy tóm lấy môi đưa vào mồm. Bất thành linh chúng rời chỗ nằm, quặp chân sát mình lao đi. Chúng hút nước rồi phụt mạnh ra phía sau. Tia nước phụt ra từng đợt liên tục và đẩy con vật tiến lên.

Đó chính là... những ấu trùng chuồn chuồn. Chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ biến thành những con chuồn chuồn thật sự và bay lượn trên mặt sông.

Xa xa, phía một hòn đảo nhỏ, có cái gì đó lấp lánh ánh vàng.

Dòng nước đưa chúng tôi mỗi lúc một gần hơn, và tôi nhận ra những cái chân to tướng của một con vật từ dưới nước thò lên bám lấy mép đảo.

Một con gù đó thoát nhìn giống như con cá sấu đang lồm cồm bò lên đảo. Cái mào hình răng cưa của nó kéo dài mãi xuống theo sống lưng. Con vật nghiêng mình, phơi ra cái bụng màu da cam điểm những chấm thẫm. Đôi mắt vàng long lanh của con vật theo dõi tôi. Một loài bò sát đáng sợ!

Dòng nước xô chiếc bè thẳng về phía đảo. Cái mào răng cưa của con vật trông càng rõ hơn. Bỗng con “cá sấu” ấy tụt xuống nước, đuôi quẫy ầm ầm. Chiếc bè chòng chành mạnh. Con vật rẽ nước tiến lại gần. Con nhện hoảng sợ nhảy bật lên, chạy luỳnh quỳnh trên bè rồi dứt dây biển đi lúc nào không biết. Chiếc bè quay tròn như chong chóng. Tôi ngã lộn xuống sông và thấy xa xa, con “cá sấu” đang rượt theo người bạn đồng hành của tôi.



Ngâm mình dưới nước, tôi cố bám lấy cạnh bè định trèo lên, nhưng dòng nước đã cuốn tôi đi. Chiếc bè chở túi nhật ký của tôi trôi xa mãi ra. Tôi gắng sức bơi theo.

Mấy thân cây từ dưới nước vươn lên ở chỗ khúc sông phía xa đã làm chiếc bè bị vướng lại một lúc. Tôi đuối kịp chiếc bè, trèo lên. Túi nhật ký vẫn còn nguyên vẹn. Nhìn quanh: cả hòn đảo, cả con nhện, cả con “cá sấu” đều không thấy đâu nữa.

Chiếc bè lại tiếp tục trôi đi.

Tôi có cảm giác dòng sông này phải sâu hàng véc-xta. Nhưng thật ra đây chỉ là một cái lạch nước nông choèn. Cần phải tỉnh táo suy nghĩ, không nên nhầm con ếch với con khủng long, chuồn chuồn với con chim khổng lồ, và những ấu trùng chuồn chuồn với những con quái vật đeo mặt nạ.

Còn con “cá sấu” có mào khủng khiếp đã đuổi theo chiếc bè của tôi chẳng qua chỉ là một con sa-giông chuyên ăn nòng nọc, sâu bọ và trứng ếch. Chúng cũng thở không khí trên cạn như loài ếch. Chúng bơi dưới nước, thở ra những bong bóng, rồi nhô lên khỏi mặt nước hít không khí, sau đó lại mất hút dưới mặt nước.

Dòng sông gợn sóng. Cây cối ven bờ bắt đầu lắc mạnh hơn. Mặt nước xám lại như chì. Những bóng cây êm ả biến mất như chìm trong nước. Gió gào thét trên đầu tôi. Cỏ trên bờ gầm rú dữ dội. Chiếc bè quay cuồng trước gió và tôi không sao điều khiển được nó nữa. Chỉ còn cách cố giữ lấy túi nhật ký. Tôi lấy dây chằng thêm cho kỹ cái túi vào bè rồi cũng quàng chặt luôn cả bụng mình vào dây cho vững.

Tại sao tôi lại nhảy xuống cái bè này và phó thác bó nhật ký vô giá của tôi cho dòng nước như thế này nhỉ?

Ân hận thì cũng muộn rồi!

Chuồn chuồn đã bay đi đằng nào hết, những con vật nguy hiểm vẫn thay nhau rình cái bè của tôi cũng đã biến mất dưới đáy nước.

Chỉ còn gió là không buông tha tôi, vẫn rít ào ào bên tai và đẩy chiếc bè của tôi vào bờ. Tiếc thay lại không phải phía bờ mà tôi cần tới.

Chiếc bè vẫn quay tròn. Tôi chống sào để bè khỏi xô vào bờ, nhưng gió thổi lúc về phía này lúc sang phía khác làm tôi mệt nhoài mà chẳng được tích sự gì. Gió đẩy tôi phía tôi những “cánh đồng” xanh mênh mông ấy...

Cách rất xa nơi đây, trên Đại Tây Dương, có biển Xác-gát. Ở đó, điều đáng sợ nhất đối với người đi biển không phải là gió to, sóng lớn, mà là bão. Bão mọc thành từng đám mênh mông như một vùng biển xanh trên đại dương, một vùng biển không có bờ biển. Chính đoàn thuyền của Cri-xtốp Cô-lông đã bị mắc giữa một đám bão như vậy, và chiếc tàu “Nau-ti-lux” của thuyền trưởng Nê-mô^[36] cũng chật vật lắm mới thoát được cái “cánh đồng” xanh đáng sợ ấy.

Ngồi trên chiếc bè gió thổi bạt, mắc kẹt giữa “cánh đồng” xanh bồng bênh, tôi chợt nghĩ đến biển Xác-gát và buồn bã nhìn về phía chân trời. Làm sao mà thoát được cái tai họa này bây giờ?

Gió càng mạnh hơn. Mây đen che kín bầu trời. Bóng tối trùm lên mọi vật. Một ánh chớp lóe sáng, trong nháy mắt ấy “cánh đồng” như càng xanh hơn.

Phải cứu lấy bó hàng! Tôi kịp cởi những sợi dây mà chính tôi đã buộc chặt bó hàng vào bè. Sóng đánh chiếc bè gần như dựng đứng, và tôi chỉ còn kịp nắm chặt lấy đầu sợi dây buộc túi nhật ký. Qua tiếng gió gào, tôi nghe thấy tiếng ồm ộp khàn khàn. Một thoáng trước mắt tôi là... rồi một vệt cát vàng lờ mờ... Đảo? Bãi sông? Chiếc bè nhô lên và “cánh đồng” xanh trên đầu tôi cũng dềnh lên cao. Trời chao đảo...

Tờ số 18

Tai nạn đắm thuyền!

Tai nạn ấy đã từng xảy ra từ thời kỳ người Phi-ni-ki-a^[37] lênh đênh trên những chiếc thuyền lớn có ba hàng mái chèo và những cánh buồm hình chữ nhật chỉ căng lên khi thuận gió đi tới các bờ biển Rô-dê-di-a xa xôi của lục địa châu Phi.

Tai nạn ấy đã từng xảy ra trong thời kỳ người Noóc-măng^[38] trên bán đảo Xcăng-di-

na-vơ dùng những chiếc thuyền mũi nhọn, nhìn trời sao để định hướng, vượt qua đại dương đến tận những bến bờ Grin-len và Ai-xơ-len, tới đến tận lục địa mà năm thế kỷ sau được đặt tên là châu Mỹ.

Tai nạn ấy đã từng xảy ra trong thời kỳ những con thuyền lớn có ba cột buồm cao chịu nằm im một cách bất lực giữa đại dương, khi trời lặng gió và các thủy thủ chỉ còn cách trông trời mà chờ đợi cơn gió lành đưa họ tới những đất nước châu ngọc rơi vãi đầy đường như lá mùa thu...

Từ đó đến nay có không ít những trường hợp đắm thuyền mà toàn bộ đoàn thủy thủ đều bỏ mạng chỉ còn sót một người. Và người sống sót ấy cũng không bao giờ biết được tại sao mình lại không chết. Chỉ có những lớp sóng biển đã đưa con người may mắn duy nhất ấy lên bờ là biết được điều đó mà thôi. Nhưng sau đó, những làn sóng ấy đã vội vã rút ra biển khơi. Chỉ còn tiếng sóng vỗ nhẹ, tiếng rì rào xa xa và tiếng thở than của chúng...

Tôi cũng vậy, tôi không biết kể lại như thế nào về chuyện tôi đã không chết chìm khi xảy ra tai nạn. Tôi nằm trên bờ. Một làn gió nhẹ và ấm áp mơn man trên da thịt khiến tôi thấy trong lòng nhẹ nhõm. Trên kia vẫn là khoảng xanh bao la yên tĩnh của vòm trời. Tôi nhắm người nhìn ra sông. Bờ bên kia chỉ thấy mờ mờ.

Dòng sông mới yên tĩnh, bình thản và mệnh mông làm sao! Phải chăng chính trên làn nước ấy, chiếc bè của tôi đã bị sóng xô đẩy khắp đó đây và mắc kẹt giữa đám tảo xanh? Phải chăng chiếc bè của tôi đã bị bão táp hất lộn nhào trên dòng sông này? Tôi vừa thương thân, vừa mỉm cười chua chát trước ý nghĩ của mình về biển Xác-gát và tai nạn đắm thuyền: chẳng qua tôi chỉ bị mắc giữa đám bèo tấm, trong một lạch nước nhỏ hẹp, nước chảy lờ đờ.

Một ý nghĩ lóe lên trong óc tôi xua tan mọi nỗi suy tư chua chát, đau buồn: rất có thể bó nhật ký vẫn chưa bị trôi đi và còn mắc trong đám bèo! Tôi sẽ tìm thấy, nhất định sẽ tìm thấy tập nhật ký của mình. Bất kể những con “khủng long”, “cá sấu” sống trong lòng sông, tôi biết rõ Đại Tĩnh Giang chỉ là một con suối có bèo tấm, nơi ở của những con ếch, con sa-giông bình thường.

Rồi sẽ tìm lại được túi nhật ký! Nhất định nó không bị ướt vì đã được bọc kỹ bằng sáp ong, lại còn được bỏ vào một cái bao không thấm nước nữa.

Tờ số 19

Hết ngày này qua ngày khác, tôi lang thang trên bờ, bơi lội giữa đám bèo tấm, cố tìm cái bao đựng tập nhật ký. Tôi chưa tìm được, song vẫn không muốn nghĩ rằng nó đã bị nước cuốn trôi. Tôi tin vào điều mà tôi đang mong đợi: túi nhật ký nhất định còn ở đâu đây, rất gần thôi...

Nếu nó không có trong đám bèo thì chắc là một con gì đó đã dìu nó xuống đáy nước rồi. Đúng, cần phải tìm cả dưới đáy sông nữa.

Tờ số 20

Tôi cố nhớ lại chỗ chiếc bè bị lật. Cần phải lặn xuống chỗ ấy để mò tìm. Nhưng chỗ ấy ở đâu nhỉ?

Tờ số 21

Khí cầu... Khí cầu... Khí cầu... Đôi khi trong đầu óc ta bỗng nhiên nảy ra một từ nào đấy chẳng có liên quan gì đến điều ta đang suy nghĩ, đến những sự vật xung quanh. Nhưng cái từ ấy cứ quẩn quanh mãi trong trí ta.

Bụng đói cồn cào, tôi tha thân trên bờ sông nghĩ cách kiếm thức ăn. Nhưng tôi cứ bị

âm ảnh hoài bởi hai tiếng “khí cầu...” Sao thế nhỉ? Tất cả chỉ vì đói bụng. Mắt tôi hoa lên! Những đám mây cứ dập dềnh trên bầu trời cao tít. Thấp hơn nữa, trên đầu tôi, là những bông hoa, chúng cũng đang trôi vùn vụt. Bông thì như chiếc ô trắng, bông thì như những quả cầu đủ màu sắc sỡ. Đầu tôi nhúc om om, thế mà hai tiếng “khí cầu” cứ luẩn quẩn trong óc.

Tờ số 22

Ven bờ sông, từ dưới nước vươn lên những thân cây có lá thuôn dài, xanh thẫm giống như lá đa nhiệt đới. Chiếc lá to gấp nhiều lần người tôi. Những bông hoa lớn màu hồng khẽ lay động. Đó là một loài kiêu mạch mọc được cả ở dưới nước lẫn trên cạn.

Khoảng nước ngăn cách đã bảo vệ cho những cây ấy khỏi tay những vị khách không mời mà đến lấy mật hoa.

Vừa đói vừa mệt, tôi đành chỉ đứng trên bờ mà nhìn những bông hoa có mật và phần vừa ngon vừa bổ, nhìn mà chẳng biết làm thế nào. Tôi không còn đủ sức để bơi ra tới những bông hoa ấy. Tôi rời khỏi bờ sông, đi được một quãng thì lại gặp một khóm kiêu mạch khác. Khóm này mọc trên bờ, nhưng thân lại phủ đầy một lớp lông tiết ra chất dính. Chất dính ấy đã ngăn cản không cho các loài kiến và sâu bọ mò tới những bông hoa đầy mật ngọt. Để không bị “dính” vào đấy, tôi trèo lên một cành khô ngay cạnh đó rồi với tay kéo bông hoa lại gần. Tôi ăn uống no nê. Chẳng còn biết là bữa trưa hay bữa tối nữa. Ăn rồi mà không biết vì sao tôi vẫn thấy chóng mặt. Có lẽ vì thức ăn, mà cũng có thể là vì tôi trèo quá cao...

Hết sức thận trọng, tôi tụt xuống đất.

Khí cầu... khí cầu...

Tờ số 23

Vàng dương lặn dần. Trời bắt đầu tối. Những con chuồn chuồn lại lướt trên mặt sông. Những chiếc cánh thon dài của chúng lấp lánh đủ sắc cầu vồng trong ánh hoàng hôn.

Chúng không bình thản bay theo dòng nước, xa mãi, xa mãi rồi biến mất ở khúc sông ngoặt.

Trong tâm trí tôi lại vang lên mấy tiếng: “khí cầu”...

Tôi có cảm giác mơ hồ rằng đã có lúc nào đấy tôi được trông thấy rất nhiều, rất nhiều khí cầu. Thân hình nhẹ tênh và sáng như bạc của chúng như muốn vút lên cao, vùng ra khỏi những sợi dây buộc chặt xuống mặt đất. Nhưng tôi không sao nhớ được tôi đã thấy chúng ở đâu, vào lúc nào? Trèo lên một cây cao, tôi tìm chỗ ngả lưng trên một tấm lá rộng: ngủ ở đây yên tĩnh và an toàn hơn nằm trên mặt đất. Tôi loay hoay một lúc mới tìm được chỗ nằm thoải mái vì khắp mặt lá chỗ nào cũng có những đường gân nổi gồ lên.

Ngay bên tôi, lá xanh xếp thành hàng, thành lớp. Trên mặt lá là hàng nghìn, hàng vạn ô cửa nhỏ xíu. Những ô cửa ấy mở rộng vào lúc ban mai và khi chiều tối, để thông gió cho cây. Còn khi trời nóng bức, chúng lại khép chặt. Tất nhiên, tôi biết đó là những khí khổng. Nhờ đóng, mở các ô cửa ấy mà cây cố điều tiết sự bốc hơi nước của mình.

Nằm trên chiếc lá hơi rung rinh, tôi mơ màng nhìn đám lá và mong sao được thấy khí cầu trong giấc mơ.

Người ta thường nằm mơ thấy những gì mà mình luôn bận tâm suy nghĩ. Và khi tỉnh dậy, người ta sung sướng và bồi hồi nhớ lại những gì đã thấy trong giấc mơ.

Nhưng giấc mơ đã không chiều theo ý tôi.

Tôi đã mơ thấy mình đang nằm trên khoang giường trong toa tàu. Đoàn tàu lặn bánh chằm chậm. Bỗng nó dừng tại đột ngột làm tôi suýt lặn xuống đất. Tôi vội bấu chặt lấy thành giường và giật mình tỉnh dậy.

Mặt trời đã lên cao. Tôi đang nằm ở rìa chiếc lá. Còn chiếc lá vẫn từ từ chạy là thế đấy! Những khí cầu là thế đấy!

Từ phía sông vọng lại tiếng muỗi vo ve. Nhìn quanh, tôi ngạc nhiên nhận ra bóng một vật gì đấy rất lớn đang khẽ rung động ở phía bên phải. Rung động đột nhiên mạnh hẳn lên. Cái bóng chập chờn làm tôi hoa cả mắt. Cái võng lưới nhện chằng giũa những thân cây to. Không có gió mà sao nó lại rung động? Như vậy chúng tỏ chính con nhện đang rung lưới. Nó làm như thế mỗi khi gặp nguy hiểm hay khi tấn công con mồi: chiếc lưới chao nhanh đến nỗi không nhìn rõ nữa.

Nhưng rồi rung động từ từ giảm bớt. Bóng nó nằm im trên mặt đất.

Tôi tụt xuống rồi từ dưới nhìn lên tấm lưới nhện. Ở đó, chẳng có con mồi nào, mà cũng chẳng có kẻ thù nào của con nhện cả. Chỉ có những giọt chất dính lấp lánh trong nắng.

Tôi nhớ ra rồi! Tôi nhớ ra rồi! Khí cầu!

Khi chiếc bè bị lật, tôi chìm xuống đáy nước, và chính trong giây phút ấy, tôi đã thoáng nhìn thấy một tấm lưới nhện như thế này. Nó rung rinh dưới đáy nước giống hệt một khí cầu. Thế là rõ: cần phải tìm bao nhật ký ở chỗ nào dưới đáy nước có tấm lưới nhện giống hình khí cầu kia.

Càng nhìn tấm lưới nhện trên cao, tôi càng hiểu rõ vì đâu mà trong đầu tôi cứ quần quanh mãi hai tiếng “khí cầu”.

Phải lặn xuống nước. Tôi sẽ tìm được chiếc khí cầu ngâm dưới lòng sông kia, cũng như bó nhật ký nằm ở gần đấy.

Xưa kia, khi còn sống giữa xã hội loài người, tôi đi từng là một tay bơi lội không đến nỗi tồi và biết rõ rằng những người lặn quá sâu thường bị ứa máu ra mũi, miệng, tai. Tôi cũng biết rằng người ta có thể lặn ở dưới nước chừng hai phút.

Như người mò ngọc trai, tôi ôm một viên đá nặng nhảy tùm xuống sông. Hòn đá lôi tôi vùn vụt xuống sâu. Thái dương đập thành thành, mắt tôi mờ đi, hoa lên. Đầu óc choáng váng. Bóng tối lướt nhanh qua trước mặt. Tôi vội buông hòn đá, ngoi lên. Nằm mãi trên bãi cát, tôi mới hoàn hồn. Mạch vẫn đập thành thành. Đầu óc càng choáng váng. Tai vẫn ù ù.

Tôi lê đến một cửa hang. Hang con gì thế này nhỉ? Không cần, chỉ biết nó bỏ không là được rồi. Tôi bò vào, cố sức đẩy một hòn đá chặn lối vào hang rồi tựa lưng vào vách, thiếp đi.

Tờ số 25

Một ngày mới bắt đầu. Những suy nghĩ mới cũng bắt đầu. Cần phải suy nghĩ và tìm cho ra bí mật của những người thợ lặn. Những người thợ lặn thời cổ mới cừ khôi làm sao! Hoàng đế Ba Tư Cơ-xéc, sau khi đánh nhau với quân Hy Lạp, đã ra lệnh cho người thợ lặn Hy Lạp Xin-li-át mò châu báu trong chiếc tàu bị đắm ở vùng biển sâu. Xin-li-át đã lặn xuống và lấy được cho hoàng đế Ba Tư những thứ mà ông ta muốn. Nhưng khi thấy tận mắt tài năng của Xin-li-át, hoàng đế bèn giữ luôn người thợ lặn trên tàu của mình và không cho đi đâu cả. Nhưng rồi một hôm, con tàu gặp bão tố, giữa lúc sóng to gió lớn ấy, Xin-li-át đã nhảy xuống biển bơi đi mất.

Câu chuyện ấy thật hay, nhưng chẳng nói lên điều gì về bí mật của người thợ lặn cừ

khôì Xin-li-át.

Tôi nghĩ đến sinh lý học của người thợ lặn. Rõ ràng là quá trình lặn không phải chỉ gắn liền với điều mà ai cũng biết là dưới áp lực của nước, trong cơ thể người thợ lặn diễn ra quá trình thải khí ni-tơ. Cá voi và hải cẩu là những động vật có vú thở bằng phổi. Song, khi đã tích khí ô-xy vào phổi, chúng có thể dưới nước rất lâu. Hình như có một cái gì đó giúp cơ thể chúng giữ khí ni-tơ thải ra. Rất có thể là những giống vi khuẩn nào đó. Phải nhớ đến phòng thí nghiệm thôi.

Nhưng bây giờ không phải là lúc nhớ lại và tiếc rẻ những chuyện đã qua.

Cần phải học lặn. Lặn xuống. Lặn nữa.

Tôi thong thả đi ra bờ sông, nhắc một viên đá, lấy hơi rồi nhảy xuống nước. Bồng tay tôi chạm phải một vật gì như cái ống cao su. Cái ống lại tránh né ra như một con vật sống. Tôi đã xuống đến đáy và cái ống vươn dài ngay bên tôi như một sợi dây câu kỳ quái. Tôi thụt vào một đám bùn lầy và cảm thấy có con gì đó đang ngo ngoáy dưới chân. Để khỏi ngã, tôi vớ luôn lấy sợi dây cao su nhưng lạ thay, nó rụt ngay lại rồi biến mất trong đám bùn như có người rút nó xuống đáy. Tôi có cảm tưởng như mình vừa nắm phải một bộ phận của một con vật nằm sâu dưới bùn.

Lên đến bờ, tôi nằm bên miệng hang và suy nghĩ về những chuyện vừa xảy ra dưới đáy nước và đoán ra được cái vòi cao su kia chính là cái ống thở của ấu trùng ruồi bùn. Ấu trùng này sống dưới nước, rúc vào trong bùn và thò cái vòi thở của nó lên mặt nước. Nhờ vậy, nó vẫn hít thở được không khí trong lành. Khi nước dâng lên, nó vươn dài cái ống, khi nước rút xuống, nó co ống lại.

Bây giờ thì tôi đã biết cách làm thế nào để có thể ở dưới nước không phải là một, hai phút, mà lâu hơn thế nhiều. Cách thở của loài ấu trùng kia đã mách nước cho tôi. Tôi sẽ ngậm một ống rơm và đi dưới sông tìm bằng được bao nhật ký ở nơi có cái lưới nhện hình vòm giống như chiếc khí cầu.

Tờ số 26

Mở mắt dậy là tôi nhớ ngay: “Phải kiếm một ống rơm”. Tôi đi khắp nơi để tìm một cây lúa. Thỉnh thoảng dừng lại, tôi nhắm mắt tưởng tượng như có tiếng biển lúa rì rào đâu đây. Những thân lúa nặng trĩu bông vàng uốn mình trong gió mà không hề bị gãy gập lại. Những bông lúa vẫn rì rào không dứt.

Tôi còn nhớ, vào dịp khai mạc cuộc triển lãm quốc tế ở Pa-ri, người ta đã xây dựng xong tháp Ép-phen. Khi ấy nhà bác học Pháp Phăng-xê đã nói rằng cọng rơm là kiểu mẫu của một công trình xây dựng tuyệt diệu, cân đối, vững chắc, thanh tao, đẹp dễ. Theo ý ông, tháp Ép-phen còn quá công kênh và vụng về so với cấu trúc của phần lớn các loài thực vật. Cọng rơm có thể dài tới một nghìn năm trăm mi-li-mét, trong khi đường kính của nó ở phía dưới chỉ có ba mi-li-mét. So với cọng rơm, lẽ ra tháp Ép-phen phải tám mươi ba lần cao hơn nữa!

Tôi sực nhớ đến chuyện ấy trong khi đi lang thang tìm kiếm một cây lúa. Trong rừng cỏ, tôi thấy có những thân ống màu vàng óng, cao không thể tưởng tượng được, vươn thẳng lên nên trời và có nhiều mắt lớn. Hình như đây là bông lúa mạch đen. Lúc ấy, tôi mới hiểu rằng tôi đã uống công tìm kiếm. Tôi quên bég đi rằng cọng rơm cao hơn tôi không biết bao nhiêu lần!

Tờ số 27

Thân rơm rỗng và mảnh dẻ. Tôi lấy một mảnh vỏ ốc sắc như dao cắt cuống. Đã đến lúc rồi: tôi ngậm đầu ống, buông mình lặn xuống sông.

Dưới đáy, tôi dò từng bước rất thận trọng, một đầu ống ngậm trong miệng, còn đầu kia thò lên khỏi mặt nước. Thở bằng miệng thật khó khăn. Cái ống làm tôi luôn vướng víu. Trên đầu tôi là một lớp nước dày. Nhưng điều cần nghĩ đến không phải là chuyện ấy mà là phải nhớ giữ làm sao cho đừng ngã, đừng đánh tuột ống khỏi miệng, đừng chìm đầu ống trên kia xuống nước. Tôi bập bôm bước đi được vài bước thì gặp một cái ụ lớn chắn đường. Phải đi vòng tránh nó.

Nhưng lạ thay: cái ụ nhô lên rồi từ từ chuyển động, một “cái chồi” nhú dần ra. Con vật kỳ dị dựa vào “cái chồi” ấy tiến về phía tôi và phun ra những tia nước mạnh. Tia nước ở dưới nước! Tôi ngã nhưng vẫn ngậm chặt cái ống. Cái ụ tiếp tục phun vào tôi những tia nước mạnh như tia nước vòi rồng cứu hỏa. Tôi nằm dán xuống đáy sông mà thở, miệng vẫn không rời cái ống. Tia nước đã ngừng phun. Nhổm dậy, tôi thấy con vật kỳ dị đang chuyển động ngay bên mình và hút tôi về phía nó. Tôi vội búi chặt lấy một thân cây mọc dưới nước. Cái ống tuột khỏi miệng. Tôi sặc sụa, cố sức ngoi lên...

Tờ số 28

Khí cầu! Chiếc khí cầu sáng như bạc ở dưới nước! Tôi ngồi dưới vòm của nó và hít thở một cách dễ chịu. Sao lại lọt vào đây được nhỉ? Sự tình cớ nào đã cứu thoát tôi?

Sau khi cái ống thở tuột khỏi miệng, tôi bị sặc nước và sải tay vươn mình ngoi lên. Thế là chui luôn vào chiếc khí cầu này. Vòm khí cầu chằng giữa những cành cây mà khi ngã, tôi đã vội búi lấy thân chúng. Ai đã chằng cái khí cầu này nhỉ? Ai đã bơm không khí vào đó? Tôi sẽ nói đến chuyện ấy sau.

Ở đây, tôi phải nói ngay rằng: sau khi chui vào khí cầu, tôi đã nhận ra cái ụ hết đây lại hút tôi kia chính là một con trai. Loài nhuyễn thể này nằm dưới đáy sông hồ. Hai mảnh vỏ của nó từ từ mở rồi một cái chồi vàng vàng nhú ra: chân của nó. Con vật bò dưới đáy nước với tốc độ hai mươi đến ba mươi cen-ti-mét một giờ. Con trai có hai cửa bơm nước: hút vào và phun ra. Khi cửa hút vào hoạt động thì các sinh vật bé nhỏ sống dưới nước bị cuốn mạnh vào miệng trai theo dòng nước. Sau đó, trai phụt số nước ấy ra ngoài theo cửa phun ra.

Khi đã no nê, trai khép vỏ lại và biến thành một cái ụ bất động.

Dòng nước khẽ lay động vòm khí cầu, mà tôi ngồi ở trong. Cái vòm khí cầu trong suốt, bền chắc giống như một tấm lưới đan khít ấy được níu chặt vào những thân cây mọc ngầm dưới nước.

Phải chăng đây chính là cái khí cầu mà tôi đã thoáng nhìn thấy ở dưới nước khi chiếc bè bị lật? Nếu đúng như vậy thì bó nhặt ký của tôi chỉ nằm quanh quần đùi đây thôi. Tôi ngồi im lặng nghĩ một lát.

Những bóng sáng tối chập chờn dưới nước sâu. Những âm thanh mơ hồ khi trầm, khi bổng. Trên kia, mặt trời đang tỏa sáng và ánh nắng ấm áp xuyên chéo qua làn nước, chiếu đến tận thế giới dưới đáy sông này.

Phải lên thôi! Phải đi kiếm một cái ống khác rồi trở lại lặn xuống đây lần nữa.

Phải mau mau rời khỏi cái nhà vòm trong như pha lê này, trước khi chủ nhân nó quay về.

Chợt tôi nhận ra tám con mắt lấp lánh ánh lân tinh từ sau một thân cây bên cạnh đang chăm chú nhìn mình. Nó! Chính nó đây rồi. Con nhện nước, chủ nhân cái nhà vòm!

Tờ số 29

Một ý nghĩ thoáng qua rất nhanh trong óc tôi: “Chạy thôi!” Nhưng tôi cũng lập tức nhớ ngay ra rằng: đây không phải là trên mặt đất. Phải bơi lên thôi!

Tôi bối rối trong giây lát. Và cũng chính trong giây lát ấy, tôi nhìn rõ con nhện nước bắt đầu nhả tơ. Nó không kéo sợi tơ về phía tôi ngồi mà về phía một cây khác, dính vào đấy, rồi cứ thế hết kéo đi lại kéo về.

Tôi say sưa nhìn con nhện làm việc và quên rằng mình đang ngồi trong tổ một con nhện khác cùng loài với con nhện kia. Con nhện chủ nhân cái tổ này, có thể bất chợt trở về và bắt gặp tôi, vị khách không mời mà đến!

Con nhện vẫn tiếp tục công việc khi thì dính tơ vào những thân cây, khi thì dính vào những hòn đá. Những sợi tơ chập chờn dưới nước, không một chỗ nào bị rối, bị đứt. Tám con mắt long lanh vẫn luôn nhìn ra bốn phía. Cuối cùng, một tấm lưới hình đa giác đã hoàn thành nằm ngay trên đáy sông. Tôi để ý thấy những sợi tơ chằng tấm lưới vào cây, vào đá có to hơn một chút.

Bỗng con nhện rời tấm lưới, bơi qua chỗ tôi ngồi. Tôi nhìn rõ cả đôi hàm và những sợi lông trên mình nó. Nó bơi đi rồi mà tôi vẫn tưởng như tám con mắt long lanh còn đấy với tấm lưới.

Một lát sau, con nhện trở lại. Mình nó lấp lánh những bọt không khí sáng như bạc. Nó chui vào dưới tấm lưới, lấy chân gạt những bọt khí ấy khỏi những sợi lông trên mình. Bọt khí nổi lên nâng dần tấm lưới lên cao. Cứ như vậy, con nhện hết bơi lên lại lặn xuống nhiều lần. Sau đó, nó lại chằng tiếp cho tấm lưới thật kín.

Cuối cùng, những bọt không khí do nhện đem từ trên mặt nước xuống đã phồng căng cái vòm mà con nhện nước sẽ ở.

Chiếc khí cầu mới hoàn thành cố “bay lên”, nhưng những sợi dây chắc chắn vẫn níu chặt nó vào các thân cây và mô đá dưới đáy nước.

Chiếc bè của tôi đã bị đắm gần một cái khí cầu. Nhưng khi mắt đã quen với ánh sáng mờ mờ dưới đáy sông thì tôi nhận thấy quanh mình có không biết bao nhiêu khí cầu như vậy. Chúng đều nhẹ nhàng và sáng như bạc chẳng khác gì nhau.

Tôi bắt đầu thấy nhức đầu, khó thở: thiếu không khí! Lẽ ra phải bơi lên từ ban nãy, song tôi vẫn chùng chình ngắm nhìn mãi các khí cầu lơ lửng khắp nơi, trong đó là những con nhện nước, con thì quắp chân lại nằm nghỉ, con thì đang ăn mồi.

Dưới đáy sông này có biết bao nhện nước, có biết bao khí cầu như thế này! Biết là túi nhật ký của tôi nằm ở gần cái nào mà tìm bây giờ?

Tờ số 30

Ai kia? Ai đang lang thang dưới đáy dòng Đại Tĩnh Giang, khi đi, khi dừng lại, khi cúi xuống nhặt một vật gì đó, khi ngẩng lên nhìn khắp bốn phía kia?

Đó là một con người nhỏ xíu đầu có “mũ lặn”, tay cầm con dao nhọn bằng mảnh vỏ ốc, cuộn dây vắt trên vai. Người ấy đang đi tìm tập nhật ký ghi chép những quan sát, phát hiện của mình ở xứ Cỏ Rậm để làm phong phú thêm cho khoa học và đời sống loài người.

Sau khi từ cái tổ nhện bơi lên mặt nước, tôi bắt đầu nhìn dòng Đại Tĩnh Giang với con mắt khác, bình tĩnh và vững tâm hơn. Phải chăng lũ nhện đã xây dựng những khí cầu chứa đầy không khí kia là để phục vụ cho tôi? Tôi sẽ bơi đến một chiếc khí cầu nhỏ nhất, cắt những sợi dây buộc, chui đầu vào rồi chu du dưới đáy sông tìm bao nhật ký. Khi không khí trong cái “mũ lặn” ấy không dùng được nữa, tôi sẽ thay bằng một cái khác. Tôi sẽ đi khắp “hang cũng ngõ hẻm” dưới đáy sông.

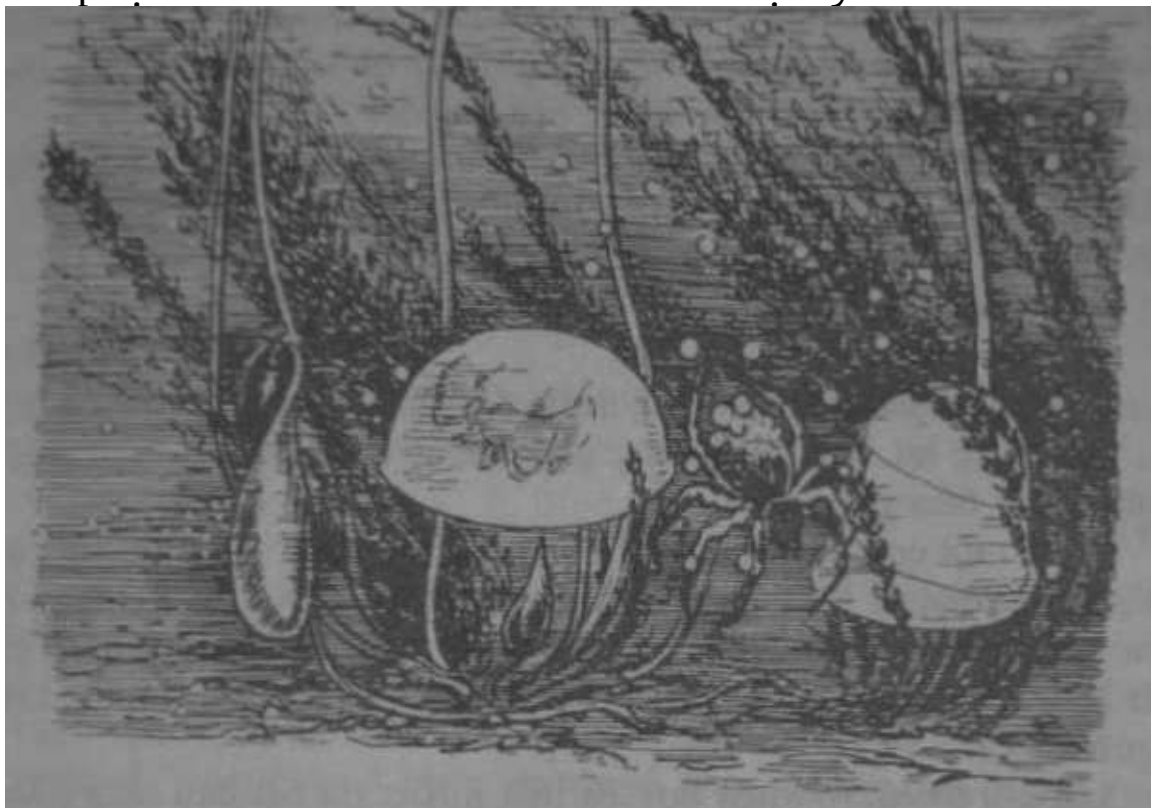
Cái “mũ lặn” chứa đầy không khí nhất định sẽ nổi lên, khi tôi cắt những sợi dây chằng. Nhưng dưới đáy nước thiếu gì những viên đá nặng. Tôi sẽ buộc <https://thuvien sach.vn> cứng vào đầu

dây, thì là ổn.

Mỗi ngày tôi thay một cái mũ lặn, xục xạo dọc bờ sông, xem xét kỹ các bụi cây, thân cây, cành cây và lá cây dưới nước. Có chuyện gì kỳ xảy ra không? Rất nhiều.

Một hôm, tôi đang đi thì thấy ngạt thở. Cái “mũ lặn” đâu phải nhỏ mà sao lại thiếu không khí nhỉ? Tôi bơi lên mặt nước và xem lại cái mũ. Thì ra nó có hai tầng cách nhau bằng một tấm màng trong suốt. Tầng trên chứa đầy trứng mà rồi đây sẽ nở thành nhện con. Thường thường trong trường hợp ấy, nhện mẹ sẽ nằm ngay ở cửa vào tầng dưới, canh gác. Nhưng khi tôi đến, chắc là nó đi đâu vắng và tôi vô ý đã cắt phải cái “mũ lặn” hai tầng này.

Ngày nào cũng vậy, tôi lặn xuống đáy sông kiếm một cái “mũ lặn” vắng chủ, cắt dây buộc vào đá, khắc phục sức cản của nước để đi tìm bó nhật ký.



Việc làm kéo dài mà chẳng đem lại kết quả gì, hay là thôi không tìm nữa mà bắt tay vào viết một tập nhật ký mới? Nhưng viết lại tập nhật ký đâu phải là một việc có thể hoàn thành mau chóng. Riêng chuyện kiếm giấy, mực, bút cũng đã mất khá nhiều thời gian. Còn viết thì cũng không thể nhanh hơn người xưa viết chữ theo kiểu hình góc.

Các phát hiện mới cần nói lại cho loài người biết thì nhiều, rất nhiều. Nhưng cuộc đời lại quá ngắn ngủi...

Tờ số 31

Thế nhưng một hôm, tôi đã thấy bó nhật ký của mình dưới nước.

Tôi còn nhớ sáng hôm ấy, tôi trở dậy với một tâm trạng chán ngán: đã đến lúc chấm dứt công việc tìm kiếm này. Nhưng khi tôi chuẩn bị lặn một cách miễn cưỡng và nhìn xuống sông thì một niềm hy vọng chợt bùng lên.

Tất nhiên, niềm hy vọng ấy không phải từ trên trời rơi xuống. Tôi đang đứng trên một khúc sông nước chảy chậm lại. Tôi đã thấy khúc sông này nhiều lần, nhưng chẳng nghĩ gì về hiện tượng đó. Sáng nay, khi lòng tôi đầy thất vọng, đứng trên ven sông, tôi lại tin rằng nhất định bó nhật ký mắc vào chỗ nước quẩn này. Lòng tôi hết tin tưởng lại hoài nghi, hết hoài nghi lại tin tưởng. Cuối cùng, niềm hy vọng tin tưởng đã chiến

thăng. Tôi định ninh: nhất định hôm nay sẽ tìm thấy bó nhật ký.

Tôi lao xuống nước, “mũ lặn” trùm trên đầu, tôi lần đến vụng sông. Cách tôi vài chục bước, ở lối vào vụng, dưới mấy cành cây mọc ngầm có một cái bao nằm ở đáy nước. Bao nhật ký!

Tôi không kinh ngạc, không reo lên, vì sung sướng quá nên nghẹt thở. Kể cũng lạ: tại sao trước đây, tôi lại không nghĩ đến cái vụng sông này nhỉ? Chắc rằng bao nhật ký của tôi trôi nổi khá lâu trên mặt nước. Dây buộc tung ra, nước chui vào bao làm nó chìm xuống đáy. Nhưng những trang nhật ký nhất định vẫn còn nguyên vẹn: tôi đã phết sáp rất kỹ.

Nó kia rồi, công trình lao động hàng nghìn, hàng nghìn giờ trong cuộc sống đơn độc của tôi ở xứ Cỏ Rậm! Nó kia rồi, tập nhật ký ghi lại những điều tôi muốn nói với con người, con người mà tôi chẳng bao giờ còn được thấy lại nữa! Nó kia rồi, người bạn đường duy nhất, người đã im lặng chứng kiến những cuộc hành trình, những trường hợp gian nguy, những biến cố khủng khiếp, những giây phút mạo hiểm nức cười của tôi!... Nó kia rồi, người giúp việc tận tụy của tôi trong lao động, tìm tòi, quan sát, người bạn duy nhất mà tôi đã gửi gắm mọi suy nghĩ, phát hiện của mình trong những đêm lo âu không ngủ, khi bình minh hừng sáng cũng như những buổi chiều tà trầm lặng.

Tôi sửa lại cái “mũ lặn” bước lên...

Nhưng tôi không lấy được bó nhật ký.

Tờ số 32

Lối vào vụng bị một cây gì đó chắn mất. Bao nhật ký nằm ở phía trong. Muốn lấy thì phải đi tránh cái cây kia.

Tôi đã định lách vào phía bên trái gốc cây, nhưng lối ấy đã bị một vật hình xoắn ốc che lấp.

Cái tháp xoắn ấy đang di chuyển trên đáy sông. Ba giải màu thắm quấn quanh mình nó từ đầu đến cuối. Đó là một loài ốc sên lớn có vỏ xoắn. Con vật thò mình ra ngoài vỏ, bò đi. Tôi lấy tay đập vào vỏ nó. Thật là một hành động thiếu suy nghĩ tai hại! Con ốc dừng lại thu mình vào vỏ, khép chặt cái vảy che, nằm im. Thế là tôi bị tắc đường.

Chỉ còn cách đi về phía bên phải gốc cây. Cái bao không xa lắm. Tôi sẽ đi qua tảng đá đầy rêu để đến đó. Nhưng càng đến gần tảng đá, tôi càng thấy đám rêu mọc trên đó có vẻ kỳ lạ. Nó gồm nhiều ống nhỏ có lông trắng tua tủa trên đầu. Những cái ống ấy dung đưa theo làn nước như vẩy gọi tôi.

Bỗng tôi thấy tiến lui đều khó khăn. Hình như có ai đẩy tôi về phía đám rêu ấy.

Một đàn những con gì đó bé li ti bơi qua gần tảng đá. Những cái ống kia vươn về phía chúng. Thế là cả đám dừng lại rồi chui tuột cả vào miệng ống. Những cây rêu kia bắt mồi!

Tôi cố tránh tảng đá, nhưng rõ ràng là những cái ống có tua ở đầu, ra sức hút tất cả những gì ở gần nó. Cái “mũ lặn” của tôi chao đi chao lại. Tôi phải giữ chặt lấy nó. Làm sao bây giờ? Đám rêu đã gần lắm rồi. Tôi bèn liều mạng một tay giữ cái cái “mũ lặn”, một tay nhặt đá ném vào miệng cái vòi đang vươn về phía mình. Những cái tua lập tức đờ ra không cử động nữa. Thì ra chúng chỉ hút các sinh vật! Tôi tiếp tục nhặt sỏi đá, quăng vào cái miệng vòi và lùi xa khỏi chúng một cách dễ dàng. Ngoảnh lại, tôi thấy chúng đã lại bắt đầu ngọ nguậy.

Ở xứ Cỏ Rậm, tôi đã gặp những hình thức thích nghi với môi trường một cách độc đáo của các sinh vật. Nhưng ở đây, dưới đáy nước, tôi mới được thấy một con vật ăn thịt

giả vờ làm... cây rêu! Đó là loài giun có dạng rêu - những con trùng rêu.

Mất sức và tổn ô-xy để đánh nhau với những con trùng rêu nguy hiểm và quỷ quyết này là một việc chẳng có nghĩa lý gì. Tôi bèn bơi lên mặt nước.

Tờ số 33

Ngồi trên bờ, tôi tự nhủ: không nên thất vọng, bao nhật ký không thể trôi đi khỏi cái vụng kia. Nhưng lối đi về phía bên phải thế là không qua được rồi, ở đó có những con trùng rêu. Còn lối bên trái thì sao? Con ốc sên to lớn kia không thể cứ nằm lì ở đấy mãi được.

Mà đúng thật, hôm sau, khi lặn xuống, tôi đã không thấy nó ở đấy nữa. Nhưng phía trên bao nhật ký vẫn còn mấy cành cây lòa xòa dập dềnh theo dòng nước. Có điều lạ là chúng không giống các thực vật khác mọc dưới đáy nước, mà lại trong vắt như làm bằng thủy tinh xanh! Biết đâu điều ấy chẳng do màu sắc ở dưới nước nhìn khác với ở trên mặt đất, dưới ánh mặt trời? Suốt từ hôm bắt đầu lang thang dưới nước với chiếc “mũ lặn” trên đầu, tôi có cảm giác như lạc vào một lâu đài cổ kính bị bỏ quên, ngập trong làn ánh sáng được lọc qua những tấm kính màu.

Chỉ còn vài bước nữa là đến cái cây lòa xòa. Nó có sáu cành. Cả cành lẫn thân đều xanh trong như nhau. Cái bao nhật ký nằm ngay dưới một trong sáu cành ấy.

Tôi sửa lại “mũ lặn”, yên chí bước lại, cúi xuống, đưa tay ra... Nhưng lập tức tôi rút tay, kêu thét lên vì đau buốt.

Tờ số 34

Lên đến bờ, tôi xem lại tay và không thể nào tin được vào những điều vừa mới xảy ra, vào những điều mà tôi vừa mới tận mắt nhìn thấy. Tay tôi sưng tấy lên, đỏ ửng và đau nhức.

Ở dưới nước, khi tôi vừa thò tay định nhắc bao nhật ký lên thì bỗng có ai đánh mạnh vào tay tôi. Thế là đau rát như phải bỏng!

Nhìn lại, tôi thấy cái cành cây trong suốt đu đưa, vươn ra tóm lấy tôi. Lại một cú đập nữa đau điếng! Lúc ấy, tôi như người mê thấy điều gì khủng khiếp, muốn kêu cứu mà không được.

Ngồi trên bờ một lát, chỗ đau dịu dần. Tôi vẫn không hiểu, không đoán ra chuyện gì đã xảy ra với tôi dưới đáy nước. Phải chăng cành cây kia lại có thể giơ lên đập vào tay tôi?

Tôi rút con dao bằng vỏ ốc ra mài lên đá cho thật sắc. Với con dao này, tôi quyết xuống đáy sông lần nữa.

Tờ số 35

Sợ hãi là người bạn xấu của con người. Phải xuống nước thôi. Tay cầm dao nhọn, vai khoác cuộn dây, đầu đội “mũ lặn”, không khí đủ thở thoải mái, tôi lại lần mò dưới đáy sông, nhất định phen này phải lấy cho được bao nhật ký.

Một làn ánh sáng êm dịu, chốc chốc lại đổi màu, tỏa ra trong nước. Bóng những con cá tung tăng bơi lội, lao đi vun vút. Nước nhẹ trôi quanh cuống những bông hoa sáng dựng đứng trước mặt tôi như những thân cây khổng lồ. Cửa vụng kia rồi. Cái cây trong suốt bí hiểm cũng đã nhìn rõ. Sáu cành của nó lơ lửng trong nước một cách hiền lành. Tuy nó có kỳ dị một chút (trên cành chẳng có lấy một chiếc lá nào!) nhưng ai có thể nghĩ rằng đó là một con quái vật ghê gớm?

Tôi lại gần, chưa kịp cúi xuống lấy bó nhật ký thì cái cây đã bắt đầu chuyển động.

Tôi vội bỏ chạy, nép vào bờ đất đáy sông.

Trước mắt tôi cái cây rụt ngắn lại, phình to ra một cách rõ ràng. Cành nó khua đi, lại tìm một cái gì đó. Nhìn kỹ, tôi thấy cái cây không còn đứng ở vị trí mà tôi thấy nó lần đầu nữa. Nó đã chuyển chỗ ra xa những con trùng rêu và gần cái bao nhật ký của tôi hơn.

Làm thế nào bây giờ? Cái cây có sáu cành. Dưới một cành là bó nhật ký. Tôi xông lại, nhưng chưa tới thì một sợi gì đấy đã cuốn lấy tay trái tôi. Tôi vung dao cắt luôn. Một cành rồi hai cành, tôi tiếp tục vung dao nhè vào cái cành thứ ba. Nhưng một trong những cành bị cắt đứt đã bám chặt lấy cái “mũ lặn” của tôi. Mặc! Chẳng có thời giờ đâu mà gỡ bây giờ. Tôi lao về phía cái bao. Những sợi từ cái cây vươn ra quấn lấy chân tôi, lôi về phía nó. Tôi đau điếng: lại một cú nữa... Tôi thấy đau ở tay, chân rồi ở lưng. Con dao rơi xuống. Tôi vùng vẫy ngoi lên. Tay đứt toạc. Tôi bắt đầu ngạt thở vì trong mũi thiếu không khí. Bị thương hết sức đau đớn, nhưng tôi vẫn cố dứt được những hòn đá nặng đeo dưới cái “mũ lặn”, bơi lên mặt nước. Khó khăn lắm tôi mới nhoai được vào bờ với cái “mũ lặn” vướng ở chân phải. Tôi đứng dậy, nhưng lập tức khụy xuống: chân trái tê cứng, tay nóng như vừa nắm phải một cái đinh nung đỏ. Không thể lê về hang được nữa, tôi nằm lăn ra bãi cát.

Cứ nằm như vậy, tôi thiếp đi, mặc cho đủ mọi loài cư dân của xứ Cỏ Rậm nháy qua mặt, bò quanh mình. Khi tôi tỉnh dậy thì mặt trời đã lặn. Bãi cát lạnh ngắt. Cơn đau lúc dịu đi, lúc lại dội lên. Tôi thử cựa mình nhưng không được. Không biết cái cây quái gỡ kia đã tiêm vào người tôi chất độc gì vậy?

Bụng đói cồn cào, tôi nhìn những bông hoa sắc sỡ đầy nhụy ngọt của cây cỏ ba lá đung đưa trước mặt từ dưới đáy sông mà thèm, nhưng chịu không sao lấy được...

Cái cành cây bị chặt đứt bám vào “mũ lặn” của tôi bây giờ đã mất hết sức sống, nằm lăn trên mặt cát. Tôi cố sức vươn tay vớ lấy nó cho vào mồm nhai ngấu nghiến.

Vết thương ở chân đau rát, ứa máu. Lấy gì mà rịt vào đây được? Đầu óc mê man, sẵn đoạn cành cây còn âm ỉm trong tay, tôi quấn luôn nó vào vết thương. Thật là một cuộn băng kỳ quặc!

Tờ số 36

Lúc này, đầu óc tôi, đầu óc người thầy thuốc, lại bận với một câu hỏi mới. Cách đây không lâu, sau khi bị cái cây dưới nước làm cho gần như tê liệt, thân mình nhức nhối, chân mang vết thương, tôi đã mau chóng bình phục. Vì sao thế? Thứ thuốc gì đã đem lại sức khỏe cho tôi? Phải chăng cái cành cây thối nhũn kia đã giúp tôi khỏi bệnh? Thật kỳ lạ: cái cây quái gỡ đã làm tôi gần chết, rồi cũng lại chính nó làm cho tôi mau chóng khỏe lại. Lúc đầu, chân tôi rất đau, thế mà chỉ một, hai ngày đã dịu hẳn. Khi tháo “băng”, vết thương đã khép miệng, lên da. Điều ấy dường như khẳng định qui luật độc đáo: cái gì gây bệnh thì cái đó lại chữa bệnh! Nó dường như cũng chứng minh cho lời nhà bác học cổ Hy Lạp Hi-pô-crát nói cách đây hơn hai nghìn năm rằng: bản chất tự nhiên của người bệnh chữa bệnh cho anh ta, bác sĩ chỉ có nhiệm vụ giúp cho bản chất tự nhiên ấy phát huy tác dụng mà thôi.

Thật bí hiểm!

Cái cây kỳ lạ mọc dưới nước bên cạnh bao nhật ký của tôi là cây gì? Nó biết di chuyển chỗ đứng, các nhánh của nó biết tìm bắt, làm tê liệt con mồi, rồi nó lại biết... chữa khỏi vết thương do nó gây ra nữa!

Có thể đây là một loài thực vật ăn sâu bọ, họ hàng gần với cỏ bắt ruồi và cây gọng vó? Mặc cho mưa rơi, gió đập, cả cỏ bắt ruồi lẫn cây gọng vó vẫn không hề động cựa. Ấy thế

mà chúng lại linh hoạt biết bao khi người ta đem lại gần chúng một miếng thịt! Cây gọng vó thì từ từ, bình tĩnh hướng những sợi lông tơ của nó về phía ấy, còn cò bắt ruồi thì chớp lấy mỗi một cách nhanh chóng, gọn gàng. Có thể đánh lừa cò bắt ruồi: lấy cọng rơm khế đựng vào những sợi lông tơ của nó, nó lập tức khép lá chớp lấy ngay. Còn cây gọng vó thì khác, khó mà lừa được nó. Mỗi cây một tính cách, thật lạ.

Cũng có thể “cái cây” dưới vụng sông ấy không phải thực vật mà là một động vật chưa được ai miêu tả. Con người làm sao mà lòng sục được khắp các hang cùng ngõ hẻm trên hành tinh này, làm sao mà nghiên cứu được hết đại dương ở mọi độ sâu của nó. Các mẫu vật trong các viện bảo tàng sinh học của chúng ta chưa phải là đủ tất cả những sinh vật có trên trái đất. Và cũng không phải tất cả những gì trên trái đất đều đã được mô tả, vẽ hình, chụp ảnh. Tôi còn nhớ: một, hai năm trước khi tôi trở thành cư dân của xứ Cỏ Rậm, tờ “Thông báo khoa học” cho biết một đoàn thám hiểm mới phát hiện ra một động vật lạ trong rừng rậm Công-gô, mình nó có vằn như ngựa vằn, cổ dài như hươu cao cổ. Dân địa phương gọi nó là ô-ca-pi.

Thật bí hiểm!

Tờ số 36-a

Lần thứ ba tôi lại mò đến vụng sông để lấy cho được tập nhật ký nằm dưới gốc cái cây quái gỡ.

Khoan khoái, mạnh khỏe, vui vẻ, tôi lại đi dưới đáy nước với “mũ lặn” trên đầu, con dao mới trong tay. Lần này, tôi còn đem thêm một cây sào có móc ở đầu nữa. Lòng tôi đầy tin tưởng: phen này nhất định phải thành công.

Cái cây có sáu cành, tôi đã chặt đứt hai, chỉ còn phải chặt nốt bốn cành nữa là tập nhật ký sẽ vào tay.

Tôi nắm chặt cán dao. Tôi sẽ chặt nốt mấy cành kia, lôi lên bờ nghiên cứu tính chất chữa bệnh của chúng. Và biết đâu, tôi chẳng tìm được một dược liệu mới hết sức công hiệu đối với người bệnh?

Tựa lưng vào bờ đất nghỉ một chút, tôi chăm chú nhìn vào bóng tối mờ mờ và nhận rõ cả cái cây lẫn bao nhật ký.

Như một tên lính gác im lặng và đáng sợ, cái cây đứng đó ngăn tôi vào vụng. Nó không cho ai lọt qua và sẵn sàng trừng phạt bất kỳ bàn tay nào đụng vào bó nhật ký, ghi những phát hiện ở xứ Cỏ Rậm.

Tôi bỗng nhớ đến câu chuyện cổ tích kể về con quái vật canh gác một kho báu có thể đem lại hạnh phúc cho con người. Con quái vật ấy ra oai, tác quái, ngăn trở không cho con người lại gần kho báu và gây ra hết tai họa này đến tai họa khác. Nhưng con người đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại, tiến lên, giết quái vật và giành được kho báu.

Tôi vừa theo dõi cái cây qua làn nước mờ tối, vừa chuẩn bị đưa sào ra móc lấy cái bao. Tôi tiến lên một bước, nhưng lập tức phải lùi ngay lại: các cành cây bắt đầu hoạt động mạnh. Sao thế nhỉ? Thì ra một đàn cá bột đang bơi qua. Cái cây vươn cành ra bắt mồi và tôi được chứng kiến tận mắt cảnh lũ cá bột bị tóm. Cái thân cây trong suốt giờ đây trở nên thẫm màu. Chắc rằng cái thân rỗng ấy đang tiêu hóa thức ăn!

Xem thế là đủ, phải tranh thủ hành động ngay thôi! Tôi móc sào vào cái bao, kéo mạnh. Tim tôi như nhảy lên, khi tôi lấy được cái bao và bắt đầu mở ra xem.

Nhưng, ôi thôi! Cái bao rỗng không, tập nhật ký đã rơi ra khỏi bao ở đâu và bao giờ? Hay là nó rơi ra sau gốc cây khi tôi kéo cái bao? Phải tìm kỹ khắp đáy vụng mới được. Dao cầm chắc trong tay, tôi tiến về phía gốc cây, quyết chặt nốt bốn cành còn lại của nó.

Nhưng nhìn lên, tôi sững sờ kinh ngạc: tám cành cây đang khua lên trước mặt! Ở chỗ hai cành bị chặt đứt, bốn cành khác đã mọc ra!

Cây thủy tức ư!

Tờ số 37

Tập nhật ký mất tâm! Thế mà tôi cứ lặn lội đi tìm cái bao rỗng không trong bấy nhiêu ngày! Thật buồn cười! Thật đau đớn!

Thế là hết! Những điều phát hiện của tôi trong bao năm ở xứ Cỏ Rậm, những điều bí hiểm về đời sống ở xứ này, những suy nghĩ về các qui luật sống, về bản năng các loài sâu bọ, những sáng chế kỹ thuật dựa vào cấu tạo cơ thể các loài sinh vật ở đây - tất cả những gì mà tôi đã mất bao công sức ghi lại để chuyển cho loài người - thế là hết!

Tôi lại càng xót xa hơn khi biết rõ rằng cuốn nhật ký ấy chẳng phải mất tích dưới dòng Đại Tĩnh Giang mệnh mông nào cả, mà chỉ là một lạch nước nông choèn.

Tôi bắt đầu đi kiếm phấn hoa làm thức ăn để dành, nhưng chúng vãi hết cả. Quần áo tôi cũng đã cũ nát hết. Liệu có kiếm đâu được cái kén sâu vừa với mình hay không? Loanh quanh một lúc, tôi lại thấy mình đứng trên bờ con sông mà tập nhật ký đã chìm sâu dưới đáy nước. Cũng dưới đáy nước ấy, tôi đã nhầm con thủy tức là một cái cây!

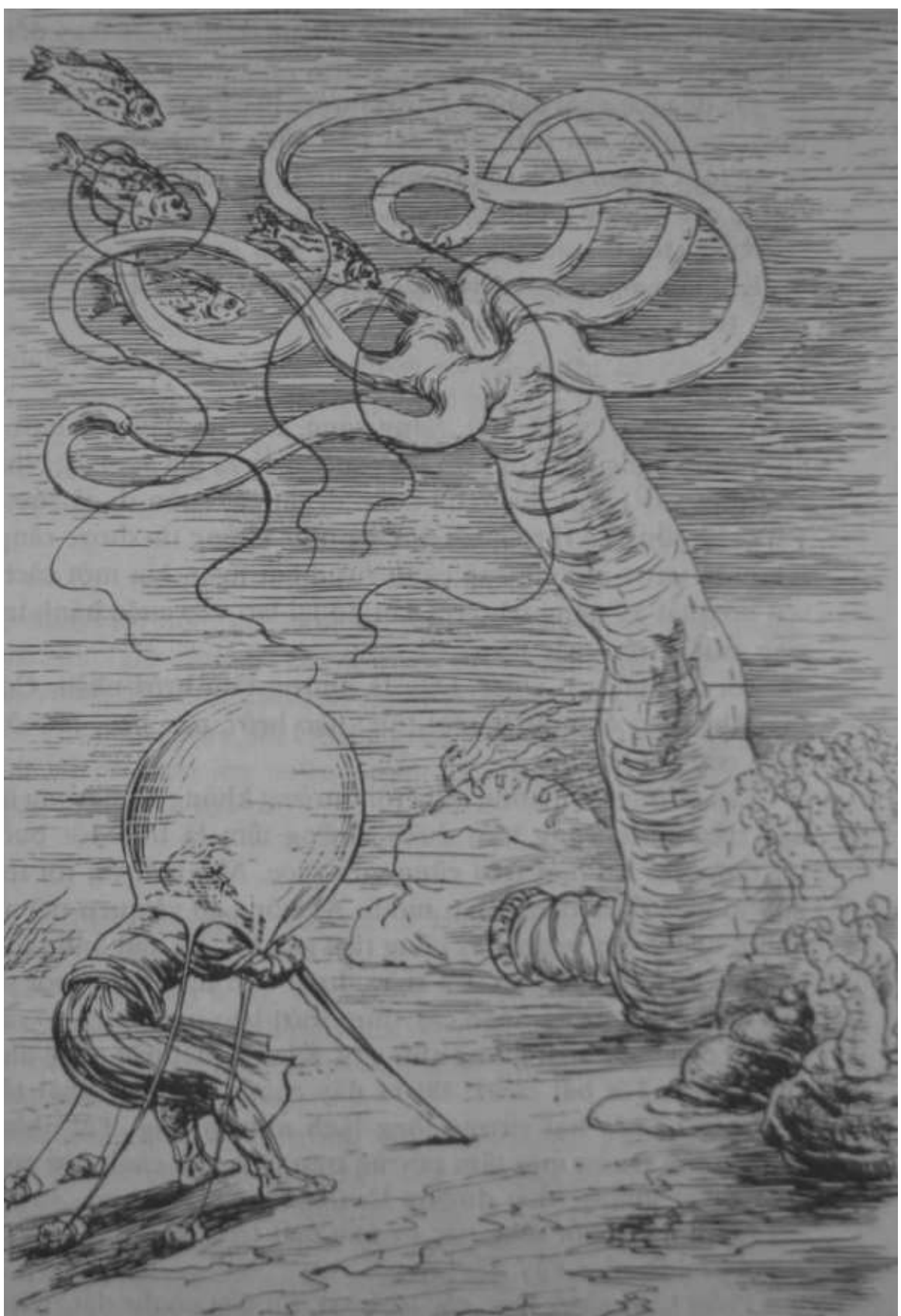
Các tế bào thủy tức thật kỳ diệu: chính mắt tôi đã được thấy những xúc tu bị cắt đi nhưng vẫn mọc lại. Điều ấy kỳ lạ chẳng khác gì chuyện con măng xà chín đầu ở hồ Léc-ne bị Héc-quyn chặt đầu này lại mọc ra hai đầu khác.

Có biết bao điều bí ẩn của thiên nhiên đã được đưa ra ánh sáng! Nhưng một trong những điều còn phải giải đáp vẫn là bí mật của khả năng phục hồi nhanh chóng các bộ phận của loài thủy tức nước ngọt.

Ai cũng biết rằng thủy tức nước ngọt có thân rỗng như một cái ống túi hình trụ. Các xúc tu của nó có thể vươn dài ra hoặc co ngắn lại. Thủy tức bám vào đá hoặc nền đất bằng cái gót của mình.

Nó có thể châm rất đau và làm tê liệt con mồi (vết châm ở tay tôi đến bây giờ vẫn còn đau). Con mồi bị thủy tức nuốt, ta vẫn có thể nhìn thấy được trong một thời gian nhất định qua thân mình trong suốt của nó. Sau khi đã tiêu hóa con mồi, thủy tức lại giống như một cái cây bất động trong suốt như thủy tinh. Nhưng sao nó có màu xanh lá cây nhạt? Có lẽ vì trong mình nó có những tảo đơn bào. Những tảo đơn bào sống bằng a-xit các-bô-nic và a-mô-ni-ác mà thủy tức thải ra, và do đó làm sạch vùng nước quanh thủy tức.

Cái khúc thủy tức nặng mùi mà tôi đã nuốt một phần, còn một phần nữa buộc vào vết thương, đã có tác dụng chữa bệnh kỳ diệu. Tại sao vậy? Chắc là trong cơ thể thủy tức có một cái gì đó giúp nó khôi phục và phát triển các tế bào mới thay thế cho các tế bào bị chết. Chính “cái gì đó” đã làm thuốc chữa bệnh cho tôi.



Phải làm gì bây giờ? Cảnh chiều êm ả như cũng đang cùng tôi suy nghĩ. Cỏ cây ven bờ sông đứng im phăng phắc. Tôi nhìn mặt trời và chỉ mong nó đừng lặn. Thật khác hẳn hồi nhỏ: khi ta còn bé, nhìn mặt trời lặn, ta chỉ mong nó lặn thật nhanh để rồi mọc lại ngay. Khi ấy, ta chỉ mong mọi hiện tượng thiên nhiên thay đổi nhanh chóng.

Đã đến lúc phải đi ngủ. Dưới nước, lũ cá bột chắc đã chui xuống dưới cát nằm im. Bọn ong đất hản cũng đang say sưa giấc nồng trong tổ. Cả con thủy tức trong suốt kia nữa, có lẽ cũng đang thiêm thiếp, các xúc tu buông thõng, co lại.

Riêng tôi thì... hang của tôi đây rồi.

Khi con người có điều gì vương vấn trong lòng thì sao khó ngủ thế!

Tờ số 38

Cuốn nhật ký đã mất. Sáng sáng, tôi trở dậy với một tâm tư ngày càng nặng nề. Tôi cảm thấy mệt mỏi và già sạm đi. Nhìn dòng sông, tôi suy nghĩ: nước đã cuốn đi tất cả, cuốn đi cả sức lực tôi. Tai nghe rừng cỏ rì rào, tôi dường như không tin được rằng, chính mình đã vượt qua những cánh rừng bạt ngàn kia một cách vui vẻ với bó nhật ký nặng trĩu, rồi sau đó lại lao vào cuộc hành trình đầy gian truân trên mặt nước.

Tôi có mấy cái văng. Đây là những tấm lưới nhện. Con nhện thật khéo, nó đan được mọi thứ: nào lưới, nào bao, nào ống, nào vòm cầu, nào văng...

Vào những đêm nóng nực, tôi thường không nằm trong hang mà ngủ trên chiếc văng treo dưới những tấm lá to. Một buổi sáng, tôi tỉnh giấc thì mặt trời cũng vừa mọc. Mở mắt ra, tôi thấy một khuôn mặt kỳ lạ đang nhìn mình. Ai trông có vẻ quen thế nhỉ? Tôi nhồm người lên, người ấy cũng tiến gần lại, vẻ mặt anh ta mới rầu rĩ làm sao! Ngoảnh lại, tôi thấy dưới ánh mặt trời buổi sớm, từ sau những cành cây, thân cây thưa thớt bao quanh tôi có rất nhiều người có khuôn mặt giống như vậy. Khuôn mặt nào cũng như sừng tướng lên. Tôi bật cười: thì ra đây chính là khuôn mặt tôi phản chiếu trong các hạt sương lóng lánh như gương. Tôi nhìn kỹ lại bóng mình trước một tấm gương treo trên một cành hơi cong: hai mắt thâm quầng, thái dương lõm sâu!

Giữa một buổi sáng rực rỡ ánh mặt trời mà tôi đã thấy “dung nhan” mình như vậy đấy!

Phấn hoa, nhụy hoa, các loại hạt, tôi đều có dư dật. Nhưng cơ thể suy nhược của tôi không thể nào hồi phục được chỉ nhờ vào thức ăn thực vật. Cần phải có thêm prô-tit và mỡ động vật.

Ngồi trên văng nhìn xuống, tôi thấy con ong vẽ đang chống chân, giương cánh cố lôi một con sâu béo tròn trên mặt đất. Lôi được một lát, nó bay đi đào một cái hố. Đang đào dở thì nó quay lại như muốn xem con mồi còn đó hay không, rồi lại tiếp tục đào. Con sâu chỉ khẽ cựa quậy: nó đã bị ong châm liệt các trung khu thần kinh. Đào hố xong, ong kéo con sâu vào đấy rồi để trứng lên mình sâu. Ấu trùng ong rồi đây sẽ nhờ con sâu này mà lớn lên.

Tôi đang đói, nhưng không ưa món thức ăn kia. Phải đi kiếm thứ khác.

Tôi nhìn xuống sông. Dưới nước có rất nhiều cá bột. Tôi sẽ đội “mũ lặn” xuống sông bắt cá chẳng? Nhưng bắt bằng gì chứ? Bằng những tấm lưới nhện. Chúng có kém gì những tấm lưới đánh cá thật sự đâu? Tôi sẽ đem chúng chằng ngang dòng nước.

Nhất định sẽ có cá ăn!

Tờ số 39

Ngày ngày, tôi đội “mũ lặn” xuống sông thăm lưới. Tất nhiên không phải bao giờ cũng có cá, nhưng cũng tạm đủ ăn. Tôi đã bắt đầu quen với món thức ăn mới, ngon miệng ấy.

Để giữ số cá bắt được, tôi kiếm một cái vòm cầu to nhất của nhện nước, lộn lại rồi treo lên những cành cây xoải xuống mặt sông. Thế là được một cái vớt tốt.

Tờ số 40

Ngày lại ngày trôi qua. Tôi vẫn ở bên bờ sông, không rời đi nơi khác.

Mỗi lần xuống đáy sông, tôi không đến xem lưới ngay mà ghé qua cái vụng sông xem tập nhật ký của mình có ở đấy không. Nhưng vẫn như xưa, ở cửa vụng chỉ có con thủy tức đang khua những xúc tu tìm mồi.

Tất nhiên, tập nhật ký từ trong bao rơi ra có thể không ở trọng vụng mà ở một nơi nào đó dưới đáy sông. Nhưng dù sao cũng nhất thiết phải vào đấy xem kỹ lại một lần nữa.

Tôi đã có sẵn trong tay nhiều tấm lưới, mạng và bao, túi. Một hôm, tôi quyết định: sẽ tung lưới trùm lấy con thủy tức rồi lục soát cái vụng. Khi tôi còn cách con thủy tức vài bước thì có một bóng đen bơi vụt qua. Tôi chạy lùi lại nép vào bờ sông và thấy một con vật đang rúc xuống đáy sông như muốn nấp vào lòng đất. Nhưng có lẽ đáy sông có đá nên con vật đành bò trên mặt đất. Trông nó như một con rắn lớn có nhiều khoanh, lúc co lại, lúc duỗi ra. Cái bóng đen ban nãy nhanh như chớp lao vào con rắn. Động tác của nó rất mạnh và bất ngờ. Mình nó cũng lúc co, lúc duỗi. Tôi chỉ kịp nhìn thấy những chiếc hàm có răng nhọn và mấy con mắt nó. Mãi một lúc sau, tôi mới nhận ra đấy là con đĩa tấn công một con giun. Con giun giãy giụa, quay cuồng, đập mình vào bờ đất để hòng thoát nạn, làm nước đục ngầu. Tôi lùi ra xa. Bất ngờ bờ đất trên vụng sông sụt xuống. Đất trời tối đen. Tôi chỉ còn kịp nhào ra, bơi vội lên mặt nước. Nghỉ một chút lấy hơi, tôi lại tụt xuống xem sao. Nước đã lặng, trong vắt, nhưng cái vụng đã bị đất lấp đầy. Thế là hết, chẳng còn gì nữa mà tìm...

Tờ số 41

Nhiều lần tôi đã phân vân: không biết có nên “đóng đồn ở cái bờ sông này không? Ở ngay trong hang để không sợ giá lạnh, và dự trữ sẵn thức ăn. Sống ở ngay bên cạnh, tôi lại đã hiểu khá rõ đời sống các sinh vật dưới nước. Những con nhện nước chuẩn bị sẵn cho tôi “mũ lặn” và lưới tôi tha hồ bắt cá.

Nhưng có điều bất tiện là gió. Trên bờ sông, luôn luôn có những trận gió bất ngờ. Chúng tàn phá mọi vật trên đường đi. Những cơn gió xoáy bốc bụi, cát mù mịt (mà đối với tôi bây giờ bụi, cát chẳng khác gì những mảnh gạch đá!), và rú ào ào ngoài cửa hang. Phải quay trở về thôi, trở về ngôi nhà cũ mà tôi đã sống và viết tập nhật ký ở đó. Phải rời khỏi bờ sông này.

Nghĩ vậy nhưng tôi vẫn trùng trùng, nấn ná ngày này qua ngày khác, vẫn lặn lội dưới đáy sông.

Nhiều lần, dưới đáy nước, tôi thấy ngay bên mình có những “tòa nhà” từ từ chuyển động: chỗ ở của ấu trùng cánh lông.

Cây, que, mảnh trai, mảnh ốc, rêu, cát, sỏi - tất cả đều là vật liệu xây dựng của loài sinh vật dưới nước này. Những vật liệu linh tinh ấy được chúng kết chặt lại với nhau bằng những sợi tơ bền chắc. Đi ngang qua tôi, khi thì là một ngôi nhà làm bằng những đoạn sậy xếp chồng lên nhau hết như ngói xếp trên những ngôi nhà Hà Lan cổ kính, khi thì là một kiểu nhà hộp. Tôi còn thấy có cái làm bằng mảnh vỏ cây, lá cây được cắt xén hết sức cẩn thận.

Tất cả các công trình đó đã được những ấu trùng cánh lông tạo dựng lên dưới nước và luôn luôn được tu bổ. Mỗi ấu trùng đó đã lớn lên trong ngôi nhà riêng của mình và đã di chuyển như vậy. Một thời gian sau, ấu trùng biến thành con bọ có cánh lông bay lượn trên mặt sông.

Tôi thấy tổ một loài chim lạ chuyển động trong nước. Tôi nhìn kỹ thì hóa ra vẫn là con bọ đó! Nó làm nhà bằng rêu.

Trong thời gian đầu, tôi chưa phân biệt được ngay những tòa nhà ấy với các cây, que, gạch, đá nằm dưới đáy sông hoặc các sinh vật sinh sống dưới nước.

Một hôm, đang đi dưới đáy sông, gặp chỗ nước chảy xiết, tôi phải bấu vào một móm

đá và thấy một ngôi nhà hình ống. Nhìn lại, thì ra đây lại là một ngôi nhà của ấu trùng cánh lông. Chỉ có điều lạ là nước chảy nhanh mà ngôi nhà lại trôi rất chậm chạp. Dưới đáy nó dính hai hòn đá to tướng.

Nếu ở trên mặt đất thì những ngôi nhà như vậy thật công kênh, cục mịch, song ở dưới nước thì chúng trông lại có vẻ nhẹ nhõm, linh hoạt.

Tờ số 42

Dù sao thì tôi cũng đã tìm được bó nhật ký...

Cạnh của nó bị sây sát, đôi chỗ sập bị bong ra. Nước thấm vào làm ướt tập giấy bên trong. Tôi thận trọng lật giở từng tờ một. Sắp xếp, xem xét lại số thứ tự. Tôi thử đọc một trang, nhưng chưa hết tôi đã giở sang trang khác, rồi lại sang trang khác. Lòng tôi vui mừng vô hạn.

Tôi cảm thấy tự hào: gió, bão, tai nạn đắm bè, dòng nước chảy xiết đã không ngăn cản nổi con người bé nhỏ đang nghiên cứu xứ Cỏ Rậm đạt tới mục đích của mình!

Tôi sẽ chuyển, nhất định sẽ chuyển được tập nhật ký này cho con người.

Tờ số 43

Chuyện ấy đã xảy ra thế này.

Hôm qua, lúc sáng sớm, tôi ra khỏi hang. Cây cối rậm rạp im phăng phắc. Tôi nghe thấy tiếng kèn. Đó là những chú ong đất tung cánh chào mặt trời mọc và đánh thức những chú ong khác mau mau đi kiếm mật! Tôi cảm thấy như có ai đang nhìn mình từ trong các bụi cây rậm rạp. Đó là các chú kiến có mắt kép long lanh như khảm xà cừ đang quan sát kỹ tất cả những gì xảy ra trên bờ.

Tôi xuống đáy sông thăm lưới. Chẳng được con cá nào. Tôi chui vào một “vòm cầu” ngồi nghỉ. Xung quanh yên tĩnh. Tôi phân biệt những âm thanh dưới nước sâu và thấy hình như các sinh vật ở đây cũng trò chuyện, tranh cãi với nhau khi đi qua gần tôi, hình như loài cá cũng biết nói...

Ngày xưa, những người dân chài và thủy thủ có kể rằng họ đã nghe thấy tiếng rít của cá heo, tiếng kêu chít chít của cá chình và tiếng gầm gừ của cá hồng tượng. Cá trê cũng phát ra tiếng kêu kín mít như tiếng bánh xe khô dầu. Lại có những loài cá khác phát ra âm thanh nghe như tiếng lợn khịt khịt hay tiếng quạ kêu! Tôi không tin vào những chuyện tào lao ấy. Nhưng rõ ràng lúc này, trong những âm thanh khác nhau dưới nước sâu, tôi nghe có một tiếng kêu nhỏ và gắt. Cá chình? Liên sau đó, tôi lại nghe như có tiếng ai gõ lên những phiến gỗ mỏng dài ngắn khác nhau của chiếc đàn xi-lô-phôn. Bóng một con cá lớn bơi vụt qua. Những âm thanh kia lại nổi lên. Rõ ràng là loài cá biết... nói.

Những âm thanh lúc trầm lúc bổng, những bóng đen thấp thoáng, những loại cây cỏ vươn lên từ đáy sông và lòa xòa trên mặt nước... Ánh sáng mờ mờ, phơn phớt hồng... ở dưới đáy nước này, tôi nhớ đến một vườn táo màu hồng nhạt. Mặt trời chưa mọc, những cây táo già giấu trong bóng tối mờ mờ những thân cây cong queo quét vôi trắng. Bóng tối dưới gốc cây đầy hơi sương lạnh ngoài sông đưa vào trộn với mùi đất ẩm và mùi cỏ ướt.

Tôi lấy dao cắt dây chằng “cái vòm”, buộc đá vào rồi đi về phía cái lưới cá.

Hai bóng đen lớn thoáng bơi qua rất gần. Những con cá lớn, những con cá ăn thịt, dữ tợn! Tôi nấp vào sau một tảng đá. Hai con cá, mỗi con có ba cái gai nhọn trên lưng, lần lượt bơi đi. Cá gai! Tổ chúng ở kia, to lù lù và có hai cửa. Một con chui vào tổ, còn con kia lượn lờ bên ngoài, mình nó ánh lên những màu sắc rực rỡ. Con trong tổ là cá cái, đang đẻ trứng, ở bên ngoài là con đực canh gác cửa tổ do chính nó làm.

Tôi ghé mắt nhìn cái tổ cá và suy nghĩ: “Biết đâu trong đó lại chẳng có tập nhật ký của mình?” có thể là nước cuốn nó trôi vào đây, mà cũng có thể là chính con cá kia tha về cùng với cỏ rác. Tôi rất muốn ngó nhìn vào xem sao, nhưng lại sợ con cá đục đang lượn quanh đấy, nhất là sợ mấy cái gai nhọn hoắt trên lưng nó. Đĩ thôi!

Tôi đến tấm lưới cá thì thấy nó đã rách. Một cái tổ ấu trùng cánh lông kiếu hộp bị mắc vào đó. Nó bập bênh như muốn thoát ra để đi tiếp. Tất nhiên là cá chẳng được con nào. Tôi quay ra ngắm ngôi nhà vừa mới làm rách cái lưới của tôi: thật là một công trình xây dựng công phu!

Nhưng cái gì đấy nhỉ?

Giữa những mảnh vỏ cây, que, cành, vỏ ốc dùng để xây nhà tôi nhìn thấy một bó gì dài dài quen thuộc màu vàng. Tập nhật ký? Đúng nó rồi!

Thế là tôi bắt tay vào đập, phá ngôi nhà không biết mệt.

Cuối cùng, tôi đã trở lên bờ cùng với tập nhật ký.

Tờ số 44

Tôi rải các tờ nhật ký ra phơi trên bờ sông, lấy đá chặn từng tờ một. Một số dòng trên những trang đó đã bị nước làm nhòe. Không sao, tôi sẽ viết lại sau, bây giờ cứ hong cho khô đã. Nhưng nhìn lên mặt trời chói chang, tôi lại lo: không biết nắng có làm bay màu mực không? Đặt xong viên đá lên trang nhật ký cuối cùng, tôi khoan khoái ngồi trên bãi cát hít thở hương cỏ, cao hứng cất tiếng hát. Có tiếng người hát theo từ phía rừng vọng lại. Tôi hát to hơn. Tiếng hát theo cũng to hơn và nghe quen quen. Hướng về phía sông, tôi nhận ra không phải chỉ có một giọng mà là cả một dàn hợp xướng đang hát theo tôi, giọng rất vang và đều. Tôi im lặng, lắng nghe. Thì ra đấy chỉ là những tiếng vọng, chẳng có ai trong rừng hát theo tôi cả. Và cũng chẳng có dàn hợp xướng nào từ dưới sông vang lên cả. Còn có gì mà chẳng tưởng tượng ra được, khi người ta đang vui sướng với báu vật đã bị mất mà lại bất ngờ tìm thấy.

Mặt trời tỏa sáng. Dòng sông êm đềm trôi. Lũ ve sầu vui vẻ cất tiếng, rồi tất cả các sinh vật ở xứ Cỏ Rậm đều cất lên tiếng ca riêng của chúng. Tôi sung sướng vô cùng. Tôi tưởng thấy mình một con người nhỏ bé, sắp vui vẻ dầm trên đám cỏ, bước qua cái lạch, đi về thành phố Chen-xơ, miệng rao to:

“Các bạn ơi! Các bạn hãy đọc đi! Các bạn hãy đọc những trang ghi chép! Biết bao điều bí ẩn đã được khám phá!”.

Tôi đứng thẳng dậy, nhưng lập tức kêu lên, ngã khụy. Sóng lưng đau cứng. Tôi đành nằm thượt trên bãi cát. Các khớp xương rời rã. Đầu nhức, người bắt đầu lên cơn sốt.

Tôi cố đấu tranh với cơn bệnh không để cho mình bị suy sụp.

Những ngọn cỏ cao và thanh mảnh như đang gật đầu với tôi. Tôi chóng mặt như đang ngồi trên chiếc đu bay. Bệnh gì thế này nhỉ? Sao tôi lại ốm? Những người bị lạnh nhiều thường như thế. Tôi đã lặn lội quá nhiều và quá lâu dưới đáy sông!

Tôi sốt, đau các bắp thịt và khớp xương. Đúng là triệu chứng phong thấp cấp tính.

Hồi còn ở bệnh viện, tôi đã chữa cho các bệnh nhân phong thấp bằng na-tri xa-li-xi-lát, nhưng bây giờ kiếm đâu ra thứ thuốc ấy. Ở đây, tốt hơn hết là chữa bằng rượu mê-ti-lích lấy từ kiến. Song tôi làm gì được lũ kiến vẫn vĩnh rêu đi qua trước mặt tôi? Còn một cách chữa khác nữa: dùng nọc ong. Nọc ong có công dụng chữa bệnh phong thấp. Nhưng lúc này chỉ cần một con ong đốt là tôi đủ bỏ mạng rồi!

Tôi nhớ lại những lời khai của bệnh nhân, so sánh những lời khai ấy với căn bệnh mình. Có một lần, người ta đưa đến bệnh viện một em bé. Trông thật đáng thương: em

bé quần quai, mặt tái nhợt. Mẹ em kể lại: em suốt ngày bì bõm dưới ao. Tôi chẩn đoán: em bé bị bệnh viêm rết thần kinh. Tôi xoa và chườm cho em bằng cỏ muối, một thứ cỏ mà đã hàng trăm năm nay, người ta vẫn dùng để thuộc da. Em bé đã bình phục một cách mau chóng

Có lẽ bây giờ tôi thứ dùng thứ cỏ ấy chẳng? Nhánh cỏ muối có lá lẻ từ chín đến bảy phiến hình mác hoặc bầu dục, mép răng cưa tù. Nhưng đối với tôi bây giờ, mọi vật nhìn đều khác xưa, không biết tôi có nhận ra được những lá cỏ ấy không?

Tôi bắt đầu bò đi, vừa bò vừa thở hổn hển, vừa xuyt xoa vì đau. Thỉnh thoảng, tôi lại dừng, nhìn lên xem trên đầu mình có phải cây cỏ muối hay không. Không phải! Tôi lại bò tiếp. Cuối cùng, tôi thấy phía trên đầu tôi rất cao có những chùm hoa vàng điểm màu xanh nhạt. Tôi quan sát kỹ. Mỗi chiếc lá cây đều to hơn đầu tôi. Tôi hình dung nó ở kích thước được thu nhỏ lại rất nhiều lần. Đúng là cỏ muối rồi!

Tôi cứ nằm dưới đất nhìn lên mà không biết làm thì nào để lấy được, dù chỉ một lá. Để ý nhìn kỹ, tôi thấy có một lá gãy cuống. Tôi đợi nó rụng xuống, nhưng biết đến bao giờ. Một con ốc sên bò lên thân cây. Nó bò về phía chiếc lá gãy cuống. Tôi chờ đợi. Nó bò qua. May quá! Chiếc lá rụng xuống. Tôi lê mình tới, lấy tay vò nát một mảnh lá rồi đắp vào chỗ đau, xoa lên khắp mình. Da tôi đỏ ửng, nóng ran, và sau vài tiếng đồng hồ, cơn đau dịu hẳn.

Có thể là tôi khỏi nhờ cây thuốc kia, nhưng cũng có thể là nhờ tôi đã bò lê, vận động các khớp. Thể dục vẫn là phương thuốc mầu nhiệm chống một số chứng bệnh phong thấp.

Tờ số 45

Sáng hôm ấy, tôi quay lại bờ sông để thu những tờ nhật ký đã khô, đóng gói, chuẩn bị vượt sông, đi tiếp.

Những tấm thảm hồng, thơm tho, êm như nhung trải đầy mặt đất: những cánh hoa tầm xuân mới rụng. Những thân cỏ xanh thẫm xếp thành những lối đi thẳng tắp. Thỉnh thoảng, ở trên cao lại có mấy bông lưu ly xanh lơ rung rinh như những ngôi sao.

Rất có thể một chàng trai nào đấy sẽ đến đây hái những bông lưu ly này, rồi cảm động quên hết mọi lời định nói, lúng túng trao tặng bó hoa cho một cô gái e thẹn đứng sau bờ rào của khu vườn nhỏ. Và khuôn mặt cô gái ánh lên một nụ cười rạng rỡ. Bóng cây bạch dương nhẩy nhót dưới chân và chim ca trên đầu họ.

Nhưng những con người đáng yêu ấy có biết đâu rằng, những cây lưu ly và tầm xuân ấy đã gây cho tôi biết bao trở ngại trên đường đi: gai của chúng chẳng khác gì những mũi chông nhọn hoắt!

Tờ số 46

Giải cát hẹp ven sông, rừng cỏ mơ màng, mặt nước lăn tăn, những nơi ấy trông thật yên tĩnh, êm ả. Thế mà đấy lại chính là nơi trú ngụ của những làn gió hung dữ đã từng hất lộn nhào chiếc bè của tôi.

Ồi, cái bờ sông của gió bão!

Vào lúc bình minh, khi mặt trời thông thả nhô lên sau canh rừng cỏ chạy dài đến tận bờ sông, tôi thường có cảm giác rằng trên bờ sông này, nơi những vách đá dựng đứng trên mặt nước kia, là những hang sâu, nơi ẩn náu thường xuyên của những cơn gió mạnh. Chúng từ đó xông ra, tung hoành khắp nơi. Khi trời phủ kín những đám mây màu chì thì chúng khoác bộ áo xám. Khi trời sắp nổi cơn dông thì chúng khoác bộ áo đen và khi trời nắng đẹp thì chúng khoác bộ áo vàng. Với những bộ cánh muôn hình

muôn vẻ đó, chúng vừa gào rít vừa bay lướt qua rừng cỏ và dải đất vàng ven bờ. Dù đã rất mệt vì phải làm biết bao việc ở những thảo nguyên và đồng ruộng, ở ngoài biển cả, chúng vẫn đuổi đàn chuồn chuồn bay tán loạn, đè rập những ngọn cỏ, xô cao những đợt sóng trên dòng Đại Tĩnh Giang. Sau đó, chúng quay về vách đá, giấu mình yên nghỉ trong hang sâu.

Tôi vội vã đi về phía bờ sông. Càng gần đến nơi, tôi càng phải vượt qua nhiều lũng sâu. Cỏ cây trên sườn dốc rú ào ào. Thấp thoáng sau làn cây, tôi đã thấy ánh lên mặt sông gợn sóng, xám như chì.

Tờ số 47

Lên khỏi cái lũng cuối cùng, tôi nhìn thấy trên bờ sông đang bốc lên những cột cát bụi xoáy tít. Những ngọn cỏ thanh mảnh như những lưỡi gươm run rẩy từ gốc đến ngọn, cúi rạp xuống tận bờ cát. Trời đất tối sầm. Gió lốc xoáy vù vù. Tôi chạy bổ về phía những tờ nhật ký.

Gió giật. Những hòn đá chặn bị hất lăn lông lốc. Các tờ nhật ký bay tứ tung. Tôi luống cuống chạy hết chỗ này sang chỗ khác. Gió đưa những tờ giấy bay vèo vèo qua đầu tôi vào rừng, ra sông! Cỏ cây vẫn ngả nghiêng, rên rĩ. Một vài tờ nhật ký bay trên mặt đất, nhưng tôi không chop được tờ nào. Có tờ vương vào gốc cây, nhưng rồi gió cũng hất đi nốt. Tôi cứ chạy theo, chân vấp vào rễ cây, mô đá loạng choạng. Gió bốc bụi ném vào mặt làm tôi không mở được mắt ra nữa.

Khi mở được mắt ra, tôi chẳng còn thấy tờ nhật ký nào. Chỉ có gió là vẫn thay hình đổi dạng mà bay, mà gào thét và gầm rú.

Trên bờ sông chẳng còn gì ngoài gió và cát bụi.

Tờ số 48

Mấy hôm trước, khi tôi bò vào rừng kiếm lá thuốc, trời quang đãng và yên tĩnh. Tất nhiên tôi cũng biết rằng ở đây thường có những cơn gió bão điên cuồng. Song vì đã quá ốm yếu, nên tôi cùng chẳng đủ sức thu các tờ nhật ký cất vào hang nữa!

Tôi đã rời khỏi bờ sông. Rời khỏi mãi mãi để trở về căn nhà mà tôi cất sẵn giấy, mực, bắt tay vào viết cuốn nhật ký mới. Trong nhiều năm. Trong bóng chiều êm ả, ru mình trong tiếng ve ngân, tôi sẽ hồi tưởng lại những điều đã viết trong cuốn nhật ký bị mất. Tôi sẽ viết lại. Tôi sẽ một lần nữa lên đường, vượt sông, đem nó đến với con người.

CUỐN NHẬT KÝ MỚI

Qua bốn mươi tám tờ giấy này, tôi đã để lại cuộc hành trình cuối cùng của tôi trên mặt đất cũng như trên mặt sông, và nói rõ trường hợp tập nhật ký đã bị cuốn mất như thế nào.

Tôi bắt đầu viết cuốn nhật ký này là để thay thế cho tập cũ đã bị bão cuốn mất trên bờ con sông mà mấy chục năm trước, đối với tôi chỉ là một cái lạch nước nhỏ.

Trong tập nhật ký này, tôi sẽ lần lượt điểm lại và giải thích tất cả những gì tôi đã thấy, đã quan sát và khám phá được ở xứ Cỏ Rậm.

Tôi nhớ lại trận gió điên cuồng hôm ấy đã ngừng lại một cách đột ngột chẳng khác gì khi nó bắt đầu, cát bụi đã lắng xuống. Cây cối lại đứng im phăng phắc. Không gian lặng ngắt như tờ. Sau trận gió ghê gớm, mọi loài sinh vật dường như vẫn chưa hết sợ

hải. Dòng sông hình như cũng chảy từ từ và thận trọng hơn. Mặt trời tỏa nắng dịu dịu. Riêng tâm hồn tôi vẫn bồi hồi, đau đớn không nguôi, tôi đã mất vật quý giá nhất. Mất, nhưng tìm lại được, rồi lại mất và mất hẳn. Điều đó làm tôi đau đớn gấp bội! Nỗi đau buồn ấy không thước nào đo, không lời nào có thể tả cho được. Mọi chuyện bất hạnh cũng chỉ vì tôi quá bé nhỏ và thế giới quanh tôi đã lớn lên gấp hàng trăm, hàng trăm lần. Tất nhiên sự bất lực của tôi cũng vì thế mà nhân lên gấp trăm lần. Kêu khóc cũng chẳng thể làm động lòng những cây cỏ rì rào, dòng Đại Tĩnh Giang và mặt trời lúc nào cũng calm lặng kia.

Giờ đây nhớ lại, tôi thấy mình thật đáng thương khi chạy đuổi theo những trang nhật ký một cách tuyệt vọng và cầu mong cho gió đưa tới tay con người dù chỉ là một tờ nhật ký. Ngu ngốc và nực cười thay cho điều mong ước ấy của tôi! Dù cho con người có nhặt được nó đi nữa thì họ cũng làm sao mà đọc được, làm sao mà hiểu được!

Thật vô duyên cho tôi... Giấy còn ít quá. Vừa bắt đầu tập nhật ký mới thì đã hết giấy. Phải tạm ngừng công việc mà đi đến cái kho giấy của những con ong vẽ thôi!

PHẦN THỨ NĂM NGƯỜI CỨU NGƯỜI

TRÊN BỜ “SÔNG TRÁCH MÓC MUỘN MÀN”

Như vậy là Đum-sép đã bắt đầu viết tập nhật ký mới. Ông ta đã phải dừng công việc làm để đi kiếm giấy, mực.

Khi tôi đọc xong những trang ghi chép của Đum-sép thì mặt trời đã ngả về tây, bóng cây trải dài trên mặt đất.

Tôi tự hỏi: “Phải làm gì bây giờ?” Tất nhiên phải chuyển cho Đum-sép viên thuốc trả lại tầm vóc cũ. Hay là cứ dấu viên thuốc ở đây, dưới gốc cây cụt trong hang này để đi tìm ông ta đã? Không được, sao lại đem dấu cái vật đang cần trả lại? Không thể giây phút nào xa rời viên thuốc báu này! Tôi bọc viên thuốc vào chiếc áo choàng và quyết định sẽ đem nó theo mình.

Đum-sép viết rằng: ông ta đi đến tổ ong vẽ để kiếm giấy. Cái tổ ong ấy ở ngay gần gốc cây cụt, chỉ cách vài bước chân. Việc gì phải đi, cứ gọi ông ta cũng nghe thấy. Tôi lấy hơi định gọi thật to, song lại nhớ ngay ra rằng tiếng gọi của tôi sẽ chìm đi trong tiếng ào ào của cây rừng chẳng khác gì tiếng vo ve của muỗi. Tôi đã nhỏ lại, do đó khoảng cách giữa tôi và Đum-sép cũng tăng lên gấp nhiều lần. Phải đi, và đi lâu mới tới được cái tổ ấy.

Tôi xếp những trang ghi chép của Đum-sép vào chỗ cũ. Dưới ánh lân tinh những mảnh gỗ mục, tôi nhìn lại một lần nữa nét chữ ông ta và bất giác thốt lên: “Ôi, con người!” Ra khỏi cửa hang, trong đầu tôi vẫn vang lên mấy tiếng “con người”, “con người”. Mọi vật quanh tôi dường như bớt khùng khiếp: “Ở đây có con người, có Đum-sép!” Những ngọn cỏ ở xứ sở này dường như cũng nghe tôi thầm nói mà đáp lại một cách ân cần, niềm nở.

Đọc những trang ghi chép của Đum-sép, lòng tôi xiết bao xúc động. Tôi thấy thương cảm trước cuộc hành trình gian nan của ông, thấy vui sướng khi nghĩ rằng ông ta sẽ nhận được viên thuốc quý và trở lại với xã hội loài người. Riêng về phần mình, tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm vì không còn luôn luôn bị nỗi sợ hãi đè nặng nữa. Từ nay, tôi yên tâm: ở xứ Cỏ Rậm này, bên tôi đã có một con người! Từ nay, tôi sẽ có thể xem mọi chuyện xảy ra ở xứ Cỏ Rậm này như những chuyện thú vị và bổ ích. Đặc biệt đến lúc này, mọi bí mật những trang nhật ký tí hon mà tôi thu thập được ở Chen-xơ đã được giải đáp rõ ràng, rành mạch. Như vậy là: không có ai dùng máy ảnh chụp nhỏ lại những dòng chữ kia hết, mà đó chính là những nét bút một bàn tay người, nhỏ bé nhưng cứng cáp. Những trang giấy tí xíu dính ở bó hoa bay vào phòng tôi ở khách sạn cũng như những trang viết về cách chữa bệnh lao, tất cả đều là những trang trong tập nhật ký của Đum-sép bị gió cuốn đi.

Cần phải đi đến cái tổ ong vẽ tìm Đum-sép. Nhưng tôi chợt nghĩ lại: nhớ khi tôi đang đi tìm mà ông ta lại quay trở về rồi thì sao? Hay là viết giấy để lại? Nhưng viết trên cái gì mới được chứ? Hay là đợi? Ôi, “đợi”, cái tiếng ấy mới tàn nhẫn làm sao! Phải đi thôi.

Tôi đi sâu vào rừng, lòng tràn ngập niềm vui. Chẳng mấy chốc mặt trời đã xế bóng.

Tưởng chừng như mọi sự đều rõ ràng và đơn giản: đi đến tổ ong. Nhưng nó ở phía nào? Đông, tây, nam hay bắc? Tôi chẳng biết nữa. Mặt trời, cây cỏ, ai là người chỉ đường

giúp tôi bây giờ? Tôi cứ bước tràn, mỗi lúc một xa gốc cây cụt.

Tôi cố nhìn xuyên qua đám cây rậm và lắng tai nghe ngóng. Đâu đó có tiếng nước chảy róc rách. Rừng thưa dần rồi quang hẳn. Trước mặt tôi, dòng sông lấp lánh. Sông không rộng lắm, bờ bên kia nhìn khá rõ. Tất nhiên, đây không phải là dòng Đại Tĩnh Giang, nó chỉ là con “sông Trách móc muện mản” mà Đum-sép đã viết. Không biết vì sao tôi cứ đinh ninh là cái tổ ong ở bên kia sông. Phải tìm cách qua sông, chắc Đum-sép thế nào cũng làm một cái cầu ở đâu đây.

Tôi đi chậm chậm dọc theo bờ sông dốc đứng. Đôi chỗ nước xoáy, réo ào ào. Bờ bên kia thấp thoải đầy cát, sỏi. Có lẽ vào mùa mưa lớn, quãng sông này rộng và chảy xiết lắm.

Bỗng tôi thấy có mùi gì khó chịu như mùi cánh đồng mới bón phân. Đến khúc sông ngoặt thì một trái núi tròn lăn tới. Lại những “hiệp sĩ áo đen” - bọn hung! Tôi không kịp chạy nữa. Mà chạy đi đâu mới được chứ? Sau lưng tôi là vực sông. Trái núi cứ lừng lững lăn về phía tôi. Mùi a-mô-ni-ắc nồng nặc làm tôi choáng đầu, chóng mặt.

Tồm! Từ rất cao, tôi rơi xuống dòng nước đang réo, suýt nữa thì chết sặc. Tay giữ chặt cái áo choàng gói viên thuốc, tôi thả mình xuôi theo dòng. Một tấm ván trôi gần. Tôi bám lấy, du mình lên. Thật ra đấy chỉ là một mảnh gỗ con, song đối với tôi lúc này nó lại là một chiếc bè cấp cứu lớn. Chiếc bè đưa tôi sang bờ bên kia... Bước lên, tôi ngạc nhiên nhìn thấy những vết chân hằn sâu trên bãi cát ướt. Con người! Có một người nào đó vừa mới qua đây. Đum-sép chẳng?

LẠI CÁI “THÀNH PHỐ BẰNG GIẤY” CỦA NHỮNG CON ONG VÊ

Tôi cứ theo vết chân đi mỗi lúc một xa bờ sông. Nhất định sau chỗ ngoặt kia, tôi sẽ gặp Đum-sép...

Trí tưởng tượng của tôi vẽ nên những cảnh tượng thật bất ngờ. Tôi rảo bước, những vết chân bỗng mất hút trong đám cây rậm rạp. Lẩn mò trong bóng tối nhá nhem, tôi leo qua những khúc gỗ, những khe rạch, tay bám chặt vào cành lá hai bên đường. Một con chim lớn bay qua. Tôi nấp vào bóng cây. Trên đầu tôi, những bông hoa vàng đang đu đưa và tỏa ra một mùi hương lạ làm tôi ngây ngất. Tôi vội tránh xa. Tiếng rì rào dòng sông không còn nghe thấy nữa. Bóng cây thưa dần, và rừng cỏ đã sáng hơn. Tôi ngẩng đầu và kêu lên. Những trái lê khổng lồ đang treo trên đầu. Những con chim lớn màu vàng đang bay vào, tiếng cánh đập vù vù.

Tôi bước lên, nhưng lập tức dừng ngay lại: trước mặt tôi có một khúc gỗ lớn. Trên nền màu đỏ, tôi thấy lờ mờ những nét chữ vàng to tướng. Tôi tránh ra một bên để đọc và bật cười khi nhận ra mấy chữ: “Thiếu niên 3M”.

Đây là một nhãn hiệu bút chì! Loại bút chì mềm mà tôi vẫn ưa dùng. Khúc gỗ trước mặt chính là cái bút chì mà tôi đã đánh rơi gần cái tổ ong vẽ, khi tôi dứt một mảnh tổ ong và rút bút chì ra định viết thử lên đó. Tôi đi tìm mãi ở bãi cỏ mà không thấy. Bây giờ, khi mà đám cỏ đã trở thành những cây lớn đối với tôi, thì tôi lại tìm thấy nó.

Cái bút chì nhỏ vót nhọn, có sáu cạnh mà tôi vẫn dùng để ghi chép và phác họa, cái bút chì “Thiếu niên 3M” thân thuộc ấy vẫn như xưa. Cái tổ ong vẽ cũng vậy, chẳng có gì thay đổi. Nhưng tôi đã thay đổi hoàn toàn. Cái tổ ong đối với tôi bây giờ chẳng khác gì

một “thành phố” của những con chim lớn.

Lũ ong liên tục xây thêm những ô tổ mới, xếp trứng vào đấy, rồi đấy, trứng sẽ nở ra ấu trùng, cư dân tương lai của “thành phố”. Cũng trong lúc ấy, ong còn làm nhiều việc khác: nuôi ấu trùng, làm nắp đấy các ô và lấp kín cửa vào những ô, trong đó có ấu trùng sắp biến thành nhộng. Trong khi đó, công việc “xây dựng cơ bản” vẫn được tiến hành không ngừng: hết cầu này đến cầu khác xuất hiện, chuẩn bị cho những tầng mới. Việc sản xuất “bìa giấy” để xây dựng cũng được đồng thời xúc tiến.

Tôi mải nhìn. Bỗng một người mặc áo choàng chạy ra quãng rừng thưa. Tôi chưa kịp lên tiếng gọi thì người ấy đã chạy qua quãng rừng ấy, thoăn thoắt leo lên cành cây phía trên rồi nhảy phốc xuống mái ngói nhà khổng lồ bằng “giấy”. Lưỡi dao ánh lên loang loáng, trong chớp mắt, một mảng “bìa giấy” lớn đã bong ra...

Dum-sép!

Khi lũ ong thấy động lao tới, thì ông ta đã nhảy xuống đất và biến mất. Tôi định chạy theo, nhưng trời đất bỗng tối sầm, không gian rung lên, trên cao có tiếng rít ào ào.

Một bóng đen to như chiếc máy bay đỗ xuống chỗ rừng thưa.

Chiếc “máy bay” đó đỗ trên hai cột dài. Nó thu cánh. Cái đuôi đen lẫn trắng rung rung. Có lẽ là con chim chìa vôi.

Nhưng con người vừa chiến đấu dũng cảm với đàn ong đâu rồi?

Kia! Đứng trước con chim lớn, ông ta chỉ như một con sâu nhỏ.

Khéo con chim mổ ông ta mất. Tôi kêu lên để báo cho Dum-sép biết, nhưng ông ta không quay lại, chắc là không nghe tiếng. Con chim nhảy về phía ông ta. Nhưng Dum-sép đã nép vào một bờ đá rồi trườn lên mình chiếc áo khoác màu xám. Con chim đứng ngay bên cạnh, nhưng không nhìn thấy. Nó mổ một con giun trông to như con rắn, rồi vỗ cánh bay đi.

Cấp mảng “bìa giấy” dưới nách, Dum-sép vội vã bỏ chạy.

Nhưng ông chạy được mấy bước thì con chim lại sà xuống. Ông nép vào một tàu lá xanh. Cái áo xám rơi dưới đất, còn trên mình Dum-sép đã là chiếc áo xanh. Một lần nữa, con chim không tìm thấy ông ta và lại đập cánh ào ào bay đi.

– Dum-sép! - tôi gọi to.

Ông ta vẫn không nghe thấy, không quay lại và đang mất hút.

Phải đuổi theo ngay, nhưng tôi lại sợ ong đốt.

Tiếp tục gọi ư? Không được, tiếng ong vù vù sẽ át tiếng gọi của tôi. Mặc, chẳng còn cách nào khác, tôi lại gào lên:

– Dum-sép!...

Ông ta vẫn đi không ngoái lại!

Tôi thất vọng chạy theo cho kịp.

Lũ ong bay vo ve trên đầu. Tôi vừa chạy vừa phòng tránh: lúc nằm xuống, lúc đứng lên, tôi chỉ cần một điều: đừng để mất hút ông ta, đuổi cho kịp ông ta!

– Dum-sep! Du...um-se...ép!



Tôi có cảm giác như ông ta nhìn về phía tôi. Tôi nhặt sỏi, đá, cành cây tung lên báo hiệu.

Mà thật, ông ta đã nhìn thấy tôi và dừng lại. Nhưng dường như sợ hãi điều gì, ông ta lại bỏ chạy. Được mấy bước, không biết vì sao Đum-sép lại dừng. Lần này, ông ta quay lại, đi về phía tôi, vừa đi vừa vẫy tay.

Tôi vội bước lại. Nhưng mặt đất dưới chân bỗng rung chuyển rồi sụt xuống.

“TRẬN ĐỒ BÁT QUÁI”

Tôi ngã xuống một đồng mềm mềm. Xung quanh tối om, lặng ngắt. Lặng tai nghe, tôi thấy có tiếng thở khục khịt. Ai đấy? Hình như có vật gì đang cựa quậy ở gần.

Tôi bước sang một bên, nép mình vào tường rồi lấy tay sờ tường bằng đất, chỗ nhẵn thín, chỗ lại sần sùi. Tôi theo một hành lang dài hun hút chạy lên phía trước.

Hành lang xuống thấp dần. Tôi dừng lại. Phía trước có tiếng sóng vỗ ầm ầm. Cái gì vậy? Đường hầm dẫn xuống nước?

Tôi dừng lại, quay trở lên.

Tay lần theo tường, đến chỗ hành lang rẽ đôi, tôi đi vào ngách bên phải.

Bỗng chân tôi vấp phải một cành hay rễ cây gì đó. Nhặt lên xem, tôi thấy nó nhẵn thín... Chẳng có thời giờ đâu mà đoán xem đó là cái gì nữa. Phải mau mau thoát khỏi nơi này. Tôi vút cái cành rồi tiếp tục đi. Tôi còn phải đi bao lâu nữa? Phải chăng tôi đã lọt vào một vòng luẩn quẩn như cái miệng chén? Đây là lối ra? Hay chính là chỗ có tiếng nước ầm ầm ban nãy?

Lối đi lại rẽ đôi. Tôi lại vấp vào một cành cây. Cái cành ban nãy?

Tôi cứ đi mãi trong cái vòng bất tận như con ngựa mù kéo cán cối xay. Kẻ nào đã xây dựng nên cái “trận đồ bát quái” này?

Trong bóng tối dày đặc, tôi bất ngờ phát hiện ra một lối đi xuống. Nhưng lần này không có tiếng nước chảy nữa.

Rõ ràng là tôi đang đi sâu xuống lòng đất. Lối đi ấy dẫn tôi đến một hành lang mới cũng chạy vòng quanh như hành lang trước. Chốc chốc lại có một ngách hẹp. Tôi rẽ vào và hy vọng ngách ấy sẽ dẫn tôi lên mặt đất. Nhưng chúng đều là những ngõ cụt. Tôi quay ra rồi lại đi theo hành lang lớn.

Khi nào thì hết cái vòng luẩn quẩn này?

Bỗng tôi thấy dưới chân có một mớ cỏ khô.

Tôi ngồi xuống cái “ổ rơm” ấy và bắt đầu thiu thiu. “Trận đồ bát quái... trận đồ bát quái...” Tôi lẩm bẩm trong miệng và nhớ lại một câu chuyện thần thoại cổ Hy Lạp.

Trên đảo Crít có một tòa lâu đài - một trận đồ bát quái - mà không một ai lọt vào đây có thể tìm được lối ra. Đó là nơi ở của con quái vật mình người, đầu bò Mi-nô-tô-rơ chuyên ăn thịt người. Cứ chín năm một lần, dân thành A-ten phải nộp cho nó ăn thịt bảy thanh niên và bảy thiếu nữ. Tê-xê định giết chết con quái vật ấy và xóa bỏ cái lệ cống nạp nhục nhã kia cho dân A-ten. Nhưng Tê-xê làm thế nào mà thoát được ra khỏi cái trận đồ bát quái?

Nàng A-ri-át-nơ, con gái vua đảo Crít là Mi-nốt, đã trao cho Tê-xê, người yêu của mình, một cuộn sợi và một thanh kiếm sắc. Tê-xê đã buộc đầu dây ở cửa vào lâu đài rồi vừa đi tìm quái vật vừa rải cuộn sợi. Tê-xê, với thanh kiếm sắc đã giết chết quái vật Mi-nô-tô-rơ và cuộn sợi dây đánh dấu đường của nàng A-ri-át-nơ đã dẫn chàng ra khỏi trận đồ bát quái.

Tôi đang lạc trong cái trận đồ bát quái của kẻ nào đây? Con Mi-nô-tô-rơ nào đang đợi tôi đây?

Con chuột chũi! Đúng là con chuột chũi!

Thật nực cười, con người lạc trong hang chuột mà không tìm được lối ra!

Chuột chũi đào hang ở dưới đất và sống bằng sâu bọ, giun dế. Đôi khi nó cũng bò lên

mặt đất. Phải tìm cho ra lối ấy của nó.

Xung quanh tối như bưng, im lặng như tờ. Quá mệt mỏi, tôi phải chống lại cơn buồn ngủ. Bỗng có tiếng gọi:

– Có ai đấy không?

Tôi bật dậy, kêu to đáp lại:

– Có tôi đây! Lại đây! Lại đây!...

Im lặng. Tôi mơ ngủ chẳng? Tôi lại lắng tai nghe, vẫn chẳng có gì ngoài bóng tối và sự yên lặng. Tiếng gọi kia chỉ là do tôi tưởng tượng ra!

Có lẽ lúc này trên mặt đất, bóng đêm đang buông xuống và người ta đang cùng nhau cất lên tiếng ca vui vẻ.

Tiếng thở khình khịt của con vật mỗi lúc một gần, một to hơn.

Tôi chạy theo một hành lang và thấy hình như nó đi lên dần. Một làn không khí tươi mát thoảng qua.

Sắp đến lối ra rồi!

Có ánh lửa lập lòe di động ở trước mặt.

Đó là Đum-sép! Tôi tưởng như trông thấy Đum-sép đang nắm chặt bó đuốc. Tôi lao về phía đó. Con chuột chũi vẫn thở khình khịt ở đằng sau tôi.

Bỗng ánh đuốc tắt ngấm.

Tôi đưa tay quờ quạng tìm được một lỗ hổng trên đầu. Đạp chân vào vách, tôi dướn lên cố sức phá rộng cái lỗ. Con chuột chũi đã gần lắm.

Cuối cùng, tôi cũng kịp vươn tay đu mình lên mặt đất.

Trên mặt đất đã là đêm. Ánh đuốc tiến lại gần tôi.

ÁNH LỬA

– Đum-sép! Đum-sép!

Bỗng quanh tôi bùng lên hàng chục ánh lửa.

Tôi hoang mang không hiểu ra sao. Ánh lửa lúc xa, lúc gần, lúc sáng, lúc tắt...

Đó là những ánh lân tinh của gỗ, lá mục và những con đom đóm. Nhưng đâu là ánh đuốc của Đum-sép? Chắc ông ta đang giơ cao một mảnh gỗ mục. Tôi đành đứng yên chờ Đum-sép đến với mình vậy.

Một ánh lửa từ từ tiến lại, tôi nghe có tiếng người hỏi:

– Có ai đấy không? Có ai đấy không?

– Đum-sép! Đum-sép! - tôi kêu to.

Ánh lửa lại gần hơn và tôi nghe rõ tiếng nói:

– Tôi đến đây!

Bỗng cả ánh lửa, cả tiếng nói lẫn cây cối lùi ra xa. Tôi mất thăng bằng, chân loạng choạng. Vì sao mọi vật đều chạy ra xa tôi, đều lướt đi qua tôi?

Dưới ánh trăng mờ và những đốm lửa lấp lánh, tôi nhận ra mình đang đứng trên chiếc lá và một con giun đất đang kéo nó đi.

Phải nhảy ra khỏi cái lá này. Vừa mới nghĩ như vậy, tôi đã thấy con giun kéo cái lá xuống lỗ. Tôi chỉ còn kịp giơ tay bấu chặt lấy bờ đất, co chân lên. Cái lá bị lôi tuột vào lòng đất, còn tôi ở lại bên trên. May mắn thay! Tôi thở phào.

Xung quanh vẫn lặng ngắt như tờ.

Tôi cứ đứng đờ ra như người lính gác bên miệng lỗ giun.

Ánh lửa trong rừng như những con mắt lại nhìn về phía tôi, lúc sáng, lúc tắt. Trong những đốm lửa ấy, làm sao mà phân biệt được đâu là ánh đuốc của Đum-sép!

Chờ mãi chẳng thấy ai đến. Một làn gió mát lạnh thoảng qua làm tôi rùng mình. Tất nhiên không thể sưởi ấm bằng ánh lửa đom đóm được, nhưng tôi vẫn tiến về phía có nhiều ánh lửa nhất. Chúng chẳng khác gì những ngọn đèn đủ màu: xanh, vàng, đỏ... Thoạt tiên, chúng sáng bừng, sau đó ánh sáng yếu dần rồi tắt phụt. Tôi giơ tay ra hơ trước từng ngọn đèn và suy nghĩ: "Ôi con đom đóm! Hãy cho ta chút hơi ấm!" Không, hơi ấm của mi có được là bao. Mi đã dồn tất cả năng lực vào ánh sáng rồi. Đứng trước mi, ta chẳng khác gì một nhân vật đáng thương trong tiểu thuyết của Dích-ken, vào một đêm giá lạnh đã ngồi sưởi đôi tay bên ngọn nến leo lét. "Tạm biệt mi nhé, con đom đóm kia! Mi cứ giữ lấy chất sắc tố lam-pê-rin của mình, cứ để cho phản ứng ô-xy hóa trong người mi tạo nên những ánh sáng lạnh lẽo và tuyệt đẹp. Tạm biệt!"

Tôi quay lại cái hố, nơi con giun đất đã bỏ đi, ngồi tựa vào một mô đất, thiu thiu ngủ. Có thể Đum-sép sẽ đến tìm và thấy tôi.

GẶP GỠ

Mặt trời mọc. Một buổi sáng ở xứ Cỏ Rậm bắt đầu. Thế là Đum-sép đã không tìm thấy tôi. Phải quay lại gốc cây cụt tìm ông ta thôi, rất có thể lúc này ông đã về đến nhà.

Tôi bắt đầu đi xuyên qua rừng cỏ. Quanh tôi đủ mọi loài sinh vật đang bay, nhảy, chạy. Chúng phát ra đủ mọi thứ tiếng động. Trong những âm thanh hỗn loạn ấy, tôi chợt nhận ra tiếng vù vù quen thuộc của con ong cắt lá. Hôm qua, tôi đã được một bữa no nê trong tổ nó. Lúc này, tôi đang đói, biết đâu lại chẳng được một bữa ngon lành nữa đây...

Nhưng khi con vật đậu xuống đất thì tôi mới thấy nó không phải là con ong cắt lá. Tôi biết chẳng thiếu gì loài ong sống đơn độc như vậy.

Bụng đói, tôi thèm thuồng nhìn những hạt phấn hoa dính ở chân, ở mình con ong.

Tổ ong ở dưới đất, ngay gần tôi. Thế mà tôi không nhận ra: miệng tổ phủ kín lá. Con ong chui xuống lỗ. Con ong đất!

Một lát sau, nó chui ra, kéo lá che miệng lỗ rồi bay đi. Tôi chạy đến. Vừa đói, vừa mệt vì thiếu ngủ, tôi loay hoay mãi mới kéo được chiếc lá nặng trĩu ra khỏi tổ. Bây giờ thì phải nhảy xuống tổ. Nhưng tôi sợ vì tổ ong sâu hun hút. Tôi kiếm một cây sào thả xuống. Nhưng vừa mới bám lấy sào định tụt xuống, tôi đã nghe vù vù trên đầu. Chủ nhân đã quay lại. Chắc tôi không thoát khỏi tai họa.

Tôi trèo lên, vớt cây sào, bỏ chạy. Chẳng hy vọng gì được vào cái tổ này: con ong đi đi về về rất nhanh! Tôi không thể khôn ngoan hơn nó vì không đủ sức và đủ kiên nhẫn.

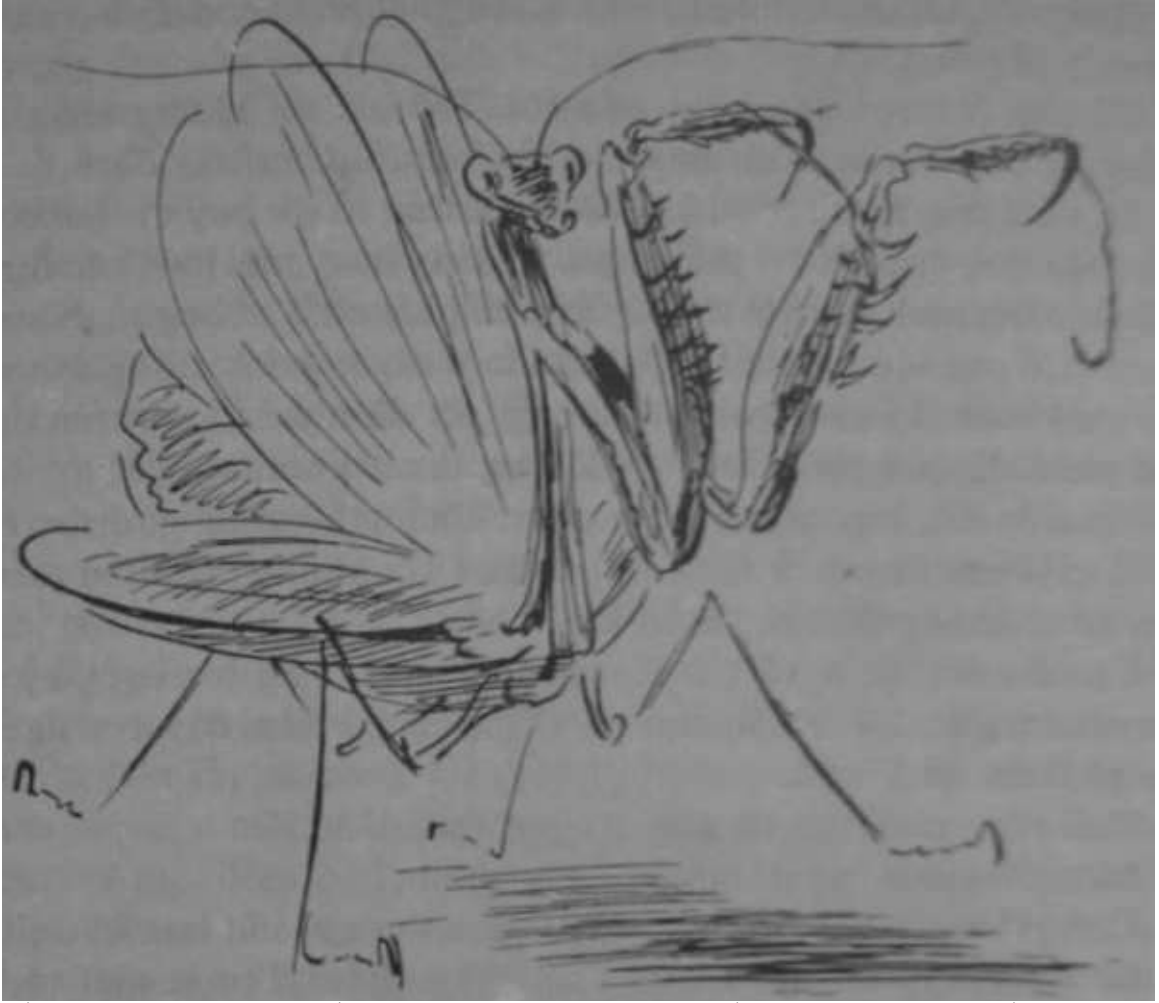
Có điều rất lạ: ở xứ Cỏ Rậm này, cái gì cũng bất ngờ, kỳ dị, nhưng cảm giác đói thì vẫn như cũ. Ở cái xứ Cỏ Rậm này, con người vẫn phải ăn, phải ngủ.

Phải mau mau trở về gốc cây cụt thôi.

Một tiếng bật mạnh làm tôi giật mình.

Con gì vậy? Cánh xanh và hẹp, đôi càng sau dài hơn các chân trước và có cặp đùi to,

khỏe. Con châu chấu! Trước mặt tôi là một bụi cây rậm rạp. Có tiếng sột soạt trong đó, rồi một con vật màu xanh lá mạ, thân hình cân đối nhô ra. Nó nhìn mặt trời mọc, đôi càng lớn chắp trước ngực, vẻ hiền từ. Con bọ ngựa! Con vật nhồm nguời, lẳng tai nghe ngóng. Nó ngoảnh đầu về phía vừa mới phát ra tiếng động. Bằng một động tác dẻo như múa, con vật vươn dài “đôi tay” để lộ ra những hàng răng cửa lởm chởm, nhọn hoắt.



Bụp! Một tiếng động khô khốc. Nhìn lên, tôi đã thấy con châu chấu bị kẹp chặt giữa cái gọng kìm đáng sợ ấy. Con vật đáng thương giãy giụa, đập chân chới với một cách tuyệt vọng rồi cứng đờ ra. Một “tay” giữ, một “tay” vít mỗi đưa vào mồm, con bọ ngựa bắt đầu ăn.

Mặt trời đã lên cao. Ăn xong, con bọ ngựa lại “hiền từ” chắp đôi tay khủng khiếp lên nhìn mặt trời như cầu nguyện. Rõ là đồ đạo đức giả!

Nhưng đầu nó thỉnh thoảng lại quay về một hướng khác.

Mãi nhìn những động tác duyên dáng của con bọ ngựa, tôi quên bằng mọi nỗi sợ. Tôi bám vào những rễ cây để đến gần hơn, cần quan sát kỹ hơn hai lưỡi cửa của bọ ngựa.

Tôi vấp phải một rễ cây từ dưới đất chồi lên và bị ngã.

Hoảng sợ, tôi nhồm ngay dậy. Nhưng muộn mất rồi! Đôi tay chắp lại cầu nguyện ban này đã vươn ra.



Con bộ ngựa xông về phía tôi. Nó cao, cao lắm, cao hơn tôi gấp ba bốn lần. Tôi thét lên, vung mạnh cái áo choàng gói viên thuốc rồi nhảy sang một bên. Nhưng không kịp nữa cái gọng kìm lớn chồm sập hạ xuống khép lại...

Chuyện gì vậy? Con bộ ngựa lăn đùng ra đất. Tôi không đứng vững được nữa và cũng ngã xuống cạnh nó. Thật hay mơ thế này? Một bàn tay người ấm áp lau mồ hôi trên trán tôi và nâng tôi dậy. Tôi nghe có tiếng nói:

– Anh đấy ư? Chao ôi, sao có thể cả tin một tên ác ôn như vậy được?

Tôi thều thào:

- Có phải ông đã cứu tôi đấy không? Có phải ông là Đum-sép không?
- Vâng, tôi là Xéc-gây Đum-sép đây!



Tôi sững sờ chẳng nói nên lời. Không ngạc nhiên sao được, khi trước mặt tôi là một con người lạ thường, là Xéc-gây Đum-sép, một Đum-sép bằng xương bằng thịt! Ông khoác trên vai mấy chiếc áo choàng dài, ngắn và màu sắc khác nhau. Bên trong là cái áo “gi-lê” may bằng bìa giấy. Cái túi đi đường (là một chiếc kén) đặt bên cạnh.

- Suốt đêm qua tôi đi tìm anh, - Đum-sép nói, - Tôi đã chui cả vào cái tổ chuột chũi. Tôi gọi mà anh cứ đi.

- Bác Đum-sép... - tôi thì thảo. - Tối hôm qua, tôi đã trông thấy bác, rất gần, tôi

đuổi theo, gọi, nhưng không được. Tôi đi tìm, rồi cả đêm qua vẫn đợi bác... và... và bỗng nhiên bác đã cứu sống tôi thoát khỏi nanh vuốt con thú dữ này!

– Có gì đâu! Chẳng qua tôi cũng chỉ “học tập” chúng đấy thôi! Anh có thấy tôi cầm cái ngòi ong đây không? Nó chẳng khác gì thanh kiếm. Chỉ việc nhẩy lên lưng con vật kia và làm tê liệt hệ thần kinh nó. Tôi học được ngón võ ấy của loài ong đặc biệt!



– Ở xứ Cỏ Rậm?

– Sao? Anh nói là ở đâu?

– Ở xứ Cỏ Rậm.

– Anh nói đúng đấy: xứ Cỏ Rậm... Đã từ lâu, tôi gọi mảnh đất này bằng cái tên ấy. Nhưng ai đã cho anh biết tên gọi ấy?

– Tôi đã đọc thấy trên những trang ghi chép của bác để ở nhà.

Tôi mở gói lấy thuốc ra đưa cho Đum-sép.

– Bác Đum-sép! Đây là viên thuốc lấy lại tầm vóc cũ.

Đum-sép nhìn viên thuốc, hững hờ nói:

– Tôi đang cần mực để viết tập nhật ký mới!

“Kỳ lạ thay, - tôi nghĩ, - tại sao Đum-sép lại có thể thờ ơ với viên thuốc báu như vậy? Hay là viên thuốc này không có tác dụng như tôi tưởng, nhưng Đum-sép không muốn nói với tôi điều đó?”.

NHỮNG ẮN TƯỢNG ĐẦU TIÊN

Tại sao thấy tôi ở xứ Cỏ Rậm, Đum-sép lại có thể trò chuyện tự nhiên như đã biết tôi từ lâu như thế nhỉ? Ông ta làm như cái miền hoang vu này là một đường phố có ghế đá đặt dưới bóng cây, nơi các bà mẹ đang ngồi vừa đan vừa nhìn lũ trẻ nô đùa. Còn Đum-sép và tôi gặp nhau như những người hàng xóm gần gũi.

Trong cuộc chiến đấu giữa trí tuệ con người và bản năng phong phú của mọi loài sinh vật ở xứ Cỏ Rậm này, trí tuệ con người đã chiến thắng. Đum-sép đã chú ý nghiên cứu những phản ứng, những bản năng tự nhiên các loài côn trùng và ông ta chẳng những không chết, mà còn hướng sức mạnh các bản năng ấy phục vụ ông - cho con

người.

Giữa xứ sở này, cử chỉ của Đum-sép vẫn bình tĩnh. Khi thấy tôi xuất hiện ở đây, ông cũng chẳng ngạc nhiên và cũng chẳng hỏi duyên cớ vì đâu. Rõ ràng là mấy chục năm sống ở đất này, luôn luôn phải chống chọi với bao nguy hiểm, con người với trí tuệ kiêu hãnh của mình đã quen sẵn sàng ứng phó với những tình huống khó khăn nhất. Cuộc sống ấy đã làm cho Đum-sép không ngạc nhiên trước bất kỳ chuyện gì.

Ông bước ra cách tôi mấy bước, xem xét những dấu vết gì đó, lắng nghe tiếng cây cỏ rì rào và lẩm bầm một mình. Có lẽ thói quen ấy đã hình thành sau hàng chục năm sống cô độc ở đây. Ông nói chậm rãi, nhỏ, nhưng rành rọt.

– Nói thế nào với anh ta được nhỉ? - ông tự hỏi rồi lại tự trả lời: - Anh ta có vẻ hay chuyện, láu táu. Giống hệt một con châu chấu, hiếu động, ồn ào. Nhưng biết làm thế nào? Anh là còn trẻ.

Tôi lên tiếng:

– Bác Đum-sép! Sao bác thấy có người bỗng nhiên đến đây mà bác không ngạc nhiên? Bác cũng chẳng hỏi gì cả...

Đum-sép chậm rãi trả lời:

– Có gì mà ngạc nhiên? Thật đơn giản và rõ ràng. Con người đã tìm được các hợp chất làm cho cơ thể nhỏ lại và lấy lại tầm vóc cũ thì anh xuất hiện ở đây là chuyện tất nhiên thôi.

Đum-sép dăm dăm nhìn về phía xa hỏi tiếp:

– Còn có ai đến nữa không?

– Không! Không! - tôi vội kêu lên. - Người ta tìm những hợp chất ấy để làm gì cơ chứ! Những kính hiển vi hiện đại đã đủ sức giúp con người nghiên cứu được những cơ thể nhỏ bé nhất.

– Chỉ nghiên cứu bằng kính hiển vi mà không cần phải sống ở xứ Cỏ Rậm này ư?...

Tôi im lặng không trả lời. Câu chuyện giữa chúng tôi bị đứt quãng ở đây.

Sau đó, tôi thấy Đum-sép lẩm bầm một mình:

– Hừ, mà sao anh ta lại xuất hiện ở đây, gần chỗ ở của mình nhỉ?

– Sao? - tôi lên tiếng. - Chẳng qua cũng là vì những tờ giấy dính trong bó hoa đấy, bác ạ.

Đum-sép nhìn tôi vẻ ngỡ ngàng:

– Anh nói bó hoa nào?

– Một buổi tối, người ta ném vào cửa sổ phòng tôi ở khách sạn một bó hoa. Trong bó hoa ấy có dính những tờ giấy nhỏ, những tờ giấy bí hiểm...

– Anh nói lần rồi, anh bạn ạ!

– Không, đúng như thế đấy!

– Bó hoa... tờ giấy... khách sạn... - Đum-sép nhún vai.

Tôi nói tiếp:

– Những tờ giấy ấy đã được đọc dưới ống kính hiển vi. Những tờ trong tập nhật ký của bác.

Đum-sép lộ vẻ mừng rỡ:

– Nó đã đến được rồi ư?

– Bác nói ai? Bác nói cái gì thế?

– Tôi nói tập nhật ký, những phát hiện của tôi trong những năm ở xứ Cỏ Rậm. Người ta tìm được tất cả các tờ của tập nhật ký ấy chứ?

– Tìm được ba tờ, bác ạ! Nội dung khó hiểu và thật bí hiểm.

Đum-sép đau buồn nói:

– Tập nhật ký gồm nhiều trang lắm. “Con lạc đà” của tôi đã phải thồ nó thật khó nhọc. Nhưng con vật chết mất rồi. Tôi cứ đi mãi, đi theo hướng đông bắc về phía nhà chòi. Tôi định vượt sông đến cái nhà chòi, nhưng bão đã làm đắm bè... Con quái vật dưới đáy nước đã bảo vệ tập nhật ký ấy. Nhưng rồi... gió đã cuốn đi tất cả. Gió...

Đum-sép im lặng. Tôi vẫn định ninh trong dạ rằng: chẳng lâu la gì nữa, mà rất có thể là ngay trong ngày hôm nay, Đum-sép sẽ trở về với mọi người. Chẳng cần phải nghĩ đến chuyện giấy, mực làm gì nữa. Trở lại với mọi người, Đum-sép chỉ việc nhớ lại, kể lại tất cả những gì ông đã viết trong tập nhật ký. Ông đã vượt qua biết bao thử thách gian nguy, đã thể hiện một tinh thần kiên trì, bền bỉ, sáng tạo biết chừng nào để đóng góp những hiểu biết mới của mình vào kho tàng kiến thức loài người, để đem cuốn nhật ký ghi chép của mình cho con người, cuốn nhật ký mà nay chỉ còn lại vển vẹn có ba tờ!... Giờ đây mọi chuyện đều đã qua.

Tôi muốn nói với Đum-sép về chuyện ấy, nhưng không biết nên bắt đầu như thế nào. Viên thuốc vẫn nằm trước mặt chúng tôi, chỉ cần cởi áo bọc ngoài ra, nhưng ban nãy, ông ta đã thờ ơ với nó. Tại sao vậy?

Đum-sép bỗng lên tiếng hỏi, cắt đứt luồng suy nghĩ của tôi:

– Anh nói con người chưa nghiên cứu sáng chế ra những hợp chất có tác dụng làm thay đổi tâm vóc con người. Vậy sao anh lại có mặt ở đây được?

– Bác ạ, chỉ vì trong túi tôi có gói thuốc bột và hai viên thuốc. Chúng ở trên bàn trong ngôi nhà gỗ nhỏ...

– Và anh đã uống gói thuốc bột có phải thế không?

– Đúng thế. Còn viên thuốc này tôi vẫn giữ cho bác đây, bác Đum-sép ạ, - tôi vừa nói vừa đưa viên thuốc ra.

– Kìa, cái túi! Anh xem cái túi có tốt không!

– Đâu? Bác nói gì thế?

– Cái túi lớn thế kia đang chuyển động mà anh không thấy à? - Đum-sép chỉ cho tôi một con sâu to mà trước đây có lần tôi đã tưởng là một con trăn.

– Sao bác lại gọi nó là cái túi?

Nhưng Đum-sép đã đứng lên, chạy khuất vào sau đám cỏ về phía con sâu.

Một lát sau, ông quay lại vui vẻ nói

– Con sâu ấy dẹt một cái kén bằng tơ tuyệt đẹp. Tôi đã hất nó ra ngoài. Anh sẽ có một cái chăn túi rất tốt. - Ông vỗ vỗ vào cái túi đi đường của mình, nói tiếp: - Chẳng kém gì cái túi này của tôi đâu...

Tôi trở lại câu chuyện đang nói dở:

– Bác Đum-sép! Tôi đã giữ được hai viên thuốc. Một viên đây...

– Còn viên kia?

– Lũ bọ hung đẩy đi mất rồi.

– Tôi biết, tôi biết... Viên thuốc dính vào “quả cầu tròn” của chúng. Anh còn nhớ anh gặp chúng lần cuối cùng ở chỗ nào chứ? Ta sẽ lấy lại viên thuốc! Lũ chúng chẳng có gì khó. Nếu đấy là quả cầu mà chúng để trứng vào thì viên thuốc vẫn còn. Còn nếu đấy là quả cầu để ăn thì viên thuốc mất rồi!

MỘT CHUYỆN MẾCH LÒNG

Một chuyện méch lòng đáng tiếc đã xảy ra giữa tôi và Đum-sép.

Đầu đuôi câu chuyện thế này.

Từ bụi cây rậm rạp, nơi tôi được Đum-sép cứu thoát khỏi cái “gọng kìm” đáng sợ của con bọ ngựa, chúng tôi lên đường đi tìm viên thuốc. Chúng tôi đi ra sông để vượt sang bờ bên kia đến chỗ tôi đã bị mấy “hiệp sĩ áo đen” dồn ngã xuống nước. Đum-sép đi trước, vai khoác chiếc túi lớn đựng mảnh bìa giấy lấy được ở tổ ong, còn trong tay là thanh kiếm sắc.

Tôi biết hầu như ngày nào Đum-sép cũng rình lũ sâu kéo kén. Cắt dây, hắt chúng ra lấy cái kén đem về tắm một chất đặc biệt, thế là được một cái túi. Ở xứ Cỏ Rậm này còn có thể kiếm được cả sáp, sơn, i-ốt, crê-ô-dốt và nhiều hợp chất khác nữa.

Đum-sép bước đi rất nhẹ nhàng, nhanh nhẹn. Còn tôi, vai khoác cái áo gói viên thuốc và chiếc thìa gỗ, cố bám sát theo sau.

Tôi vừa đi vừa nghĩ ngợi: tại sao khi tôi đưa cho Đum-sép viên thuốc, ông chẳng quan tâm gì cả, mà lại nói sang chuyện mực? Thật kỳ lạ... Chỉ cần uống viên thuốc là vài giờ sau, ông ta đã có thể ngồi ở bàn làm việc của mình trong phòng thí nghiệm, sau mấy chục năm sống đơn độc!

Thế mà ở đây, ông vẫn phải lấy mảnh bìa tổ ong kia làm giấy viết.

Dường như đoán được ý nghĩ của tôi. Đum-sép nói:

– Con người quan sát được nhiều điều ở các loài côn trùng và cũng lấy được nhiều thứ của chúng để phát triển văn hóa. Chẳng hạn như mực...

Tôi lập tức giải thích ngay cho Đum-sép rằng người ta sản xuất mực bằng thuốc nhuộm a-ni-lin.

– Anh không hiểu điều tôi muốn nói rồi, - Đum-sép phản đối. - Trước khi có những chất thuốc nhuộm như anh nói, người ta đã để ý đến giống ruồi mực và những khối u mà chúng để lại trên cây những “quả mực”... Mực là một chuyện đơn giản, nhưng nền văn hóa loài người đã nhảy vọt chính là từ ngày nó xuất hiện. Quan sát, nghiên cứu đời sống các côn trùng. Ở đây có biết bao của cái phong phú!

– Mực chỉ là cái vật, - tôi phản đối.

Chẳng để ý gì đến ý kiến tôi, Đum-sép vẫn nói tiếp:

– Con ruồi ấy chọc thủng lá, đẻ trứng vào đấy. Thế là ở chỗ ấy hình thành một khối u, một “quả mực”. Ấu trùng sống trong đó. Từ những “quả” ấy, người ta làm ra mực. Còn giấy? Con ong đã dạy cho người ta cách làm giấy bằng bột gỗ. Giấy làm bằng sợi lanh quá đắt. Trong khi đó, nền văn hóa nhân loại lại đòi hỏi rất nhiều giấy. Đã hàng triệu năm nay, loài ong vẽ dùng hàm nạo những sợi gỗ, nghiền chúng thành một thứ bột mịn, rồi tiết ra một chất keo, nhào thành một viên bột giấy. Sau đó, ong lại dùng hàm ép viên bột giấy thành tấm mỏng. Thế là đã có vật liệu để xây dựng tổ. Người ta biết làm giấy bằng bột gỗ mới cách đây chừng một trăm năm. Đó chính là thứ giấy mà ngày nay người ta vẫn dùng để viết, để in sách. Đó chính là một bước ngoặt về kỹ thuật, một bước nhảy vọt về văn hóa!

Chúng tôi đi tiếp.

Về mặt Đum-sép trang nghiêm một cách kỳ lạ khi ông nói về những con ruồi mực, những con ong vẽ. Nhưng khi tôi đưa viên thuốc ra, ông cũng dường như không nhìn

thấy. Sao vậy? Phải chăng tâm hồn say sưa tìm tòi, nghiên cứu đã lấn át cả ý muốn trở về xã hội loài người của ông? Phải chăng ông không muốn rời bỏ xứ Cỏ Rậm này?

Đang đi, Đum-sép bỗng đứng lại lăm bắm một mình:

– Anh ta vác có vẻ nặng quá. Mà cái túi của mình lại đầy chặt bìa cứng rồi. Phải làm thế nào cho hai tay được thoải mái.

Quay lại tôi, ông nói:

– Hay là chúng ta giấu đồ lẻ vào một chỗ để đi cho nhẹ. Chúng ta sẽ giấu vào một chỗ chắc chắn, vào tổ ong thợ nề.

Mấy tiếng “ong thợ nề” ông nói với một giọng kính trọng khác thường.

Đum-sép rẽ sang bên, đi qua một quãng rừng thưa rồi dừng lại.

Một mỏm núi đá trụi sừng sững trước mặt. Một công trình xây dựng màu trắng trắng, hình bán nguyệt bám vào vách núi.

Đôi chỗ có những lỗ tròn. Lại gần, tôi thấy miệng lỗ rất nhẵn nhụi.

– Không có chỗ nào cất giấu tốt hơn ở đây đâu, - Đum-sép nói với tôi. - Đây là tổ lữ ong thợ nề. Những con ong non đã đục tổ chui ra và bay đi. Bây giờ ở đây chẳng có gì cả, cất ở đây là tốt nhất.

Đum-sép đỡ lấy cái gói trên vai tôi, sửa lại cái túi đựng bìa cứng của mình rồi bắt đầu trèo lên mỏm núi đá. Tôi lóc cóc theo sau. Đến nơi, Đum-sép buộc dây ròng các thứ định cất giấu xuống lỗ rồi lấy đá lấp lại.

– Anh nhớ được chỗ giấu này chứ? - Đum-sép hỏi tôi.

– Nhớ làm sao được!

– Anh phải học môn họa đồ của bấy ong đi thôi.

– Môn họa đồ? Làm gì có chuyện ấy! Chẳng qua chỉ là bản năng, kết quả của hàng triệu năm thích nghi... Nhưng bản năng thì bao giờ cũng mù quáng, máy móc và bị hết sức hạn chế!

Tôi nói một cách gay gắt. Nào có phải tôi muốn gay gắt đâu, nhưng quả thật là tôi thấy hơi bức mình.

Đum-sép phản đối quyết liệt:

– Không đúng đâu! Con ong bao giờ cũng tìm được tổ nó một cách chính xác, không lầm lẫn.

– Đúng rồi! - tôi nổi nóng. - Nhưng nếu di chuyển tổ nó đi, chuyển gần thôi, là nó cũng đủ chịu chết không tìm ra. Nó chỉ biết quay trở lại chỗ cũ mà từ đó nó bay đi. Đây là bản năng. Vậy mà bác lại nói: con người phải bắt chước con ong! Vô lý! Giữa đại dương mênh mông, con người có thể tìm thấy con người. Trí tuệ con người đã sáng tạo ra địa bàn cùng biết bao dụng cụ hết sức phức tạp khác nữa.

Đum-sép nhú mày im lặng một lát rồi nói:

– Dù sao con người cũng phải học tập giống ong thợ nề. Chúng đã làm ra xi-măng, rồi dùng xi-măng xây dựng chỗ ở này cho con cháu. Đất sét, vôi được nhào bằng nước rãi ong sẽ kết chặt lại với nhau ngoài không khí và cứng lại mãi mãi! Đum-sép nhấn mạnh hai tiếng “mãi mãi”.

Rõ ràng là ông ta có vẻ bức bối với ý kiến tôi cho rằng người ta chẳng có gì mà phải học tập con ong thợ nề.

– Chính cái con ong-thợ nề nhỏ bé ấy đã mách cho con người bí mật của việc chế tạo xi-măng đấy.

Tôi định lên tiếng, nhưng Đum-sép đã nói ngay:

– Người xưa rất tinh. Người Ai Cập ngày trước đã để ý thấy con ong-thợ nề xây tổ trên đá bằng “xi-măng”. Và những người xây dựng các kim tự tháp Ai Cập đã bắt chước chúng. Xi-măng giữ cho các kim tự tháp đứng vững mãi mãi! Cho đến tận ngày nay!

– Một số kim tự tháp nay chỉ còn là đồng đá vụn, - tôi lên tiếng phản đối luôn.

Không biết sao lúc ấy tôi lại nhớ đến dòng chữ ghi dưới hình vẽ kim tự tháp trong một tập ảnh về lịch sử cổ Ai Cập như sau: “Xin đừng đánh giá tôi quá thấp so với các kim tự tháp bằng đá, vì người ta đã xây dựng tôi bằng cách moi đất bùn để làm gạch xây tôi”.

Tôi đọc to dòng chữ đó của một vị pha-ra-ông^[39] đã ghi trên kim tự tháp, cho Đum-sép nghe.

– Tôi biết, tôi biết! - Đum-sép nói. - Đây là kim tự tháp A-xi-khít. Nó đã đổ nát, đúng là như vậy. Nhưng đào lên, người ta vẫn thấy rõ là thợ xây dựng cổ Ai Cập đã dùng vữa của loài ong kia để xây gạch. Họ đã học tập con ong.

– Bác Đum-sép ơi, chuyện xây dựng kim tự tháp của những người cổ Ai Cập là chuyện lịch sử rồi. Bây giờ người ta đã tìm được nhiều chất kết dính mới: xi-măng poóc-lan, xi-măng thủy lực. Từ xi-măng, người ta có thể chế tạo ra một vật liệu xây dựng mới là bê-tông. Ngày nay, đã có những tòa nhà lớn, những chiếc cầu dài, những mái che rộng... bằng bê-tông cốt sắt. Và con ong chẳng mách gì cho người ta về bí mật của việc sản xuất bê-tông cốt sắt hết!

Đum-sép chăm chú nghe rồi lẩm bẩm:

– Bê-tông cốt sắt... Bê-tông... thủy... Tôi không hiểu...

– Bác Đum-sép, bác đồng ý với tôi chứ? Chẳng có gì để chúng ta phải học tập ở con ong cũng như những loài côn trùng khác. Chúng chỉ là những cái máy sống.

– Sao? Anh nói thế nào?

– Tất cả các loài côn trùng ấy chỉ là những cái máy sống! Chúng chỉ là những sinh vật hạ đẳng.

Nhìn nét mặt Đum-sép, tôi biết rằng câu nói của mình đã làm cho ông méch lòng thực sự.

Chúng tôi tụt xuống khỏi mỏm đá. Tôi nghĩ thầm: thế là tôi không biết tự kiểm chế và đã làm tổn thương con người mà tôi đã gắn bó từ khi chưa biết mặt. Tôi đã tìm kiếm và chờ đợi mãi ông ta ở xứ Cỏ Rậm này. Ông ta lại đã cứu sống tôi... Thế mà tôi lại làm ông phải méch lòng.

Mặt trời đã lên cao. Tôi leo đèo đi sau Đum-sép. Tôi muốn nói với ông rằng: tôi cảm thấy mình có lỗi, nhưng không biết bắt đầu thế nào.

MAY MÀ KHÔNG CHẾT CHÌM

Dòng “sông Trách móc muện mản” đã thấp thoáng sau những bụi cây. Tiếng sóng vỗ rì rào.

– Chúng ta sẽ qua sông bằng bè. Bè buộc ở khúc sông ngoặt. Sang bên kia, ta sẽ theo vết chân mà đuổi theo lũ bọ hung. Nhất định sẽ lấy được viên thuốc thứ hai thôi, - Đum-sép nói với tôi.

Chúng tôi chống sào (sào làm bằng những lá thông nhọn) đẩy bè ra khỏi bờ.

Đum-sép lái chiếc bè hướng sang bờ bên kia. Động tác của ông rất khéo léo, thành

thạo. Bỗng tôi nghe có tiếng mái chèo vỗ nước. Nhìn quanh... tôi nhận ra mấy con quái vật đang bơi ngay cạnh bè. Trông chúng chẳng khác gì những con thuyền có mái chèo. Khi thì chúng bơi lơ dờ, những con mắt đỏ lù chăm chú nhìn một vật gì đó ở dưới nước, khi thì chúng bơi vụt đi. Những mái chèo đẩy lông tơ đẩy nước giúp chúng lướt rất nhanh trên mặt sông. Chúng mà đâm vào thì nhất định bè sẽ đắm.



– Anh xem! Những con vật kia chính là tiền thân của con thuyền có mái chèo. Chân sau đẩy lông tơ của chúng chẳng khác gì những mái chèo tì vững vào cọc chèo... Đẩy mạnh lên kéo chúng xô vào bè! - Đum-sép kêu.

Ngay lúc ấy, sóng làm chiếc bè chòng chành quay tròn. Đum-sép chạy sang đầu kia cố giữ thăng bằng. Nước tràn vào, nhưng may sao Đum-sép đã khéo léo giữ được bè không chìm.

Phút nguy nan đã qua. Đum-sép bình thần bảo tôi:

– Biết đâu con người nguyên thủy đã chẳng nhìn những con vật kia bơi mà nghĩ ra cách làm mái chèo với cọc chèo...

Đum-sép nói chưa dứt lời thì chiếc bè đã bị đẩy từ dưới lên dựng đứng. Cả hai chúng tôi rơi xuống sông.

– Chúng ở ngay bên cạnh đấy! Lặn xuống!

Đum-sép nói rồi biến luôn xuống đáy nước. Tôi lặn theo.

Kỳ lạ chưa! Ở dưới nước, trước mặt tôi hiện ra một cái vòm trong suốt. Đum-sép ung dung ngồi trong đó vẫy tay ra hiệu gọi tôi. Tôi bơi lại và chợt nhớ đến những cái vòm bằng tơ nhện ở dưới nước mà tôi đã đọc thấy trong những trang ghi chép của Đum-sép.

Khi tôi đã ngồi chắc chắn trên thân cây bên cạnh Đum-sép, ông nói: - Ở đây, anh có thể thở bằng miệng chẳng khác gì trên mặt đất!

Tôi bắt đầu ngắm nhìn cảnh vật dưới nước. Qua thành vòm trong suốt, tôi thấy những thân cây lạ mắt từ đáy sông vươn lên, đan vào nhau, rung rinh theo sóng nước. Những nhánh dài của chúng phất phơ theo dòng trôi mãi về phía xa.

Rõ ràng là đám thực vật phong phú của xứ Cỏ Rậm không đủ chỗ trên mặt đất nên chúng phải xô nhau xuống nước.

Sau đám rong dày đặc, tôi bỗng nhận ra những con mắt rực lửa. Những sợi dây dài chằng từ thân cây này sang thân cây khác, từ cảnh này sang cảnh khác.

Chúng tôi ngồi trên những mẫu cây được chằng mạng nhện và quan sát cuộc sống kỳ thú dưới thủy cung.

Giữa đám cành lá, thấp thoáng bóng những con gù đó bơi đi bơi lại, khi nhẹ nhàng uốn lượn, khi rẽ nước lao nhanh...

– Anh biết không? Trong cái vòm này thì yên trí lắm, - Đum-sép nói. - Nó đã cứu chúng ta thoát nạn đấy. Nhện nước dệt lưới rồi thả bọt không khí vào. Mỗi bọt khí lại đẩy một khối nước tương đương ra khỏi vòm, đúng như định luật vật lý học. Bây giờ chắc anh thấy rõ, con người chẳng cần gì phải nát óc trước một hình mẫu sẵn như vậy của thiên nhiên?

Tôi đã định nói: “Toàn những chuyện vớ vẩn!”, nhưng nhớ đến câu chuyện ban nãy làm Đum-sép méch lòng, tôi lại im lặng.

Đum-sép lại hỏi, nhưng tôi lờ đi lấy cớ là mình không thạo lắm về công việc người thợ lặn.

Sau khi bơi lên mặt nước phẳng lặng, chúng tôi lóp ngóp bò lên bờ sông dựng đứng.

– Nào, bắt đầu săn bọ hung thôi! - Đum-sép nói. - Anh hãy chỉ cho tôi chỗ chúng đẩy cái khối tròn có dính viên thuốc.

Tôi nhìn quanh, suy nghĩ.

– Tôi đã thấy chúng hai lần, một lần khi chúng lặn khối tròn qua dãy đồi, một lần nữa ở đây, và tôi đã bị chúng dồn ngã xuống sông.

– Đâu, anh ngã ở chỗ nào?

– Ở bờ sông dốc đứng... chỗ khúc sông ngoặt...

Đum-sép dẫn tôi đến một vực sông, hỏi:

– Ở đây phải không? Hay là ở chỗ kia? Ở chỗ ấy bờ sông cũng dốc đứng. <https://thuviensach.vn>

Tôi chẳng biết đường nào mà trả lời. Vực sông chỗ nào cũng tựa tựa như nhau.

– Đừng ngại, anh chỉ cần chỉ cho tôi hướng anh đã đi từ rừng ra sông là được rồi.

Tôi dẫn Đum-sép về phía một bụi rậm có một cây lớn mọc bên cạnh, trông quen quen. Nhưng đến nơi tôi mới biết là mình nhầm. Loanh quanh một lúc, tôi chịu không nhớ ra mình ngã ở chỗ nào.

Chẳng lẽ lại thôi không đi tìm viên thuốc nữa, viên thuốc sẽ đưa tôi trở về với thế giới con người. Tự nhiên tôi nảy ra ý nghĩ: có lẽ đây là những con bọ hung khác, còn những “hiệp sĩ áo đen” lấy viên thuốc của tôi vẫn còn ở sau dãy đồi đằng kia. Ý nghĩ ấy đến bất chợt và chẳng có thể làm cơ sở. Nhưng tôi không thể xóa bỏ, và cũng không muốn xóa bỏ giả thuyết ấy: nó an ủi tôi, vạch cho tôi một lối thoát, đem lại cho tôi một niềm hy vọng trong giây phút bế tắc này.

Tôi trình bày ý kiến mình với Đum-sép. Ông nhìn tôi chăm chăm:

– Anh muốn đến dãy đồi ấy tìm viên thuốc? Tốt lắm. Tôi đồng ý.

NHỮNG CÂU HỎI BẤT NGỜ CỦA ĐUM-SÉP

Trên đường đi, tôi vẫn miên man suy nghĩ: vì sao Đum-sép lảng tránh chuyện trở về với xã hội loài người, ông cũng chẳng hỏi han gì về những dự định sắp tới của tôi, thậm chí còn chuẩn bị đi tìm mục và có vẻ sẵn sàng ở lại xứ Cỏ Rậm này để tiếp tục nghiên cứu và viết lại tập nhật ký. Tất cả những cái đó thật khó hiểu và đè nặng lên tôi.

Nhìn nét mặt ngơ ngác, âu sầu của tôi, Đum-sep có vẻ áy náy, luôn luôn quay lại nhìn tôi. Ông dừng lại tìm cách làm cho tôi khuây khỏa:

– Anh biết nhạc chứ?... Thế thì anh phải biết rằng người ta đã đếm được số lần đập cánh của côn trùng trong mỗi phút.

Tôi không hiểu ngay Đum-sép định nói gì.

– Anh nghe thấy không? Con ong đang bay... Nó phát ra nốt...

– Nốt la!

– Đúng. Nốt ấy tương ứng với bốn trăm bốn mươi dao động kép trong một giây. Anh nghe xem, nó lại phát ra một nốt khác...

– Đô!

– Đúng lắm. Nốt ấy tương ứng với ba trăm ba mươi lần đập cánh của con ong trong một giây. Không phải bốn trăm bốn mươi nữa, mà là ba trăm ba mươi. Kém đi một trăm mười dao động. Rõ ràng là con ong mệt rồi. Ở xứ Cỏ Rậm này, cứ nhắm mắt lại tôi cũng biết được mọi chuyện xảy ra quanh mình: con ong này bay một cách mệt mỏi, con ong kia bay nhẹ nhàng, con này chở nặng đang bay về tổ, con kia nhẹ nhõm đang bay đi kiếm mồi. Ở đây, tôi đã kiểm tra lại được bảng ghi độ cao những âm thanh do các loài côn trùng khác nhau phát ra. Bảng này tôi đã có từ lâu... trong phòng thí nghiệm. Khi bay, côn trùng phát ra những âm thanh muôn hình muôn vẻ: cánh vỗ nhanh thì phát ra âm thanh này, cánh vỗ chậm lại phát ra âm thanh khác. Ngay từ hồi còn nhỏ, tôi đã học được cách phân biệt các âm thanh ấy chẳng khác gì một nhạc sĩ phân biệt được độ cao một giọng hát. Còn có gì thú vị hơn là khoa học về những đôi cánh và những chuyến bay!

Đum-sép rẽ ngoặt sang một bên, dẫn tôi lại gần một gốc cây mọc ở ven quặng rừng

thừa. Một con vật có cánh bị buộc vào đây.

Đum-sép bắt đầu giải thích cho tôi. Trong câu chuyện của ông, tôi nhận ra nhiều chi tiết cuộc bay đầu tiên, duy nhất của ông tại buổi hội chợ năm nào.

– Đây, anh xem ta cần phải thiết kế những cái máy “bay” như thế nào! Con chuồn chuồn này có hai đôi cánh: đôi này cao hơn đôi kia một chút. Mỗi đôi cánh đều tạo nên lực nâng và lực đẩy. Chúng chẳng những làm cho “cái máy” không rơi mà còn chuyển động được. Chỉ khẽ phẩy những chiếc cánh dài, chuồn chuồn cũng tạo nên được một lực đẩy lớn...

Đum-sép tháo dây buộc. Con chuồn chuồn lập tức bay vụt lên và biến mất.

– Thế nào? Nó bay có đẹp không anh? Cánh phía trước của nó cứng lắm, còn cánh phía sau lại mềm mại. Như vậy, cánh chuồn chuồn sẽ tự động thay đổi góc độ đối với luồng không khí tùy theo nó muốn bay lên hay xuống, sang phải hay sang trái. Anh xem, tuyệt thật đấy chứ?

Đum-sép nhìn tôi, vẻ dò hỏi.

Tôi im lặng và Đum-sép hiểu sự im lặng ấy theo ý ông.

– Anh ngạc nhiên lắm sao? Bây giờ tôi cho anh xem một chuyện khác, có một không hai. Anh thấy không? Đây là một con chuồn chuồn khác, cánh nó rất rộng. Nó bay nhanh và khỏe vô cùng. Anh hãy nhìn cỡ cánh của nó!

Tôi ước lượng: cỡ cánh lớn gấp đôi bản thân con vật. Nhưng màu sắc nó lại làm tôi chú ý hơn. Tôi nói:

– Những màu sắc tuyệt đẹp! Đôi cánh sau của nó có những vạch nâu thẫm cùng màu với thân...

Đum-sép ngắt lời tôi:

– Anh đến là trẻ con! Nhìn màu sắc nó làm gì cơ chứ. Anh phải để ý xem nó bay ra sao. Bây giờ nó đang nghỉ đấy, nhưng tư thế vẫn luôn luôn sẵn sàng để bay: đôi cánh thẳng ngang, đầu ngược chiều gió!

Tháo dây buộc xong, Đum-sép lấy “thanh kiếm” bằng ngòi ong khẽ đẩy con vật. Con chuồn chuồn vút lên. Không phải nó bay nữa, mà là nhào lộn đến chóng mặt nhưng rất đẹp mắt trên không trung.

– Khéo léo biết bao! Mạnh mẽ biết bao! - Đum-sép reo lên: - Anh nhìn kìa!

Con chuồn chuồn đang đuổi theo một con mồi. Nó bay lật ngửa bụng lên trời rồi lật trở lại, động tác diễn ra chỉ trong nháy mắt. Nó ngoặt sang phải rồi sang trái, nhanh như cắt tóm gọn con mồi.

– Bác Đum-sép ạ, - tôi nói - tất cả những cái đó rất lý thú, nhưng...

Tôi đã định nói cho ông nghe về nền hàng không hiện đại, về chuyện con người đã làm chủ bầu trời, nhưng Đum-sép không để tôi kịp nói lấy một lời, kết thúc câu chuyện bằng một lời giáo huấn:

– Mong sao cho con người học tập được ở loài chuồn chuồn cách chế tạo máy bay!

Tôi nghĩ: “Có lẽ ngay tối hôm nay, phải kể cho Đum-sép nghe về tất cả những gì đã xảy ra trên đất nước Nga trong thời gian ông vắng mặt... Phải kể cho ông nghe về cuộc cách mạng vĩ đại, về sự tiến bộ thần kỳ của khoa học và kỹ thuật... Kể một cách thận trọng và từ từ. Ông sẽ sửng sốt, kinh ngạc, sẽ bị xúc động mạnh vì những điều được nghe, vì có biết bao điều ông đang định đóng góp cho Tổ quốc thì người ta đã tìm ra, đã phát minh, chế tạo được từ lâu...”.

Chúng tôi bắt đầu trèo lên sườn đồi thoải thoải. Đến đỉnh đồi, Đum-sép dừng lại hỏi

tôi:

– Anh có nhìn thấy gì không?

Tôi nói:

– Có. Có hai hình bán nguyệt mờ mờ trên không trung. Chúng lơ lửng ở một chỗ. Đàng kia cũng lại có hai hình bán nguyệt như vậy... Cái gì lạ thế nhỉ?

Đum-sép mỉm cười:

– Hai hình bán nguyệt ấy là do những đôi cánh côn trùng đập liên tục với một nhịp độ nhất định tạo nên. Anh nhìn kỹ xem...

– Hừ, những con ruồi ấy không bay, mà... - tôi nói.

– Sao? Anh nói nốt đi!

– Chúng không bay mà đứng yên trong không khí!

– Đúng đấy! Những con ruồi bay lơ lửng một chỗ. Chúng có thể dừng lại ở bất cứ điểm nào trên không trung.

– Còn chim thì bay... - tôi nói.

– Chim à? - Đum-sép khoát tay. - Chim chỉ biết bay, lượn và rơi xuống như hòn đá.

– Sao lại rơi? Bỏ nhào, bác ạ! - tôi vừa nói vừa nghĩ tới chiếc máy bay cường kích bỏ nhào xuống mục tiêu.

– Bỏ nhào? Bỏ nhào là thế nào?... - Đum-sép ngẫm nghĩ rồi cười châm biếm. - Phải học tập con chim! Như vậy sẽ không phải mệt óc nhiều. Buộc thêm cái đuôi vào máy “bay”... Nghĩ ra một thiết bị đấy...

– Cái chong chóng... cái cánh quạt, bác ạ!

– Tôi chẳng hiểu anh nói gì cả... Tất cả bí mật của sự bay là ở cái cánh. Điều ấy ta học được không phải ở loài chim mà là ở những chuồn chuồn, ong, ruồi! Khi hãm cánh này, khi hãm cánh kia, thế là chúng có thể vút ngay lên, xuống, sang phải hoặc sang trái. Và nếu cần thiết, chúng đứng im một chỗ trên không trung. Tại sao con người lại không sao chép lại cơ cấu bay của chúng?

Tôi vẫn không rời mắt khỏi mấy con ruồi đang bay lơ lửng.

– Chúng tên là gì, bác?

– Ruồi vàng, - Đum-sép trả lời. - Ấu trùng loài này sống bằng rệp cây. Nhiều loài côn trùng khác cũng có thể bay đứng một chỗ như vậy...

Vẫn như trước, ở đây Đum-sép lại nói cho tôi nghe toàn những chuyện người ta đã biết từ lâu. Ông muốn làm cho thế giới phải ngạc nhiên về những phát hiện người ta đã tìm ra từ lâu, nhưng ông có biết đâu, ngày nay máy bay lên thẳng cũng bay đứng được một chỗ, lại còn những máy bay phản lực nữa... Nghĩ vậy, nhưng tôi không dám hé răng. Tôi vẫn chưa quên Đum-sép đã méch lòng như thế khi nói chuyện với tôi về xi-măng, và tôi đã gọi cư dân xứ Cỏ Rậm là “sinh vật hạ đẳng”.

Nhưng liệu có thể so sánh con ruồi bay lơ lửng với máy bay lên thẳng được hay không? Mặc dù đứng được một chỗ trên không, nhưng cách đứng của máy bay lên thẳng khác với cách “đứng” của côn trùng. Muốn lơ lửng một chỗ, người ta phải cho cánh quạt máy bay lên thẳng quay trên một mặt phẳng nằm ngang. Còn các loài côn trùng kia, khi “đứng” trong không gian, chỉ cần phe phẩy nhẹ nhàng đôi cánh. Biết đâu điều ấy lại chẳng dẫn đến những phát minh bất ngờ? Biết đâu Đum-sép lại chẳng đúng?

Tôi nói:

– Nhưng máy bay do con người chế tạo mỗi giờ có thể bay được tới tám trăm, một nghìn ki-lô-mét và nhanh hơn nữa.

Đum-sép im lặng, chăm chú nhìn tôi và sắc mặt ông dường như tái đi. Bỗng ông nheo mắt cười một cách tinh quái:

– Anh ơi! Anh thật là một con người mơ mộng và khéo bịa chuyện! “Máy bay”! Hừ... Gọi như vậy cũng đúng đấy. Nhưng anh tưởng tôi gàn dở đến nỗi khuyên con người sao chép lại nguyên xi mọi thứ của côn trùng hay sao? Anh phải hiểu tôi cho đúng mới được! Khi tôi nói: “Con người, hãy học tập cư dân xứ Cỏ Rậm”, thì chính là tôi chỉ muốn nói một điều: “Con người, hãy thâm nhập, tìm hiểu, nghiên cứu thiên nhiên, cây cỏ! Hãy cúi xuống và nhìn cho kỹ cái đám cỏ mà anh vẫn dẫm chân lên. Đừng quá ngạo mạn!” Cái máy bay viễn vông của anh nói lúc này bay được bao nhiêu ki-lô-mét một giờ nhỉ?

– Năm trăm, bảy trăm, một nghìn ki-lô-mét và hơn nữa.

– Thế thì kém quá: hãy học tập con ong và con ruồi! Con ong mỗi phút bay được một khoảng dài gấp một vạn lần chiều dài bản thân nó. Anh thử tính xem máy bay của anh mỗi phút bay được một quãng dài gấp bao nhiêu lần thân nó?

Đum-sép vừa đợi câu trả lời vừa nhìn tôi với vẻ ranh mãnh.

Tôi nhẩm tính trong đầu: nếu cho chiều dài thân máy bay là mười mét thì mỗi phút nó bay được một quãng đường dài gấp một nghìn sáu trăm đến hai nghìn lần chiều dài thân nó. Như vậy là thua xa con ong! Nếu chiều dài máy bay là một trăm mét thì với tốc độ kia, nó chỉ bay được mỗi phút từ một trăm sáu mươi đến hai trăm lần chiều dài bản thân. Còn con ong - một vạn lần chiều dài bản thân! Một vạn lần!

Tất nhiên, không thể so sánh côn trùng với máy móc, so sánh thế giới sinh vật với thế giới kỹ thuật, và lại thân hình bé nhỏ, hết sức bé nhỏ của côn trùng đã tạo cho chúng những điều kiện vô cùng thuận lợi về mặt khí động học. Nếu tăng kích thước côn trùng lên thì trọng lượng chúng sẽ tăng theo cấp số nhân. Chẳng hạn như nếu tăng kích thước côn trùng lên mười hay một trăm lần thì trọng lượng chúng sẽ tăng lên 10^3 hay 100^3 lần!

Đum-sép nói:

– Con muỗi chỉ cần một động tác là đã quạt toàn bộ diện tích cánh nó từ trên xuống dưới. Xem ra thì có vẻ thật đơn giản. Nhưng con người đã chế tạo được cái máy bay nào vẫy cánh như vậy chưa?

Tôi không biết trả lời thế nào.

Đum-sép lại nói tiếp:

– Côn trùng có thể dùng cánh đẩy luồng không khí về bất cứ phía nào, do đó nó có thể bay lên dưới bất kỳ góc độ nào và tốc độ nào. Con người đã học tập được chúng cách chế tạo những bộ máy như vậy chưa? Anh đã có bao giờ nghĩ đến những chiếc máy bay như thế chưa?

Một lần nữa tôi lại im lặng không biết trả lời ra sao. Khi ấy, Đum-sép mới nói nhỏ:

– Không, không phải anh là người sẽ kể lại cho con người về những điều đã trông thấy ở đây đâu... Ôi, giá mà chính bản thân tôi được gặp các kỹ sư thiết kế nhỉ? Đây, anh xem, các bản vẽ này... Hôm qua, tình cờ tôi lại tìm thấy cái mà nó có thể giúp tôi tiến hành thí nghiệm...

Tôi không hiểu Đum-sép nói tìm thấy cái gì, nhưng cũng không hỏi lại.

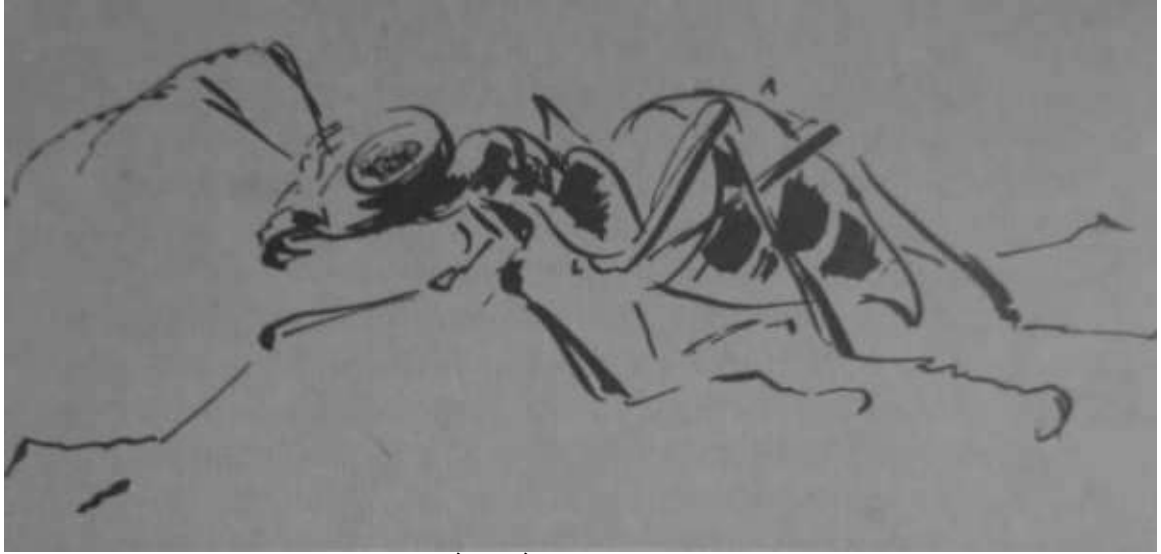
– Ta đi lên đây tìm viên thuốc thứ hai đi bác! - tôi vờ như không nghe thấy câu nói cuối cùng của Đum-sép.

– Phải, phải! Đi thôi. Nhưng dốc khó lên đấy. Anh cứ chờ ở đây. Tôi quay lại ngay thôi.

TRẢ GIÁ CHO MỘT BỮA ĂN

Tôi đứng một mình nhìn rừng cỏ, nghĩ vẩn vơ.

Từ sau những gốc cây có lá rộng, một con vật lớn bò ra. Thân hình nó chẳng khác gì hai quả bóng dính liền nhau. Con vật tiến thẳng về phía tôi. Hai con mắt to tướng, mỗi mắt hình như được chắp lại bằng sáu con mắt nhỏ. Đôi hàm nhọn như mũi kiếm thật đáng sợ. Động tác của con kiến hết sức nhanh nhẹn, dứt khoát. Con gì vậy? Con kiến! Đôi râu linh hoạt luôn luôn rờ vào mọi vật gặp trên đường.



Bỗng nó rẽ sang trái, vẻ vội vàng, hấp tấp. Nó đi đâu vậy?

Con vật thoăn thoắt leo lên cây rồi bò ra mặt một phiến lá rộng.

Tôi cũng leo lên theo, nhưng rẽ vào tàu lá bên dưới. Ngẩng đầu lên, tôi thấy một đàn những con vật gì đó màu xanh chen chúc nhau bám vào mặt dưới lá. Chúng dùng vòi châm vào phiến lá vừa mềm, vừa mọng nước.

Những con rệp cây! Chúng hút nhựa trong lá cây và bụng phình to lên trông thấy! Trước mắt tôi là cả một nhà máy đường, hay nói cho đúng hơn: một nhà máy làm nước ngọt.



Rệp cây! Loài rệp này thường có màu đen như nhung, vàng trong, hoặc xanh nhạt như tôi đang nhìn thấy. Chúng chẳng bao giờ lo chuyện tự vệ! Loài vật nào cũng đều có bạn, có thù và có biện pháp tự bảo vệ chống lại kẻ thù. Nhưng lũ rệp này thật ù lì và bàng quan với mọi chuyện trên đời. Bàng quan ngay với cả số phận mình. Suốt ngày, chúng chỉ biết hút nhựa ngọt cho căng bụng!

Hơn hai nghìn năm trước, một nhà bác học La Mã đã gọi những giọt sương ngọt ngào, đôi khi từ trên cây rỏ xuống, là “mồ hôi trời”, là “nước dãi của những vì sao”! Bầu trời quang đãng, nắng đẹp. Thế mà lại có sương rơi! Về sau, người ta mới rõ đó là sản phẩm của những con rệp cây. Con rệp tiết ra những giọt nước ngọt. Một làn gió thoảng qua, thế là giọt “sương ngọt” kia rơi xuống.

Đi theo con kiến, tôi lọt vào khu vực một nhà máy nước ngọt độc đáo.

Con kiến nhanh nhẹn chạy đến con rệp này rồi lại chạy sang con rệp khác. Đôi râu nó khê đụng vào những cái bụng căng tròn của rệp. Rệp nhồm người tiết ra một giọt nước lỏng lạnh, trong suốt. Con kiến lập tức đón lấy, hút vội vàng một cách ngon lành. Chỉ một lát sau, kiến no kênh. Nó rời đàn “bò sữa”. Tôi nhìn theo đến khi nó xuống đất. Một con kiến khác xuất hiện. Chúng đụng râu vào nhau. Con kiến thứ nhất nghech đầu nhả ra một giọt nước ngọt. Con kiến thứ hai đón lấy nuốt luôn. Cứ thế con kiến thứ nhất truyền nước ngọt cho hết con kiến này đến con kiến khác trên đường đi.

Cảnh tượng đó nom rất ngộ nghĩnh. Nhưng tôi cũng thấy bụng cồn cào. Không nhe đứng giữa “nhà máy nước ngọt”, giữa đàn “bò sữa” như thế này mà lại chịu đói? Không, đời nào lại như vậy. Sao lại không ném thử món ăn đó? Cần đến thật gần những con “bò sữa” màu xanh ấy.

Tôi thận trọng tiến lại chỗ hai chiếc lá kề gần nhau. Chiếc lá rung rinh, lay động. Chỉ nhỡ chân một chút là rơi xuống đất, mất mạng. Nhưng tôi đã tới được. Đàn rệp cây ở ngay bên cạnh.

Tôi bắt chước con kiến, lấy tay đung vào một con rệp béo tròn. Những giọt nước ngọt, thơm, lập tức chảy ra.

Cứ như vậy, tôi đi từ con rệp này đến con rệp khác, ngày càng mê cái vị nước ngọt thần kỳ ấy.

“Không biết Đum-sép đã nếm thứ nước ngọt này chưa? - tôi vui vẻ nghĩ và quyết định: - Bây giờ đi xuống đã. Có thể là Đum-sép đã quay trở lại. Mình sẽ mời ông ta dự bữa tiệc này. Nhưng mình phải làm thêm hùm nữa...” Bỗng một cú đánh làm tôi ngã lăn quay. Tôi giẫy giụa bên phiến lá lớn. Hai con kiến xông đến.

TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG LỚN

Một con túm lấy tôi lôi từ chiếc lá ra thân cây, rồi từ thân cây lôi xuống dưới. Con thứ hai đuối theo, con này nhỏ hơn một chút. Nếu nó thật sự giúp được con thứ nhất thì tôi hết đường xoay sở. Nhưng nó chỉ làm con thứ nhất thêm vướng: lúc thì kéo tôi ngược trở lại, lúc thì xoay ngang chặn đường đưa lưng ra đỡ lấy tôi. Tôi hiểu ngay cơ sự.

Mác Tu-ên đã có lần tả hai con kiến kiếm được cái cẳng cào cào và tha về tổ như thế nào. Ông viết:

“Sau khi đi đến những kết luận trái nhau, hai con kiến, mỗi con bám một đầu, ra sức kéo. Cái cẳng hết tiến lại lùi. Hai con kiến nghỉ lấy hơi, thảo luận... Chúng thấy có cái gì đó không ổn, nhưng là cái gì thì chúng chịu không hiểu được. Lại kéo. Kết quả vẫn như cũ. Thế là cãi nhau: con nọ đổ cho con kia không biết cách làm ăn. Cả hai đều nổi nóng, cuộc tranh cãi biến thành cuộc ẩu đả. Chúng cắn xé nhau cho đến lúc một trong hai con đành phải chịu đứng im xoa bóp vết thương. Sau đó, chúng lại làm lành với nhau, rồi cái công việc vô nghĩa lý ban nãy lại tiếp tục. Nhưng bây giờ thì con kiến đã bị đánh cho què lê kia chỉ là một vật trở ngại. Con kiến khỏe lấy hết sức lôi cái mồi về tổ và cũng lôi luôn cả con kiến bị thương kia theo. Còn con kiến bị thương, lẽ ra phải nhường bước, thì lại đu luôn lên cái mồi ấy”^[40].

Ai mà chẳng đã từng quan sát sinh hoạt loài kiến, quan sát “công việc” của chúng!

Có người cho rằng kiến là những con vật có trình độ tổ chức cao, gần như có cả trí tuệ nữa.

Nhưng Mác Tu-ên đã nói rất đúng về con kiến rằng: “Thật kỳ lạ, cái con vật ranh mãnh ấy đã bịp được hầu hết thế giới trong bao nhiêu thế kỷ!” Ông nói thêm: “Loài kiến chỉ làm việc một cách thông minh, khi người quan sát chúng là một nhà vạn vật học thiếu kinh nghiệm và có những kết luận thiếu chính xác”.

Nhưng nếu như vậy thì tại sao chúng vẫn tha được mồi về tổ? Chẳng có gì là lạ: tuy mạnh con nào con ấy kéo, nhưng tựu trung chúng đều cố tha mồi về tổ. Thế là một hạt gạo, trước khi về đến tổ, kiến phải đi theo một đường hết sức ngoằn ngoèo, khi tiến, khi lùi, khi sang phải, khi sang trái và cứ luôn luôn xoay tròn như cái chong chóng.

Tôi sực nhớ lại tất cả những chuyện ấy trong khi hai con kiến lôi tôi đi, còn tôi thì vất óc suy nghĩ cách đối phó với chúng.

Con kiến thứ nhất đẩy tôi từ trên cây xuống, nhưng tôi bám ngay vào một mấu cây, đưa chân cho con kiến thứ hai. Nó lập tức túm lấy, kéo ngược lên. Thế là tôi không bị ngã xuống đất. Cứ như vậy, khi thì “giúp” con này, khi thì “giúp” con kia, tôi an toàn xuống

được đến mặt đất.



Đến lúc ấy tôi mới thấy lũ kiến bắt đầu từng đàn nối đuôi nhau tất tả đi về phía chiếc lá có đàn “bò sữa”. Chúng đi thành một đường dài. Tôi bị lôi đi theo một con đường mòn nhẵn thín. Tới đây có thêm mấy con kiến nữa đến giúp sức.

Bỗng sau những thân cây ven đường, tôi nhận ra bóng dáng hai con bọ cánh cứng. Chúng đang kéo một khúc gỗ sơn đỏ có dòng chữ vàng: “Thiếu niên 3M”. Ôi, thật là một cơ “ác mộng!”.

Tôi vẫn bị lôi đi trên mặt đất.

“Phải tranh thủ thời gian, - tôi tự nhủ. - Hoặc là Đum-sép sẽ về kịp và đến giúp tôi, hoặc là tôi sẽ tìm được mưu kế nào đó”.

Tôi nhìn những kẻ bắt cóc tôi mà không nín được cười. Vì tất cả những gì đang xảy ra với tôi đều rất ngộ nghĩnh.

Công việc thật rõ ràng, đơn giản: phải cản trở những con kiến nào lôi tôi về phía tổ và giúp đỡ những con nào kéo tôi sang bên hoặc kéo ngược trở lại.

Càng có thêm nhiều kiến xúm vào tha mỗi, tôi lại càng dễ cản trở chúng: lúc thì tôi ở bên trái con đường, lúc thì ở bên phải, lúc thì đi ngược chiều. Sau đó, tôi lại ra giữa đường. Có lúc tôi lại chễm chệ trên lưng một con nào đó.

Nhưng tôi hiểu rất rõ ràng, trước sau thế nào chúng cũng lôi được tôi về tổ chúng. Và khi ấy, tôi sẽ phải chịu những cực hình ghê gớm nhất. Tôi chợt nhớ đến một tấm ảnh trong cuốn sách cũ viết về giới tự nhiên. Dưới tấm ảnh có ghi dòng chữ: “Kiến du mục châu Phi đang tấn công một con rắn độc”. Con rắn này đang quằn quại trước ngàn vạn con kiến.

Rõ ràng là tôi khó lòng mà tránh được tai họa!

Mình mảy đau như giần, chân tay sây sát. Tôi lo lắng, thất vọng, nhìn cái tổ kiến lớn như một trái đồi mỗi lúc một gần. Tôi cảm thấy sức lực mỗi lúc một kiệt trong cái “trò chơi” đáng sợ này.

“LA-MÊ-KHU-DA SẼ ĐẾN CỨU!”

Bỗng tôi nghe có tiếng người thét to:

– Cố mà cầm cự! Đừng sợ!

Đum-sép đã đến! Chắc ông quay lại không thấy tôi nên đuổi theo để tìm cách cứu.

– Bác Đum-sép, làm thế nào bây giờ?

– Hãy giữ sức!

– Chúng sắp kéo tôi vào... tổ kiến!

– Tôi thấy rồi! - Đum-sép nói to. - Không sao đâu. Cứ mặc chúng! Dù sao thì anh cũng không thoát được cái tổ kiến đâu!

– Chúng sẽ giết tôi mất!

Ngay lúc ấy, lũ kiến kéo tôi xênh xệch sang một bên làm tôi không nghe rõ câu trả lời của Đum-sép nữa.

– Bác Đum-sép! Bác Đum-sép! Làm thế nào bây giờ?

– La-mê-khu-da sẽ đến cứu anh!

– Ai?

– La... mê... khu... da! - tiếng Đum-sép vọng lại.

Tôi không hiểu “La-mê-khu-da” là ai, là con gì hay cái gì. Nhưng không thể hỏi lại được nữa: Đum-sép đã khuất sau hàng cây. Một lát sau, tôi lại thấy ông xuất hiện ở bên đường. Đum-sép đang cầm cây gậy dài đuổi một con vật hung hung đỏ, đầu thon thon và đôi râu có chòm tua tua như chổi xể.

Một con bọ cánh cứng kỳ lạ: Đum-sép cố xua nó ra giữa đường.

– La-mê-khu-da đây phải không? - tôi hỏi to.

– Không phải đâu. Anh cứ đợi. La-mê-khu-da sẽ đến!

Đum-sép đuổi con bọ cánh cứng về phía lũ kiến. Chúng lập tức bắt lại.

Ông nói to như ra lệnh cho tôi:

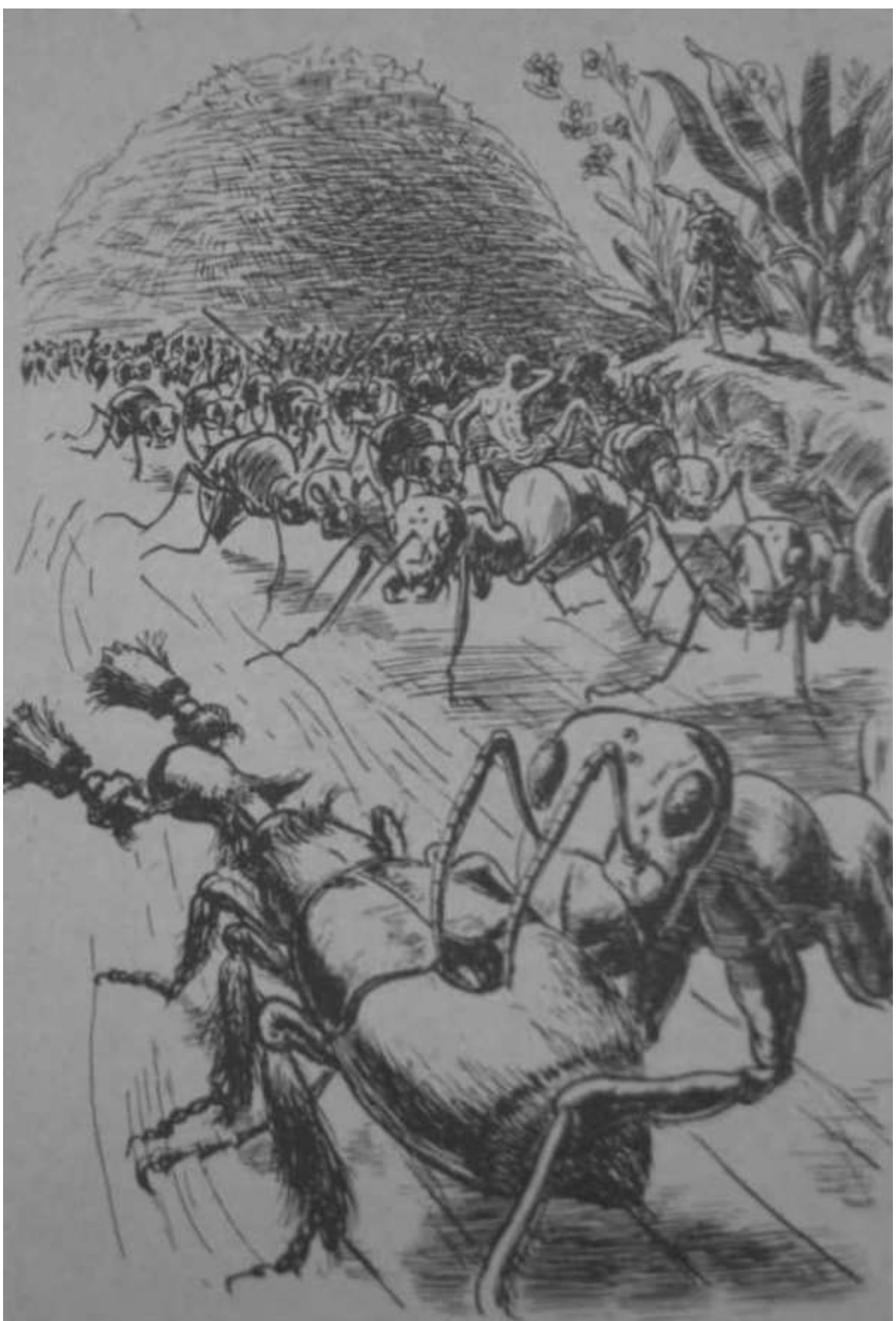
– Cố bám sát lấy nó!

– Để làm gì, bác ơi!

– Rồi anh sẽ hiểu.

Con bọ cánh cứng giơ bụng ra cho lũ kiến rồi lấy râu vỗ vỗ nhẹ vào lũ kiến. Bọn này lại nhả cho nó những giọt nước chẳng khác gì cái cảnh lũ kiến nhả nước ngọt cho nhau mà tôi đã thấy ban nãy. Mùi dầu thơm sực nức.

Tôi nghe theo lời Đum-sép cố tiến lại gần chỗ đó. Kiến vẫn xúm lại từng đàn xoay quanh con bọ cánh cứng, say sưa với chất nước ngọt thơm mà nó tiết ra.



Lũ kiến làm bắn vung đầy người tôi những giọt nước mê-ti-lích chua chua bé li ti. Điều đó đã cứu tôi. Đàn kiến vẫn xô đẩy tôi đi, nhưng chúng không còn hung hăng, dữ tợn như lúc đầu nữa. Chẳng biết rồi đây khi cái mùi rượu mê-ti-lích kia bay hết thì tôi sẽ ra sao?

– Bác Đum-sép! - tôi gọi to. - Bây giờ phải làm gì?

– Cứ đợi đây. La-mê-khu-da sẽ đến cứu!... - tiếng nói của Đum-sép xa dần.

Cả một trái núi lớn, đen sì, ngọ nguậy đã lù lù trước mặt tôi.

– Tổ kiến! - tôi thì thảo trong miệng và hiểu rằng, sắp chết đến nơi rồi!<https://thuviensach.vn>

Tôi ngoái nhìn lại, nhưng không thấy Đum-sép nữa. Tôi luyến tiếc nhìn vầng mặt trời một lần cuối.

Lũ kiến lôi tuột tôi vào tổ!

CHỦ, KHÁCH VÀ NHỮNG KẺ ĂN BẨM

Vừa lọt vào tổ kiến, tôi đã bị ngợp trong cả đàn kiến nhâu nhâu xông đến. May sao, chúng chỉ rờ mó vào người tôi rồi bỏ đi mà không làm tôi đau đớn chút nào.

Đến lúc này tôi mới thấy hết giá trị lời khuyên của Đum-sép. Cái chất lỏng chua chua mà kiến vung lên người tôi đã làm chính chúng bị mắc lừa. Bản năng của kiến bị lầm lẫn: chúng không cảm thấy có kẻ lạ trong tổ mình.

Phải chăng đây chính là nguyên nhân khiến cho những con vật khác đã có thể lọt vào tổ kiến và ăn những thức ăn mà kiến để dành cho con cháu?

Những con vật ấy nhiều không thể kể xiết!

Trong tổ kiến có đủ loại khách bất ngờ. Nào nhện, nào bướm cánh ngắn và không cánh, nào bọ đất... Hàng nghìn, hàng nghìn “khách ăn bám” không mời mà đến như vậy sống trong tổ kiến!

Một số trong bọn chúng chẳng đem lại lợi ích gì cũng như chẳng gây hại gì cho đàn kiến. Một số khác không tấn công vào những con kiến khỏe mạnh mà chỉ giúp “dọn sạch” những xác kiến già, kiến non bị chết, bằng cách nuốt chúng vào bụng! Thật là một công việc có ích! Đó là những con bọ cánh cứng thuộc họ Histeridae. Nhưng cũng lại có những con gây tai họa cho chủ nhân.



Những chuyện ấy là mãi về sau tôi mới nhớ ra, chứ kỳ thực lúc ấy tôi chẳng có bụng dạ nào mà nghĩ đến những thí dụ minh họa cho học thuyết Đắc-uyn.

Kể ra khi mình tôi đã thấm đầy cái chất lỏng do kiến phun ra ấy, tôi hoàn toàn có thể đánh lừa chúng để chạy trốn trước khi bị lôi vào tổ. Nhưng sở dĩ tôi đã không làm như vậy cũng chỉ vì nhìn thấy trên đường, cũng như xa xa ở cả hai bên đường, đều có kiến đi từng đàn. Biết đâu cái mùi kiến trên người tôi lại chẳng nhạt hết trước khi tôi vượt được đến chỗ an toàn và lại bị chúng bắt tôi về tổ.

Nghe lời Đum-sép, tôi vẫn chờ đợi sự giúp đỡ, nhưng trong lòng vẫn nghi nghi hoặc

hoặc. Đum-sép làm sao mà tìm được tôi?

Làm sao mà cứu được tôi? Phải chăng câu “La-mê-khu-da sẽ đến cứu!” là do tôi tưởng tượng ra? Thời gian trôi qua một cách nặng nề đáng sợ.

Tôi thấy lũ kiến đã có vẻ “nặng tay” hơn và làm tôi đau. Có lẽ mùi kiến trên người tôi đã bắt đầu hả. Tôi bị đẩy mạnh từ chỗ này qua chỗ khác, mỗi lúc một vào sâu hơn. Lối đi quá thấp khiến tôi chỉ có thể bò hoặc đi lom khom.

Trong bóng tối đầy tiếng động ồn ào và mùi hăng hắc khó chịu, lũ kiến đẩy tôi qua hết “phòng” này đến lối khác...

Đã lâu lắm rồi, khi còn nhỏ, tôi đã từng cùng các bạn chơi nghịch đào tổ kiến và thấy trong đó có những ngăn trứng, ngăn nhộng, ngăn kiến non. Chuyện ấy đã xa lắc, xa lơ... Đắm mình trong những hồi tưởng, tôi dường như quên cả nỗi nguy hiểm đang chờ đợi ở phía trước, và trong bóng tối dày đặc, tôi tưởng như vẫn nhìn rõ những “cột kèo” bằng nhánh cây, cuộng lá được ghép lại một cách khéo léo và gắn chặt với nhau bằng lớp đất đã khô cứng lại.

Tôi thấy nôn nao chóng mặt vì tiếng ồn ào và những chuyển động không ngừng từ tầng này sang tầng khác. Một quá, tôi tựa vào tường định nghỉ một chút, nhưng lũ kiến không buông tha tôi lấy một phút và bắt đầu đối xử với tôi hung dữ hơn. Bỗng một cái gì đó xô mạnh. Tôi ngã chúi xuống, hai tay ôm lấy mặt. Lũ kiến ào ào xô nhau chạy qua lưng tôi. Có chuyện gì vậy?

“LA-MÊ-KHU-DA” LÀ GÌ?

– La-mê-khu-da! La... mê... khu... da!... Tôi đuổi nó đến đây. Anh bạn ở chỗ nào đấy? Tiếng Đum-sép mỗi lúc một gần, nhưng trong hầm tối quá, tôi không biết ông ở chỗ nào. Bỗng có ai nắm chặt tay tôi.

– Anh bạn, anh bạn! Tôi đã nói là La-mê-khu-da sẽ đến cứu mà... Mau lên, đi theo tôi!

– Đi đâu, bác?

– Không sợ, bây giờ chúng chẳng để ý gì đến chúng ta đâu. La-mê-khu-da đang ở trong tổ của chúng.

– La-mê-khu-da?

– À, anh vẫn chưa biết “La-mê-khu-da” là gì nhỉ? Nhưng thôi, nhanh lên đã!

– Tôi sẽ giải thích cho anh sau. Bây giờ lũ kiến bắt đầu say, chúng chẳng còn đầu óc nào mà nghĩ đến chúng ta. Nhanh lên thôi!

– Lũ kiến ấy à?

– Phải.

– Chúng say?

– Đúng thế! La-mê-khu-da mà xuất hiện trong tổ kiến, thì cả đàn kiến chẳng còn nghĩ gì đến trứng, nhộng, đến công việc, của mình nữa. Chúng bắt đầu say. Anh nhìn kìa!

– Chẳng thấy gì cả, bác ạ!

– Tôi đã đẩy con La-mê-khu-da vào tổ kiến. Cái mùi thơm ngon của nó tiết ra có sức quyến rũ mạnh mẽ bầy kiến. Nhưng đấy lại là một chất gây mê. Thấy mùi, kiến xô nhau chạy đến và chỉ một lát sau là say mềm. La-mê-khu-da cũng như con bọ cánh cứng có

râu hình chổi ban nãy, đều tiết ra chất làm say. Nhưng chất của La-mê-khu-da mạnh hơn nhiều. Kiến liếm một cách ngon lành chất nước do La-mê-khu-da tiết ra, ngửi hơi chất nước đó. Thế là say. Khi ấy, La-mê-khu-da tha hồ tự do vào tận ổ kiến để ăn sống nuốt tươi thứ quý giá nhất của tổ kiến là trứng non. La-mê-khu-da đáng sợ hơn con bọ cánh cứng râu chổi xể kia nhiều. Nó trả thù cho anh đấy, anh bạn ạ!...

Đum-sép vừa nói vừa lách lên phía trước.

Ánh sáng ban ngày đã bắt đầu lọt vào, soi mờ mờ con đường chúng tôi đang đi.

TRÊN ĐƯỜNG RA

Chúng tôi đã ra gần đến cửa. Đum-sép nói:

– Bây giờ lại càng phải cẩn thận. Ngoài cửa tổ có “lính gác”.

– “Lính gác”? Thế con La-mê-khu-da thì sao?

– Cái mùi quyến rũ của La-mê-khu-da vẫn chưa tác động đến chúng. Cửa ra nào cũng có lính gác canh mật.

– Thế thì làm thế nào?

– Vũ khí của anh đây!

Đum-sép bẻ một cây sào đưa cho tôi. Đây là một nhánh lá thông nhọn như cái dùi.

– Còn tôi, - ông nói, - tôi có thanh kiếm đây rồi. Cái ngòi ong này là vật hộ thân tôi luôn luôn đem theo bên mình. Lũ kiến đang say. Chúng ta ngồi xuống đây nghỉ một tí đã. Thế nào chúng cũng đuổi theo thôi.

Chúng tôi ngồi lọt vào một góc tường kín đáo. Từ đây có thể nhìn ra, theo dõi hành động của những tên lính gác. Đum-sép cầm sẵn dao trên tay, chậm rãi nói với tôi:

– Nếu là những cái “cửa sổ” thì chúng ta còn khốn đốn hơn nữa!

– “Cửa sổ” là thế nào?

– Thế anh chưa được nghe nói về những cái “cửa sổ” trong các tổ kiến ở những xứ nóng hay sao? Những cửa ấy không để ánh sáng lọt vào tổ. Bọn kiến gác cổng dùng ngay đầu chúng để che kín lối ra vào!... Lại còn những con kiến “chĩnh” nữa chứ. Cái bụng trong như hổ phách của chúng to tròn như cái chĩnh và chứa đầy mật ngọt. Thức ăn dự trữ của bầy kiến là ở đây! Tất nhiên bọn kiến “chĩnh” ấy chẳng bao giờ phải ra khỏi tổ để kiếm mồi. Đây là việc của kiến thợ.

– Bác Đum-sép ạ, tôi thấy cái tổ kiến này chẳng khác gì tổ giống mồi mà người ta vẫn gọi là “kiến trắng” ấy mà! Tôi còn nhớ ngày trước đã được đọc trong một tạp chí câu chuyện kể rằng cả một tòa lâu đài đồ sộ ở Ấn Độ bỗng nhiên sụp đổ chỉ vì bị lũ mối đục khoét. Lại có một chuyện lý thú nữa là một người A Rập quần mình trong chiếc áo to sù nằm ngủ, sáng ra người ấy bỗng thấy mình “trần như nhộng”. Thì ra mối đã xông tan tành bộ quần áo!

– Tổ của lũ mối ấy mới tuyệt vời chứ! Chúng chọn địa điểm xây dựng rất khéo, có cái thì ngầm sâu dưới đất, có cái lại nhô cao hơn mặt đất đến bảy, tám mét, có cái hình chóp nón, có cái hình kim tự tháp. Mối Ô-xơ-rây-li-a còn xây tổ theo đúng bốn hướng nữa. Trong tổ của chúng có những vách dọc và vách ngang. Vách dọc chạy theo hướng bắc - nam, còn vách ngang theo hướng đông - tây. Hướng vách chính xác chẳng kém gì kim địa bàn, và những du khách lạc đường có thể nhìn tổ mối để xác định phương hướng. Rất

có thể mỗi xây dựng tổ chúng như vậy là để tránh cái nóng ác liệt mặt trời: các vách dọc chỉ để cho nắng nung nóng một diện tích nhỏ nhất của tổ.

Tôi say sưa, chăm chú nghe Đum-sép kể chuyện về loài mối.

– Lũ kiến ấy... - tôi nói.

– Anh đừng lầm. Không thể gọi mối là kiến được. Chúng chẳng có họ hàng gì với nhau hết. Mối có quá trình biến thái không đầy đủ. Ấu trùng chúng vừa mới nở đã giống mối lớn một phần nào. Còn kiến lại có quá trình biến thái đầy đủ. Ấu trùng chúng nở ra chẳng giống kiến lớn một chút nào: chúng không có chân, thân hình như một cái túi. Trước khi trở thành một con kiến thật sự, ấu trùng phải trải qua một loạt thay đổi căn bản, trải qua một thời kỳ hoàn toàn yên tĩnh - giai đoạn nhộng. Tổ kiến phải có rất nhiều ngăn cho trứng, ấu trùng, cho nhộng v.v...

Đum-sép ngừng lời. Ngoài cửa, lũ kiến gác cổng đang đi đi lại lại.

– Đúng thời cơ rồi!

Tôi nắm chắc vũ khí. Chúng tôi chạy vụt ra khỏi tổ.

NHỮNG PHÁT ĐẠN GHÉM

– Chạy mau lên! Đừng ngoái cổ lại làm gì! - Đum-sép ở phía sau bảo tôi.

Tôi đã vượt qua bọn “lính gác” và lẫn được vào một đường mòn nhỏ yên tĩnh bên rìa con đường lớn.

Tôi vẫn nhớ cái tiếng ồn ào, âm ỉ nổi lên khi chúng tôi vụt ra khỏi tổ kiến. Tôi cũng nhớ rõ lúc ấy tôi đã dùng cây gậy nhọn của mình “tả xung, hữu đột” như thế nào. Vừa đánh vừa nhảy bừa qua những mô đá, cuối cùng tôi đã ra được đến con đường mòn.

Đum-sép đã đuổi kịp. Ông bảo tôi:

– Mau lên, chạy theo tôi! Chúng nó đuổi theo đấy!

Mà thật, lũ kiến cách chúng tôi chẳng còn bao xa. Trước mặt là một hố cát. Đang chạy thì Đum-sép túm tay tôi kéo lại.

– Tránh xa bờ ra!

Đum-sép dẫn tôi chạy vòng sang bờ đối diện. Điều đó làm lũ kiến mắc lừa. Chúng đã đuổi đến bờ bên kia, nơi Đum-sép vừa mới dắt tôi chạy vòng. Chúng vẫn hăm hở chạy theo hàng một...

– Bác Đum-sép! Chúng đuổi đến nơi rồi!

Bỗng Đum-sép thét to:

– Bắn!. Bắn!...

– Chuyện gì vậy? Lúc này đâu phải lúc đùa.

– Đạn ghém, bắn! - Đum-sép vẫn gào lên.

Và thế là xảy ra một việc mà tôi không thể hiểu được. Tôi thấy đất đá rào rào bay về phía lũ kiến. Đum-sép lại ra lệnh:

– Đạn ghém... bắn!



Đất đá lại rào rào bay về phía “quân địch”. Kẻ nào đã giúp chúng tôi vậy? Dạn từ đâu bắn ra?

Tôi không hiểu gì cả, nhưng nhìn rất rõ những con kiến bị trúng đạn, trượt theo dốc, trôi tuột xuống lòng hồ. Còn những hòn đất đá văng từ đáy hồ tung lên mỗi hòn to bằng đầu con kiến. Lũ kiến cứ thế lần lượt xông đến, mất đà, bị trúng đạn, lăn xuống hồ. Chúng cố leo lên nhưng cát cứ trượt dưới chân chúng. Cuối cùng, cả bọn đều tụt xuống đáy, nơi có kẻ nào đó đang bắn lên theo lệnh Đum-sép.

Thấy tôi ngẩn người vì kinh ngạc, Đum-sép cười khà khà. Khi không còn một bóng “quân địch”, ông mới dắt tôi lại gần miệng hố cát.

– Anh hãy nhìn xem!

Tôi nhìn xuống và trông thấy con vật mà Đum-sép đã tả trong những trang ghi chép

- kiến sư tử, là loại kiến đã giết chết con nhện thổ nhật ký của ông.

BÍ MẬT CỦA CÁI HỐ CÁT

Một cái đầu to và thô kệch nhô lên khỏi mặt cát. Hai phiến hàm dài, sắc, cong như những cái lưỡi hái. Con vật dường như giấu toàn thân dưới cát chỉ để hở cái đầu.

– “Vị cứu tinh” của chúng ta đấy! - Đum-sép cười.

– Đúng là một tay thiện xạ!

Đum-sép giải thích:

– Ấu trùng kiến sư tử này là một con vật ăn thịt, hung dữ. Nó sẽ trải qua một loạt biến đổi rồi trở thành một côn trùng biết bay, trông tựa như con chuồn chuồn... Kiến sư tử: “bắn” rất giỏi và xây dựng cũng rất tài. Cái lòng phễu này của nó chẳng để thoát một con mồi nào “lỡ chân” sa vào...

Tôi nghe Đum-sép nói mà trước mắt hình như vẫn diễn ra cảnh lũ kiến đang lăn xuống hố.

Đum-sép nói mà đầu óc hình như đang nghĩ đến một chuyện gì khác, vẻ mặt trầm ngâm. Chắc ông tránh lòng nhớ đến con vật chớ đồ tận tụy, đáng thương của mình ngày nào.

Chúng tôi đi tránh sang một bên. Tôi nhìn Đum-sép. Đôi mắt to màu xám của ông bỗng linh lợi hẳn lên.

Ông bảo tôi dừng lại rồi hỏi:

– Anh làm thế nào mà đến được Chen-xơ?

Tôi bối rối. Mặc dù đã chờ đợi câu chuyện này từ lâu, nhưng tôi vẫn ngần ngại... Có biết bao điều phải kể! Nước Nga đã biến đổi khác hẳn xưa.

– Bằng xe lửa... - tôi trả lời một cách miễn cưỡng và chợt nhớ đến cái vé tàu đi Ma-xơ-va đã mất.

– Phải rồi, đi bằng xe lửa, sau đó đi ngựa theo con đường gập ghềnh, khúc khuỷu... Xe lửa đến là hay trật bánh...

Tôi đáp:

– Khi xây dựng nền đường, các kỹ sư đã tính toán chính xác độ nghiêng tự nhiên cho từng trường hợp cụ thể.

– Các anh tính toán, còn ở đây con kiến sư tử chẳng tính toán gì cả mà vẫn xây dựng được trong cát cái lòng phễu thần tình. Chỉ cần một con kiến, một con kiến thôi, dẫm lên cũng đủ để cho bờ cát sụt xuống và con kiến không thể nào ra khỏi cái bờ dốc đáng sợ ấy. Anh nói: kỹ sư... tính toán... độ nghiêng tự nhiên... Nhưng anh xem, con kiến sư tử xây dựng cái hố lòng phễu của nó không dốc quá mà cũng không thoải quá. Dốc quá thì khi kiến đi qua, cát sẽ vùi lấp ngay chính chủ nhân cái hố. Thoải quá thì kiến sẽ ra thoát và chủ nhân cứ nằm đó với cái bụng rỗng. Ở đây, cái hố hoàn toàn chính xác, không sai một li. Anh xem, “nghệ thuật” biết bao!

Tuy đã biết kiến sư tử qua những trang ghi chép của Đum-sép, tôi vẫn bị câu chuyện của ông lôi cuốn.

– Anh có biết kiến sư tử xây dựng cái lòng phễu ấy như thế nào không? Nó làm theo kiểu xoáy ốc. Kiến sư tử đi theo vòng tròn, lấy chân bới cát rồi dùng đầu hất ra ngoài. Hết vòng này đến vòng khác, nhỏ dần, nhỏ dần. Cuối cùng là được một cái phễu và con vật giấu mình dưới đáy hố.

– Một bản năng kỳ diệu! - tôi nói với Đum-sép. - Côn trùng không hiểu biết gì về việc làm của chúng và chỉ biết hoạt động như một cái máy.

– Cái máy? Các cư dân xứ này là những cái máy? - Đum-sép hỏi lấy lại rồi vừa rảo bước vừa đắm chiêu suy nghĩ chắc là vì một chuyện gì khác.

PHẦN THỨ SÁU

CHẤT KHÍ BIỂN THẢI

PHÒNG THÍ NGHIỆM SỐNG

Không biết có phải Đum-sép muốn làm cho tôi phải ngỡ ngàng trước những phát minh của ông ở xứ này, hay chỉ là sự đấng trí đã trêu đùa tôi? Tôi chẳng biết.

Nhưng sự việc bắt đầu thế này. Chúng tôi đang đi về phía dãy đồi cát thì Đum-sép ngoặt sang phải và biến mất.

Chỗ ấy, cây cỏ rậm rạp. Tôi gạt cành lá tiến thêm mấy bước. Trước mặt là một khoảng rừng thưa. Tôi quyết định đứng chờ Đum-sép ở đây. Nhưng vừa mới bước ra chỗ trống, tôi đã thấy ngay một con vật kỳ dị có ba đuôi đang tiến về phía mình.

Tôi vội tránh sang một bên rồi dừng lại. Rõ ràng đây là một con sâu. Nhưng sao nó lại có những ba cái đuôi? Điều ấy làm tôi ngạc nhiên.

- Bác Đum-sép! - tôi lên tiếng gọi.

Không có tiếng đáp lại.

Tôi đành bước tiếp và một lần nữa lại giật mình sửng sốt. Cái gì vậy? Một con gì đấy bay lượn trên đầu tôi, rồi bất chợt đậu xuống chặn ngang lối đi. Tôi hoảng sợ, nhưng rồi hiểu ra ngay: một con bướm. Đúng, một con bướm, nhưng là con bướm... không có đầu!

Vừa lúc ấy, Đum-sép xuất hiện.

- Anh ngạc nhiên lắm phải không? - ông hỏi.

- Tôi vừa rơi vào chốn nào thế này, bác Đum-sép? - tôi hỏi lại.

- Anh đang ở khu vực mổ xẻ của tôi.

- Mổ xẻ?

- Phải, mổ xẻ! Và anh sẽ thấy rằng y học không phải là không có cái gì để bắt chước, khi nghiên cứu sinh lý các cư dân xứ này. Anh lạ lắm hay sao?

- Tôi chẳng hiểu gì hết...

- Ở đây, anh sẽ được thấy những kết quả mổ xẻ của tôi. Tôi đã kiểm tra và kết luận được qua thí nghiệm rằng: các bộ phận riêng lẻ của cơ thể sâu bọ vẫn sống trong khi các bộ phận khác của nó đã chết. Thí dụ như những con nhộng bướm. Tôi đã cắt đầu chúng, nhưng con nào cũng vẫn tiếp tục chu kỳ sinh trưởng và biến thành những con bướm thật sự, nhưng không có đầu. Không đầu, nó vẫn sống, tuy không lâu... Còn mi? Đum-sép bỗng quay sang nói với một con ong kỳ lạ đang bò trên mặt lá. - Thật khổ cho mi, mi không muốn có cái đầu người khác trên cổ mình phải không? Được, thôi đừng vượt râu mãi thế! Mi làm rơi cái đầu ấy ra mất thôi... Trường hợp con ong này không được tốt lắm! - Đum-sép quay lại nói với tôi, - nó không chịu để cho đầu kẻ khác mọc trên cổ mình.

- Ôi, lạ quá!... - tôi thốt lên, bối rối.

- Có gì đâu, anh đi với tôi, tôi còn cho anh xem nhiều cái khác nữa. À, mà các nhà sinh lý học chúng ta có biết... - Đum-sép bắt đầu nói.

- Xin lỗi! - tôi ngắt lời Đum-sép. - Con quái vật ba đuôi lại bò ra kia kìa.

- Quái vật nào? Không phải đâu, đây là con sâu làm thí nghiệm của tôi. Tôi đã tách một số mô ở cuối thân con vật và tiến hành một thí nghiệm nhỏ. Anh biết đấy, con thằn

lần bị đứt đuôi lại mọc ra đuôi mới. Nó đâu có phải là quái vật! Tôi muốn nói với các bác sĩ chữa mắt chúng ta rằng: - “Các bạn ơi, các bạn có nghĩ đến chuyện vì sao con sâu không có mắt lại phản ứng với ánh sáng không? Các bạn hãy trả lời đi. Các thí nghiệm của tôi đã cho thấy rằng...”.

Nhưng tôi đã không còn nghe thấy Đum-sép nói gì nữa, một cảnh tượng vô cùng thích thú đập vào mắt tôi. Tôi reo lên:

– Những con gì lạ vậy?

Trước mắt tôi, ba con châu chấu bị trói vào thân cây: con xám thì có đầu màu xanh, con xanh lại có đầu màu xám, và một con nữa lại mang đầu đế mèn.

– Tôi đã giúp chúng đổi đầu cho nhau, - Đum-sép nói và nhìn các “bệnh nhân” của mình. - Ca mổ xẻ này thành công, vết mổ đã liền, - Đum-sép vừa nói vừa cởi trói cho chúng.

Lập tức mấy con châu chấu nhảy tanh tách và biến ngay vào đám cây cối rậm rạp. Con có đầu đế mèn còn dừng tại giây lát trước mặt chúng tôi.

– Tôi đã thí nghiệm, - Đum-sép nói tiếp, - và đi đến kết luận rằng: trong cơ thể sâu bọ có một sức mạnh bí ẩn nào đây mà khoa học chưa tìm hiểu được. Anh làm thí nghiệm mà xem, anh hãy mổ xẻ chúng và sẽ thấy một quá trình phức tạp, một hình thức tồn tại mới, bắt đầu như thế nào. Bộ phận này biến đổi, bộ phận khác được thay thế, mà con vật vẫn sống... Ở xứ Cỏ Rậm này, các loài sâu bọ thường có khả năng phục hồi lại những chân, cánh, râu, mắt bị mất của chúng. Tôi thấy hình như hiện tượng tái sinh kỳ lạ ấy gắn liền với quá trình thay lông lột xác, với chất hoóc-môn của quá trình ấy. Tôi đã tiến hành thí nghiệm ngay trên cơ thể sâu bọ giữa môi trường tự nhiên, nơi chúng sinh sống, bay nhảy, trải qua các giai đoạn phát triển dinh dưỡng, sinh sôi, nảy nở và chết. Những thí nghiệm ấy có hiệu quả biết bao so với các thí nghiệm làm trong phòng. Chỉ có nghiên cứu sinh lý các loài côn trùng, tôi mới có thể xác định được các trung tâm tái tạo ra các bộ phận bị mất nằm ở đâu.

Ở đây, tôi còn thấy có những côn trùng bị mất một cơ quan nào đấy lại mọc ra một cơ quan mang chức năng hoàn toàn khác chức năng cơ quan cũ. Thí dụ như con sâu đọt tre mất râu lại mọc ra một cái... chân mới! Tôi nghĩ rằng một trung tâm nào đó của cơ thể có hai chức phận: tạo râu và tạo chân. Và trung tâm ấy không phải bao giờ cũng “hiểu rõ” việc làm của mình. Đối với con người, điều đó thật quan trọng và có ích! Nó gợi ý cho các nhà sinh lý học, các bác sĩ biết bao điều!...

Đum-sép dừng lại gần một gốc cây trơ trọi. Ngọn cây gãy gập xuống tận đất, nhưng vẫn dính liền với thân, tạo nên một cái vòm cửa. Đứng bên vòm cửa đó nhìn về phía xa, Đum-sép nói:

– Ôi, các cư dân xứ Cỏ Rậm! Đã hàng triệu, hàng triệu năm rồi các người đã gìn giữ, đã che giấu không cho con người biết những bí mật của mình. Nhưng ta đã khám phá ra những bí mật ấy. Ta sẽ chuyển những bí mật ấy cho con người!

Xung quanh chúng tôi là màu xanh trùng điệp của xứ Cỏ Rậm với tiếng gió gào rít không lúc nào ngừng. Lời nói của Đum-sép chìm đi giữa những âm thanh hùng tráng ấy.

Chúng tôi lại đi tiếp.

Rừng cỏ thưa dần. Nhận ra dãy đồi cát vàng trước mặt, tôi sung sướng quá reo lên:

– Đây rồi! Đây chính là nơi mà những con bọ hung đã đẩy đi mất viên thuốc thứ hai của tôi. Viên thuốc ấy ở bên kia dãy đồi, nhất định là ở đây. Viên thuốc ấy sẽ giúp chúng

ta lấy lại tầm vóc cũ của mình. Và cả hai chúng ta sẽ trở về với loài người!

Tôi gần như gào lên những lời ấy vì quá đổi mừng rỡ. Thế nhưng Đum-sép lại dường như chẳng nghe thấy gì cả. Ông im lặng nhìn về phía rừng cỏ xanh rồi cất tiếng nói. Tôi vẫn nhớ như in từng lời ông.

– Phải chăng ta muốn trở lại với con người? Với con người... - Ông tự hỏi, rồi nhắm mắt lại, khe khẽ lên tiếng hát: “Bảo tố phủ kín bầu trời...”^[41]

Bài hát đứt đoạn vì ông không còn nhớ hết lời ca.

– Anh thấy không? - Đum-sép nói, giọng buồn rầu, đau khổ, - tôi đã quên mất cả bài ca mình yêu thích.

Tôi thông cảm với nỗi buồn của Đum-sép. Ông đã từng thiết tha với âm nhạc, đã từng chơi vĩ cầm...

Để kéo Đum-sép ra khỏi tâm tư buồn bã, tôi nói lảng sang chuyện khác:

– Trở về với con người, rồi bác sẽ nhớ lại và viết lại cuốn nhật ký bị mất của bác nhé.

Đum-sép vẫn dăm chiêu, không nghe tôi nói, ông khẽ lẩm bẩm:

– Vào nhà rồi lấy tập thư của Pu-skin trên giá sách...

– Đum-sép! - Không tìm được nữa, tôi thốt lên. - Vừa mới gặp bác là tôi đã muốn nói ngay rằng con người... đất nước... tất cả đều đã đổi thay!... Tôi đã định kể cho bác nghe tất cả mọi chuyện nhưng lại thôi. Và bây giờ thì...

– Ba giờ chiều rồi, - Đum-sép ngẩng đầu nhìn lên những bông hoa ở trên cao và ngắt lời tôi. - Anh mệt lắm thì phải? Cái đồi này cũng khó lên đấy. Ta phải nghỉ một chút để lấy sức.

Chúng tôi ngồi xuống chân đồi. Đum-sép mở túi lấy ra một chiếc khăn ăn bằng lụa, một cái đĩa, hai chiếc thìa gỗ sơn. Ông bước đi và gọi tôi:

– Lại đây! Lại đây! Đây là kho dự trữ của tôi.

Tôi nhìn thấy một cái hũ lớn chôn ngập dưới đất. Đum-sép mở nắp. Miệng hũ còn phủ một chiếc khăn có dây buộc kỹ càng. Trong hũ là phấn hoa trộn mật ong. Tôi biết ngay chiếc khăn đây làm bằng tơ tằm. Ở xứ Cỏ Rậm này, chẳng thiếu gì giống tằm ấy. Còn lớp sơn phủ trên những cái thìa gỗ là sản phẩm của một loài sâu khác. Chỉ có cái hũ đất là tôi không hiểu Đum-sép đã kiếm ở đâu ra. cầm chiếc thìa gỗ trong tay, tôi mãi nghĩ quên cả ăn. Chợt tôi nhớ lại là đã có lần thấy những cái hũ như vậy rơi từ trên cây xuống.

– Anh nghĩ gì thế? - Đum-sép hỏi. - Chắc là cái hũ đất làm anh thắc mắc? Đây là sản phẩm của một loài tò vò. Chúng lấy nước bọt luyện những viên đất nhỏ, rồi khéo léo nặn thành cái tổ cho con cái chúng. Lũ tò vò ấy bắt sâu, bắt nhện bỏ vào đấy, để trứng lên rồi trát kín miệng tổ lại. Những cái “hũ đất” ấy bám trên cành cây. Khi tò vò non nở, nó ăn số thức ăn có sẵn ấy và lớn lên. Khi đã thành một con tò vò thật sự, nó khoét tổ chui ra và bay đi. Cái hũ rỗng rơi xuống đất.

Tôi đã đói mềm nên ăn ngấu nghiến, vội vàng. Còn Đum-sép vẫn giữ phong thái mọi khi, điềm đạm và chăm chú.

– Những con bọ hung... hừ, những con bọ hung... - Đum-sép lẩm bẩm rồi hỏi tôi. - Muốn có được một khối tròn thì con người phải làm thế nào nhỉ?

Tôi chưa kịp trả lời thì ông đã lại nói ngay:

– À tôi biết rồi: phải dùng máy tiện phải không anh? Phải kết hợp động tác quay tròn của vật với chuyển động tịnh tiến của máy. Ấy thế mà con bọ hung có thể tạo nên một khối tròn, thật là tròn, mà chẳng cần phải xê dịch. Nó cứ nằm ngay trên viên đất, vừa

xoay mình, vừa lấy hàm xén từng viên đất nhỏ mà nhào, vuốt, nặn... Thế là quả cầu tròn xoe và nhẵn nhụi đã thành hình. Nhưng thôi... đã đến lúc phải lên đường tìm kiếm lũ bọ hung ấy.

ĐUM-SÉP CỐ LÀM CHO TÔI KHUẤY KHỎA

Thế là công cốc! Cuộc hành trình đi tìm viên thuốc của chúng tôi hoàn toàn thất bại. Trên đỉnh đồi, gió lồng lộng làm lay động những thân cỏ thưa thớt, làm cát bụi quất vào người chúng tôi. Đứng trên đỉnh dốc, chúng tôi nhìn rõ bãi phẳng, xám xịt và trơ trụi phía bên kia đồi. Quang cảnh trống trải, ảm đạm. Vẫn như xưa, tôi nghĩ rằng đây là những đồi cát do những con vật nhỏ đào tổ đùn lên. Nhưng lũ bọ hung ở đâu? Chúng ở nơi nào đây?

- Lũ bọ hung nặn những “quả cầu” của chúng vào đầu xuân, - Đum-sép nói, dường như đã đoán được ý nghĩ của tôi. - Chắc là quả cầu có dính viên thuốc đã bị một đôi bọ hung muộn măn nào đẩy đẩy đi. Chúng hình dáng ra sao, anh còn nhớ không? Anh tả cho tôi nghe, may ra tôi sẽ tìm thấy chúng.

- Chúng giống như những hiệp sĩ mặc áo đen vậy, - tôi nói.

- Anh không nói được cụ thể hơn à? Bọ hung có nhiều loài...

- Cụ thể hơn? Tôi chịu thôi.

- Nếu chúng đã ăn viên thuốc... - Đum-sép nheo mắt cười, nhìn tôi, - thì chúng đã trở thành những con vật khổng lồ và chúng ta đã phải trông thấy ngay rồi. Nhưng chuyện ấy đã không xảy ra. Vậy chỉ còn có thể đoán là chúng để trứng vào đấy rồi vùi xuống đất như chúng vẫn thường làm.

- Ôi, thế là công toi... - tôi thốt lên đau xót.

Chúng tôi bắt đầu đi xuống. Gió lùa theo sau lưng. Cây cối rì rào buồn bã. Lòng tôi nặng trĩu. Bóng tôi in trên đường cũng mệt mỏi, còng xuống và thất thểu như chính bản thân tôi vậy!

Mỗi lần gặp một cái đèo, Đum-sép lại đỡ lấy tay tôi và thận trọng giúp tôi vượt qua.

- Tôi mời anh đến chỗ tôi chơi ăn bữa trưa! - Đum-sép nói. - Anh đã vô tình biết được một chỗ ở của tôi. Bây giờ mời anh đến thăm chỗ ở thứ hai, một nhà nghỉ hè của tôi.

Ông dừng một chút rồi nói một mình:

- Cần làm cho anh khách của ta vui lên một chút mới được.

- Ngôi nhà ta dẫn khách đến không được hay lắm, kể ra ta có thể xây dựng và trang trí cho nó đẹp hơn. Nếu lại để hai con nhện nhe răng, giơ vuốt ở hai bên cổng nữa, thì hẳn anh khách của ta phải chết khiếp. Cũng chẳng khó gì: chỉ việc lấy hai xác nhện nhồi chặt rồi đặt vào đấy là xong. Còn con đường qua sân cũng có thể lát bằng mặt cánh cứng của loài bọ rùa có màu vàng và đỏ, như vậy vừa bền, chắc, vừa đẹp... - Đum-sép quay lại nói với tôi: - Rất tiếc là bữa ăn hôm nay lại không có âm nhạc kèm theo cho vui, tôi chưa tập hợp được các nhạc công.

- Bác nói âm nhạc nào vậy?

- A, tôi có cả một dàn nhạc cơ đấy. Xung quanh nhà tôi xây dựng một dãy ngăn nhỏ có cửa khép kín nhưng đã mở. Ở giữa sân, từ trung tâm điều khiển có một loạt dây nối với các cánh cửa, và như vậy, tôi hoàn toàn có thể đóng mở các ngăn ấy rộng hay hẹp

tùy ý. Trong mỗi ngăn là một nhạc công, một chú đế mèn chẳng hạn. Chú ta có một chiếc mã vĩ tuyệt vời. Về hình thức, nó giống hệt một chiếc thoi uốn cong, có hai mươi tư cái răng hình tam giác nằm nghiêng. Chú ta kéo đàn bằng tay trái!

– Sao lại bằng tay trái hở bác?

– Vì chú ta cầm mã vĩ ở phía trái của cánh trái. Bộ cộng hưởng là một miếng da mỏng được căng ra và rung lên khi động đến toàn bộ khung cộng hưởng.

– Hay quá! Hay quá! - Tôi reo lên. - Thế là có cả mã vĩ, cả đàn.

– Nhẽ ra tôi phải mời anh thưởng thức dàn nhạc của tôi, nhưng tiếc thay, nhạc công không đủ mặt. Tuy vậy tôi sẽ có cái khác làm anh phải ngạc nhiên và thích thú. Đang lúc nóng nực này tôi sẽ mời anh vào thăm phòng “phun nước”. Anh không thấy ngạc nhiên là hệ thống dẫn nước của chúng ta về thực chất được xây dựng chẳng khác gì ở thời cổ La Mã hay sao?

Tôi bắt đầu giải thích về hệ thống cấp nước hiện nay của các nhà nhiều tầng, nhưng Đum-sép cười:

– Chúng ta chưa đi xa hơn những kinh nghiệm cổ xưa được bao nhiêu! Thậm chí còn chưa nghĩ đến cả chuyện nước có thể tự nó dâng lên cao được.

– Tự nó dâng lên cao à? - tôi hỏi lại.

Đum-sép cười độ lượng:

– Anh cũng biết đấy, nước trong bất kỳ cây nào cũng từ đất thấm vào rồi dâng lên cao. Tự nó dâng lên cao. Còn gì đơn giản hơn! Tôi chỉ việc kiếm một thân cỏ. Tất nhiên, đây là cả một hệ thống mao mạch tinh vi nhất. Tôi đặt một đầu thân cỏ vào cái ao gần nhà. Còn đầu kia lên cửa sổ tầng hai. Nước cứ thế mà lên.

– Tôi hiểu, bác Đum-sép ạ, đây là hiện tượng mao dẫn.

– Đúng, đúng! Đó là những quy luật của thiên nhiên! - Đum-sép nói. - Anh hãy quan sát thiên nhiên và anh sẽ chẳng phải mất nhiều công sức cho việc đẩy nước lên các tầng cao.

Ở đây, Đum-sép nói lầm lẫn cả. Ông đã lẫn lộn các quy mô và kích thước, cả tầm vóc con người bình thường lẫn nhu cầu về nước của họ.

Lẽ ra tôi phải nói ngay với Đum-sép rằng nước trong các mao mạch chỉ lên đến một độ cao không đáng kể, và lượng nước mao dẫn chỉ bằng một thìa nhỏ thì đáp ứng sao được nhu cầu con người.

Nhưng tôi đã im lặng, không nói một lời nào về chuyện trong những năm dài sống ở xứ Cỏ Rậm, Đum-sép đã hình thành những khái niệm về quy mô, kích thước khác hẳn với khái niệm của con người bình thường và ông không nên khẳng khẳng bẻ những khái niệm đó của mình sang thế giới con người.

Hết kể chuyện về hệ thống dẫn nước, Đum-sép lại nói sang chuyện ánh sáng trong nhà ông. Đây là ánh sáng không có lửa, không có sự cháy. Nguồn ánh sáng ấy ở đây rất phong phú: những con đom đóm, những mảnh gỗ mục có ánh lân tinh...

Ở xứ Cỏ Rậm này, thật khó mà tin được cả những điều đã thấy tận mắt. Mọi thứ đều kỳ lạ. Chưa biết ngôi nhà nghỉ hè của Đum-sép ra sao, nhưng tôi tin câu chuyện về ánh sáng trong nhà ông, vì tôi đã thấy ngôi nhà thứ nhất của Đum-sép. Tôi bỗng nhớ lại có một lần, tôi đã ngồi trong nhà hát nghe một bản báo cáo về các nguồn ánh sáng mới và cách dùng chúng để phục vụ sân khấu.

Tôi nhớ báo cáo viên nói rằng đom đóm đã gợi ý cho các nhà bác học về việc sử dụng “ánh sáng lạnh”. Người ta đã tính ra rằng ở ngọn đèn chỉ có ba phần trăm năng lượng

biến thành ánh sáng, phần năng lượng còn lại biến thành nhiệt và tỏa vào không khí. Còn ở con đom đóm thì có đến chín mươi phần trăm năng lượng biến thành ánh sáng.

Tôi vẫn nhớ một bài báo cáo có đoạn nói về chuyện ấy như sau:

“Nếu thay thế một nửa số đèn đốt nóng của đất nước ta hiện nay bằng nguồn sáng mới, thì có thể tiết kiệm được một lượng điện khổng lồ”.

Chúng tôi rảo bước. Rừng cỏ đã thưa hơn. Đây đó tôi thấy những lối đi, những bụi cây trổng, chứng tỏ có bàn tay người chăm sóc. Chắc là đã gần đến nhà Đum-sép.

– Ôi, cái gì đây? - tôi buột miệng kêu lên.

Đằng sau những bụi cây xanh nhô lên một tấm “phông” lớn rực rỡ màu sắc.

PHÁT KIẾN VĨ ĐẠI HAY LẦM LẤN VĨ ĐẠI

– Anh ngạc nhiên à? - Đum-sép hỏi tôi.

– Không phải ngạc nhiên, mà là kinh ngạc và sửng sốt trước một cảnh tượng kỳ diệu, bác ạ!

– Có gì đâu, cái bờ rào của tôi đây mà...

Tôi ngắm nhìn không chán mắt: những khoảng đỏ ửng chen lẫn những đám vàng tươi, xanh lơ, tím ngắt, những vòng đủ kiểu, đủ màu... Ánh nắng lại càng làm cho tấm “phông” ấy thêm lộng lẫy.



Chúng tôi lại gần. Những chiếc cọc dài có gai nhọn, cứng, cắm chéo nhau trên mặt đất.

Dum-sép giải thích:

– Chân châu châu dùng làm hàng rào cho tòa lâu đài của tôi thì rất tiện. Và giữa những “cọc rào” đó, tôi căng những cánh của đủ loại bướm đẹp.

Những sắc bướm hài hòa quyện vào nhau và che kín rào.

Chúng tôi đã đến trước cổng. Cánh cổng óng ánh như làm bằng đồng đen.

Tựa hồ như có một người thợ khéo bí ẩn nào đó giới thiệu với tôi một loạt sắc màu

kỳ lạ nhất trên hàng rào và trên cánh cổng - từ màu đỏ đến màu tím. Tôi mê nhất cái màu xanh lá cây óng ánh vàng ở phía dưới rào và thốt lên:

– Tôi chưa từng thấy những màu sắc thế này bao giờ!

– Cánh cổng làm bằng bộ cánh con cánh cam đấy. Nhưng vấn đề không phải là ở đó mà tôi nghĩ rằng ở đây con người có thể rút ra được một điều bổ ích.

Tôi chưa hiểu ông định nói gì thì Đum-sép đã hỏi:

– Anh nhìn thấy gì ở đấy?

– Tôi thấy những màu sắc cực kỳ rực rỡ...

– Anh bạn ơi, anh nhìn mà chẳng thấy gì hết. - Đum-sép nói và đưa mắt nhìn dãy hàng rào của mình.

Tôi đợi Đum-sép mời vào sân, nhưng không một chút vội vàng, ông chậm rãi nói:

– Tôi nhớ lại màu sắc nhà cửa ở các thành phố của chúng ta mới buồn tẻ và đơn điệu làm sao! Nhất là vào mùa thu, mưa rơi làm chúng xám xịt lại. Thậm chí ánh mặt trời xuyên qua mây đen bất ngờ rơi xuống càng làm cho chúng thêm buồn thảm. Ngày nay, màu sắc nhà cửa ở các thành phố thế nào? Mưa có làm trôi và nắng có làm phai lớp vôi màu của các anh nữa không?

– Khó gì đâu, chỉ việc sửa chữa và quét vôi lại là như mới thôi bác ạ, - tôi lơ đãng trả lời.

– Nào thùng chậu, nào vôi, nào chổi quét... lại mất bao nhiêu công sức nữa chứ! Ấy thế mà cuối cùng cũng chỉ được một lớp màu tẻ nhạt và chóng phai mờ...

– Làm thế nào được, bác Đum-sép!

– Con người phải tô điểm phố xá của mình bằng đủ màu sắc cầu vồng như những cánh bướm rập rờn dưới nắng kia vậy!

– Điều ấy không thể làm được!

– Không, làm được! Màu của tôi khác hẳn với thứ màu mà các anh vẫn quen dùng. Đây không phải là thứ màu trong thùng vôi, đây không phải là chuyện hóa học hay sắc tố gì hết. Đây là những màu sắc vĩnh cửu mà thời gian không thể phá hoại. Những màu sắc ấy không bao giờ phai nhạt. Anh nhìn kỹ xem: anh không thấy những cánh bướm ấy trong suốt à?

Tôi nhìn kỹ nhưng vẫn không hiểu gì cả. Đum-sép nhìn tôi, vẻ chờ đợi. Trên khuôn mặt nghiêm trang và chăm chú của ông, tôi cảm thấy có nét buồn. Phải chăng vì tôi không hiểu ông?

Đum-sép nói đây là những màu sắc vĩnh cửu. Nhưng cánh bướm thì mỏng manh. Bướm lại chỉ sống có vài ngày hay vài tuần là cùng. Làm sao biết được màu sắc nó vĩnh cửu! Tôi đứng bên tấm màn nhà hát rực rỡ sắc màu, hay như Đum-sép nói, bên “hàng rào” nhà ông, mà bồi hồi lắng nghe và cảm thấy những lời ông nói là tự đáy lòng, nhưng thực chất vấn đề thì tôi chưa nắm được.

Nhưng giọng nói của Đum-sép nhiệt tình và chân thành đến nỗi tôi đã nghĩ là ông không thể có điều gì sai lầm. Nhưng nghĩ lại, tôi mới thấy rằng ông đã sai. Không thể có những màu sắc vĩnh cửu được! Hơn nữa, ông vừa mới nói là những chiếc cánh bướm ấy trong suốt cơ mà! Đúng là nó rất mỏng manh. Không, - tôi quả quyết, - đó chỉ là một sự lừa lẩn kỳ lạ. Đum-sép đã tự lừa dối mình. Đây chỉ là sự lừa lẩn của một con người đã sống đơn độc hàng chục năm ròng ở xứ Cỏ Rậm”.

Đum-sép nhìn tôi, vẻ chờ đợi. Tôi buộc lòng phải nói với ông:

– Tôi chịu không tưởng tượng được tại sao lại có những màu sắc vĩnh cửu? Cái gì đã

được tô vẽ, ắt phải bay màu.

Rừng cỏ vẫn nghiêng ngả, rì rào. Đum-sép đã không nhìn tôi nữa, mà dăm dăm hướng về phía xa, dường như rừng cỏ xanh rì trước mặt chứa đựng những hoa văn mà chỉ ông mới thấy được. Ông nói, giọng đượm vẻ lo âu, phiền muộn:

– Biết làm sao giải thích được cho con người rằng: ở đây có những màu sắc khác với màu hoa? Những đóa cúc vàng, những bông hồng đỏ, những chùm hoa tím... Tất cả đều phai tàn. Còn ở đây lại khác! Màu sắc có bản chất khác hẳn. Những sắc màu trên dây tường rào kia sẽ chẳng bao giờ phai nhạt cả! Không bao giờ! Trong rạp hát, dàn nhạc tạo nên luồng âm thanh rạt rào... Còn màu sắc? Ôi, cái “phông” vẽ cảnh mùa xuân xanh ngắt trên vải hoặc bìa cứng ấy: nó làm sao biến đổi được theo dòng âm thanh! Không, các màu sắc ấy ngưng đọng, cứng đờ trên nền vải, trên tấm bìa...

Tôi nghe ông nói và tự nhủ: “Đúng là sự lầm lẫn của một con người: sự lầm lẫn mà bản thân con người ấy không thấy được!”.

Tiếng rì rầm trong rừng cỏ mỗi lúc một trầm xuống, và màu sắc trên dây tường rào mỗi lúc một rực rỡ thêm.

Đum-sép vừa đẩy cánh cổng, vừa nói với tôi:

– Cần phải giải thích điều đó cho con người. Và khi ấy màu sắc sẽ làm vui mắt họ, giúp họ sống, làm việc, lao động, động viên, an ủi họ chẳng khác gì âm nhạc và những bài ca... Thôi, mời anh vào nhà!

Một con kiến chạy vụt qua. Đum-sép nhìn nó rồi bỗng nắm lấy chuôi thanh kiếm bằng ngòi ong. Ông chạy về phía con kiến, hoảng hốt:

– Có chuyện gì vậy?! Có chuyện gì vậy?!

Tôi không hiểu đầu đuôi ra sao, vội vã chạy theo Đum-sép.

– Có chuyện không hay ở xứ Cỏ Rậm rồi, - Đum-sép nói, chăm chú nhìn đôi râu con kiến, miệng đếm to: năm, mười, hai mươi... Thôi, nguy rồi!

Sau đó, ông giữ một con kiến khác và lại đếm:

– Năm... mười... ba mươi... bốn mươi rung động!

– Bác đếm cái gì vậy?

– Phải trốn ngay! - Đum-sép kéo tay tôi, thì thầm: - Lũ kiến bảo rằng...

– Sao? Bác nói gì?

– Về nhà mau! Quay về cái nhà cũ mà anh đã qua ấy. Cái nhà ấy ở sâu dưới đất, chắc chắn hơn! - Đum-sép kêu lên.

Chúng tôi chạy. Chạy trốn cái gì, tôi cũng không biết nữa. Cảnh tượng thật buồn cười. Vừa chạy tôi vừa hỏi Đum-sép:

– Tại sao chúng ta phải chạy thế bác?

– Rừng cỏ có động!

– Có chuyện gì thế?

– Tránh gốc cây ra... Đừng có vấp ngã... Lũ kiến nói với tôi rằng chúng rất hoảng sợ.

– Chúng biết nói ư?

– Nắm lấy tay tôi đây này... Phải, chúng biết nói, cũng như các loài côn trùng khác...

– Nhưng kiến có biết phát ra âm thanh đâu!

– Phải nhìn thấy cơ...

Nhìn thấy gì hở bác?

– Nhìn thấy thì sẽ hiểu chúng nói gì.

– Bác nói sao?

- Tạt sang bên phải! Gần đến nhà rồi... Cần phải nhìn bộ râu chúng và đếm những rung động...
- Vậy là ngôn ngữ số học?!
- Đúng thế, ngôn ngữ ấy vừa đơn giản vừa chính xác. Ngay một con gián bình thường cũng có thể nói: “Tôi mệt, tôi đang nghỉ” bằng cách rung râu năm lần. Khi nó tìm chỗ ở mới, nó rung năm mươi lần. Khi đói, nó rung ba mươi sáu lần. Mỗi loài côn trùng lại có bản mật mã hội thoại riêng... Thôi, quay về phía bờ sông! Mau lên!
- Chuyện gì thế nhỉ?... Chuyện gì đã xảy ra ở xứ Cỏ Rậm này?...

LẠI MỘT CÂU ĐỐ...

Những tiếng âm âm như sấm mỗi lúc một gần. Cỏ cây nghiêng ngả đổ gãy rào rào. Những cái “cột” khổng lồ nhấc lên, hạ xuống, nhấc lên, hạ xuống...

Những bước chân người!

Có lẽ chị phụ trách cơ sở thực phẩm đã báo về Chen-xơ tin tôi mất tích, chỉ còn để lại bộ quần áo trên gốc cây cụt. Chắc giáo sư Ta-ra-xê-vích, chị Vô-rôn-xô-va và các sinh viên kéo nhau đến đây để xem bộ quần áo có đúng là của tôi không.

Nhưng chỉ một lát sau những cái “cột” khổng lồ đó đã đi đâu mất. Cảnh náo động ở xứ Cỏ Rậm chấm dứt. Tất cả trở lại yên tĩnh.

Chúng tôi lập tức lên đường đi tới cái tổ ong - thợ nề, nơi dấu viên thuốc trước kia, xem động tĩnh ra sao. Đi về phía bờ “sông Trách móc muộn mằn”, chúng tôi thấy quang cảnh khác lạ hẳn, những cái ao mới rải rác đó đây, dòng sông chỗ thì chảy tràn bờ, chỗ thì quay ngoắt sang hướng mới: tất cả chỉ do những bước chân người gây ra.

Chúng tôi chạy vội tới cái bè, nhưng nó đã bị ấn chặt xuống mặt đất không sao nâng lên được. Tuy vậy, gần đây lại có một cái cầu mới. Một cành cây xanh bị người nào đấy đập gãy, vô tình đổ ngang dòng sông nhỏ. Có lẽ người ấy cũng chính là người đã giẫm lên chiếc bè của chúng tôi.

Chúng tôi đi qua chiếc cầu dài, hẹp bằng cành cây sang bờ bên kia. Càng gần đến đích, càng có nhiều cây cối đổ gãy cản đường. Và ở ngay chỗ tổ con ong - thợ nề, cỏ bị đạp gập xuống mặt đất từng đám. Chắc nhóm người kia đã dừng lại ở đây để trao đổi ý kiến với nhau trước khi đi tiếp. Tổ ong thợ nề chỉ còn là một đồng đồ vỡ ngổn ngang. Tôi ngẩn người nhớ lại ngày nào Đum-sép còn so sánh nó với các kim tự tháp Ai Cập! Viên thuốc chúng tôi giấu vào trong tổ ở đâu nhỉ? Chắc là nó đã dính vào gót giày một người nào đó! Người đó là ai? Là ai cũng vậy mà thôi!

Thật là một ngày ảm đạm! Trên dãy đồi bên kia, tôi đã mất hy vọng tìm lại viên thuốc bị bọn hung cuồn đi. Bây giờ ở đây, tôi lại hiểu rằng chẳng bao giờ có thể tìm được viên thuốc còn lại nữa. Thế là cả hai viên đều mất đứt cả rồi!

Ở Ma-xơ-va, sáng sáng người nhân viên bưu điện sẽ đến bỏ báo chí vào cái hòm thư sơn xanh ở cửa phòng tôi. Nhưng tôi sẽ chẳng bao giờ được mở những trang báo ấy nữa...

Những người thân vẫn gọi đây nói cho tôi. Và chuông điện thoại cứ reo hoài một cách vô ích!

Buổi tối, trong không khí im lặng trang trọng của nhà hát, màn từ từ mở. Trong giây

phút ấy, bao giờ tôi cũng cảm thấy hơi thở ấm áp của người xem, tôi bắt chột những cái nhìn của họ và cố đoán xem tâm tư họ thế nào. Phải chăng tất cả thế là hết?!

Thật là ngu ngốc! Tại sao tôi lại kết liễu cuộc sống mình trong cuộc tranh chấp với những con nhện, con ruồi nào đấy cơ chứ?!

Tôi thương xót cho số phận chính mình.

Đum-sép giục tôi vượt sông quay về, cho kịp trước khi trời tối. Thế mà tôi cứ loay quanh, dường như vẫn muốn chờ đợi một cái gì đó.

Trên đường về, hình như rừng cỏ không có thái độ hằn thù với tôi như trước. Trong tiếng cỏ rì rào, tôi nghe thấy tiếng an ủi “Đừng thất vọng, đừng thất vọng!”.

Khi chúng tôi trở về đến bờ sông bên kia thì trời đã tối hẳn. Mò được tới nhà Đum-sép bây giờ cũng khó. Vả lại chúng tôi cũng mệt lắm rồi. đành phải ngủ lại ở đây vậy. Đêm dài dằng dặc. Nằm trong túi chăn, tôi không sao chợp mắt được. Tôi cũng không biết vì sao tôi nhớ lại bầu trời mù sương đỏ rực phủ lên rừng cỏ bị đập gãy ở gần tổ ong - thợ nề đổ nát, nhớ lại cảnh tỉnh mịch rợn người ở đó, thấy Đum-sép của mình trần trở luôn.

“Thế là mãi mãi phải ở lại xứ Cỏ Rậm này”. - Tôi nghĩ vậy mà lòng vẫn băn khoăn: tiền thuê phòng chưa trả. Tôi còn cảm thấy có lỗi lớn với giáo sư Ta-ra-xê-vích. Giáo sư đã bận bịu về chuyện sửa trường, nay lại mất thì giờ về chuyện tôi mất tích. Ôi cái đêm trên bờ “sông Trách móc muện mần” này sao mà dài vậy!

Không gian lặng lẽ như tờ. Trên trời lấp lánh sao. Tôi muốn ngủ và cố tập trung suy nghĩ vào một điều gì đấy. Nhưng những chuyện xảy ra trong thời gian gần đây cứ hiện lên trong óc tôi, hết chuyện này sang chuyện khác. Đum-sép nằm gần bên tôi, và theo thói quen, ông lẩm bẩm nói một mình. Thế là diễn ra một cuộc đối thoại kỳ lạ. Đum-sép nói thành tiếng, còn tôi thì nói thầm trong đầu.

Đum-sép. Con người đã bỏ qua mất bao nhiêu điều có lợi chỉ vì không biết nhìn xuống thế giới dưới chân mình, không biết nghiên cứu xứ Cỏ Rậm.

Tôi. Nếu nhìn kỹ thì xứ Cỏ Rậm chẳng qua cũng chỉ là một thế giới bản năng, đầy rẫy bản năng...

Đum-sép. Gay go nhất là khi con người có trí tuệ, nhưng lại thiếu kỷ luật của trí tuệ. Đó chính là chỗ yếu của anh ấy.

Tôi. Tất nhiên rồi! Sao tôi lại không hiểu rằng, Đum-sép phải viết lại tập nhật ký! Nhưng làm thế nào để chuyển nó đi được? Đúng là mọi người sẽ còn lui tới đây, sẽ còn tìm kiếm tôi. Có thể như vậy... Nhưng nhật ký sẽ còn phải viết rất lâu, còn tôi thì mọi người sắp thôi tìm kiếm.

Đum-sép. Ở xứ Cỏ Rậm này, tôi chẳng lo cái gì đe dọa anh bạn trẻ của tôi. Nhưng tôi lại lo rằng chính sự sợ hãi của anh ta lại đe dọa anh ta.

Tôi. Đum-sép nói gì mà lạ vậy? Nhưng tôi hiểu ý ông... Ôi, sao tôi lại mong mỏi được ngồi với Đum-sép trên những chiếc ghế tựa bình thường nhất để uống trà đặc, để nghe tiếng chuông điện thoại và tiếng nói phát thanh viên trên đài đến thế! Lúc đó, chúng tôi sẽ nhớ lại, chỉ có nhớ lại xứ Cỏ Rậm thôi!

Đum-sép. Có lẽ ngay ngày mai phải nói cho anh ta biết rằng cái mà anh ta đem đến và đã đánh mất sẽ giúp đỡ anh.

Tôi. Đum-sép muốn nói đến những viên thuốc? Chúng đã mất hẳn rồi cơ mà?

Đum-sép. Thí nghiệm, phải thí nghiệm nữa...

Đến đây tôi không nín được nữa, quay sang Đum-sép hỏi to:

- Bác Đum-sép, bác nói rõ ra đi! Những viên thuốc đều mất cả rồi cơ mà?

Đum-sép quay sang phía tôi, bình thản nói:

– Đừng vội! Ngày mai, tôi sẽ thí nghiệm... Chúc anh ngủ ngon!

– Chúc bác ngủ ngon, - tôi chẳng hiểu gì nhưng cũng quay người sang bên kia.

“Dòng sông trách móc muộn màng” róc rách chảy, ánh trăng rung rinh trên mặt nước.

Tôi đang mơ mơ màng màng thì lại nghe tiếng Đum-sép: “Chất khí biến thái...”.

“Chất khí biến thái là cái gì?” Tôi lẳng tai nghe. Đum-sép nhắc lại, giọng xúc động:

– Chất khí biến thái...

– Bác Đum-sép, bác lại đánh đố đây à? Chất khí biến thái là cái gì vậy?

Không có tiếng trả lời. Tôi nhồm đay cúi xuống nhìn Đum-sép. Ông vẫn thở đều đều, nhè nhẹ. Ông ngủ ngon lành như một em bé.

Tôi lại rúc vào túi chăn. Sáng mai sẽ phải hỏi cho ra cái “câu đố” bí hiểm ấy mới được.

Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

CON ĐƯỜNG NGẤM

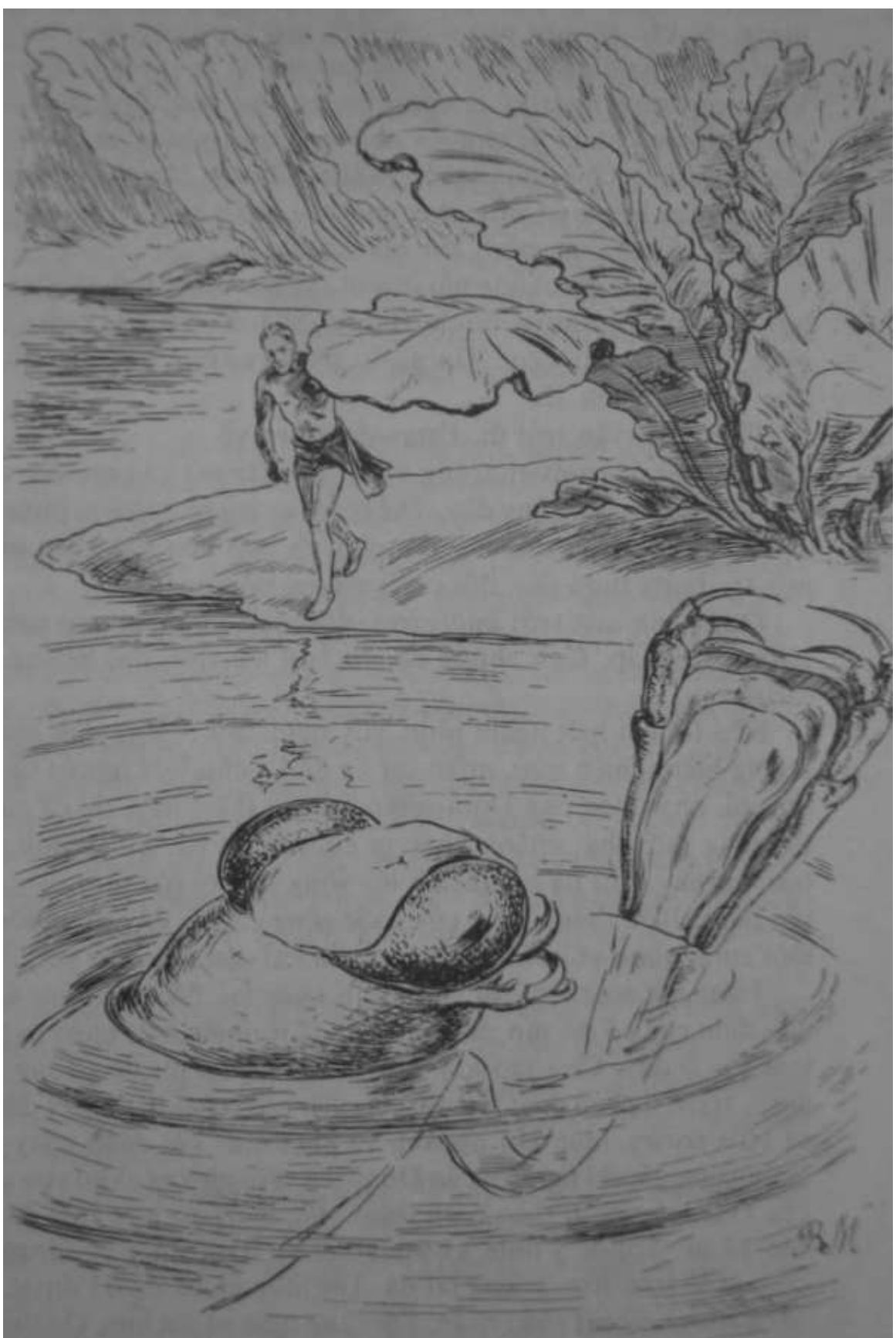
Tôi dậy muộn.

– Bác Đum-sép ơi! - tôi lên tiếng gọi.

Không ai trả lời cả. Nhìn quanh, tôi thấy một cái hũ đựng món ăn quen thuộc và một chiếc thìa để sẵn. Trên mặt đất có mấy chữ: “Tôi về muộn”. Tôi ăn sáng rồi ngồi đợi. Cây cỏ quanh tôi còn đổ rạp. Hôm qua đã tưởng cuộc sống ở xứ Cỏ Rậm này tan tành, kết thúc. Thế mà, kỳ diệu thay, hôm nay mọi vật quanh tôi lại bay nhảy, chạy, riu rít như mọi khi.

“Đum-sép đi đâu nhỉ? - tôi nghĩ. Chất khí biến thái là cái gì nhỉ? Có phải Đum-sép đã nói những tiếng ấy trong lúc mê ngủ hay không?”.

Một con bướm có bộ cánh nâu to rách tả tơi cố vùng vẫy một cách tuyệt vọng trên mặt sông gần bờ. Dòng nước ngày càng cuốn nó ra xa. Đột nhiên, từ dưới nước nhô lên một con vật có chân và đầu rất to. Từ dưới cổ nó vươn ra một cái mặt nạ. Những móng sắc của cái mặt nạ ấy quắp lấy con bướm đang lênh bênh trên mặt nước rồi kéo về đưa vào mồm. Tôi nhớ lại trong một trang nhật ký, Đum-sép đã gọi con vật có mặt nạ này là ấu trùng chuồn chuồn. Và trong trang nhật ký tí hon dính vào bó hoa, ông đã viết: “Ấu trùng chuồn chuồn di chuyển nhờ tia nước phun, và theo nguyên tắc ấy, những chiếc pháo thăng thiên đã tung bay lên bầu trời vào những đêm hội hè. Cũng nhờ phương pháp ấy, con người sẽ đưa con tàu vũ trụ của mình lên mặt trăng...”.



Ấu trùng chuồn chuồn bắt đầu di chuyển trước mắt tôi. Nó không bơi bằng chân, nhưng di chuyển rất nhanh. Nó hút nước vào rồi phụt mạnh ra phía sau. Tia nước phụt ra từng đợt nhẹ nhàng và đẩy con vật tiến lên.

Thời gian vẫn trôi đi. Đum-sép chưa về.

Tôi theo dõi một ấu trùng khác. Nó tiến sát vào mô đất ven bờ. Nó nằm im không động đậy. Thế rồi lưng nó phồng lên, phồng lên... và rách ra một vết dài. Từ đó, chui ra một con vật khác hẳn: đôi mắt to, bụng thon dài, đôi cánh mỏng, nhàu nát...

Dưới ánh mặt trời buổi sớm, đôi cánh khô dần, trở nên phẳng phiu, cứng cáp. Con chuồn chuồn bay lên cao, nhẹ nhàng, duyên dáng.

Nếu tôi chỉ biết ngắm nhìn, suy nghĩ, hồi tưởng một mình, mà không biết nghiên cứu, quan sát và kể lại cho loài người về những tìm tòi, phát kiến của Đum-sép ở xứ Cỏ Rậm này, thì cả cuộc đời tôi cũng mờ nhạt chẳng khác gì cuộc sống bất kỳ ai sinh ra trên trái đất này. Tôi đã có những lúc sống thờ ơ với thời gian, đã bỏ phí hoài nhiều tháng ngày của cuộc sống!... Giờ đây tôi muốn dựng một cuốn phim về cuộc phiêu lưu của hai con người ở xứ Cỏ Rậm.

Tiếng sột soạt làm tôi giật mình quay lại. Một con sâu đang bò qua đám cây cỏ đồ rạp. Bây giờ tôi đã ít nhiều biết nhận ra một số loài vật ở đây. Con sâu kia trước đây có lần tôi đã tưởng là một con... trăn! Chỉ có điều làm tôi chú ý là nó có hai đầu: một đầu quay về phía trước, một đầu ngoảnh về phía sau. Tôi đoán ngay ra đây là một con vật thí nghiệm của Đum-sép. Tôi nhớ ra “khu vực mổ xẻ” của Đum-sép và đi theo “con trăn”. Bất chợt nó biến mất như chui vào kẽ nứt. Tôi để ý nhìn kỹ xung quanh. Dưới gốc cây trước mặt có một lỗ tròn lớn, miệng lát đá. Tôi thấy phiến đá đó được “đúc” bằng sỏi và cát rất chắc chắn. Tôi càng ngạc nhiên hơn khi thấy trên thành hố có một sợi dây thông lọng buông thõng. Kéo lên xem, thì ra là một chiếc thang dây. Một công trình của Đum-sép?! Tôi nghĩ bụng: “Ở một xứ sở mà ngay đến con sâu cũng bện được những sợi dây cực bền thì có gì đáng ngạc nhiên khi thấy con người bện được thang dây?” Tôi bám vào thang tụt xuống, càng xuống sâu dưới hố càng sáng hơn. Đáy đây rồi. Tôi đi theo một hành lang rộng được chiếu sáng bằng ánh lân tinh của những mảnh gỗ mục và những loài côn trùng thấp sáng chẳng khác gì ở ngôi nhà Đum-sép mà tôi đã biết. Ánh sáng không tỏ lắm nhưng cũng đủ để tôi nhận ra được những buồng kho nằm dọc hai bên hành lang, cửa che rèm “lụa”.

Hành lang đi lên rồi đi xuống, qua vài chỗ ngoặt thì đến một gian hình tròn. Một thứ ánh sáng dịu mát, và một mùi hăng hắc tỏa khắp nơi.

Giờ đây, khi ngồi viết những dòng này, tôi đã được biết qua những cuốn sách về côn trùng học rằng các loài sâu bọ tiết ra những chất có thành phần hóa học rất đa dạng. Từ lâu, người ta đã tìm được chất crê-ô-dôt ở bọ cánh da, a-xít phoóc-mích ở loài kiến v. v... Người ta cũng biết rằng khi côn trùng đến ngày phải ra khỏi kén, thì nó tiết ra chất kiềm ăn da để đục thủng một lỗ ở kén. Một số côn trùng tiết ra a-xít bu-ti-líc, một số khác tiết ra a-xít o-xa-tíc... Tôi còn biết rằng thành phần hóa học của nhiều chất do một số loài sâu bọ tiết ra vẫn còn chưa được nghiên cứu và gọi tên.

Nhưng khi ấy, ở dưới đường hầm của Đum-sép, giữa rất nhiều mùi khác nhau, tôi chỉ phân biệt được có mùi i-ốt và ê-te.

Trên đường đi tiếp theo hành lang, tôi phải tránh một khúc gỗ lớn từ trong một buồng kho thò ra. Một khúc gỗ có sáu cạnh đều đặn. Cái bút chì của tôi! Không biết Đum-sép đã lôi nó về đây để làm gì?

Tôi rảo bước. Hành lang rộng dần. Cuối cùng, tôi thấy một cầu thang rộng thoải. Tôi leo lên và lọt vào một căn phòng có vẻ quen thuộc. Đúng là tôi đã từng qua đây! Ở một trong những căn phòng này dưới gốc cây cụt, tôi đã tìm thấy những trang ghi chép của Đum-sép.

Bây giờ tôi mới vỡ lẽ: Đum-sép đã xây dựng một đường hầm từ nhà ông đến tận bờ “sông Trách móc muộn muộn”.

Bước sang phòng thứ hai, tôi thấy Đum-sép đang ngồi viết, lưng quay lại phía tôi.

Một thứ ánh sáng xanh nhạt lạnh lẽo chiếu xuống những tờ giấy và tay Đum-sép. Tôi định lên tiếng gọi, thì thấy Đum-sép dùng bút và gục đầu vào cánh tay. Ông nghĩ gì? Ông đang nhớ đến ngôi nhà gỗ nhỏ, nơi ông tiến hành những thí nghiệm kỳ lạ? Hay ông đang hồi tưởng lại ngày hội chợ tung bùng, khi ông là một thanh niên dũng cảm cất cánh bay trên đầu đám đông?...

Ông đứng dậy, cầm lấy mảnh gỗ phát sáng rồi bước xuống tầng hầm.
Tôi lặng lẽ đi theo.

CHẤT KHÍ BIẾN THÁI

Tôi không muốn làm đứt dòng suy nghĩ của Đum-sép, nên cứ lặng lẽ đi theo ông. Thành ra có vẻ như tôi theo dõi ông vậy. Điều đó chẳng tốt đẹp gì.

Đum-sép lững thững bước từng bậc xuống tầng hầm rộng lớn.

Ông đi quanh, khi thì vén rèm ngăn này, khi thì vén rèm ngăn khác. Dưới ánh sáng mờ mờ, tôi thấy trong đó có những cái túi bằng “lụa” màu sắc khác nhau, có dây buộc kỹ.

Hình như các túi ấy chứa đầy hơi: có cái bay lơ lửng phải dùng dây ghì xuống đất. Chẳng có gì đáng sợ hay đáng ngạc nhiên ở đây cả: đó là những chiếc kén mỏng thông thường và Đum-sép dùng để chứa một chất khí gì đó. Nhưng cái cảnh một con người lồm khồm xem xét dưới hầm sâu làm tôi xúc động.

Đum-sép ngồi ghé xuống đồng bao rỗng, thanh thản nhìn dãy cửa các ngăn kho dọc hành lang rồi cất tiếng nói:

– Không, ta không phải là kẻ ngu ngốc khi gọi chất khí trong các bao kia là “chất khí biến thái”! Đã bao đời, loài người mơ ước điều khiển được thời gian, bắt thời gian phải dừng lại theo ý mình. Nhưng ước mơ vẫn chỉ là ước mơ. Loài người không sao có thể bắt thời gian ngừng lại để kéo dài cuộc sống của mình, nhưng họ đã đặt ra biết bao chuyện cổ tích, truyện thần thoại, truyện dân gian... trong đó các nhân vật chế ngự được thời gian và bệnh tật, làm cho người già trẻ lại.

Ta đã sống giữa những con người, đã từng suy nghĩ về những chuyện cổ ấy của các dân tộc. Ta đã thấy con người chấp cánh bay cho mình như trong truyện thần thoại. Chính ta cũng đã bay trên đôi cánh ấy. Các thầy thuốc thế kỷ mười tám đã từng đặt hy vọng vào điện. Nhưng điện đâu có phải là phương thuốc vạn năng. Từ tính của động vật cũng chỉ là điều tưởng tượng. Ngay cả khoa học của thế kỷ mười chín cũng không tìm ra được thứ thuốc “trường sinh”. Ước mơ con người vẫn không ra khỏi những chuyện thần thoại. Ta đã tìm tòi suy nghĩ, thí nghiệm. Trong những chuyện hoang đường, người ta kể rằng các vị thần tiên bất tử sống bằng “thuốc tiên” và uống mật hoa. Phải chăng bí mật của tuổi thọ và cách chống lại mọi bệnh tật là ở sự ăn uống? Thế là ta đã bắt tay vào tìm hiểu bản chất thứ “thuốc tiên” kia: phấn hoa và mật hoa, thứ nhựa ngọt mà cây cỏ tiết ra. Ta đã nghiên cứu rất lâu và tỉ mỉ vấn đề vì sao ong chúa lại sống lâu hơn ong thường đến năm chục, bảy chục lần.

Nhưng muốn chinh phục thời gian phải có năng lượng. Nhân dân đã mơ ước đến thứ năng lượng nào khi đặt ra những truyện thần thoại về thuốc “trường sinh”?

Lô-mô-nô-xốp đã tìm ra quy luật bảo toàn vật chất và vận động. Khoa học biết rằng năng lượng ở dạng này biến thành năng lượng ở dạng khác mà lượng của nó không biến

đổi. Chỉ có hình thức và đặc tính của năng lượng là đa dạng. Nhưng khi con người mơ ước chuyện “trường sinh bất tử”, họ đâu cần đến thứ năng lượng cơ học làm chạy máy móc...

Quá trình biến thái của ấu trùng chứa đựng cả một năng lượng khổng lồ!

Con kiến sư tử vui mình trong cái hố tự đào lấy và bắn cát vào lỗ kiến đi ngang qua, biến thành một loài côn trùng biết bay, giống như chuồn chuồn. Con sâu có mười sáu chân biến thành con bướm sắc sỡ. Ấu trùng chuồn chuồn bơi dưới nước như một động cơ tên lửa, biến thành con chuồn chuồn duyên dáng bay trên trời... Biến thái... Biến thái... Biến thái!...

Nhưng không phải ta quan sát quá trình biến thái của côn trùng, từ lúc mới nở đến khi trổ: thành một côn trùng trưởng thành, qua ống kính hiển vi mà là bằng mắt thường. Ta đã sống ở xứ Cỏ Rậm, đã len lỏi vào những tổ ong, tổ kiến.

Là “con người - hiển vi”, ta được chứng kiến tận mắt sự biến hình của các loài sâu bọ. Ta đã thu thập các chất men của quá trình biến thái ấy. Trong các bao đặt dưới tầng hầm của ta, bây giờ chứa đựng những chất có sức mạnh phi thường. Ngay trong năm đầu tiên sống ở đây, ta đã tìm ra được những công thức về bản năng của loài côn trùng và đã trở thành vô địch. Từ lâu, ta đã tìm ra cách cân bằng những thay đổi trong tốc độ phát triển của chúng và học được cách kìm hãm hoặc thúc đẩy quá trình ấy theo ý mình.

Nhưng đối với con người thì sao? Cơ thể con người bề ngoài có vẻ đơn giản, nhưng thật ra rất phức tạp.

Dưới tầng hầm, ta đã và đang góp nhặt gìn giữ một năng lượng kỳ diệu. Nhưng làm thế nào để trang bị năng lượng ấy cho con người khiến họ đủ sức bắt thời gian vâng theo họ? Điều đó ta đã không biết, ta đã thất vọng. Nhưng chẳng bao lâu ta lại bắt tay vào tìm tòi, nghiên cứu. Một lần nữa, ta lại nát óc về chuyện làm sao cho các chất men hoóc-môn biến thái dưới tầng hầm của ta có thể đem lại cho cơ thể con người sức mạnh chưa từng thấy, khiến họ có thể đẩy lùi tuổi già, bắt thời gian phải phục tùng họ.

Và giờ đây, khi ta đã viết lại tập nhật ký, khi đã sắp khám phá ra điều bí mật lớn lao nhất thì có một người xuất hiện và đem đến cho ta thứ cần thiết để hoàn thành thí nghiệm, trở lại với con người. Biết làm sao đây? Ở lại nơi này tiếp tục tìm tòi và nghiên cứu đến cùng chăng? Nhưng ta không thể bắt con người nhút nhát và yếu đuối kia ở lại đây cùng ta giữa một xứ sở đầy tai họa bất ngờ. Làm thế nào? Hay là ta trở về với loài người và bỏ dở công cuộc nghiên cứu, chỉ mang theo những hồi ức về “chất khí biến thái”?

Bỏ tất cả ư? Vĩnh biệt xứ Cỏ Rậm ư? Bỏ dở nhiệm vụ để lại những cái kén rỗng ròi bỏ đi mãi mãi ư? Vứt bỏ đi tất cả, như vứt bỏ những cái hòm hồng, đĩa vỡ ư? Làm gì bây giờ?

Tôi trông rõ Đum-sép giơ cả hai tay lên, đáng thất vọng. Hai bàn tay bé bỏng của con người tí xiu ấy xòe ra chẳng khác gì đôi bàn tay một em bé đã đánh mất thú đồ chơi mà em thích nhất.

Tôi đứng tựa vào vách hầm. Đum-sép im lặng. Vẻ mặt đăm chiêu, ông đi quanh các ngăn kho. Còn tôi... tôi không đủ sức nhúc nhích nữa. Chân tay như bắt rết xuống đất. Đầu óc tôi quay cuồng: vừa băn khoăn (làm sao có thể trở về với loài người?) vừa phẫn khởi trước những phát kiến của Đum-sép, vừa tự hào về trí tuệ con người lại vừa lo lắng...

Cuối cùng, tôi bước lên định chạy lại với Đum-sép. Nhưng ông đã bắt thần với và đi

hết ngăn này sang ngăn khác. Ông loay hoay vuốt ve, xếp đặt lại các bao, túi đựng chất khí biến thái một cách ân cần, âu yếm. Chính vì vậy mà tôi nghĩ bụng: “Đum-sép sẽ chẳng đời nào rời bỏ nơi đây!”.

Nhưng kìa Đum-sép dừng lại giữa hành lang và thốt lên, giọng lạc hẳn đi:

– Ta muốn trở về! Trở về với loài người!

Tôi nhẹ nhàng lại gần, nắm lấy tay ông, khẽ nói:

– Bác Đum-sép, tôi đây!...

Vừa lúc ấy trần hầm rung chuyển. Đất đá rơi rào rào.

– Đất sụt! - Đum-sép kêu lên.

Chúng tôi theo hành lang định chạy ra phía “sông Trách móc muộn mằn.

Nhưng uổng công!

Không có lối đi nữa! Trần đã sụt rồi. Quay lại thôi.

Chúng tôi chạy. Mỗi phút bây giờ sao dài thế! Phía trên đầu chúng tôi có tiếng âm ầm. Ánh sáng lân tinh vẫn không bị mờ đi.

Hình như những sinh vật li ti ấy cũng cố sức giúp chúng tôi thoát ra khỏi tầng hầm này. Lên đến phòng của Đum-sép, tôi thấy khó thở vì mùi khói khét lẹt. Chạy ra khỏi nhà, chúng tôi hoảng sợ vì cây cỏ đổ gãy rào rào trên đầu. Dưới gốc cây cụt, một khúc tròn màu trắng đang đùn khói nghi ngút.

– Mẩu thuốc lá! - Đum-sép kêu lên. - Người ta lại đến tìm anh đấy! Có người đã đánh rơi điếu thuốc lá đang cháy.

Chúng tôi tìm cách lẩn vào đám cỏ để tránh khói. Khói lan trên mặt đất. Chúng tôi lại tìm đường ra sông. Nhưng cỏ khô đã bốc cháy và chặn ngang đường.

– Quay lại thôi! Xuống tầng hầm! - Đum-sép bảo tôi.

Một tay bịt mắt che khói, một tay nắm vạt áo Đum-sép, tôi chạy theo ông. Xuống đến phòng Đum-sép, tôi mới thở phào nhẹ nhõm.

Đum-sép vội vã gói buộc những trang nhật ký vào bao rồi trao cho tôi. Khói dần dần tràn vào đầy các phòng. Những đốm sáng lân tinh đã tắt. Chúng tôi phải kéo rèm, chắn hết các lối đi.

Chúng tôi xuống tầng hầm. Để làm gì? Đum-sép dắt tôi đi theo hành lang. Điều gì sẽ đến với chúng tôi? Tôi không biết. Chỉ biết bàn tay xiết chặt của Đum-sép và sự im lặng trong hành lang đã làm tôi yên tâm. Tôi hoàn toàn vâng theo ông. Cuối cùng, chúng tôi chui vào một căn phòng nhỏ tối om, chỉ có chút ánh sáng lờ mờ từ hành lang rọi vào. Đum-sép kéo rèm che kín lại và nói với tôi:

– Ngồi xuống đây!

Tôi cảm thấy một mùi hương là lạ tươi mát. Từ trong bóng tối, giọng nói điềm tĩnh của Đum-sép cất lên:

– Hãy thở cho đều! Anh mệt lắm rồi còn gì!

PHẦN THỨ BẢY
BẢN GIAO HƯỞNG CỦA CÁC MÀU SẮC

THẬT HAY MƠ

Buồn ngủ quá! Tôi xoay người lấy tay che mắt cho khỏi chói, nhưng ánh nắng vẫn lọt qua kẽ tay. Tôi nằm nghiêng về phía bên kia và bỗng nhớ gói nhật ký mà Đum-sép đã giao tận tay tôi trong căn phòng đầy khói. Chẳng lẽ tôi đánh rơi mất rồi ư? Tôi liền tỉnh ngủ, nhìn quanh, tìm kiếm. Cần phải nhớ lại câu chuyện từ đầu. Sao tôi lại ở đây, mà không ở dưới tầng hầm tránh khói nhỉ?

Thoạt tiên, trong nhà Đum-sép dưới gốc cây cụt, chúng tôi thấy mùi khét, rồi chạy ra ngoài và thấy một khúc tròn lớn màu trắng đùn khói mù mịt. Mẫu thuốc lá! Đúng, một mẫu thuốc lá hoàn toàn bình thường, mà ai đó hút dở và quăng đi. Tôi cũng đã từng hút những điếu thuốc lá như vậy. Chà! Bây giờ có một điếu mà hút nhỉ? Nhưng cái túi nhật ký đâu rồi?

Kìa, một mẫu thuốc lá nằm trong đám cỏ dưới chân tôi! Sao lại có thể như vậy được?! Một mẫu thuốc lá bình thường chứ không phải là một khúc tròn trắng khổng lồ! Bên cạnh mẫu thuốc lá là đám cỏ khô cháy sém, mà cũng là cỏ khô rất bình thường! Tôi hoang mang quá: không biết mẫu thuốc lá kia tôi đang nhìn thấy trong mơ, hay là đám cháy ở xứ Cỏ Rậm khỏi lửa mịt mù đã buộc tôi và Đum-sép phải trốn tránh xuống tầng hầm chỉ là do tôi hoang tưởng mà có?

– Chào anh! - tôi nghe tiếng của Đum-sép

– Chào bác!

– Anh đang nằm trên cỏ ướt đẫm sương. Dậy đi! Dậy đi!

Chuyện gì đã xảy ra thế này? Lại lẫn lộn hết cả rồi. Đâu là tầng hầm, đâu là các ngăn kho, các tấm rèm che, đâu là những con đom đóm lấp lánh?

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Tất cả xứ Cỏ Rậm với những chuyện phiêu lưu kỳ lạ kia chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ kỳ dị và quá dài. Nhưng dù sao vẫn chỉ là một giấc mơ. Rõ ràng tôi có thể phủ xuống đất một cách dễ dàng con kiến đang bò trên ngón tay tôi đây! Còn cái tổ kiến mà tôi đi lọt vào? Mới nghĩ đến nó mà tôi đã thấy lạnh cả sống lưng. Tất nhiên, cái tổ kiến ấy cũng chỉ là trong giấc mơ. Nhưng còn... Đum-sép? Cũng là người trong mơ hay sao?

Không. Đum-sép đang đứng trước mặt tôi. Tôi nhìn ông không chớp mắt. Ông cũng cùng một tầm vóc như tôi, cũng vẫn như hôm qua, vẫn như hôm tôi thấy ông lần đầu trên cái tổ ong khổng lồ khiếp.

Đum-sép chăm chú nhìn tôi.

– Anh nghe thấy gì không? - Ông chỉ vào một bụi cây xanh. - Có ai đấy đang gọi chúng ta: Chích... chích... chích...

Tôi lắng nghe và chăm chú nhìn. Mọi vật xung quanh đều bình thường, khiến tôi chẳng hiểu gì cả.

Chích... chích... chích...

Tôi nhớ ra rồi, đó là những con chim sâu gọi nhau trước cơn mưa.

Tiếng chim! Tôi không còn ở xứ Cỏ Rậm nữa! Ở đó, tôi đâu có nghe được tiếng chim

sâu! Ở đây, chỉ có tiếng gió rít trên rừng cỏ bất tận và tiếng dế kêu inh tai.

Tôi ngồi xuống cạnh Đum-sép bên gốc cây cụt trên gò đất xanh, một gốc cây bình thường. Tôi nghe thấy tiếng lá xào xạc, dịu dàng, thân thiết, hít thở mùi hương quen thuộc của cỏ mới cắt.

Sự tĩnh mịch và một niềm vui trong sáng tràn ngập lòng tôi. Phải chăng tôi đã trở về với thế giới thời niên thiếu hạnh phúc của tôi, và cây đinh hương đã gõ vào cửa sổ, ngó vào phòng và đánh thức tôi dậy?...

BỘ QUẦN ÁO RẤT QUEN THUỘC

Đum-sép ngồi trầm ngâm rất lâu bên cạnh tôi. Bất chợt, ông đứng lên và tìm kiếm một cái gì đó dưới gốc cây cụt. Tôi sửng sốt chẳng lẽ Đum-sép vẫn chưa cảm nhận được tầm vóc mới của mình và lại tìm lối về nhà dưới gốc cây? Cây cỏ ở chỗ ấy đã bị giẫm đạp nát nhừ, và các nhà hầm của Đum-sép chắc đã bị sập lở hết. Tôi định nhắc ông điều đó, nhưng lại chần chừ vì thấy ông đang đưa tay lặng lẽ bối đất và chăm chú xem xét một cái gì đó.

– Đây rồi! - Đum-sép reo lên. - Anh xem đây!

Tôi nhận ra một chiếc kén nhỏ xíu trong tay ông. Chiếc kén có dây chằng buộc kỹ càng. Đúng là gói nhật ký mà ông đã trao cho tôi hôm qua.

Chúng tôi im lặng khi thì nhìn cái kén, khi thì nhìn nhau. Đum-sép cởi cái gói ra. Ông để cái kén với những tờ nhật ký và một sợi chỉ nhỏ trên lòng bàn tay. Tôi cảm thấy sợi dây ấy đã nối liền hai thế giới, hai quãng đời trong tâm hồn Đum-sép: quãng đời quá khứ ở xứ Cỏ Rậm và quãng đời mà ông vừa mới bước vào. Những trang nhật ký kia nhất định sẽ mở đầu cho những chuyện kể của ông và những bí mật ở xứ Cỏ Rậm.

Còn tôi? Càng nhìn sợi dây và chiếc kén tôi càng cảm thấy ấn tượng lẫn lộn thật và mơ tan dần. Ở Chen-xơ, dưới ống kính của Vô-rôn-xô-va, tôi sẽ được đọc những trang ghi chép đựng trong cái kén ấy. Đầu óc tôi thanh thản. Bây giờ tôi chỉ nghĩ đến một điều, làm thế nào để giúp Đum-sép trở về với cuộc đời một cách yên ổn, lặng lẽ.

Cách gốc cây cụt một quãng, tôi thấy một bộ quần áo màu xám, kẻ ô to được xếp ngay ngắn. Bộ quần áo rất quen thuộc. Một chiếc cà vạt hai màu: xám thẫm và đỏ. Cạnh đó là đôi giày nâu cũng rất quen thuộc.

– Bộ quần áo của người khổng lồ! - Đum-sép thốt lên. - Anh biết không, ở xứ Cỏ Rậm, tôi sẽ kiếm cho anh một cái quần dệt bằng tơ tằm, một cái áo bông do một loại sâu đặc biệt dệt, và sẽ mặc áo choàng bằng vải láng. Nhưng này! Sao thế nhỉ? Có thể là tôi vẫn còn lẫn lộn... Khi thì tôi thấy rõ được mình đã trở thành một con người bình thường như mọi người khác, khi thì lại mất cảm giác ấy! Ôi, có tiếng gì mà dữ dội vậy?!

Đum-sép lấy tay bịt tai. Đúng là có những âm thanh đứt đoạn, quen thuộc mà tôi đã từng nghe thấy. Trong đám cỏ thấp thoáng một cái đuôi xù lông. Thì ra đó là một con chó đang sủa, gần đấy nhô lên một mái che bằng ván mỏng phủ cỏ. Tôi lại gần và nhìn thấy dưới mái che có một miệng hầm. Tôi bước xuống. Bậc thang đã dẫn đến một khoảng rộng rãi phẳng phiu. Ở đó kê một cái bàn, hai chiếc ghế tựa. Trên bàn đặt một chiếc bi-đông sắt méo mó. Tôi dừng lại. Một cánh tay cầm ngọn đèn từ dưới hầm tối vươn lên. Trước mắt tôi là người đàn bà có bộ mặt rất quen, mặc chiếc áo bông. Con chó

vàng có đuôi xù cũng nhảy tới...



Tôi lập tức nhớ lại tất cả, hiểu ra tất cả!

– Chào chị An-na! Tôi đã trở về đây! - tôi phấn khởi nói to.

– Chao ôi! Người đâu mà trần trùng trục thế kia?!

Tôi vội vàng chạy ra khỏi hầm. Con chó sủa theo rầm rĩ.

- Đum-sép! Bác ở đâu đấy?
- Im lặng. Con chó cũng đã ngừng sủa.
- Lùm cây lay động. Đum-sép bước ra khẽ hỏi:
- Thế nào? Cái tiếng dữ dội ấy chấm dứt rồi à?
- Tiếng chó sủa ấy ạ? Vâng, chấm dứt rồi.
- Không phải tiếng chó sủa.
- Đúng thế, đây là cơ sở thực phẩm của khu.
- Anh hiểu cho tôi. Tôi tin...

Đum-sép chưa nói hết câu, thì con chó đã xồ đến. Tôi cầm một cành cây khua lên. Con chó quắp đuôi chạy trở lại chỗ chủ.

Đum-sép nói:

– Mới đầu nhìn con chó, tôi tưởng nó là một con thú khổng lồ thời tiền sử. Thế mà anh chỉ khua cái cành cây là nó đã bỏ chạy... Bây giờ tôi mới thật tin cái tiếng dữ dội kia là tiếng sủa. Và cả hai chúng ta...

– Khẽ chứ bác! Để xem nào! - tôi ngắt lời Đum-sép.

Chị An-na đang oang oang nói với con chó:

– Cuốc-sáp-ca! Nghe đây! Tao phải vào phố lấy quyển phiếu xuất kho mới. Thế mà người ta lại ra lệnh cho tao ở đây trông cái đồng quần áo này. Thử hỏi có người đến lấy rau thì làm thế nào? Không có giấy tờ gì thì làm sao mà xuất kho được chứ?! Rồi sau này giao hàng cho ai, giá bao nhiêu, biết đường nào mà báo cáo! Mấy ngày nay, người ta đến đây tìm kiếm cái anh mất tích! Giẫm đạp tan nát cả cây cỏ. Tao đã bảo họ: “Đừng có tìm kiếm làm gì! Anh ta ngồi ở đây, ngay trước mặt tôi, uống viên thuốc, thế rồi... tan biến đi đằng nào mất. Chính tôi đã vào phố báo tin mà”. Nhưng người ta lại cứ ra lệnh: “Chị ở đây trông đồng quần áo này! Đừng có đụng vào! Người ta sẽ đem đến đây một con chó rất giỏi. Ở Ma-xơ-va ai cũng biết nó, con chó En-pha ấy. Nó chỉ cần đánh hơi bộ quần áo rồi sục vào những đám rậm rạp đồ nát kia là tìm thấy người ngay thôi”. Cứ ở đây! Cứ ở đây! Thật là tai họa! Thử hỏi, tao là người chỉ huy cơ sở thực phẩm này của Nhà nước hay là người trông quần áo? Lại còn cái người nào trần như nhộng ấy nữa! Làm người ta chết khiếp!...

Chị An-na ngừng lời.

– Chị ơi! Cho tôi xin bộ quần áo! - tôi nói to.

– Của anh à?

– Vâng, của tôi. Chị làm ơn đẩy giúp lại cái bụi rậm này, rồi chị quay mặt đi. Tôi sẽ ra lấy.

– Không được đâu! Người ta đã ra lệnh phải giữ nguyên. Rồi đây con En-pha đến sẽ biết là của ai.

– Chị An-na ơi! Tôi xin chị mà!

– Đừng có lòi thôi. Đã có lệnh rồi, cấm không được nhúc nhích!

– Thôi được. Tôi sẽ chờ đến lúc người ta đem chó đến vậy. - Tôi nháy mắt ra hiệu cho

Đum-sép và chúng tôi hiểu nhau ngay.

– Kia rồi! Họ đến, họ dắt theo... - tôi reo lên.

– Ai? Cái gì? - Chị An-na mừng rỡ.

– Họ dắt con chó En-pha đến kia rồi.

– Đâu? Đâu?

– Đây! Sau chỗ đường ngoặt ấy...

Chị An-na quay lại rồi khum tay che mắt, nhìn về phía xa.

Tôi lập tức nhảy bổ ra vợ lấy đồng quần áo rồi biến ngay vào bụi rậm.

– Trời ơi! Ăn cướp! Kẻ cướp giữa ban ngày!

Nhưng chúng tôi đã đi xa, sắp tới cái nhà chòi. Bây giờ phải chia đôi bộ quần áo. Đum-sép lấy bộ quần áo ngoài. Còn tôi lấy cái áo lót và chiếc quần đùi. Trông tôi chẳng khác gì một “vận động viên”. Đum-sép mỉm cười, còn tôi thì cười chảy cả nước mắt...

Chích... chích... chích... Có tiếng chim sâu hót đâu đây. Chúng tôi vui vẻ đạp qua các bụi cây mà đi. Con sáo hoảng sợ kêu lên mấy tiếng...

Tiếng chó sủa, tiếng chim hót, tất cả những cái đó giờ đây đối với tôi đều là những đoạn nhạc thân thương dễ xúc động lòng người.

TRÊN NGƯỠNG CỬA NGÔI NHÀ CỔ

Khi tôi viết những dòng này và hồi tưởng lại việc trở về Chen-xơ của chúng tôi, thì tôi lại sống lại cái tình cảm tươi vui tràn ngập lòng chúng tôi trong những giây phút đó. Tôi nhớ lại cái dáng vẻ kỳ khôi của Đum-sép trong bộ đồ rộng thùng thình của tôi, và cái dáng vẻ “thể thao” kệch cỡm của tôi đã làm chúng tôi cười như thế nào!

Chúng tôi cứ ngồi trong đám cây rậm, mãi đến chiều tối mới ló ra đường cái và cùng nhau đi về phía thành phố.

Cần phải nói rằng: khi rơi vào xứ Cỏ Rậm, tôi lập tức bị lôi cuốn vào những chuyện phiêu lưu nguy hiểm và chưa kể được cho Đum-sép nghe về những biến đổi của xã hội loài người trong thời gian ông vắng mặt.

Chúng tôi lặng lẽ đi dưới những ô cửa sổ. Những ô cửa ấy, cái còn sáng đèn, cái đã tối om. Từ trong cửa sổ vọng ra tiếng trò chuyện, cười vui. Thỉnh thoảng Đum-sép lại dừng bước nhìn quanh, ngơ ngác. Ông đã trở về với cuộc đời, nhưng suy nghĩ và tình cảm của ông vẫn chưa dứt hẳn với xứ Cỏ Rậm.

Qua một ô cửa sổ, tôi thấy một gia đình đang quây quần uống trà buổi tối dưới ánh đèn ấm cúng. Một em bé gái đang giơ tay bi bô nói gì đó, cả nhà cười vui vẻ.

Tôi nghĩ: “Những người đang bình thản ngồi ở bàn kia, hay những người đưa mắt nhìn chúng tôi và mỉm cười giễu cợt kia, nếu lúc ấy tôi có nói, thì họ cũng khó mà tin được rằng ngay cạnh họ lại có một xứ sở của hàng ngàn loài thú dữ tợn. Ở đó có dòng sông mênh mông, nước chảy xiết mà con người không thể vượt qua. Có những dãy đồi cát gió thổi mịt mù và ngày đêm đầy những tiếng rú rít ghê sợ của rừng cổ.

Đum-sép vẫn chốc chốc dừng lại lắng nghe và chăm chú nhìn những khuôn mặt, nhà cửa, cây cối... Ông chưa tin mình đang ở trong lòng thành phố thân thuộc.

Và khi từ một ô cửa sổ trên đầu chúng tôi vọng ra tiếng đài phát thanh truyền đi bản tình ca “Cho những bến bờ của Tổ quốc xa xôi” thì Đum-sép ngẩng đầu nhìn lên, tưởng chừng như những âm thanh ấy là từ trên trời vọng xuống. Ông dừng lại nghe một lúc rồi buông tay tôi, bước lên phía trước.

– Bác đi đâu? - tôi đuổi kịp Đum-sép.

– Hắn đuổi theo chúng ta!

– Ai?

– Cái người vô hình đang hát ấy.

Tôi lại khoác tay Đum-sép. Ông không biết rằng, ra-đi-ô đã trở nên thông dụng trong những năm ông sống ở xứ Cỏ Rậm. Phía sau chúng tôi và ngay cạnh chúng tôi vang lên lời bản tình ca, dường như các cửa sổ đều tiếp nối nhau truyền đi những âm thanh mới của bài hát. Tôi phải giải thích cặn kẽ cho Đum-sép về nguyên lý của vô tuyến điện.

– Phải, phải! Tôi hiểu!

Thế rồi ông khẳng định luôn là ở xứ Cỏ Rậm cũng có vô tuyến điện. Ông còn kể ra những con bướm gì đó có râu là những cần ăng-ten. Suốt dọc đường đi. Tôi vẫn vương một ý nghĩ: thế nào cũng phải hỏi Đum-sép về ý nghĩa câu nói của ông đêm nào trên bờ sông: “...cái mà anh ta đem đến và đã đánh mất sẽ giúp đỡ anh”. Nhưng bây giờ chúng tôi đã ở Chen-xơ, cần gì phải nghĩ đến thứ thuốc đã giúp chúng tôi rời bỏ xứ Cỏ Rậm ấy làm gì nữa.

Gần khung cửa sổ trước mắt, chúng tôi thấy hai thanh niên đang cúi xuống một tấm bản đồ, họ đang tranh cãi gì đó. Một người cầm cây bút chì vừa nói vừa chỉ trỏ.

– Họ chuẩn bị cho một cuộc hành trình. - tôi nói.

Đum-sép không trả lời chỉ buông một tiếng cộc lốc:

– Gra-phít...

Tôi nhìn Đum-sép mà không hiểu ông nói gì.

– Anh có vẻ vẫn không hiểu tôi thì phải? - Đum-sép nói. - Để hoàn thành thí nghiệm, lần thí nghiệm cuối cùng của tôi, tôi cần phải có một ít bột gra-phít. Chính anh đánh rơi cái bút chì và cái lõi chì ấy đã cung cấp gra-phít cho tôi. Thí nghiệm thành công và anh thấy đấy: chúng ta đã ở Chen-xơ, giữa những con người, chứ không còn ở xứ Cỏ Rậm nữa.

Tôi không kịp nghe Đum-sép nói hết, vì ngôi nhà bà Pô-li-na đã ở trước mặt. Đum-sép đã một thời gian sống ở đây. Cái mái hiên cũ kỹ trước cửa đã xiêu vẹo. Tám biển nhỏ trắng men còn lóng lánh.

Tôi bước lên bậc thềm toan gõ cửa, nhưng thấy Đum-sép ngần ngại dừng lại cách đấy mấy bước, tôi quay xuống chạy lại nắm tay ông.

– Bác Đum-sép, tại sao bác dừng lại? Chúng ta đến nơi rồi mà!

Đum-sép im lặng. Mấy phút trôi qua. Tôi vẫn chờ đợi. Sau đó, ông bỗng tự nói với mình, hết như khi còn ở xứ Cỏ Rậm:

– Sao mình lại chần chừ? Mình đang đứng bên ngôi nhà thân thương cơ mà? Sao? Ngượng ngùng à? Sợ à! Có thể...

Ồi, con người đã từng xông vào những chốn nguy hiểm mà không hề sợ hãi, đã từng chiến thắng những con vật hung dữ, nay lại rụt rè, e ngại trước ngưỡng cửa căn nhà cũ thân yêu của mình!

Cuối cùng Đum-sép chậm rãi bước lên thềm.

Tôi giơ tay định gõ cửa, nhưng ông đã ngăn lại.

– Hượm một chút! - Đum-sép giữ tay tôi. - Tôi vẫn chưa hết bàng hoàng.

Ông đang bối rối. Điều đó tôi thấy và thông cảm.

Thành phố về khuya đã yên lặng. Ánh đèn trên các ô cửa tắt dần.

Đum-sép nói với tôi như muốn phân trần:

– Một chút nữa thôi... rồi tôi sẽ có đủ can đảm...

Im lặng. Và hình như tôi nghe thấy tiếng tim Đum-sép đang đập rộn ràng.

Tôi vẫn đợi.

– Thôi, anh cứ gõ cửa đi! - Đum-sép nói, giọng trầm lắng và tựa như từ xa vọng tới.

TIẾNG ĐÀN LẠI CẤT LÊN

Nghe tiếng gõ, bà Pô-li-na ra mở cửa.

Bác hàng xóm Áp-đô-chi-a cũng ló đầu ra nhìn.

– Chúng tôi đã về đây! - tôi nói tự nhiên chẳng khác gì vừa mới chạy ra vườn hoa gọi Đum-sép về uống trà vậy.

Bà Pô-li-na nhìn đăm đăm vào khuôn mặt Đum-sép rồi đưa tay bấu chặt lấy thành tủ, miệng lắp bắp:

– Không! Không có thể...

Mọi người đều im lặng. Sự xuất hiện của chúng tôi làm họ bối rối. Tôi sực nhớ là mình ăn mặc quá kỳ dị.

Tôi muốn cười một cách tự nhiên, nói đùa một câu gì đó, nhưng thấy không thoải mái vì nói gì bây giờ cũng có vẻ giả tạo.

Bác hàng xóm phá tan bầu không khí trầm lặng:

– Cái ấm! Bây giờ ta phải đun nước uống! Tôi sẽ lấy cái ấm của tôi... Nào, mời các vị khách quý vào nhà!

Tôi rất biết ơn bà ta.

Chẳng ai để ý đến quần áo chúng tôi cả. Tôi vội quay sang nói khẽ với bà Pô-li-na:

– Xin bà hãy đừng hỏi gì ông Đum-sép vội! Hãy để ông được yên tĩnh, rồi đây tự ông ấy sẽ kể lại đầu đuôi...

Bác hàng xóm dẫn Đum-sép và tôi tới cửa phòng thí nghiệm rồi niềm nở:

– Cái ấm của tôi chóng sôi lắm! Chỉ mấy phút là có nước ngay thôi! Tôi sẽ đem sang! - Nói rồi, bác quay ra phía cầu thang gọi to: - Bà Pô-li-na! Bà mới lạ chứ! Cứ chờ với đợi mãi, thế mà bây giờ trà cũng không buồn mời.

Cửa phòng khép lại.

Đum-sép thận trọng mở tủ, ngắm nhìn hồi lâu, lấy ra bộ quần áo cũ của mình. Tôi giúp ông thay quần áo. Còn ông thì không nói một lời nào mà chỉ lặng lẽ nhìn hết vật này đến vật khác.

Có tiếng gõ cửa. Bà Pô-li-na bước vào và chuẩn bị bàn trà.

Bác hàng xóm bưng ấm sang. Chúng tôi bắt đầu uống. Một tiếng còi tàu trầm trầm từ xa vọng lại.

– Đi tàu thủy đến à! - bác hàng xóm nói.

– Tàu thủy? - Đum-sép hỏi lại. - Tàu thủy... Vậy là vẫn dùng động cơ hơi nước? Còn ấu trùng chuẩn chuẩn lại là một động cơ phản lực...

Bà Pô-li-na với bác hàng xóm nhìn Đum-sép, ngạc nhiên. Còn tôi thì nhớ ngay đến trang nhật ký đầu tiên của ông có nói đến chuyện ấu trùng chuẩn chuẩn, nhớ đến mấy chữ ghi trên tấm phiếu trong phòng thí nghiệm của ông: “Xi-ôn-cốp-xki... ấu trùng chuẩn chuẩn”. Tôi cũng thấy hiện lên trong trí nhớ cái buổi sáng trên bờ “sông Trách móc muộn mẩn”, tôi được tận mắt ngắm nhìn lũ ấu trùng chuẩn chuẩn di chuyển bằng cách phụt nước ra phía sau.

Tất nhiên, cách di chuyển của ấu trùng chuẩn chuẩn, nói một cách giản đơn, cũng cùng một nguyên tắc với động cơ phản lực. Nhưng động cơ phản lực di chuyển trong không gian đâu có phải bằng cách hút không khí (hay nước) rồi phun ra phía sau? Trong ngăn đốt của động cơ phản lực có chứa nhiên liệu. Nhiên liệu cháy và tạo nên áp lực tác

động vào vách ngăn của động cơ, đẩy động cơ tiến lên. Vì vậy mà động cơ ấy có thể chuyển động trong môi trường không có không khí.



Nước trong ấm đã nguội. Bác hàng xóm đứng lên đi đun lại.

Bác ta có vẻ không ngại bà Pô-li-na nữa, mà trái lại, còn tỏ ra quan tâm, chăm sóc bà để cố làm cho khách được vui lòng.

Đum-sép liếc nhìn mọi người rồi nói:

– Cảm ơn các bạn đã cho tôi hưởng những giây phút im lặng! Chúng sẽ đến với tôi... Không đến ngay, nhưng chúng sẽ đến... những kích thước bình thường!

– Kích thước nào, Đum-sép? - bà Pô-li-na hỏi lại.

– Đừng hỏi tôi về chuyện gì cả, rồi đây tôi sẽ quen đi... Tôi thấy khó nói... Đừng hỏi! - Đum-sép gục đầu xuống.

Cuối cùng, ông đứng dậy và đi đi lại lại trong phòng. Lại gần một cái tủ nhỏ treo trên tường, mở ra nhặt lấy một ống tiêm ngấm nghĩa nó khá lâu rồi nói:

– Cái nọc ong!

Nghe Đum-sép nói, tôi nghĩ: “Đum-sép đã về với xã hội loài người, nhưng trước mắt ông vẫn luôn luôn nhìn thấy những loài côn trùng ở xứ Cỏ Rậm cùng với hoạt động bản năng của chúng”.

Phản đối ông ư? Không, chẳng bao lâu nữa ông sẽ nắm chắc trong tay những công cụ do con người làm ra. Nắm được công cụ, con người có thể sáng tạo ra biết bao điều kỳ diệu, biết bao vật phẩm tuyệt vời! Đum-sép sẽ hiểu điều đó. Và khi nhớ lại những con bọ hung, con ong, con bọ sừng... chắc ông sẽ không khỏi tự cười những lập luận của mình.

Tôi để ý nhìn và thấy bước chân ông đã vững vàng, gần gũi hơn với bước chân con người bình thường.

Đum-sép đưa tay mở hộp đàn, nhắc cây vĩ cầm tì lên vai. Nhưng ông không kéo mà đứng lặng yên suy nghĩ.

Ngồi trên một chiếc ghế đầu ở góc phòng, tựa lưng vào tường, bà Pô-li-na cất tiếng hát khẽ:

Bão tố phủ kín bầu trời,

Mịt mù gió cuốn, tuyết rơi đầy đường...^[42]

Bà hát mà tựa như tự nói chuyện với mình. Không phải là hát mà là hồi tưởng...

Hình như chỉ mới gần đây thôi: một bím tóc màu hạt dẻ dài.

Một chiếc mũ rơm rộng vành có dải xanh. Một buổi chiều tà mùa xuân. Hoa tử đinh hương nở. Pô-li-na đi và ngoái lại nhìn. Còn chàng thanh niên Đum-sép thì từ cửa sổ dõi theo và âm điệu đó lại vang lên...

Có người khách lạ dừng chân

Ngại ngừng khẽ gõ cửa phòng nhà ai... ..^[43]

Khuôn mặt Đum-sép rạng lên cùng với bài ca. Dường như những xúc cảm ngổn ngang của ông đang được một cái gì đó uốn nắn lại, sắp đặt lại.

Bằng một cử chỉ xúc động, ông lướt tay mạnh lên chiếc cung đàn.

Bài ca thân thuộc ấy lại vang lên. Nó sắp giúp ông trở về với cuộc sống.

Tiếng nhạc mỗi lúc một mạnh mẽ, nâng lời ca bay cao.

Bà Pô-li-na đắm đắm nhìn về phía xa, những giọt nước mắt từ từ lăn trên má.

Tôi lảng lạng tránh ra phía cửa.

Bác hàng xóm cũng gục đầu vào khung cửa lau nước mắt.

LẠI TRỞ VỀ KHÁCH SẠN

Khi tôi lặng lẽ chia tay với mọi người để ra về thì đêm đã khuya.

Ra khỏi nhà, tôi còn phải đứng mãi ở bậc thềm.

Cần nhớ lại một cái gì đó quan trọng và chủ yếu nhất... Nhưng là cái gì nhỉ?

Trước đây, tôi rất thạo đường về khách sạn. Nhưng giờ đây, mọi vật xung quanh đều khác lạ, nên tôi phải quan sát mãi mới hiểu rằng phải đi theo lối nào.

Đi được vài bước, tôi dừng lại.

Tiếng gió rít trong vòm cây làm tôi tưởng dường như mình vẫn còn đang ở xứ Cỏ Rậm, đang phải tìm kiếm ai đó, đang phải chạy trốn con gì đó. Hãy nhanh lên! Nhanh lên! Trong tôi tràn ngập một sự sợ hãi, hốt hoảng...

Sau đó, tôi tỉnh lại và lững thững đi trên đường phố. Phía trên tôi là bầu trời sâu thẳm đầy sao. Một đêm yên tĩnh của một thị trấn nhỏ. Nhưng không biết vì sao tôi vẫn cảm thấy sự yên tĩnh đó bị phá vỡ bởi đủ loại âm thanh kỳ lạ. Giờ đây, ở thị trấn Chen-xơ này, nỗi lo ngại và sự căng thẳng trước những hiểm nguy vẫn không buông tha tôi. Tôi dừng lại và nép vào tường trong giây lát, tựa hồ như không muốn cho ai nhìn thấy mình và để tránh tai họa.

Hồi tỉnh rồi, tôi lại bước tiếp, nhưng bỗng lại dừng.

Mới một thời gian ngắn ở xứ Cỏ Rậm mà tôi còn như vậy, không biết Đum-sép sẽ như thế nào? Ngay như ở bệnh viện, sau khi một bệnh nhân được mổ mắt, người ta cũng còn phải cho làm quen dần với ánh sáng! Bác sĩ quy định chặt chẽ mấy ngày phải ở trong phòng tối, mấy ngày trong phòng có ánh sáng yếu, rồi sau đó bệnh nhân mới được tiếp xúc với ánh sáng bình thường, chứ chưa được với ánh sáng gay gắt.

Tôi đi về khách sạn, xung quanh mình sao yên tĩnh thế. Cả các ngôi sao đang lấp lánh kia cũng vậy! Có một chú gà sống cất tiếng gáy nhõn nhõn ở gần đâu đó. Nhưng ý nghĩ lo ngại cho số phận Đum-sép bắt đầu nguôi đi.

Tôi còn nhớ khi về đến khách sạn, tôi thấy lòng buồn rười rượi, vì như thế là sắp phải xa Đum-sép...

Cô trực nhật lơ đãng đưa tôi chìa khóa. Nhưng đến khi nhìn thấy tôi thì cô ta sững ra như hóa đá.

– Anh đấy à?! Không! Không thể thế được! - Anh mất tích rồi cơ mà?!

– Tôi ra ngoại ô có chút việc, gần đây thôi. Xin lỗi cô, tôi đã không báo trước để cô biết... - tôi bối rối trả lời.

– Nhưng người ta đã đến đây tìm anh! Xôn xao cả lên... Không nên làm như thế! Anh phải báo trước chứ!

Tôi trở về căn phòng cũ. Chiếc va-li khóa buộc kỹ càng vẫn đặt trên ghế. Chẳng lẽ tôi đã chuẩn bị đi Ma-xơ-va. Ngoài cửa sổ vẫn là bầu trời đêm, đúng như đêm mà bó hoa bay vào cửa sổ. Vẫn ô ánh sáng của khuôn cửa sổ buồng bên in xuống mặt đường. Nhưng tôi lại cảm thấy tất cả hình như đã đổi khác. Bản thân tôi cũng đã đổi khác.

Chợt nhìn thấy lá thư đặt trên bàn, tôi cầm lên đọc.

“Anh Gri-gô-ri thân mến! Tôi phải đi dự một hội nghị của tỉnh. Rất tiếc là anh sẽ không gặp tôi. Có một bà nào đấy tên là An-na từ cơ sở thực phẩm của khu đến và phao tin khắp thành phố rằng anh “tan biến” ngay trước mắt bà ta. Thật là vớ vẩn! Tôi tin rằng anh sẽ tự mình làm sáng tỏ câu chuyện. Nhưng vì bộ quần áo của anh còn để lại gần cái nhà chòi, nên tôi đã giúp mọi người tổ chức việc tìm kiếm anh và bây giờ tôi ra đi mà lòng rất lo lắng cho anh. Chào anh. Ta-ra-xê-vích”.

NGÔI NHÀ ĐANG XÂY, BÀI CA ĐANG HÁT

Sáng hôm sau, tôi dậy khá muộn. Mở mắt nhìn căn buồng sáng sủa của khách sạn,

tôi lo lắng cho Đum-sép. Không biết ông ra sao?

Tôi lập tức đi đến chỗ ông, nhưng dọc đường tôi đã thấy ông ngoài phố. Ông đang mải ngắm một tòa nhà nhiều tầng đang xây nên chẳng nhìn thấy ai, hình như quên tất cả mọi sự trên đời.

Bà Pô-li-na và bác hàng xóm đứng cạnh đó một quãng. Họ không rời mắt khỏi Đum-sép. Bác hàng xóm giơ tay vẫy. Tôi bước lại và được bác cho biết rằng sáng sớm hôm nay, bác nghe tiếng mở cửa và nhìn thấy Đum-sép đi ra phố. Lo lắng vì Đum-sép chưa ăn uống gì, bác vội sang gọi bà Pô-li-na. Và thế là cả hai đi theo ông. Đã mấy lần họ định gọi ông, nhưng lại thôi. Thế rồi đến đây, ông đứng ngây ra ngắm tòa nhà đang xây cứ y như ông chưa thấy cái cảnh ấy bao giờ.

Đum-sép đứng ngây ra nhìn hồi lâu.

Sau đó, hình như vì nóng ruột và tự bực bội với mình, ông bắt đầu thay đổi vị trí quan sát.

...Trên nền trời trong sáng buổi sớm mai, cánh tay vươn dài của chiếc cần cầu tháp từ từ di động đem theo một cái gầu lớn chứa đầy vữa xi-măng. Một tấm vải đỏ rất lớn mang dòng chữ: “Hoàn thành trước thời hạn và vượt mức kế hoạch xây nhà ở” căng trên bờ rào, gió thổi phấp phật. Từ cửa sổ mở của một ngôi nhà khác vang lên tiếng hát:

...theo con đường sỏi đá, theo những dải cát vàng...

Tiếng hát dứt đoạn và chỉ còn nghe tiếng nhạc đệm nổi lên mạnh mẽ, rồi tiếng hát lại cất lên.

Một nữ ca sĩ đang tập vở nhạc kịch “Nàng tiên cá”^[44]. Giọng hát cao vút của cô bay bổng trong không gian tươi mát buổi sớm.

Tiếng hát của cô vừa dứt thì đã lại nghe tiếng hát mấy cô thợ đang sơn cửa. Các cô vừa lật đi lật lại các cánh cửa sổ vừa hát. Bài hát của các cô là một bài dân ca buồn buồn thế mà các cô hát nghe sao vui vậy!

Còn ở trên bầu trời buổi sớm cao xanh kia, chiếc cần cầu vẫn thả gầu xuống, kéo gầu lên rồi, quay tròn trên đám nhà cao tầng đang xây mà không thấy có giàn giáo.

Một chàng trai và hai cô gái vui vẻ bước lại phía ngôi nhà một tầng gần chỗ Đum-sép đứng. Họ dừng lại bên bờ rào nở đầy hoa hồng và hoa nhài. Chàng thanh niên lên tiếng gọi:

– Ô-li-a! Mau lên! Xê-ri-ô-gia đang đợi đi thuyền buồm đấy. Chúng ta hẹn nhau mười hai giờ mà!

– Mình ra ngay đây! - có tiếng lạnh lạnh trả lời.

Cả ba ngồi xuống cái ghế dài ven bờ rào.

Đum-sép đến gần họ. Chàng thanh niên đứng lên nhường chỗ, nhưng Đum-sép không ngồi mà quan sát họ. Sao họ cười vui, trò chuyện vui vẻ đến như vậy?

Cửa vườn kệt mở, Ô-li-a bước ra, cô mặc áo dài trắng tay cầm chiếc khăn xanh lơ, miệng hát:

Vui ca lên các bạn ơi,

Ngày mai, chúng ta sẽ lên đường...

Nhóm thanh niên hát hòa theo, rồi nắm tay nhau, họ chạy trên hè phố.

Đum-sép nhìn theo họ rất lâu.

Bài hát của cô ca sĩ. Bài hát của các cô thợ sơn. Bài hát Ô-li-a và các bạn cô từ xa vọng lại.

Chiếc cần cầu xoay đều đều nhẹ nhàng trên bầu trời cao buổi sớm.

Cuối cùng, Đum-sép tỉnh lại và quay trở về.

Chúng tôi kín đáo đi theo mà ông không biết. Còn ông vừa đi vừa nói một mình:

– Họ ca hát! Mọi người đều ca hát! Kỳ lạ thật! Còn ngôi nhà? Những người thợ nề quần áo rách rưới lẫn đi đâu cả? Toàn là máy móc và lời ca... Niềm vui ấy vì đâu mà có? Làm sao có thể hiểu được tất cả những điều đó?

Từ xa vẫn vọng lại giọng hát cô ca sĩ:

Dòng sông chảy xiết...

“CẢM ƠN, VÔ CÙNG CẢM ƠN!”

Đum-sép đóng cửa và không ra khỏi phòng thí nghiệm của mình Chúng tôi cũng bảo nhau để ông được yên tĩnh. Một ngày trôi qua.

Tôi rất mệt vì những chuyện đã xảy ra. Vả lại cũng đã đến lúc phải quay về Ma-xơ-va.

Bà Pô-li-na phàn nàn với tôi:

– Ông Đum-sép cứ nói những chuyện đầu đầu, tôi không sao hiểu được. Anh làm ơn cho tôi biết trong những năm qua, ông ấy đã sống ở đâu, và đã từ đâu về?

Tôi không trả lời ngay, vì chỉ nay mai thôi tôi còn phải cùng Đum-sép đi nốt đoạn đường mà người khác đã đi trong mấy chục năm. Để đưa ông vào cuộc sống bình thường hiện nay cần phải cân nhắc từng lời, còn phải giải thích nhiều. Và ông sẽ thấy, sẽ hiểu tất cả những gì đã xảy ra trong mấy chục năm qua. Khi ấy, bà Pô-li-na sẽ tha hồ được nghe về xứ Cỏ Rậm. Còn bây giờ, mọi chuyện hỏi han chỉ làm ông bối rối thêm.

Tối hôm sau, tôi gõ cửa phòng Đum-sép. Tôi sắp phải rời Chen-xơ.

Tôi vô cùng ngạc nhiên vì nụ cười hồn nhiên không ngờ có đôi chút tinh nghịch trẻ thơ trên môi ông. Niềm vui thể hiện cả trên miệng cười, cả trong ánh mắt. Dường như bước đầu làm quen với cuộc sống mới đã làm cho nét mặt ông rạng rỡ hẳn lên.

– Anh bạn! - Đum-sép nói. - Tôi đã trông thấy, nghe thấy những điều không lời lẽ nào diễn tả được!

– Bác Đum-sép, chính vì vậy mà tôi đến đây! May ra tôi có thể giúp bác hiểu được, cảm thông được với mọi điều mà bác sẽ thấy một cách mau chóng hơn chẳng?

– Cảm ơn ý tốt của anh, nhưng tôi không phải là một học trò kém...

Tôi hiểu ông: những năm dài sống đơn độc ở xứ Cỏ Rậm đã làm cho ông quen tự mình tìm hiểu mọi việc.

– Bác không hiểu ý tôi. Trước mắt bác là một cuộc sống mới, hoàn toàn mới, bác Đum-sép ạ.

– Tôi muốn thử đi vào cuộc sống ấy mà không phải nhờ đến sự giúp đỡ của ai cả. Anh hiểu không? Tôi muốn tự mình! Đây là danh dự, là niềm tự hào của tôi!... - Nói rồi. Đum-sép quay luôn sang chuyện khác: - Anh Gri-gô-ri, hôm nay là ngày gì nhỉ?

– Thứ sáu bác ạ!

– Không, tôi không hỏi chuyện ấy! Hôm nay là ngày cao đẹp nhất trong đời tôi! Tôi đã bắt tay vào việc viết lại cuốn nhật ký về những năm sống ở xứ Cỏ Rậm. Tôi sẽ viết lại tất cả những trang bị gió cuốn mất. Các nhà bác học sẽ xem xét những điều quan sát của tôi và đi theo những kết luận của tôi - Đum-sép vừa nói vừa chỉ cho tôi đồng giấy xếp

trên chiếc bàn lớn.

– Bác thì còn lâu lắm mới viết xong tập nhật ký. Còn tôi lại phải đi ngay. Tôi chỉ ở lại được một hai ngày nữa thôi. Trong thời gian ấy, mong bác viết cho tôi một bài phác thảo nội dung chính của tập nhật ký, nêu rõ hướng suy nghĩ chủ yếu, cũng như những phát kiến quan trọng của bác. Tôi sẽ chuyển bản phác thảo ấy cho tạp chí “Khoa học và kỹ thuật”.

– Anh nói cái gì nhỉ? Phác thảo à? Tôi không biết phác thảo là cái gì cả! Tôi đâu có cần đến những bằng chứng nhận và chuyện giữ bản quyền đối với phát minh kỹ thuật của mình.

Tôi phải giải thích mãi Đum-sép mới hiểu.

– À, bản đề cương... Đúng là phải làm một bản đề cương.

Đum-sép nói đến mấy tiếng “bản đề cương” với một giọng đặc biệt trang trọng, dường như mấy tiếng ấy bao hàm một ý nghĩa sâu xa chỉ ông mới hiểu nổi.

– Cảm ơn, vô cùng cảm ơn anh!

Thế là tôi đã hoãn chuyến đi của mình để chờ bản phác thảo của Đum-sép.

Tôi đã quen với thành phố này, một thành phố có những rặng cây râm mát ven đường, những phố xá yên tĩnh, những ngôi nhà mới xây sáng sủa đứng bên những ngôi nhà cổ kính và một thư viện chứa nhiều cuốn sách hay không ngờ được đối với tôi. Tôi ngày càng thấy ưa cái thành phố hơi nồng gió mặn này, thường thổi vào mặt tôi mỗi khi tôi đứng ở cửa sổ nhìn ra phía biển xa.

Ra khỏi thành phố là đồng cỏ mênh mông. Hai dãy nhà đang xây chạy dài. Một cái đầu máy nhỏ xinh xích kéo đoàn toa xe chở đầy cát sỏi, gạch ngói và những tấm bê-tông. Những chiếc cần cẩu lại gần, nhấc các tấm bê-tông rồi đưa thẳng lên các tầng cao. Công nhân và thợ máy điều khiển cần trục vui vẻ gọi to và giơ tay làm hiệu cho nhau. Họ xếp những khối bê-tông rỗng thành từng hàng.

Một ngày nữa lại trôi qua. Chắc là Đum-sép đã hoàn thành bản phác thảo.

Buổi tối, tôi tạt vào chỗ ông. Đum-sép lại say sưa nói về xứ Cỏ Rậm, về các cư dân ở đây... Ông hy vọng rằng những điều quan sát của ông sẽ giúp các nhà bác học đem lại cho kỹ thuật nhiều điều mới mẻ.

– Mấy ngày nay, tôi đã nghĩ được nhiều cách làm đề cương, hay nói cho đúng hơn là tôi đã viết những bản đề cương khác nhau. Nhưng ngày mai nhất định tôi sẽ chọn lọc lại những gì là quan trọng nhất. Tôi hy vọng rằng các kết luận của tôi sẽ gợi ý cho những giải pháp hoàn toàn mới trong nhiều ngành kỹ thuật. Chỉ một hai ngày nữa là xong thôi.

Tất nhiên là tôi không nghi ngờ gì tầm quan trọng của các phát kiến mà Đum-sép sẽ nói đến trong bản đề cương của mình.

Mấy hôm sau, tôi lại đến tìm ông.

– Anh bạn ơi! - Đum-sép nói, giọng quả quyết. - Xứ Cỏ Rậm chứa đầy phát kiến và chưa được nghiên cứu bao nhiêu. Trong đầu tôi có không biết bao nhiêu dự án nữa! Và tất cả những dự án đấy đều quan trọng như nhau. Biết viết đề cương thế nào bây giờ? Tốt nhất là cứ im lặng mà chỉ cho con người thấy cái thế giới ấy, chẳng cần phải viết gì cả!

Rời ngôi nhà có tháp nhọn, tôi có cảm tưởng là Đum-sép đã chìm ngập trong cái biển mênh mông những quan sát và phát kiến của ông. Tôi tiếc đã không hỏi Đum-sép về những chất men có tác dụng kỳ diệu đối với cơ thể con người của ông. Không biết ở đây có thể chế tạo được các chất men ấy không? Chẳng lẽ thế giới sẽ không được biết gì về bí

mật ấy? Thật ra tôi cũng ngại nhắc đến chuyện ấy, sợ làm ông lại suy nghĩ buồn rầu, vì tất cả những ngăn hầm chứa các chất men biến thái ở thể khí ấy đều đã đổ sập và mọi thứ chẳng còn gì.

NHỮNG NHẬN XÉT CỦA TÔI TRÊN BẢN ĐỀ CƯƠNG

Mấy hôm sau, tôi nhận được hai bản đề cương của Đum-sép. Cả hai bản đều được chép lại bằng thứ chữ to, sắc nét. Có lẽ là nét chữ của bà Pô-li-na.

Đum-sép nhắc đi nhắc lại:

– Qua bản tóm tắt này, thế giới sẽ biết nhiều điều mới mẻ! Anh đã giúp tôi trở lại cuộc sống con người! Cảm ơn anh về chuyện ấy! Nhưng giờ đây tôi mới thấy hết ý nghĩa việc anh đề nghị giúp đỡ tôi. Cảm ơn anh về việc anh sẽ chuyển cho con người những phát kiến của tôi về xứ Cỏ Rậm.

Ông cứ nói mãi: “Cảm ơn, cảm ơn!” - vẻ mặt bối rối và cảm động. Và không biết làm thế nào để tạ lại “ơn” tôi. Ông nói:

– Một bản là để tặng riêng anh.

Không muốn đọc qua loa bản đề cương quan trọng ấy trong căn phòng ngột ngạt của khách sạn, tôi đợi sáng hôm sau đến thư viện mượn một số sách chỉ dẫn chuyên môn và từ điển rồi đem bản đề cương ra vườn ngồi đọc.

Như một người bạn lớn nghiêm nghị và khắt khe, khu vườn này đã nhiều lần đón tôi bằng những tiếng rì rào kéo dài. Chỉ nơi rẽ khỏi lối đi chính là râm mát và yên tĩnh. Các đường mòn mọc đầy cỏ. Khu vườn không có rào ngăn. Nhưng từ chỗ vào lối đi chính có một vòm cửa lớn bằng gỗ sơn xanh nhạt trên có dòng chữ: “Xin chào khách quý!”.

Tôi tìm một chiếc ghế dài có lưng tựa, đặt sách xuống và chuẩn bị đọc.

Một con châu chấu nhảy ngay vào chân tôi rồi biến mất trong cỏ làm tôi cười thầm với những kỷ niệm cũ. Tiếng trẻ nô đùa vui vẻ vang lên:

– Một, hai, ba... Xong chưa?

– Xong rồi! Tìm đi!

– Kìa, thấy rồi! Ra đi!

Nhưng tôi mãi đọc, chỉ thấy những tiếng đó văng vẳng xa xa. Bản đề cương của Đum-sép bắt đầu một cách độc đáo:

“Các bạn làm công tác khoa học! Tôi trông thấy rõ các bạn sẽ đọc cuốn nhật ký tương lai của tôi như thế nào. Một số bạn viền thị đeo kính vào, các bạn cận thị lại bỏ kính ra. Một vài bạn thì mắt đeo một đôi, trong túi lại còn một đôi khác nữa.

Các bạn hãy bỏ kính đi và đến bất kỳ một cái ao nào. Ở đó, bạn sẽ tìm thấy một thứ hoàn hảo hơn nhiều. Bạn hãy bắt lấy con bọ đang bơi trên mặt nước kia. Nó trông giống như con bọ niềng, nhưng lại sống giữa ranh giới không khí và nước, tức là vừa sống trong không khí, vừa sống dưới nước.

Các bạn hãy bỏ kính đi! Hãy tìm hiểu con vật kia! Hãy áp dụng nguyên tắc mắt hai tiêu cự! Hãy chế tạo cho mình những mắt kính có hai tiêu cự!”.

Tôi lấy bút chì viết lên lề đoạn đó mấy dòng nhận xét:

“Đã muộn! Người bán vé xe lửa cho tôi ở Ma-xơ-va đã đeo một đôi kính như vậy, kính hai tròng! Kính ấy ở cửa hiệu thuốc nào cũng có”.

Đề nghị ấy của Đum-sép đã muộn, nhưng biết đâu đọc tiếp tôi lại chẳng được thấy những điều mới mẻ, bất ngờ. Tôi bỏ qua vài dòng và dừng lại ở một đoạn khác.

“Những người đào đường hầm xuyên núi, khai thác hầm mỏ. Các bạn hãy học tập con mọt! Hãy nghiên cứu xem vì sao nó cảm thấy được chỗ nào gỗ dày, chỗ nào gỗ mỏng”.

Đum-sép lại viết tiếp về một loài mọt đục tàu thuyền:

“Các bạn hãy chú ý đến con vật có hình dáng giống như một con giun nhỏ ấy. Thân nó mềm mà nó lại dễ dàng đục xuyên qua những lớp gỗ rắn nhất. Các bạn hãy nghiên cứu xem nó khoét gỗ ra sao và dựa theo đấy mà chế tạo một công cụ xuyên gỗ”

Tôi tỏ ý nghi ngờ và viết ra lễ:

– “Lời khuyên rất hay, nhưng chưa chắc con mọt ấy đã gợi ý được cho con người chế tạo ra một kiểu mũi khoan mới”.

Đum-sép lại viết:

“Các bạn xây dựng, các bạn hãy học tập con ong về cách xây dựng tiết kiệm! Mỗi vách ngăn của chúng xây nên đều được dùng hai lần. Với cách xây dựng những ngăn sáu cạnh, chúng tốn ít vật liệu mà lại được độ bền chắc cao: trọng lượng sấp (vật liệu xây dựng) của tổ ong nhỏ hơn trọng lượng mật đựng trong đó đến sáu mươi lần”.

Tôi nhận xét một cách quá tự tin:

“Việc gì phải nhắc các nhà kiến trúc chú ý đến tiết diện sáu cạnh của ngăn tổ ong? Trí tưởng tượng nhà kiến trúc không cần đến sự gợi ý của con ong.

Một nhà kiến trúc tồi nhất cũng biết hình dung trước trong óc ngôi nhà mình sẽ xây dựng. Và sau đó, nếu cần, anh ta vẫn có thể thay đổi và cải tiến dự kiến ấy. Còn con ong thì không thể như vậy. Chúng xây dựng theo bản năng. Nếu chọc thủng ngăn tổ ong, mật sẽ chảy ra, nhưng con ong vẫn tiếp tục đổ mật vào cái ngăn thủng ấy, để trứng vào rồi gắn cái ngăn rỗng không ấy lại. Thật là bản năng mù quáng! Con ong chỉ biết bay cho đủ số lần cần thiết để đổ được đầy mật cho một ngăn”.

Đến đây, tôi nhớ lại là có lần tôi đã chọc thủng “mái” của cái “ổ”, nơi con ong cắt lá đã để trứng. Thế mà nó vẫn cứ theo bản năng mà làm những “mái” mới, làm cho đủ số “mái” như thường lệ mà không phát hiện ra rằng tất cả các “mái” đều đã bị chọc thủng.

“...Còn sấp xây tổ ít hơn mật đựng trong đó sáu mươi lần”, điều đó cũng hay đấy. Nhưng dùng sấp làm vật liệu xây dựng cho con người?! Đây là một đề nghị khá kỳ quặc!

Đum-sép viết:

“Con người hãy học cách giữ cho ngôi nhà mình được ấm áp. Con bọ ngựa khi để trứng đã liên tục tiết ra một chất keo lỏng để phủ kín chúng. Chất keo lỏng có nhiều bọt rỗng ấy giữ cho trứng khỏi bị lạnh quá hay nóng quá. Các bạn hãy nghiên cứu chất lỏng ấy

Tôi nhận xét:

“Ở đây nói đến vấn đề cách nhiệt. Nhưng từ lâu, người ta đã biết dùng không khí làm chất cách nhiệt. Mới đây nền kỹ thuật hiện đại của chúng ta đã chế tạo ra được một thứ thủy tinh bọt. Vật liệu này nhẹ và xốp hơn cả li-e mà ta vẫn dùng làm nút chai. Để làm ra thứ thủy tinh này, phải tìm được cách điều hòa sự hình thành cấu trúc có lỗ trong thủy tinh. Bí quyết là ở chỗ làm thế nào cho các bọt khí được phân bố đều trong khối thủy tinh.”.

“Như vậy còn cần gì phải nghiên cứu chất lỏng kia của con bọ ngựa!” - tôi nghĩ.

Tôi đọc bản đề cương của Đum-sép và ghi mãi ở bên lề mấy chữ: “Muộn rồi! Muộn rồi!”

rồi!”.

Tôi rất băn khoăn và ái ngại cho Đum-sép: phải chăng cuộc đời ông vất vả mà chẳng đem lại lợi ích gì? Không biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông biết sự thật không vui ấy? Không biết Ma-xơ-va sẽ trả lời ông ra sao về bản đề cương này? Mà ông thì từ xứ Cỏ Rậm về đang thách thức khoa học hiện đại.

Tôi không đủ sức để đọc tiếp nữa...

– Một, hai, ba!

– Một, hai, ba! - tôi nhắc theo những tiếng trẻ nhỏ lạnh lạnh như tiếng chuông.

Phải làm gì bây giờ?

Mặt trời đã lên cao và xuyên qua vòm lá xanh. Bóng cây ngắn dần lại. Đã giữa trưa.

– Một, hai, ba! - tiếng trẻ nhỏ lúc gần lúc xa.

Có đọc tiếp không? Tôi chân chừ và chờ đợi một cái gì đó.

MUỘN RỒI! MUỘN RỒI!

Lối đi trong vườn thật ồn ào và nhiều màu sắc! Những tiếng nói trẻ ngân vang, những cô gái mặc áo quần sặc sỡ. Họ xuất hiện rồi đi qua. Sau đó, mọi vật lại im lặng. Từ cuối vườn vắng đến hai giọng nói quen thuộc. Tôi nhận ra họ rồi. Đó là Lê-na và Pa-ven.

– Quả cuối cùng, anh thấy không, em dập ngay sát lưới. “Cháy” cả vọt. Quả quyết định đấy, anh ạ!

– Thôi, hôm nay em nghỉ đi. Ngày mai là trận bán kết rồi.

– Em sẽ nghỉ và viết thư, một lá thư “hiển vi” tí xíu, anh biết chưa?

– Như lá thư mà ông gì ấy ở Ma-xơ-va đem đến trong cái vỏ diêm chứ gì?

– Anh còn nhớ không? Đi-giôn-van... Ê-ra-tô-xten...

Họ cùng cười rồi dắt tay nhau rảo bước.

Tôi lại đọc tiếp bản đề cương của Đum-sép.

Ông viết :

“Con nhện nước gợi ý cho ta về nguyên tắc làm cái chụp dùng cho thợ lặn. Nhưng còn có một loài ấu trùng nữa cũng gợi cho ta một nguyên tắc về thiết bị lặn. Bản thân con vật nằm dưới nước, nhưng đuôi nó lại thò lên khỏi mặt nước. Để làm gì? Để thở! Nước dâng lên thì cái đuôi ấy cũng dài ra... Đuôi ấu trùng này là hai cái ống không khí được bọc bằng một chất trong suốt. Hai ống này có thể co lại một cách bất ngờ nhất. Điều đó đáng được học tập. Các bạn hãy chế tạo những thiết bị như vậy và thả xuống đáy biển!”.

Nhận xét của tôi:

“Tôi đã được biết chuyện này, khi đọc nhưng trang nhật ký về cuộc hành trình của Đum-sép. Nhưng mới đây, một cuốn sách đề cập đến việc lặn sâu, đã trực tiếp so sánh bộ áo lặn với ấu trùng đó. Khi so sánh như vậy, tác giả đã dùng những thuật ngữ kỹ thuật chính xác nhất.

Tác giả nói rằng: đuôi ấu trùng vươn dài ra trong nước như kính tiềm vọng và gồm một vỏ bọc ngoài trong suốt, bên trong là hai ống rỗng dùng để hút không khí vào.

Sách cũng chỉ rõ rằng thợ lặn mặc bộ đồ lặn đó cũng hút không khí vào để thở theo một kỹ thuật hết như ấu trùng nói trên, rằng những cái ống ở đuôi ấu trùng chẳng khác

ống thở của thợ lặn chút nào: chúng không bị tuột ra là nhờ có mép xoáy tròn ốc giữ chặt lấy ống hình trụ”.

Tôi nghĩ:

“Chỉ là một sự trùng hợp thôi. Đâu có chuyện người sáng chế ra bộ đồ lặn đến hỏi ý kiến ấu trùng”.

Đã mấy chục năm trời, Đum-sép lặn lội ở xứ Cỏ Rậm mà không biết rằng trong thời gian ấy, các nhà sáng chế của chúng ta đã nghiên cứu các thành tựu khoa học kỹ thuật, đã học hỏi, trao đổi ý kiến với nhau, và đã có những sáng tạo tuyệt vời. Ông cứ đòi hỏi con người phải học tập mãi ở các loài côn trùng.

Đúng, đúng là “phải học tập con nhện!”. Ở một đoạn khác ông viết: “Phải học tập cách bắc cầu của nó. Con nhện bắc cầu không cần mố, không cần chân. Cầu trên dây vừa rẻ, vừa bền chắc”.

Thật là một đề nghị lạ lùng! Người ta đã biết làm cầu treo từ lâu lắm rồi!

Tuy nhiên, trong một cuốn sách tra cứu, tôi đã tìm thấy đoạn nói rằng người đầu tiên xây dựng cầu treo đã để ý đến cái mạng nhện vắt ngang qua lối đi trong vườn nhà ông, khi ông dạo chơi ở đó vào một ngày thu nắng đẹp. Thế là ông nảy ra ý nghĩ xây dựng cầu trên những dây thếp.

Đum-sép lại viết:

“Ngay từ thế kỷ mười bảy, loài người đã định dùng tơ nhện để dệt vải. Nhưng vấn đề không phải là ở chỗ tơ nhện có dệt được thành vải mặc hay không, mà là ở các bạn phải học cách kéo sợi của nó!”.

Sau đó, Đum-sép đề nghị các nhà phát minh lặp lại quá trình làm sợi mà tôi đã quan sát được khi rơi vào mạng nhện.

Tôi giở từ điển bách khoa ra đọc, rồi ghi nhận xét vào bên lề đoạn đó:

“Đã muộn! Nhà máy làm tơ nhân tạo đầu tiên đã được xây dựng từ năm 1890!”.

Tuy vậy, tôi cũng rất thích thú khi thấy quy trình sản xuất sợi nhân tạo rất giống với cách kéo sợi của con nhện: chất keo do nhện tiết ra qua những ống nhỏ, đông cứng lại trong không khí và biến thành sợi tơ nhện, và chất lỏng do máy kéo sợi đùn ra qua bộ lọc cũng khô đi trong không khí và biến thành sợi tơ nhân tạo.

Nhưng quy trình sản xuất ấy cũng đã lạc hậu so với những quy trình sản xuất mới. Như vậy là cái máy do con người tạo ra đã vượt nhện từ lâu, và quá trình sản xuất tơ nhân tạo ngày càng khác với quá trình kéo sợi của nhện...

Nhưng vì sao khu vườn bỗng vắng lặng? Gió lật những trang sách loạt xoạt. Mây đen kéo đầy trời và sà xuống rất thấp. Gió thổi mạnh, không khí mát lạnh hắt đi. Phải về thôi...

Trong căn phòng ở khách sạn, tôi đã đọc nốt bản đề cương của Đum-sép và lại thấy những đề nghị và suy nghĩ thật kỳ lạ.

Theo Đum-sép thì lịch sử vũ khí của con người đã bắt nguồn ở xứ Cỏ Rậm. Con người cổ xưa đã bắt chước vũ khí loài côn trùng. Để chứng minh, Đum-sép đã chia tất cả các vũ khí của con người xưa kia làm hai loại: loại được chế tạo theo nguyên tắc lưỡi cắt và loại được chế tạo theo nguyên tắc mũi dùi. Ông kết luận rằng hàm côn trùng (nguyên tắc lưỡi cắt) đã gợi ý cho con người làm ra các vũ khí như dao, kiếm, và ngòi châm của côn trùng (nguyên tắc mũi dùi) đã gợi ý cho con người làm ra các vũ khí như dao găm, giáo nhọn v.v... Ông còn nói thêm rằng con bọ dừa không sợ con ong, vì ngòi ong không thể xuyên thủng mặt cánh cứng che thân nó.

Do đó mà con người nghĩ ra cách làm cái mộc cứng để chống lại những mũi giáo nhọn.

Tôi đã ghi ngay những nhận xét của mình vào đoạn ấy: “Qua những hình vẽ trong hang động của người nguyên thủy cũng như qua các hiện vật khảo cổ đào được, người ta chưa thấy có điều gì chứng minh rằng con người cổ sơ đã phải nhờ đến sự gợi ý của thế giới côn trùng. Những cái rìu đá, cung, tên nguyên thủy v. v... đều không dính dáng gì đến “kỹ thuật” của côn trùng cả”.

Bản tóm tắt của Đum-sép còn nói đến chuyện côn trùng có thể lôi kéo, tha đi những vật nặng gấp bội trọng lượng bản thân chúng, đến những “thiết bị” đào, bới, cắt, ngoạm của côn trùng. Có lẽ cái ấy mới lý thú...

Tôi đọc tiếp về sức chịu đựng của côn trùng. Chúng có thể nhịn ăn hàng tháng, thậm chí hàng năm trời. Con nhện chữ thập có thể đan một lưới dài bảy mươi hai mét mà không ăn một chút gì. Và nếu lưới ấy không bắt được mồi thì nó lại đan một lưới mới ở chỗ khác.

Khi đọc đề cương công trình khoa học của Đum-sép, tôi thấy buồn và nặng trĩu trong lòng, vì đó là một công trình đã làm ông mất mấy chục năm ở xứ Cỏ Rậm và sẽ còn mất nhiều năm nữa. Nhưng khi được hoàn thành thì sẽ rõ ra tư tưởng cơ bản của nó thật là tùy tiện, ngẫu nhiên và buồn cười: “Hỡi con người, hãy học tập kỹ thuật của côn trùng!”.

Tất cả những lời khuyên và “tiết lộ” của Đum-sép đều quá muộn!

Bản tóm tắt kết luận bằng một đoạn độc đáo chúng khác gì đoạn mở đầu:

“Các nhà bác học! Ngày nay, các bạn viết tác phẩm của mình không phải là trên giấy da cừu nữa mà trên giấy làm bằng bột gỗ. Các bạn đừng quên rằng con ong vẽ đã từ lâu gợi ý cho người ta làm thứ giấy ấy. Nhờ đó, chúng ta đã tiết kiệm được biết bao vật liệu làm giấy và mở rộng được việc phổ biến khoa học và các tri thức”.

MỘT CUỘC VIẾNG THĂM BẤT NGỜ

Tóm lại, Đum-sép chỉ đi đến một lời khuyên: “Hỡi con người, hãy học tập kỹ thuật của côn trùng!” Tôi thấy Đum-sép đã tìm ra được nhiều điều ở xứ Cỏ Rậm. Tôi cũng tin rằng ông sẽ đem lại được cho con người nhiều điều mới mẻ. Tôi là người được tận mắt chứng kiến việc ông bắt bản năng của loài vật phải phục tùng trí tuệ con người như thế nào. Nhưng tất cả những điều đó dường như đã biến mất. Ở đây, trong bản tóm tắt này. Đum-sép lại gần như là người nô lệ của các tri thức ngẫu nhiên. Tôi nhớ lại ông đã lúng túng khi bảo tôi: “Tôi có hàng ngàn đề cương khác nhau trong đầu và tất cả đều quan trọng như nhau”. Và ông cứ phải hoãn đi hoãn lại mãi không viết ra được... Vì ông không biết phân biệt cái chủ yếu với cái thứ yếu. Và cái đề cương này cũng chẳng phải do ông chọn, mà là do nó rất ngẫu nhiên chinh phục được ông.

Có lẽ trong thời gian sống đơn độc ở xứ Cỏ Rậm, ông đã chuẩn bị hàng ngàn lần để nói lại với con người về những suy nghĩ của mình, ông đã chuẩn bị nhiều phương án trình bày và nhiều cách trình bày mới. Cuối cùng, số phương án ấy tích lại quá nhiều trong đầu óc ông mà không được nói ra, và ông cảm thấy cái nào cũng quan trọng như nhau. Ông không còn phân biệt được cái nào chính, cái nào phụ nữa. Ông đã trở thành

nô lệ của các phương án ấy!

Thế là đáng lẽ được nghe một bản giao hưởng tuyệt vời thì chúng ta chỉ nghe thấy mấy khúc ca rời rạc.

Tôi ghi lên bì ngoài tập bản thảo của Đum-sép mấy chữ: “Bản đề cương của những lầm lẫn!”.

Buồn thay! Đã đến lúc phải về Ma-xơ-va thôi!

Tôi lại bắt đầu xếp va-li. Tất nhiên Đum-sép, nhà thám hiểm gan dạ ở một xứ sở xa lạ, đã bị lạc ngay trong rừng rậm của những phát hiện, những ý đồ và giả thuyết của chính mình. Trời đã sắp tối rồi, không biết thư viện đã đóng cửa chưa? Cần đem trả sách ngay, rồi về chuẩn bị hành lý vẫn kịp.

Thế là tôi hấp tấp ôm đóng sách chạy đi, bỏ quên tập phác thảo đã ghi nhận xét ở trên bàn. Tôi không ngờ rằng sự sơ xuất ấy đã gây rắc rối về sau!

Trời mưa lâm râm. Không một bóng người trên đường phố. Mây đen phủ kín trời. Vừa gió vừa ẩm. Những ý nghĩ buồn vẫn ám ảnh tôi.

Đến Ma-xơ-va, tôi biết viết cho Đum-sép thế nào đây?

Đưa bản phác thảo này cho ban biên tập ư? Nhưng trong đó chẳng có phát minh, phát kiến nào cả! Ôi, tại sao tôi lại thiếu suy nghĩ đến thế khi động viên Đum-sép hết lời? Tại sao tôi lại gợi ý cho ông viết bản phác thảo để tôi gửi cho tạp chí “Khoa học kỹ thuật?” Ông đã tin tôi. Ông cũng tin rằng các đề nghị của ông sẽ đem lại cho khoa học nhiều phát minh quan trọng. Nhưng ban biên tập sẽ trả lại bản phác thảo ấy; và rất có thể là kèm theo mấy dòng: “Bạn đã có những so sánh thú vị giữa các hình thức bản năng của thế giới côn trùng với nền kỹ thuật do trí tuệ con người sáng tạo ra. Thay cho việc phát hiện những điều đã được thực hiện, bạn nên viết một tập truyện hấp dẫn cho các em nhỏ”.

Tôi chợt nhớ lại câu chuyện một nhà văn viết về một ông già tóc đã bạc phơ đi lang thang trong một thị trấn hẻo lánh và bỏ ra hàng chục năm trời để cố chứng minh cho mọi người thấy rằng mình có một phát kiến mới trong lĩnh vực toán học. Nhưng không ai chịu nghe ông. Một hôm, có anh sinh viên khoa toán một trường đại học xem bản thảo của ông mới biết rằng “phát kiến mới” ấy lại chính là bảng lô-ga-rit đã được tìm ra từ lâu.

Ông già khó khăn lắm mới tin được đấy là sự thật. Ông cảm ơn người thanh niên rồi trở về nhà. Ngay ngày hôm ấy ông qua đời...

Trời đã tối hẳn. Tôi trả xong sách và bước ra khỏi thư viện.

Những đám mây u ám vẫn phủ đầy trời. Ánh đèn trên đường phố trông thật cô đơn.

Tôi bước xuống bậc thềm trơn ướt của thư viện mà lòng nặng trĩu. Từ đây về đến khách sạn còn phải qua hai khối phố vì một cái ngõ nhỏ. Về sau, tôi mới biết rằng cũng chính vào lúc ấy. Đum-sép đã đến tôi với một tâm trạng vui mừng, phấn khởi. Chúng tôi đã không gặp nhau.

Đum-sép đã không gặp tôi và điều mà tôi không lường trước được đã xảy ra.

Bà Pô-li-na đã kể cho tôi nghe đầu đuôi sự việc.

Hôm ấy, sau khi ăn bữa trưa. Đum-sép ra khỏi nhà, bà Pô-li-na lại đi theo như mọi khi. Khi đi ngang qua một trường học, ông thấy một chiếc xe tải trang trí đẹp để tiến vào công trường. Các em nhỏ reo hò phấn khởi:

– Có xe đến đón rồi! Các bạn ơi, lên đường thôi!

Thế là Đum-sép dừng lại.

Khi kể lại chuyện này, nét mặt bà Pô-li-na còn hiện rõ sự ngạc nhiên, thắc mắc:

– Vì sao ông ấy dừng lại? Ông ấy cứ nhìn ngắm mãi mà không chán mắt. Cứ y như là chưa được thấy cảnh các cháu thiếu niên đi cắm trại bao giờ!

Một thiếu nữ từ trên thêm bước xuống sàn hô to:

– Nghiêm! Chuẩn bị rước cờ ra xe!

Lập tức các em nhỏ xếp thành hàng ngay ngắn, giơ cao tay chào và nhịp bước theo tiếng trống tiếng kèn náo nức. Lá cờ đỏ có hàng chữ vàng bay phấp phới ở hàng đầu. Về mặt Đum-sép rạng rỡ hẳn lên. Ông có vẻ xúc động.

Ông nhìn kỹ mắt các em nhỏ, những cặp mắt xanh, nâu, đen láy, những cặp mắt linh lợi, rạng rỡ đang nghiêm trang và tự hào dõi theo lá cờ Đội.

Lá cờ được cắm lên mũi xe, và các em giúp nhau trèo vào thùng xe. Anh lái xe đỡ các em nhỏ nhất.

Bỗng một em gái nhỏ xíu nói to:

– Em lên đây! Em trèo một mình cơ!

Em bé gạt tay mọi người ra rồi nhanh nhẹn, khéo léo leo lên bánh xe, vúi lấy thành xe, nhảy qua. Em chễm trệ ngồi vào hàng ghế ngay cạnh mấy em thổi kèn và nhìn xuống, về tự hào.

Đum-sép không nén được niềm vui, bật cười to và giơ tay vẫy các em.

Xe chạy. Tiếng hát trong trẻo vang lên. Chiếc xe khuất sau chỗ ngoặt.

Sau đó, Đum-sép trở về nhà. Suốt dọc đường, ông im lặng không nói một mình như mọi khi, mặc dù ông rất xúc động.

Ông vào phòng thí nghiệm của mình, khép cửa lại.

Thế rồi, bỗng nhiên ông đi xuống nhà và nói với bà Pô-li-na:

– Tôi phải thú nhận rằng tôi vẫn chưa hiểu được điều chủ yếu nhất...

Rõ ràng là ông vô cùng bối rối. Bà Pô-li-na và bác hàng xóm kéo ghế lại ngồi gần ông và ân cần hỏi ông có điều gì chưa hiểu.

– Tôi đã xem người ta xây nhà rất nhanh mà hầu như không nhìn thấy ai ở đấy. Tôi hiểu và không thắc mắc gì cả. Tôi đã thấy xe hơi thay thế cho xe ngựa trên đường phố. Tôi cũng hiểu và không ngạc nhiên gì cả. Nhưng... tôi không hiểu vì đâu có những bài ca ấy, vì đâu có niềm vui ấy. Người lớn cũng như trẻ em... Sáng cũng như tối... Ai ai lúc nào cũng vui vẻ. Con người đã khác hẳn ngày xưa!

– Trời ơi, có gì mà ngạc nhiên? Có gì mà không hiểu? Bác Đum-sép! - bác hàng xóm vui vẻ nói. - Có gì đâu! - bác nhắc lại rồi vội đứng phắt dậy: - ôi, xoong sũa của tôi trong bếp dào hết mất rồi!

Đến lúc đó, bà Pô-li-na mới biết được trong những năm qua, Đum-sép đã ở một nơi nào đó xa cách loài người như Rô-bin-xơn trên hoang đảo. Nhưng ở đâu? Bà vẫn không dám hỏi ông.

Còn biết bao điều Đum-sép cần phải được giải thích trước khi hiểu được cuộc sống mới.

Bà Pô-li-na đã bắt đầu từ chuyện các em thiếu nhi rồi bắt sang những chuyện xảy ra trong mấy chục năm qua...

Nụ cười sung sướng nở trên môi làm thay đổi hẳn nét mặt Đum-sép. Bà Pô-li-na nhìn ông và nhớ lại nụ cười ấy... Đã lâu lắm rồi, Đum-sép với nụ cười ấy đã đến kéo đàn cho bà nghe một khúc nhạc do ông sáng tác...

Trước khi kéo đàn, ông nói:

“Cô hãy hình dung một con đường lớn trên thảo nguyên xa tắp. Giữa trưa mùa hè oi nồng. Mọi sinh vật đều im lặng và ẩn náu. Ở thảo nguyên, thường yên lặng như vậy mỗi khi trời khô nóng. Nhưng từ xa có tiếng sấm ù ù, cơn dông sắp đến. Và như đoán trước được dông tố, vang lên những tiếng hát, tiếng chuông, phá tan sự im lặng. Những tiếng hát lẻ tẻ bây giờ hòa với nhau thành một bản hợp xướng. Mưa gió dữ dội. Bản đồng ca chào đón và quyện vào với dông tố. Mưa gió đã qua. Chỉ có bản hợp xướng chiến thắng là còn lại. Thảo nguyên đã được nước mưa rửa sạch. Một con chim nhỏ lách lút ở rất gần”.

Đã bao năm, bây giờ bà mới được thấy lại nụ cười hạnh phúc của ông.

Tất cả những gì bà Pô-li-na kể, Đum-sép đều nghe một cách nhiệt tình, sung sướng; hình như qua đó, ông nhận ra được một cái gì rất thân quen, gần gũi, đã sống trong trí tưởng tượng của ông, mà ông đã ôm ấp từ lâu lắm. Vẻ mặt ông trở nên tươi sáng hơn.

Ông xúc động, bật dậy khỏi ghế, rồi reo lên:

– Tôi hiểu! Tôi đã hiểu cả rồi! Bây giờ tôi mới biết rằng ở xứ Cỏ Rậm, nơi tôi đã sống những năm dài, anh bạn của tôi đã định kể cho tôi nghe về những điều đó. Thế mà tôi lại không muốn nghe, tôi đã làm cho anh ta méch lòng!

Bà Pô-li-na ngạc nhiên:

– Xứ nào?

Nhưng Đum-sép đã vội vàng nói:

– Tôi phải đến khách sạn ngay! Tôi phải xin lỗi anh ta và bày tỏ đôi lời.

Thế là Đum-sép đã không gặp tôi.

Lúc ấy tôi đang từ thư viện trở lại khách sạn để lấy hành lý ra ga cho kịp tàu.

“Phải nhớ xếp lại hành lý và cất bản thảo kia xuống... đáy va-li!” - Tôi tự nhủ như vậy khi tới gần khách sạn.

Mưa rơi mỗi lúc một nặng hạt. Mây mù từ biển kéo vào dày đặc.

Khách sạn đây rồi. Chiếc chìa khóa không còn treo trong chiếc tủ dẹt trên tường, mà lại cắm sẵn trong ổ. Tôi ra cửa và đứng lặng người.

Đèn sáng. Phòng không có ai. Nhưng bản phác thảo của Đum-sép trên bàn không còn nữa. Nó đã biến mất.

CÔ TRỰC NHẬT Ở KHÁCH SẠN

– Cô trực nhật! Ai đã vào phòng tôi?

Không có tiếng trả lời. Cô gái vẫn chăm chú đọc.

Tôi lại gần, lấy tay bịt trang sách lại.

– À, anh! - cô gái đến lúc ấy mới ngẩng nhìn lên. - Anh có biết cuốn tiểu thuyết này hay đến thế nào không?

– Ai đã vào phòng tôi? Tôi hỏi, sao cô cứ im lặng thế?

– À, anh là ai mới được chứ?... Tôi đã giao chìa khóa cho anh ở phòng số bảy... anh ấy cứ nói đi rồi lại về. Về rồi lại đi. Cuối cùng bảo: “Tôi đi đây!” Thế rồi lại quay về!

– Cô đang nói tôi đây! Tôi vừa ra thư viện về. Chìa khóa tôi giao cho cô. Bây giờ tôi quay lại thì chìa khóa đã cắm trong ổ? Cô đưa chìa khóa cho ai? Ai đã không giao lại chìa khóa cho cô?

– Ôi, thế không phải là anh à?

– Như vậy là cô không biết ai đã vào phòng tôi?

– Xin lỗi anh! Tôi nhớ ra rồi! Có một ông già trông rất tử tế đã đến tìm ông... Tôi đưa chìa khóa cho ông ấy. Chẳng lẽ bắt ông ấy đứng đợi ngoài hành lang! Không, ông đừng lo. Ông già có vẻ đạo mạo, đứng đắn lắm... Không có chuyện gì đâu!

Tôi thất vọng, quay về buồng. Nhìn lại bàn làm việc, tôi chợt nhận ra một mảnh giấy.

“Anh bạn thân mến của tôi!

Anh có biết tôi chạy đến tìm anh với niềm vui sướng như thế nào không? Lòng tôi vui như mở hội! Tôi muốn bổ sung thêm một trang vào tập phác thảo! Nhưng cô tiểu thư làm việc ở khách sạn mới đăng trí làm sao chứ! Tôi không muốn gửi cô ta chuyển cho anh... Trên bàn trong phòng anh, tôi trông thấy tập phác thảo. Tôi mở ra để đặt thêm trang giấy của tôi vào và thế là tôi đã được đọc các nhận xét của anh. Tôi vô cùng thất vọng. Nhưng tôi đã nghĩ lại. Trong bản đề cương của tôi không có gì là lầm lẫn cả. Tôi đã tìm ra nhiều điều bí mật và đã có nhiều phát kiến ở xứ Cỏ Rậm. Nhưng tôi chỉ chọn ra những gì gần gũi với tôi nhất, quý báu với khoa học nhất.

Ôi, anh bạn trẻ! Anh, thế hệ các anh, khó mà hiểu được tình trạng ngột thở của thời đại khi chúng tôi còn trẻ. Thời ấy, tôi thật là cô đơn.

Thế rồi những năm dài ở xứ Cỏ Rậm...

Tôi đã già rồi, chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Giờ đây, tôi rất đau khổ. Tôi muốn được ngồi một mình. Sự yên tĩnh sẽ trả lại cho tôi tình trạng cân bằng trong tâm tưởng. Trong thời gian trước mắt, chúng ta sẽ không gặp nhau. Vả lại anh cũng đã đến lúc phải ra đi... Thôi, chào anh.

Yêu quý anh.

Đum-sép của anh”.

Tôi đi vội vã gần như chạy đến nhà Đum-sép. Nhưng phòng thí nghiệm đã vắng ông. Lò sưởi đã tàn. Ngay cửa lò là một tờ giấy bị cháy sém. Có lẽ đấy là tất cả những gì còn lại của tập đề cương.

Tôi xuống nhà gặp bà Pô-li-na hỏi thăm. Bà nói:

– Tôi thấy Đum-sép lấy dù rồi vội vã đi đâu không biết. Tôi tưởng là ông ấy lại đến chỗ anh. Lần đầu, ông ấy đến không gặp anh phải không? Bây giờ biết ông ấy ở đâu? Trời mưa, lại sương mù dày đặc như thế này!

GẶP NHAU TRONG SƯƠNG MÙ

Đêm ấy, sương mù phủ kín mặt biển. Trời lạnh ẩm. Con đường dẫn đến xóm cán bộ khoa học mất hút trong màn mưa nặng hạt.

Tại sao tôi lại đi về hướng này để tìm Đum-sép? Tôi không biết, nhưng có lẽ vì đây chính là con đường mà Đum-sép và tôi đã trở về thành phố.

Đum-sép muốn được yên tĩnh một mình? Được thôi! Nhưng ông chẳng biết gì về phố phường, đường sá ở đây, một mình ông lang thang trong đêm dưới trời mưa như thế này thì không ổn.

Lo lắng cho Đum-sép, ân hận về thái độ thiếu thận trọng của mình đối với bản phác thảo của ông, tôi cố tìm và hy vọng sẽ tìm thấy Đum-sép ở đâu đó ven con đường này.

Tôi lên tiếng gọi:

– Bác Đum-sép! Bác Đum-sép!...

Cả áo mưa lẫn áo trong của tôi đều ướt sũng. Nước chảy ròng ròng. Tôi vẫn vừa đi vừa gọi:

– Bác Du... um... se... ép!

– Ai gọi thế? Tránh ra!

Trong màn sương mù mịt, chiếc xe ngựa xuýt nữa xô vào tôi. Trên xe có hai người. Tôi hỏi và được biết đây là Cô-li-a, học sinh trường trung cấp kỹ thuật nông nghiệp, và người y tá bệnh viện thành phố!

– Các em có gặp ông già nào đi trên đường này không?

Nghe hỏi, Cô-li-a bèn kể cho tôi nghe:

– Cách đây độ hai tiếng đồng hồ, xe tôi suýt nữa đâm vào một người chẳng khác gì suýt nữa xô vào anh ban nãy. May mà con ngựa của tôi dừng lại kịp. Người ấy tránh sang một bên. Tôi soi đèn. Thì ra là một ông già người nhỏ nhắn che chiếc dù lớn. Trông ông ấy rất giống với thầy giáo dạy hóa học của chúng tôi. Tôi nói:

“Mời bác lên xe, cháu chở bác đi!”.

Ông già lên xe. Tôi cho ngựa chạy bước một. Được một quãng ngắn, tôi thấy ông già có vẻ muốn xuống. Tôi dừng xe và giúp ông.



“Cảm ơn anh, đã đến nơi rồi”.

Nghe ông già nói, tôi nghĩ: ở đây làm gì có nhà cửa mà ông già lại nói là đã đến nơi rồi! Thế rồi, tôi thấy ông rẽ ra xa đường cái, rồi quay lại mặt đường, dò dẫm. Tôi cho xe đi gần bên ông, nhưng ông không để ý mà cứ nói chuyện một mình. Sau đó, ông rẽ đi đâu một lúc rồi lại trở về mặt đường.

Tôi nghĩ bụng: “Thật khó hiểu quá! Đêm hôm mưa gió thế này ông già tìm gì vậy?”.

Tôi lại gọi:

“Bác ơi, cháu chở bác đi một đoạn nữa nhé!”.

Thế là ông già lại lên xe.

“Chỉ mấy tiếng nữa thôi là đến xóm. Bác sẽ được sưởi ấm”.

“Không, tôi không đến đây. Tôi sắp xuống đây thôi. Tôi đi tìm cái nhà chòi”.

“Cái nhà chòi nào ạ?” - tôi suýt bật cười nhưng lại nhớ ra ngay. “Bác tìm cái nhà chòi ở sau cánh rừng nhỏ phải không? Nó đổ nát cả rồi còn đâu. Ban ngày cũng chẳng ai tới nữa là ban đêm, trời lại mưa thế này!”.

Nhưng ông già cứ đăm đăm nhìn vào màn sương. Tôi chắc ông cụ có bệnh. Có thể ông cụ là một giáo sư nào đấy chẳng? Tôi lấy tấm vải bạt che cho ông. Còn ông cứ ngồi yên, chốc chốc lại lẩm bẩm nói một mình về những con vật kỳ lạ nào đó ở một xứ sở chưa ai biết. Rồi lại im lặng.

Mưa to hơn. Tôi quay lại kéo bao cỏ đệm xuống chân cho ông và sửa lại tấm vải bạt.

“Cám ơn anh bạn trẻ! Ông bà cụ thân sinh ra anh thật khéo giáo dục con cái!”.

Tôi nói:

“Thưa bác, cháu không có bố mẹ. Bố mẹ cháu mất từ khi cháu còn nhỏ”.

“Thế ai đã giáo dục anh?”.

Tôi giải thích:

“Cháu lớn lên ở nhà trẻ mồ côi ở trường học nghề, rồi ở trường trung cấp kỹ thuật. Nói chung là đoàn Cô-mê-xô-môn đã giáo dục cháu”.

Ông có vẻ kinh ngạc hỏi lại:

“Ai? Ai giáo dục? Anh nói... tôi không hiểu...”.

“Đúng là ông già này ốm thật rồi. Phải cho xe đi nhanh lên thôi”. - Tôi nghĩ vậy và dùng xe nhảy xuống để sửa lại cương và dây thắng. Quay lại thì tôi đã không thấy ông cụ đâu nữa.

Tôi tự ra lệnh cho mình: “Dù thế nào cũng phải tìm và đưa ông già vào bệnh viện”. Tôi cho xe quay về thành phố, chạy thẳng đến bệnh viện đón y tá rồi trở lại đây. Chúng tôi đang đi tìm ông già. Chúng tôi đã lùng khắp quanh đây rồi. Phải tìm cả ở khu rừng nhỏ.

Sương mù đã tan, nhưng mưa thì chưa tạnh hẳn.

Nghe Cô-li-a kể xong, tôi dặn anh cùng người y tá chờ ở trên đường để tôi đi tìm. Tay cầm đèn, tôi chạy về hướng cái nhà chòi, nơi hôm nào chúng tôi thay quần áo và đợi trời tối để vào thành phố. Trong đêm tối, đường đi như xa thêm. Biết đâu Đum-sép lại chẳng bị lạc lối và ngã gục ở đâu đó vì mệt mỏi!

Đã hết cánh rừng nhỏ. Cây keo chắn lối trước cái nhà chòi đây rồi. Tôi lấy tay gạt cành lá và đưa đèn lên soi.

Cái nhà chòi với hàng cột xiêu vẹo vắng lạnh không một bóng người. Phải quay sang cơ sở thực phẩm của khu xem sao. Có thể là Đum-sép đã ở đấy.

Sao im lặng thế? Chỉ có tiếng mưa rơi lộp độp trên mái nhà chòi đã bị thủng. Nhưng có phải tôi tưởng tượng ra không thể nhỉ? Có tiếng thở dài đâu đây.

Tôi quay lại soi đèn. Ánh sáng rọi lên cây cột gần gốc keo, và đằng sau cây cột ấy là... Đum-sép!



– Bác! Bác Đum-sép!

Đum-sép không trả lời quay mặt đi.

Tôi nhảy bổ lại, cầm lấy bàn tay lạnh ngắt của ông. Toàn thân Đum-sép run rẩy. Ông rét! Đum-sép vẫn không nhìn tôi. Tôi lên tiếng gọi. Cô-li-a và người y tá chạy đến. Họ mặc áo ấm cho Đum-sép và lấy vải mưa che cho ông. Đum-sép im lặng làm theo. Cô-li-a đỡ tay Đum-sép. Người y tá soi đèn. Đôi khi ánh đèn hắt vào Đum-sép: khuôn mặt ông xanh xao, mỗi mết, nhưng đôi mắt ông vẫn nghiêm nghị, chăm chú nhìn về phía xa. Mọi người đều im lặng đi ra đường, nơi con ngựa đang bị buộc vào gốc cây.

– Đến bệnh viện chứ? - Cô-li-a hỏi tôi.

Tôi cúi sát tai anh ta nói khẽ:

– Nên để ông ấy nằm nhà thì hơn.

Xe chạy. Trời tối đen. Mưa đã ngớt. Gió rào rào trong vòm lá của hàng cây hai bên đường. Tất cả đều ngồi im, không ai nói một lời. Chiếc xe lóc cóc lăn bánh trên con đường về thành phố.

CHỢ HOA

Buổi trưa. Ma-xơ-va ồn ào náo nhiệt. Xe cộ như mắc cửi: chúng vòng qua quảng trường gần ga xe điện ngầm rồi chạy ngược lên phía Ác-bát. Tiếng còi xe, tiếng chuông xe điện không lúc nào dứt. Ga xe điện ngầm rất đông người. Các sinh viên ra khỏi xe điện ngầm, vội vã chạy đến trường. Đi ngược lại phía họ là những người xuống xe điện ngầm để mấy phút sau có mặt ở các cửa hiệu, bắt đầu đứng máy ở ca hai hay ngồi vào bàn làm việc ở các cơ quan, công sở.

Hàng ngàn, hàng vạn bước chân hòa vào nhau thành một tiếng ồn đủ màu sắc kéo dài!

Về Ma-xơ-va đã được hai ngày, tôi bận túi bụi và dường như những chuyện xảy ra ở Chen-xơ đã lùi xa vào quá khứ... vả lại, những chuyện đó có thật không?

Chiếc xe ngựa trong sương mù... Cô-li-a và người y tá... Con đường tối om... Cái nhà chòi xiêu vẹo... Và Đum-sép ở đó, một mình dưới làn mưa, rồi lại tiếng xe lóc cóc chạy về thành phố. Ngay đêm hôm ấy, chúng tôi đã giao Đum-sép cho bà Pô-li-na trông nom. Sáng hôm sau, tôi được bà cho biết Đum-sép chỉ bị cảm nhẹ. Yêu cầu duy nhất của ông là không để cho ai vào phòng ông cả.

Tôi chia tay với bà Pô-li-na. Bà ghi địa chỉ tôi ở Ma-xơ-va.

Sau đó, tôi tạt qua nhà giáo sư Ta-ra-xê-vích. Ông đi hội nghị vẫn chưa về. Tôi để địa chỉ lại cho ông rồi ngay tối hôm ấy ra tàu về Ma-xơ-va...

Trước cửa ga xe điện ngầm, quang cảnh thật nhộn nhịp, vui vẻ, hàng trăm màu sắc rực rỡ được phô ra trong các bình cắm, các làn, giỏ đặt trên bàn...

Ôi, những bông hoa tháng Tám màu sắc tươi thắm làm vậy, mà chẳng bao lâu nữa mùa thu sẽ làm cho chúng tàn úa.

Chính vào giây phút ấy, giữa cái chợ hoa ấy, tôi đã chợt nhớ đến những màu sắc kỳ diệu ở xứ Cỏ Rậm. Lúc đó, tôi đã chờ cho cánh cổng ở bờ rào mở ra, cổng được ghép bằng cánh cửa bọ cánh cứng! Và trước mắt tôi không phải là một hàng rào bình thường nữa mà thật sự là một tấm phong vĩ đại trên sân khấu nhà hát. Có điều gì bí mật ẩn trong sức mạnh, trong ánh rực rỡ của các sắc màu ấy? Vì sao Đum-sép lại nói với tôi rằng đây là những màu sắc vĩnh cửu?

Biết đâu, đấy lại chẳng là một phát kiến của Đum-sép? Tôi đã hấp tấp nhận xét tập phác thảo của Đum-sép là “Bản đề cương của những lầm lẫn”. Tôi đã làm ông méch lòng. Tại sao tôi lại ngu ngốc đi ép ông viết bản phác thảo mà ông không quen làm ấy? Ngay mấy tiếng “phác thảo” ông cũng đã thấy lạ tai rồi! Tôi đã làm hại ông! Biết giúp ông bằng cách nào bây giờ?

Hay là?... Đúng rồi! Ông đã nói với tôi về màu sắc trên bức tường rào của ông như nói

về một phát kiến vĩ đại! Tôi có thể trình bày điều đó với một chuyên gia và nhờ kiểm tra xem sao.

Tôi phải gặp Can-ga-nốp, một nhà vật lý, một chuyên gia về ánh sáng và màu sắc. Tôi đã được đọc nhiều bài viết của ông trên báo chí về vấn đề này.

Ngày hôm nay, sau buổi diễn tập để quay phim tôi phải đến tìm Can-ga-nốp.

Trong trường quay, dưới ánh sáng gay gắt của các đèn chiếu, tôi ngắm nhìn bức phong trang trí về trong buổi diễn tập trong phòng xem tối om, sau bàn của đạo diễn, phía trên là ngọn đèn duy nhất có chao đèn màu thẫm, trong sự im lặng hơi căng thẳng thỉnh thoảng xen vào những lời đối thoại của các diễn viên trên sân khấu, nhìn ánh đèn đủ màu chiếu vào phong cảnh, tôi lại nhớ đến những lời của Đum-sép:

“Ôi, “cái phong” vẽ cảnh mùa xuân xanh ngắt trên vải hoặc bìa cứng ấy, nó làm sao biến đổi được theo dòng âm thanh của dàn nhạc? Không, các màu sắc ấy ngưng đọng, cứng đờ...”.

Buổi diễn tập kết thúc vào lúc bốn giờ. Tôi còn đủ thời giờ đi tìm Can-ga-nốp.

TRƯỚC HẾT PHẢI THÍ NGHIỆM ĐÃ

Trời còn sớm, tôi đã ngồi ở phòng nhà vật lý Can-ga-nốp. Ông yêu cầu tôi đợi ông làm nốt việc một chút với những người cùng cộng tác. Họ nói với nhau về một vấn đề gì đó phức tạp của vật lý mà tôi chẳng hiểu gì cả.

Khuôn mặt nhà vật lý hao hao giống chân dung tướng Nga Éc-mô-lốp, người anh hùng trong cuộc chiến tranh chống xâm lược của Na-pô-lê-ông.

Nhưng Can-ga-nốp không phải là quân nhân mà là một nhà khoa học, không sống ở thế kỷ mười chín mà ở thời đại chúng ta.

Ông không phải là nhà quân sự, nhưng tác phong dứt khoát và đường bệ, nét mặt cương nghị, tiếng nói âm vang...

Tôi nhìn ông và nghĩ bụng: “Một con người thế này sẽ giải quyết tốt mọi vấn đề khoa học, mọi ý đồ, đề án khoa học, sẽ sắp xếp đâu vào đấy mọi việc trong phạm vi phụ trách của mình”.

Khi Can-ga-nốp quay sang kéo ghế mời tôi ngồi, tôi đã nói với ông:

– Đồng chí Can-ga-nốp, tôi sẽ trình bày với đồng chí một chuyện, còn tin hay coi đó là chuyện hoang đường thì tùy đồng chí...

Thoạt tiên, Can-ga-nốp đã nghe tôi kể, với một vẻ nghiêm nghị.

Nhưng khi đến câu chuyện về chuyến bay đầu tiên của Đum-sép trong ngày hội chợ thì ánh mắt ông rực lên và ông ngoảnh mặt đi, nhìn ra cửa sổ.

Sau đó, ông quay lại nhìn tôi, chậm rãi nói:

– Đã có biết bao nhân tài bị vùi dập như vậy! Thật là một thời kỳ đáng nguyên rủa. Xi-ôn-cốp-xki thì bị dồn lên một căn gác hẹp, còn Mi-chu-rin^[45] được thí cho một mảnh ruộng nhỏ...

Can-ga-nốp ngừng lời.

Khi tôi kể cho ông nghe về cuộc gặp gỡ giữa tôi và Đum-sép ở xứ Cỏ Rậm, và Đum-sép cứ khẳng khẳng đòi con người phải học tập ở loài côn trùng, thì Can-ga-nốp xúc động đứng lên khỏi ghế.

– Thế đấy! - Thế đấy! - ông nhắc đi nhắc lại.

– Đồng chí ngạc nhiên à? - tôi hỏi.

– Không, có gì mà ngạc nhiên? Từ xưa, loài người đã chú ý đến cái phòng thí nghiệm vĩ đại của thiên nhiên, họ nghiên cứu nó không phải chỉ vì tò mò. Con người đã biết rút ra từ đó những điều bổ ích để phục vụ cho mình. Con người sau này cũng vẫn kiên trì nghiên cứu thiên nhiên, phát hiện ra những quy luật mới của nó để điều khiển nó. Trong khi chinh phục thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, khoa học không bắt chước những mẫu sẵn có của thiên nhiên một cách mù quáng, máy móc. Lợi dụng những gợi ý của thiên nhiên đâu phải là điều gì sai lầm! Mà trái lại...

“Cần phải hỏi ngay vào chuyện chính”. - Nghĩ vậy, tôi bên kể cho Can-ga-nốp nghe về bức tường rào quanh ngôi nhà Đum-sép ghép bằng những cánh bướm bình thường. Bức tường rào ấy óng ánh và rực lên những màu sắc kỳ lạ, tuyệt đẹp. Nhưng Đum-sép lại nói rằng những cánh bướm để làm bức tường ấy gồm những vảy nhỏ trong suốt, không màu sắc và không chứa sắc tố ở dạng hạt nhỏ

– Xin đồng chí cho biết nên hiểu câu nói của Đum-sép như thế nào? - tôi hỏi. - Nếu những cánh bướm ấy trong suốt, không màu, thì do đâu mà có những màu sắc óng ánh tôi đã nhìn thấy? Phải chăng đó là chuyện bịa đặt, vô lý?

– Không, đấy không phải là chuyện bịa đặt mà là một nhận xét đúng đắn, - Can-ga-nốp bình thản nói.

– Nhận xét đúng đắn?! Vậy Đum-sép không lầm? Phải chăng cái không màu mà lại có thể có màu?

– Để anh có thể hiểu được tại sao những cánh bướm trong suốt, không màu lại ánh lên những màu sắc rực rỡ tôi xin bắt đầu từ điều cơ bản nhất: ánh sáng và màu sắc là gì?

Bất kỳ vật thể nào cũng tỏa vào không gian năng lượng ở dạng sóng điện từ, độ dài của bước sóng thay đổi tùy theo nhiệt độ vật thể.

Căn cứ vào tần số dao động mà người ta phân biệt ra các loại sóng điện, sóng hồng ngoại, sóng ánh sáng, sóng tử ngoại, sóng Rơn-ghen^[46] v. v... Mắt chúng ta chỉ thu được sóng ánh sáng Niu-tơn^[47] đã chứng minh: ánh sáng trắng mà ta thấy là một tổng hợp những tia sáng có màu. Niu-tơn đặt một lăng kính lên bàn. Tia mặt trời chiếu vào lăng kính và tỏa ra bảy màu của cầu vồng: đỏ, da cam, vàng, xanh, lục, xanh lam, chàm và tím. Giữa các màu ấy, không có ranh giới rõ rệt mà có những màu chuyển tiếp thí dụ giữa màu vàng mà màu xanh lục còn có màu xanh lá cây, giữa màu xanh lục và xanh lam còn có màu xanh nước biển.

Ứng với số lượng dao động khác nhau của sóng ánh sáng, là những màu sắc khác nhau.

Như chúng ta biết, các vật thể thường không có màu sắc riêng. Chúng có khả năng phản xạ, khúc xạ hay hấp thụ tia sáng.

Vật màu đen là gì? Đây là vật hấp thụ toàn bộ các tia sáng rơi vào nó; về bề mặt, vật ấy không phản xạ một tia sáng nào.

Còn vật màu xanh lơ? Đó là vật hấp thụ tất cả các màu của quang phổ, trừ tia sáng màu chàm được phản xạ lại. Vì vậy, ta nhìn thấy vật thể có màu xanh lơ.

Vật lý học giải thích bản chất ánh sáng và màu sắc như vậy đấy.

Những vảy li ti hết sức mỏng và trong suốt không nhìn thấy được phủ trên cánh bướm chính là cả một “bộ” lăng kính hiển vi màng mỏng. Độ dày của màng mỏng, hay các vảy trong suốt ấy không giống nhau và ứng với các bước sóng ánh sáng khác nhau.

Do đó, ta thấy chúng có những màu sắc rực rỡ. Màu sắc ấy còn lệ thuộc vào góc nhìn của chúng ta nữa.

Một thí dụ cho ta thấy rõ màu sắc biến đổi tùy theo độ dày của màng mỏng là cái bong bóng xà phòng. Các em nhỏ vui thích biết mấy trước sự biến đổi màu sắc ấy! Ta cứ tưởng đây là một sự biến đổi tình cờ, ngẫu nhiên, nhưng không phải. Sự biến đổi ấy có quy luật chặt chẽ của nó. Khi mới thổi, màng bong bóng còn dày và không có màu sắc. Nhưng khi nó được thổi căng lên, màng nó mỏng đi, thì bảy sắc cầu vồng bắt đầu xuất hiện và đùa giỡn trên bề mặt nó. Thế mà nó có được ai tô màu đâu, nó có chứa sắc tố nào đâu?

Nhưng không phải là loài bướm nào cũng có những đôi cánh như vậy. Có những cánh bướm mang sắc tố và màu sắc nó phai nhạt theo thời gian. Lại có những cánh bướm vừa mang sắc tố, vừa mang vảy mỏng trong suốt.

Đum-sép đã chọn những cánh bướm trong đó tia sáng và chỉ có tia sáng tạo nên màu sắc long lanh và ông ấy đã lưu ý anh đến loài bướm mà cánh không mang sắc tố.

Thế là trong lòng tôi nảy ra một cảm giác tự mình giận mình là đã không biết thực chất của vấn đề mà đã đối xử không chín chắn với con người, cảm giác đó lẫn lộn với một niềm xúc động một niềm vui.

- Kỳ lạ thật! - tôi kêu lên, - Như vậy là Đum-sép đã nghĩ đúng sao? Nghĩa là những màu sắc ấy không bao giờ phai nhạt!

- Đúng, đúng! Can-ga-nốp đỡ lời. - Các nhận xét và kết luận của ông ta đều đúng. Những sắc màu óng ánh trên bề mặt ấy là vĩnh cửu, nó không bao giờ cạn. Tia sáng bao giờ cũng chiếu xuống mặt đất, và khi xuyên qua cánh bướm thì tạo nên một loạt sắc màu.

Xúc động quá, tôi đứng bật dậy:

- Ngay hôm nay, tôi phải viết thư báo để Đum-sép mừng! Vấn đề này quyết định cả một đời người!

Can-ga-nốp bình tĩnh nói tiếp:

- Nhưng anh nhớ cho rằng ánh sáng không bao giờ tắt, còn con bướm thì chỉ sống vài ngày hay vài tuần và cánh nó thật là mỏng mảnh.

- À, ra thế đấy! Như vậy còn nói gì đến chuyện vĩnh cửu! - tôi thở dài, ngồi xuống ghế.

- Nhưng dù sao đây cũng là một gợi ý hay, một nhận xét tinh tế. Màu sắc... Màu sắc do ánh sáng đi qua các vảy mỏng trong suốt tạo nên. Loài người chưa bao giờ ứng dụng điều đó. Tôi sẽ lưu ý đến nhận xét này của Đum-sép. Những cánh bướm mỏng mảnh và dễ gãy!... Viện chúng tôi sẽ tìm được một thứ màng mỏng bền chắc hơn nhiều. Như tôi đã nói: máy móc bắt chước thiên nhiên là chuyện buồn cười... Ở đây, Đum-sép còn đơn giản. Nhưng nhận xét của ông ấy thật sáng tạo. Ồi, anh có biết một nhận xét sắc sảo, kịp thời có giá trị đến thế nào không? “Quan sát, quan sát và quan sát”. Đó câu châm ngôn yêu thích của Páp-lốp^[48]. Được, để tôi sẽ thử nghiệm, kiểm tra lại! Tôi sẽ nói với anh sau. Trước hết phải làm thí nghiệm đã! Anh nhớ gọi đây nói cho tôi nhé.

Đồng hồ trên tháp điện Krem-li đã điểm 12 giờ đêm, nhưng ở gần ga xe điện ngầm vẫn còn một người đứng bán một giỏ hoa lớn.

Chỉ một lát sau, Ma-xơ-va sẽ yên lặng tới sáng, sẽ lắng xuống không lâu trong đêm hè mát mẻ này. Sự im lặng đã lọt vào thành phố từ sớm, nhưng hàng ngàn tiếng reo, tiếng gọi, tiếng cười, tiếng hát đã làm nó hoảng sợ, tiếng ồn ào các đường phố và quảng trường đã bắt nó dừng lại. Nhưng dù sao nó cũng đã đến, đã có mặt.

Đêm.

Phía trên lối vào ga xe điện ngầm, chữ “M” ngày càng cháy sáng. Ở phía dưới là những chuyến xe cuối cùng trong ngày...

Từ trong ga có một thanh niên chạy ra, nhìn quanh rồi bước tới chỗ giỏ hoa. Anh ta đeo kính, kẹp một cuốn sách ở nách. Anh ta mua một bó hoa, rồi hết nhìn đồng hồ ở góc phố lại nhìn cửa ga xe điện ngầm sắp sửa đóng lại. Anh ta đợi ai vậy!...

Xung quanh im lặng.

Tôi đi chậm chậm và nghĩ đến chuyện ngày mai lại đến gặp nhà vật lý Can-ga-nốp. Ông ta sẽ trả lời tôi thế nào?...

Những bóng đèn hình cầu màu trắng đục tỏa ánh sáng dịu dịu xuống khoảng đường rộng.

Trong giây phút đó, trước mắt tôi hiện ra xứ Cỏ Rậm hoang dại, dễ sợ và... Đum-sép. Ông sống giữa những cái máy sống, những cái máy có nhiều mắt mà mù quáng, những cái máy quái dị và đầy nọc độc! Mỗi một bước đi đều có thể nguy hiểm đến tính mạng. Nhưng Đum-sép là con người, và trí tuệ kiêu hãnh của ông đã thắng.

Khuya rồi. Phải về nhà thôi. Đường Vôn-khôn-ca đây rồi...

Tôi mở hộp thư báo trên cánh cửa căn hộ của tôi. Sau đó, có mấy tiếng chuông điện thoại. Nhưng ai đang cào cào cánh cửa kính mở? Đúng là chú mèo hàng xóm, cửa nhà chú đã đóng kín, nên chú rụt rè sang với tôi.

Chú mèo vào phòng tôi rồi bình thản nằm lên bàn gần chiếc cốc có cắm mấy bông hoa tím.

Mấy bông hoa tím ban ngày màu tím thắm, nhưng bây giờ dưới ánh đèn lại nhạt đi, có bông bạc trắng ra. Tôi cứ ngắm mấy bông hoa bị bạc trắng mà lòng nặng trĩu một nỗi buồn day dứt: “Ngày mai Can-ga-nốp sẽ có ý kiến gì về sự vĩnh cửu của các màu sắc? Tôi sẽ báo tin cho Đum-sép thế nào?”.

Từ sông Ma-xơ-va, hơi gió mát phả vào cửa sổ phòng tôi. Ngoài trời tối như mực vì bị mây đen phủ kín. Những giọt mưa nhỏ khẽ rơi xuống bệ cửa. Thu sắp đến.

KHÔNG PHẢI LẮM LẤN MÀ LÀ PHÁT KIẾN

Đêm đã khuya lắm tôi mới từ nhà Can-ga-nốp về. Những ngõ hẻm xưa cũ của Ma-xơ-va thật tĩnh mịch và vắng vẻ. Những ngọn đèn nhỏ treo trước cổng chiếu sáng các số nhà và tên ngõ.

Mọi người đi ngủ đã lâu. Chẳng cửa sổ nào còn ánh đèn.

– Vào giờ này và ở những ngõ hẻm này, tôi thường thấy bản khoản trong lòng: những ô cửa tối đen và xa lạ kia nhìn tôi một cách ác cảm vì tiếng chân tôi bước đã phá tan sự yên tĩnh ban đêm, một sự yên tĩnh ngăn ngủi.

Nhưng giờ đây tôi lại cảm thấy những ô cửa đó hân hoan đón chào tôi. Tôi có một tin vui mang về cho Đum-sép.

Khi tôi đến, Can-ga-nốp đang nói chuyện bằng điện thoại với một người nào đấy. Thấy tôi, ông dừng lại một phút để chào và mỉm cười nói:

– Chuyện chúng tôi đang nói liên quan đến anh đấy!

Sau đó, Can-ga-nốp lại tiếp tục nói với người ở đầu dây đằng kia:

– Sao? Không, không! Đây không phải là ánh sáng ban ngày cũng không phải đèn có ánh sáng ban ngày vẫn dùng để chiếu sáng các đường xe điện ngầm. Đây là những màu sắc!... Sao? Anh nghe rõ chứ? Nhìn thấy cả màu sắc của tường và quần áo trong bóng tối à? Nhưng hoàn toàn không phải là chuyện ấy. Tường, bàn ghế, quần áo... nếu hòa muối ca-di-mi hay muối kẽm vào màu sắc của chúng và chiếu tia tử ngoại vào thì chúng sẽ sáng lên. Đây là hiện tượng phát quang. Nhưng tôi muốn nói một chuyện khác hẳn... Sao? Không hiểu tôi định nói gì à?... À, thế anh đã có bao giờ đuổi bắt bướm và thổi bong bóng xà phòng chưa? Anh hãy nhớ lại màu sắc biến đổi long lanh trên cái bong bóng ấy. Nhưng bong bóng xà phòng thì chỉ phút chốc là vỡ tan, còn cánh bướm thì cũng rất dễ gãy vụn... Nhưng anh hãy hình dung một loại màng bong bóng xà phòng cực bền hoặc những vảy cực bền trên cánh bướm. Một hợp chất trong suốt và cực bền như vậy tôi sẽ cố tạo ra bằng thứ chất dẻo đặc biệt... Sao? Anh nghĩ là tôi sẽ không làm được à? Tất cả sẽ tan vỡ như bong bóng xà phòng à? - Can-ga-nốp cười to, vui vẻ. - Anh đừng quên rằng tôi là nhà vật lý. Tôi chỉ tin vào thực nghiệm. Tôi sẽ tìm, sẽ thử, sẽ kiểm tra. Tôi sẽ cho anh thấy... Sao? Anh hỏi tôi làm thế để làm gì à? Đây sẽ là một vật liệu xây dựng mới, độc đáo để ốp các tường nhà... Sao?... Là ước mơ? Được, tôi sẽ cố biến ước mơ ấy thành sự thật!

Can-ga-nốp chào rồi đặt ông nói xuống, quay lại phía tôi:

– Trong phòng thí nghiệm của chúng tôi có những thiết bị cực kỳ quý giá. Tôi đang tiến hành tìm tòi và chắc rằng sẽ tạo được một chất liệu mà độ dày của nó chỉ bằng vài phần mười micron. Chúng ta nhất định có được một thứ màng mỏng bền chắc và trong suốt. Nó được dùng làm chuẩn để sản xuất rất nhiều màng mỏng có độ dày không giống nhau. Nhà vật lý sẽ phối hợp với họa sĩ và nhà kiến trúc. Khi ấy, những ngôi nhà chúng ta sẽ có đủ màu sắc của cầu vồng...

Tôi nghĩ: “Như vậy là những quan sát của Đum-sép đang được kiểm nghiệm và đã tỏ ra là đúng đắn! Thế là tôi đã mắc sai lầm lớn khi gọi bản đề cương của ông là “Bản đề cương của những lầm lẫn”.

Có tiếng gõ cửa. Người trợ lý của Can-ga-nốp bước vào. Anh ta cao lớn, hơi xanh và rất khoan thai. Anh ta đưa cặp mắt xám nhìn tôi một cách bình thản, nghiêng mình chào tôi rồi ngồi xuống chiếc đi-văng bọc da bên cạnh Can-ga-nốp.

Trong khi hai người trò chuyện trao đổi về những thí nghiệm chế tạo vật liệu ốp mới, thì tôi ngồi nghĩ đến Đum-sép. Ngày mai, tôi sẽ lên máy bay đi Chen-xơ và ở lại đó một ngày. Tôi sẽ đem tin vui đến cho Đum-sép.

Người trợ lý đã đi.

Can-ga-nốp nói với tôi:

– Tôi đã viết thư cho Đum-sép, chúc mừng và cảm ơn ông ấy.

– Đồng chí đưa tôi chuyển hộ cho. Ngày mai tôi đi Chen-xơ.

– Thế thì hay quá! Chúc anh lên đường bình yên! - Can-ga-nốp cười to. - Còn cái chuyện xứ Cỏ Rậm chắc anh nói cho vui thế thôi chứ? Ông Đum-sép chỉ là một nhà côn trùng học nghiệp dư, một người quan sát thiên nhiên...

Tôi chẳng nói gì rồi xin từ biệt Can-ga-nốp ra khỏi phòng làm việc:

– Tôi sẽ tiễn anh.

Chúng tôi đi theo những hành lang vắng lặng và sáng sủa của Viện nghiên cứu. Cánh cửa ra vào bằng kính nhẹ nhàng mở ra Can-ga-nốp bước xuống mấy bậc thang rồi dừng lại. Những cây cối trong vườn hoa nhỏ thỉnh thoảng để rơi xuống mấy giọt mưa. Trên đường phố Ma-xơ-va rộng lớn không còn một bóng người.

Khi tôi đưa tay tạm biệt ông thì Can-ga-nốp nắm chặt bàn tay tôi trong lòng bàn tay to lớn và ấm áp của ông.

– Đồng chí nghĩ gì vậy? - tôi hỏi khẽ.

Can-ga-nốp như sực tỉnh.

– Tôi mơ ước... - Và vẫn giữ bàn tay tôi, ông nói tiếp: - Tôi mơ ước một Ma-xơ-va tương lai rực rỡ trong bản giao hưởng của các màu sắc. Một ngày kia, nhà của Ma-xơ-va sẽ được ốp bằng một vật liệu đẹp từ trước đến nay chưa từng thấy! Anh có biết không, người ta đã cho nhà soạn nhạc Nga Xơ-ri-a-bin là lẫn thẩn khi ông nói: “Mỗi âm thanh ứng với một màu sắc. Các âm thanh ánh lên màu sắc...” Xơ-ri-a-bin muốn các bản giao hưởng của mình được trình bày kèm theo giao hưởng của màu sắc. Có thể lắm chứ! Bản giao hưởng của ánh sáng hoàn toàn có thể thực hiện được chẳng khác gì bản giao hưởng âm thanh. Chỉ có điều người sáng tác bản giao hưởng ấy lại là nhà vật lý. Đây sẽ là bản giao hưởng của ánh mặt trời! Bản giao hưởng của thành phố Mặt trời! Và mỗi đường phố thủ đô Ma-xơ-va sẽ là một tổng thể màu sắc độc đáo... Khi tia sáng đầu tiên vừa rơi xuống thì lập tức bùng lên. “vang lên” những sắc màu của Ma-xơ-va. Chúng lấp lánh rồi yếu đi, tan ra như âm thanh, như âm nhạc, rồi chúng lại cháy lên rực rỡ. Ma-xơ-va là thành phố Mặt trời! Những màu sắc này là vĩnh viễn, muôn đời không phai nhạt! Vì trái đất này mãi mãi được chiếu sáng. Và cũng dưới những tia nắng mặt trời ấy, các thành phố trên toàn thế giới cũng có những bản giao hưởng ánh sáng đáp lại bản giao hưởng Ma-xơ-va. Loại nhạc ánh sáng đó do tia nắng mặt trời tạo nên và được các nhà vật lý chúng ta điều khiển, sẽ còn vang lên mãi mãi khi trong vũ trụ còn có mặt trời!...

BUỔI BÁO CÁO KHÔNG THÀNH

Đum-sép ốm. Đầu giường ông đặt ngọn đèn nhỏ có chao màu xanh.

Từ sân bay, tôi vội vã đi thẳng đến nhà bà Pô-li-na. Tôi sung sướng, phấn khởi bước vào ngôi nhà có tháp nhọn quen thuộc. Nhưng đến đây tôi mới biết những gì đã xảy ra.

Đáng lẽ hôm nay ở xóm cán bộ khoa học có tổ chức một buổi báo cáo của Đum-sép do chính ông đề nghị và ấn định ngày. Bản báo cáo mang tiêu đề: “Thông báo sơ bộ về một vài khả năng mới trong việc phát triển kỹ thuật”.

Đum-sép đã say sưa chuẩn bị cho bản báo cáo, nét mặt hốc hác, đôi mắt trũng sâu vì thiếu ngủ. Ông lật hết cuốn sách này sang cuốn sách khác, dường như muốn đi vào tất cả các bộ môn khoa học khác nhau.

– Ông Đum-sép, liệu có phải hoãn buổi báo cáo lại không? - bà Pô-li-na hỏi.

– Không, buổi báo cáo đã được ấn định. Không có gì thay đổi cả! - Đum-sép trả lời.

Ngày báo cáo đã đến. Ngay từ tối hôm trước, bà Pô-li-na và bác hàng xóm đã chuẩn bị tươm tất quần áo cho ông.

Hôm ấy yên cả, đẹp trời. Đum-sép từ phòng thí nghiệm ở tầng tháp bước xuống. Bà Pô-li-na đi theo ông.

Ngay trước khi đi, Đum-sép nhìn thấy một mẫu sáp trên mặt bàn chữa răng của bà Pô-li-na. Một mẫu sáp hết sức bình thường.

– Sáp ong! - Đum-sép reo lên! - Một vật liệu tuyệt diệu! Con ong đã tạo ra vật liệu ấy trong cơ thể nó. Tôi sẽ bắt đầu bản báo cáo từ chuyện mẫu sáp ong này. Loài người thần phục những bức chân dung ở Ai Cập được sáng tạo cách đây hơn hai nghìn năm. Sở dĩ chúng còn tồn tại được đến ngày nay là do họa sẽ biết đến tính chất lâu bền của sáp ong. Từ lâu, người ta đã biết dùng sáp ong làm nến và dầu bôi. Còn ở nơi mà tôi đã sống, tôi đã thấy những công dụng mới và bất ngờ của nó. Tôi sẽ báo cáo về điều đó và mời các nhà bác học suy nghĩ. Đây là bài học đầu tiên ở xứ Cỏ Rậm, nơi tôi đã sống trong một thời gian dài.

Bà Pô-li-na đã suýt bật lên tiếng hỏi: “Xứ Cỏ Rậm là cái gì vậy?” Nhưng bà đã kịp nén lại. Bà không muốn làm phiền Đum-sép vì những câu hỏi của mình trong một ngày có nhiều xúc động đối với Đum-sép như hôm nay. Bà đi sang phòng bên lấy đôi tất tay, rồi vừa xỏ tay vào tất vừa quay lại. Vừa bước vào cửa, bà đã giật mình thấy sắc mặt Đum-sép tái nhợt. Ông đứng cạnh chiếc bàn tròn, tay cầm tờ tạp chí, miệng đọc thành tiếng:

“...Từ lâu, sáp ong đã được dùng trong nghề thủ công, cũng như trong y học để bịt các mạch máu khi mổ xé. Công nghiệp luyện thép và công nghiệp hóa học cũng sử dụng rộng rãi sáp ong. Sáp ong giúp nâng cao chất lượng thủy tinh quang học...”.

– Thép... Thủy tinh quang học... Con người đã tìm ra được hàng chục khả năng sử dụng sáp ong. Còn tôi... Tôi đã muộn. Liệu tôi có thể trở thành trò cười với những phát kiến của mình không?

Đum-sép lặng lẽ bước khỏi nhà. Bà Pô-li-na cùng đi với ông.

Dưới hiên, chiếc xe con từ xóm các nhà bác học đến đón, đã đợi sẵn. Anh lái xe trẻ mở cửa xe và lễ phép nói rằng: anh được cử đến đón giáo sư. Nhưng Đum-sép cảm ơn anh lái xe, rồi đưa tay dắt bà Pô-li-na cùng đi bộ. Hôm nay, ông ăn mặc rất sang trọng. Chiếc sơ-mi trắng tinh, cổ áo hồ bột thẳng cứng Tay cầm chiếc can nhỏ.

Họ đi trước và chiếc xe cứ từ từ lặng lẽ theo sau.

Nhưng Đum-sép có vẻ không yên tâm. Ra đến con đường dẫn tới xóm các nhà khoa học thì Đum-sép bắt đầu nói một mình:

– Chuyện sử dụng sáp ong của ta như vậy là lạc hậu rồi. Thôi được, ta sẽ nói chuyện khác. Các bạn biết không? Ở xứ Cỏ Rậm, bàn tay tôi có độ nhạy cảm chưa từng thấy, vì khi ấy tôi khác hẳn bây giờ. Một hôm, tôi đã thử sờ vào con đom đóm và ngạc nhiên thấy nó không nóng. Sáng mà không nóng. Đây là một nguồn sáng mới! Ta còn cần những nhà máy điện làm gì nữa? Vì đã có loại ánh sáng mới rồi! Sao? Điều đó cũng lạc hậu rồi? Không hề gì! Những bài học ở xứ Cỏ Rậm nhiều vô kể. Tôi sẽ nói sang chuyện khác vậy. Tôi là thầy thuốc, và ở đây tôi đã tiến hành thí nghiệm. Các bạn chưa khai thác được bao nhiêu ở loài côn trùng. Còn tôi, tôi sẽ kể các bạn nghe, tôi đã bắt cư dân xứ Cỏ Rậm chữa lành những vết thương của tôi như thế nào... Hay là chữa nhọt như thế nào... Các bạn cười ư? Điều đó cũng đã muộn ư?

Đum-sép đứng lại:

– Bà Pô-li-na! Cái gì đã lạc hậu, cái gì chưa? Làm sao tôi có thể nhận ra, đoán ra được?

Hình như câu hỏi ấy đã ngày đêm ám ảnh Đum-sép, dần vật ông, làm ông đau khổ. Nỗi đau ấy bây giờ đây lộ rõ qua giọng nói của ông.

Nhưng rồi ông lại im lặng, suy nghĩ, sau đó nói một cách quả quyết:

– Dù sao thì tôi cũng sẽ biết được cái gì đã muộn, cái gì chưa muộn và sẽ bắt đầu mọi việc từ đầu.

– Ông Đum-sép! Hay là chúng ta quay về? - bà Pô-li-na nói gần như cầu khẩn.

– Không! Buổi báo cáo sẽ bắt đầu đúng vào sáu giờ tối như đã định.

Hai người lại đi tiếp.

Bầu trời cao và xanh thẫm. Gió đưa hơi ẩm từ biển vào. Xung quanh, quang cảnh thật đẹp đẽ, bình yên, lặng lẽ. Nhưng Đum-sép có vẻ đã mệt.

Bà Pô-li-na đề nghị:

– Hay chúng ta lên xe đi vậy nhé?

Đum-sép từ chối. Ông nói ông không mệt. Họ lại đi tiếp. Đến chỗ ngã ba, có đường rẽ vào kho thực phẩm huyện thì Đum-sép dừng lại nói:

– Bà Pô-li-na này, tôi hơi mệt thật. Ta ngồi nghỉ một chút. Đây cũng gần cái nhà chòi.

– Nhà chòi nào?

– Ngay cạnh đây, ở bên trái, sau cánh rừng nhỏ kia.

– Ôi, thế thì xa đấy!

– Không, rất gần thôi! Ngay gần cái nhà chòi ấy là xứ Cỏ Rậm. Mấy chục năm qua tôi đã sống ở đấy!

– Đum-sép! Chúng ta về nhà thôi! - bà Pô-li-na van nài.

Đum-sép lắc đầu:

– Buổi báo cáo vẫn tiến hành!

Bà Pô-li-na ngồi xuống một khúc gỗ bên đường. Đum-sép bơ phờ ngồi xuống bên cạnh. Ông cứ đắm đắm nhìn về phía cánh rừng thưa, nơi có nhà chòi. Im lặng một lát, ông bỗng đứng phắt lên

– Đi thôi!

Nhưng Đum-sép không còn đủ sức đứng vững nữa. Ông khụy xuống khúc cây.

BẢN GIAO HƯỞNG CỦA CÁC MÀU SẮC

Tôi ngồi trong căn phòng sáng sủa của bệnh viện, nơi Đum-sep nằm. Bác sĩ trực nhật cũng có mặt ở đây.

Đum-sép đang mê sảng và chỉ có tôi mới hiểu được những câu nói đứt đoạn của ông.

Khi thì ông tự hỏi:

“Cái đầu con đế đã liền với cổ con châu chấu chưa?” Khi thì ông mời khách đến thăm ngôi nhà có trang trí hoa văn, nhưng lại lúng túng vì khách chỉ nhìn thấy một hốc cây. Sau đó, ông lại than vãn rằng người mình ngày càng nhỏ xíu đi, còn con đường đang đi thì cứ dài ra hun hút, rồi ông lại cứu con nhện, kéo nó ra khỏi bẫy của con kiến sư tử: “Nó chết mất... Ôi, nó chết mất thôi!... Con “lạc đà” của tôi! Cứu! Cứu nó với!”.

Khi màn đêm đã tan và ánh mặt trời bắt đầu rạng, thì Đum-sép thiếp đi, im lặng.

Bác sĩ chính, một phụ nữ có đôi tay lạnh lện, khéo léo (chắc là nhà phẫu thuật) chăm chú nghe những câu hỏi đầy lo lắng của tôi rồi nói:

– Chúng tôi sẽ điều trị cho bệnh nhân bằng giấc ngủ dài.

Tôi muốn nói rất nhiều điều về Đum-sép cho bác sĩ nghe, và nhất là về nguyên nhân

vì đâu tôi gắn bó thân thiết với ông như vậy. Nhưng nói về xứ Cỏ Rậm? Ai có thể tin được lời tôi?

– Anh có điều gì muốn hỏi? - bác sĩ nhìn tôi.

– Không, có gì đâu!

Tôi không rời Chen-xơ như dự định từ trước nữa, mà đến ở gần bệnh viện cho tiện đi lại, thăm nom Đum-sép. Tôi gửi mấy bức điện về Ma-xơ-va. Một bức báo cho nhà hát biết tôi phải ở lại Chen-xơ ít ngày nữa. Một bức tin cho Can-ga-nốp biết về tình hình sức khỏe Đum-sép.

Ngày nào tôi cũng vào bệnh viện hỏi:

– Bệnh nhân đã tỉnh chưa?

– Chưa. Tình trạng bệnh nhân chưa có gì rõ ràng cả.

Tôi nóng lòng chờ đợi ngày Đum-sép khỏe. Đầu óc mệt mỏi, căng thẳng. Tôi sống mà không tin vào tất cả những gì tôi được chứng kiến.

Một buổi tối, sau khi thăm bệnh nhân, từ bệnh viện bước ra, tôi thấy có một người nào đấy đứng dưới cửa sổ phòng Đum-sép. Trời nhá nhem tối, nên tôi không nhìn rõ mặt người ấy, nhưng tôi vẫn thấy rõ người kia đi dọc theo bệnh viện rồi quay lại dưới cửa sổ của Đum-sép. Cứ như vậy mấy lần liền. Tôi ra về mà lòng vẫn phân vân.

Đum-sép vẫn chưa tỉnh. Và một lần nữa, tôi lại thấy người lạ mặt kia đợi dưới cửa sổ. Bệnh viện cho tôi biết đây là một ông già ở đâu tôi không biết. Ông ta năn nỉ để được vào trực đêm tại phòng Đum-sép.

Nhưng bác sĩ đã giải thích rằng bệnh viện có đủ nhân viên chuyên môn để làm việc đó và bệnh nhân được săn sóc theo đúng chế độ cần thiết, không cần có sự giúp đỡ bên ngoài.

Nghe nói vậy, tôi liền đến gặp ông già siết chặt tay ông. Thì ra ông già ấy chính là người nghệ sĩ, tác giả những trang ghi chép mà tôi đã được đọc.

Ba hôm sau, Đum-sép tỉnh dậy. Ông nhận ra những người đang ngồi bên giường: bà Pô-li-na, bác hàng xóm Áp-đô-chi-a, người nghệ sĩ già và tôi.

Chúng tôi im lặng, không biết nên nói gì với ông. Nhưng Đum-sép bỗng dăm dăm nhìn vào khuôn mặt bà Pô-li-na.

– Ông muốn nói với tôi điều gì phải không, ông Đum-sép?

– Tôi nhớ lại... Ngày ấy, bà đã cúi xuống nhìn tôi như bây giờ. Biển rạt rào, bộ đồ bay tan nát và tôi nằm trên cát. Ngẩng đầu dậy, tôi đã trông thấy bà...

– Hồi tôi còn trẻ...

– Giờ đây tôi thấy Pô-li-na vẫn như xưa.

Những giọt nước mắt từ từ lăn trên má bà Pô-li-na. Đum-sép nhìn bà trìu mến...

Vào cuối mùa thu, giữa những ngày mưa rơi lầy lội, đôi khi lại bùng lên ánh nắng mặt trời đẹp để không ngờ. Và những đám cỏ chột ánh lên màu xanh tươi sáng như giữa mùa xuân! Hơi ẩm tỏa ra trong không trung. Rất muốn cảm ơn mùa thu đã cho ta hơn ấm mùa xuân ấy.

Nhìn Đum-sép và Pô-li-na, tôi nhớ lại lời một bài ca đã quen từ lâu:

Đôi khi, giữa những ngày thu lạnh.

Lại thấy bùng lên ánh thái dương...

...Có tiếng máy bay lọt vào phòng. Đum-sép hỏi điều gì đó, tôi không nghe rõ.

Bà Pô-li-na giải thích:

– Máy bay từ Ma-xơ-va đến đấy!

- Từ Ma-xơ-va? Xa như vậy... - Đum-sép hỏi lại.
- Đối với máy bay thì có nghĩa lý gì? Từ đây đến Ma-xơ-va chỉ có...
- ... Hơn một ngàn véc-xta! Còn tôi... tôi lại muốn học những con ruồi và những con chuồn chuồn!...

Ông vừa nói vừa mỉm cười chua xót và tự mĩa mai mình để che giấu một nỗi bất hạnh lớn.

Chúng tôi kéo nhau ra vườn. Tôi ngồi xuống chiếc ghế dài. Những bóng áo trắng thấp thoáng giữa những hàng cây.

Một lát sau, trở lại phòng Đum-sép, tôi nghe có tiếng người nói lao xao ngoài hiên và nhận ra một giọng nói quen quen.

Cửa bật mở. Nhà vật lý Can-ga-nốp bước vào. Theo sau là người trợ lý trẻ, tay xách chiếc va-li nhỏ.

- Chào bác Đum-sép - Can-ga-nốp gật đầu chào chúng tôi.
- Can-ga-nốp nhắc ghế ngồi sát bên giường Đum-sép.
- Ông là ai vậy? - Đum-sép bỡ ngỡ hỏi.
- Tôi là Can-ga-nốp, nhà vật lý.
- Tôi không nhớ... Can-ga-nốp?
- Thế mà tôi lại đem quà từ Ma-xơ-va đến tặng bác đấy!
- Quà nào? Sao?
- Ha, ha, thế mới hay chứ! Bác không biết được là quà gì đâu!
- Thế thì ông cũng không ra khỏi đây được! - Đum-sép cũng đã cười lên vui vẻ.

Can-ga-nốp mở nắp chiếc va-li.

Ông bày la liệt lên chiếc bàn nhỏ, lên mặt ghế và lên cả thành giường những gói gì đó rất nhẹ, bọc giấy đen.

- Cái gì vậy?! - Đum-sép ngạc nhiên.
- Vật liệu ốp! Những tòa nhà tương lai sẽ được ốp bằng thứ vật liệu mới này!
- Tôi không hiểu ông nói gì!
- Bác Đum-sép, bác có biết cái gì nằm trong những gói này không? Đây là những màng mỏng có độ dày hết như độ dày của các vảy trên cánh bướm vậy.

- Ông nói lạ! Những vảy trên cánh bướm mỏng đến nỗi ta không thể nhìn thấy bằng mắt thường và không thể cầm lên tay được

- Đúng thế! Đúng thế! Chính vì vậy mà trong phòng thí nghiệm, chúng tôi đã chế tạo một hợp chất trong suốt và cực bền rồi dùng nó phủ lên bề mặt bóng nhẵn như gương của những phiến vật liệu này.

- À ra thế! - Đum-sép tươi tỉnh hẳn lên.

- Bác nhìn xem! Đây là những con số ghi chiều dài bước sóng ánh sáng và độ dày của màng mỏng phủ ngoài vật liệu. Và trên mỗi phiến vật liệu đều có in một chữ "Đ", tức là Đum-sép. Chúng tôi đã lấy tên bác để gọi loại vật liệu này

- Đừng đùa tôi như vậy! Đum-sép đã lạc hậu rồi. Đừng chế nhạo tôi nữa! - Đum-sép quay ngoắt vào tường.

- Lại thế nữa?! - Can-ga-nốp cười hồn hậu. - Bác trông đây này...

Nói rồi, Can-ga-nốp mở gói.

Những tia sáng đủ màu ánh lên, tắt đi rồi lại ánh lên. Đum-sép nhìn không chớp mắt. Đột nhiên, như sực tỉnh và nhớ ra điều gì, ông cầm lấy những phiến vật liệu màu sắp đi sắp lại, cái nọ bên cái kia. Các tia màu đan vào nhau tỏa khắp gian phòng. <https://thuvien sach.vn>

Tôi nhìn Can-ga-nốp. Ông khéo léo và kiên nhẫn giúp đỡ Đum-sép. Người trợ lý gỡ những phiền vật liệu ra và đọc lên những con số gì đó.

Can-ga-nốp vừa lắng nghe, vừa theo dõi đôi tay của Đum-sép và ngắm nhìn các màu sắc.

– Thế! Thế! Đúng rồi... - Can-ga-nốp vui vẻ nói. - Còn chỗ này phải xếp lại. Đây! Thế này! Bác xem...

Can-ga-nốp bình tĩnh, thận trọng và nhẹ nhàng giúp Đum-sép như giúp một em nhỏ chơi trò xếp hình vậy.

Gần đầu đó có tiếng cửa sập lại. Trong phòng hình như yên tĩnh hơn.

Mấy đốm nắng chập chờn trên tường đôi khi bắt gặp và đan vào những màu sắc mới, bất ngờ nhất.

Trong sự im lặng ấy có tiếng nhà vật lý và người giúp việc khẽ trao đổi với nhau.

Khi hai người ngừng lời thì sự im lặng lại trở nên căng thẳng hơn.

Ngoài kia, dưới bãi cỏ, tiếng dế kêu bắt đầu to hơn, chú thằn lằn phơi cái lưng vàng nâu có điểm những chấm đen ra nắng rồi trườn đi, biến vào đám cỏ.

Một làn gió nhẹ bỗng lay động tấm rèm. Mùi cỏ ướt dịu dàng lan khắp phòng, mơn man mặt chúng tôi. Trong giây phút ấy, sự im lặng bị phá vỡ.

Đum-sép bỗng nhồm dậy. Ông nhìn chúng tôi mỉm cười sung sướng rồi reo lên:

– Đó! Đó! Các bạn nhìn xem! Nhìn xem!

Trước mắt chúng tôi, các màu sắc bùng lên, quện lấy nhau một cách hài hòa, đúng như ở xứ Cỏ Rậm.

Được Can-ga-nốp giúp đỡ, Đum-sép đã dùng những mẫu vật liệu vừa mang đến để tạo nên một kết hợp sinh động của các sắc màu, chẳng khác gì bờ rào nhà ông trước đây ghép bằng cánh bướm.

– Đó! Đó! - Đum-sép nhắc lại. Mắt ông long lanh nhìn chúng tôi.

Nhà vật lý chăm chú nhìn hồi lâu, tính toán rồi đọc cho anh trợ lý ghi chép những con số.

Những màu sắc rực rỡ tỏa ra, tô điểm cho căn phòng bệnh viện. Chúng bùng lên, hòa với nhau, không thể tách rời nhau được nữa. Những màu sắc e lệ, rụt rè được chuyển thành những màu mạnh mẽ, hoạt bát, nhưng màu buồn buồn xuất hiện trong nháy mắt để biến thành những màu sôi nổi, trang trọng và uy nghiêm.

Trong không gian yên tĩnh dâng lên nhạc điệu của ánh sáng, vang lên bản giao hưởng hùng tráng và huy hoàng, tươi vui và kiêu hãnh của các sắc màu.



[2] *Rô-bin-xơn Cru-xô* - nhân vật chính trong tiểu thuyết nổi tiếng cùng tên của nhà văn Anh là Đa-ni-en Đi-phô (1660-1731).

[3] Ê-rô-xten - nhà toán học, thiên văn học, địa lý học, triết học cổ Hy Lạp. Sinh năm 276 trước Công nguyên.

[4] Xtát - đơn vị đo lường cổ Hy Lạp.

[5] Véc-xta - đơn vị đo lường Nga, bằng 1.06 km.

[6] Tên gọi một nhân vật trong cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Bá tước Mông-tê Cri-xtô” (1845 - 1846) của nhà văn Pháp A. Đuy-ma bố (1802 - 1870)

[7] Lô-mô-nô-xốp M. (1711 - 1765) - nhà bác học nổi tiếng vào thế kỷ XVIII.

[8] Tên gọi nước Hà Lan từ năm 1795 đến năm 1806.

[9] Pê-téc-bua - ngày nay là Lê-nin-gát.

^[10] Tên một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp đã chạy trốn bằng đôi cánh gắn xi. Vì đến quá gần mặt trời quá, xi chảy ra nên I-ca-rơ bị rơi xuống biển.

[11] Pu-skin A. (1799-1837) - nhà thơ Nga vĩ đại.

[12] *Lô-ba-sép-xki N.* (1792 -1856) - nhà toán học Nga nổi tiếng.

[13] *Chút-sép Ph.* (1803- 1873) - nhà thơ Nga.

^[14] *Xi-ôn-cốp-xki C.* (1857-1935) - nhà bác học Xô-viết, nhà sáng lập lý thuyết cuộc du hành giữa các hành tinh, tác giả những phát minh lớn nhất trong kỹ thuật tên lửa.

[15] Bài thơ “Buổi chiều mùa đông” (1825) của A. Pu-skin.

[16] Xa-mô-va - ấm có bộ phận đun nóng gắn liền ở dưới.

[17] *Đác-uyn S.* (1809 - 1882) - nhà vật học và sinh lý học người Anh nổi tiếng.

[18] *Pha-bơ* (1823-1915) - nhà côn trùng học người Pháp.

[19] *Đích-ken* S. (1812-1870) - nhà văn Anh.

[20] *A-ri-xtốt* (384-322 trước Công nguyên) - nhà triết học Hy Lạp.

[21] Cô-lông Cri-xtốp - nhà thám hiểm nổi tiếng, sinh ở I-ta-li-a, đã tìm thấy châu Mỹ năm 1492.

[22] *Tu-ên M.* (1835-1910) - nhà văn châm biếm Mỹ.

[23] *Bê-lin-xki V.* (1811 - 1848), *Đô-brô-lu-bốp N.* (1836- 1861), *Tréc-nư-sép-xki N.* (1828-1889) - ba nhà phê bình văn học và nhà chính luận Nga nổi tiếng.

[24] *Blốc A.* (1880-1921) - nhà thơ Nga nổi tiếng.

[25] *Huy-gô V.* (1802-1885) - nhà văn Pháp nổi tiếng.

[26] *Ca-ra-tu-ghin P.* (1805-1879) nhà soạn kịch, nghệ sĩ Nga.

[27] Tên nhân vật chính trong tác phẩm cùng tên nổi tiếng của A. Pu-skin.

[28] Rô-mê-ô nhân vật chính trong vở kịch nổi tiếng “Rô-mê-ô và Giu-li-ét-ta” của nhà văn Anh là U. Sếch-xpi-a (1564-1616).

[29] Sát-xki - nhân vật chính trong vở kịch “Khổ vì trí tuệ” của nhà văn Nga là A. Gri-bô-ê-đốp (1795 -1829).

[30] *Tôn-xtôi L.* (1828-1910) nhà văn Nga nổi tiếng.

^[31] Li-đi-a một nước vùng Tiểu Á bị người Ba Tư đánh tan vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên.

^[32] *An-ni-ban* (247-183 trước Công nguyên) viên tướng nổi danh về tài chỉ huy chiến đấu của quân Các-ta-giơ.

[33] *Ang-toan Mác* (năm 83-30 trước Công nguyên) đại tướng La Mã.

[34] Kiến sư tử, tên khoa học là *Myrmeleon formicarius*.

[35] Thời kỳ cuối cùng, thời kỳ thứ sáu Đại cổ sinh trong lịch sử Trái đất được gọi là *thời kỳ Péc-mơ* bởi vì được nhận thấy trong khi nghiên cứu địa chất ở tỉnh Péc-mơ.

^[36] Đọc “Hai vạn dặm dưới biển” của Giuyn Véc-nơ. Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội, 1975.

[37] Phi-ni-kia, một quốc gia cổ ở Cận Đông.

^[38] Bộ lạc ở miền bắc Đức, thường ăn cướp và xâm lược các nước châu Âu vào thế kỷ VIII - XI.

[39] Hoàng đế cổ Ai Cập.

[40] Xem cuốn truyện “Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xao-ơ” của Mac Tu-ên.

[41] Bài thơ “Buổi chiều mùa đông” (1825) của A. Pu-skin.

[42] Bài thơ “Buổi chiều mùa đông” (1825) của A. Pu-skin.

[43] Bài thơ “Buổi chiều mùa đông” (1825) của A. Pu-skin.

[44] Vở nhạc kịch của nhạc sĩ Nga A. Đác-gơ-mư-giơ-xki (1813 - 1869), được soạn vào năm 1855 theo đề tài của bài trường ca cùng một tên của A. Puskin.

[45] *Mi-chu-rin I.* (1855-1935) - nhà sinh vật học Xô-viết.

[46] *Sóng Rơn-ghen* được nhà vật lý Đức V. Rơn-ghen (1845 - 1923) phát hiện ra vào năm 1895.

^[47] *Niu-tơn I.* (1642-1727) nhà vật lý học, nhà cơ học, nhà thiên văn học, nhà toán học, người Anh vĩ đại.

[48] *Páp-lốp I.* (1849-1936) - nhà sinh lý học Xô-viết.